

ĐẠI TẠNG KINH
VIỆT NAM

KINH
TRUNG A-HÀM



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**KINH
TRUNG A-HÀM**

TẬP III

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
Ấn hành 1992

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH
của
HỘI ĐỒNG PHIÊN DỊCH và ẤN HÀNH
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM

1. *Hòa thượng* THÍCH ĐỨC NHUẬN
2. *Hòa thượng* THÍCH ĐÔN HẬU
3. *Hòa thượng* THÍCH TRÍ TỊNH
4. *Hòa thượng* THÍCH MẬT HIỂN
5. *Hòa thượng* THÍCH HUỆ THÀNH
6. *Hòa thượng* THÍCH GIÁC NHU
7. *Hòa thượng* KIM CUONG TỬ
8. *Hòa thượng* THÍCH TÂM THÔNG
9. *Hòa thượng* THÍCH SIÊU VIỆT
10. *Hòa thượng* MAHÀ SARAY
11. *Hòa thượng* THÍCH TRÍ NGHIÊM

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO
PHIÊN DỊCH và ẤN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

- Phó chủ tịch : *Hòa thượng* THÍCH THIÊN SIÊU
- Phó chủ tịch : *Hòa thượng* KIM CUONG TỬ
- Phó chủ tịch : *Hòa thượng* THÍCH THANH KIỂM
- Phó chủ tịch : *Thượng tọa* THÍCH THANH TỪ
- Phó chủ tịch : *Thượng tọa* THÍCH THIÊN CHÂU

Trưởng ban Thư ký:

Thượng tọa THÍCH CHON THIÊN

Trưởng ban Tài chánh:

Thượng tọa THÍCH GIÁC TOÀN

Trưởng ban In ấn và Phát hành:

Cư sĩ VÔ ĐÌNH CƯỜNG

Trưởng ban Từ vựng Phật học:

Cư sĩ MINH CHI

Bản dịch từ Phạn ra Hán:

ĐỜI ĐÔNG TẤN NGÀI TAM TẠNG CÙ-ĐÀM
TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ, NƯỚC KẾ TÂN
ĐẠO TỔ chấp bút

Bản dịch từ Hán ra Việt:

VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC NHÀ TRẠNG

Hiệu đính bản Việt dịch:

Hòa thượng THÍCH THIÊN SIÊU

TỤNG NIỆM

(một ngày)

- | | |
|--------------------|---------|
| XI. PHẨM ĐẠI | 25 kinh |
| XII. PHẨM PHẠM CHÍ | 10 kinh |

XI. PHẨM ĐẠI

- 117. * Kinh Nhu Nhuận
- 118. Kinh Long Tượng
- 119. Kinh Thuyết Xứ
- 120. Kinh Thuyết Vô Thường
- 121. Kinh Thịnh Thịnh
- 122. Kinh Chiêm-ba
- 123. Kinh Sa-môn Nhị Thập Úc
- 124. Kinh Bát Nạn
- 125. Kinh Bản Cùng
- 126. Kinh Hành Dục
- 127. Kinh Phước Điền
- 128. Kinh Ưu-bà-tắc
- 129. Kinh Oán Gia
- 130. Kinh Giáo Đàm-di
- 131. Kinh Hàng Ma
- 132. Kinh Lại-tra-hòa-la
- 133. Kinh Ưu-ba-ly
- 134. Kinh Thích Vấn
- 135. Kinh Thiện Sanh
- 136. Kinh Thương Nhon Câu Tài
- 137. Kinh Thế Gian
- 138. Kinh Phước
- 139. Kinh Túc Chỉ Đạo
- 140. Kinh Chí Biên
- 141. Kinh Dụ

* Theo đề nghị của Chư Tôn túc hàng Giáo phẩm. Chúng tôi xin đánh số thứ tự Kinh theo đúng như bản Hán tạng chứ không theo từng chương như trước. Xin cáo lỗi cùng chư độc giả.

117. KINH NHU NHUYẾN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Chính Ta ngày trước ra đi xuất gia học đạo là ra đi từ chỗ ưu du, từ chỗ thung dung nhàn nhã, từ đời sống cực kỳ êm dịu. Khi Ta còn ở nhà, phụ vương Duyệt-đầu-đàn tạo cho Ta đủ thứ cung điện: cung điện mùa xuân, cung điện mùa hạ và cung điện mùa đông.

Bởi Ta thích du ngoạn nên cách cung điện không xa, Người lại tạo không biết bao nhiêu là ao hoa: ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen

đỏ, ao hoa sen trắng. Trong các ao đó, trồng đủ các loại hoa: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Nước luôn luôn đầy, hoa luôn luôn trổ, mà những người sai dịch chăm sóc không thông suốt hết được.

Bởi Ta thích du ngoạn, nên trên bờ ao trồng các loại lục hoa: hoa tu-ma-na, hoa bà-su, hoa chiêm-bạc, hoa tu-kiên-đê, hoa ma-đầu-kiên-đê, hoa a-đê-muru-đa, hoa ba-la-đầu.

Bởi Ta thích du ngoạn nên Người sai bốn người tắm rửa cho Ta. Tắm rửa cho Ta rồi, lại xoa hương xích-chiên-dàn vào khắp thân Ta. Xoa hương vào thân Ta rồi, lại khoác vào mình Ta chiếc áo lụa thật quý; trên dưới trong ngoài, đều mới mẻ. Suốt cả ngày đêm, luôn luôn có người cầm lọng trắng che cho Ta, không để Ta đêm phải nhiễm sương, ngày bị nắng húp. Như các Thầy thường được ăn cơm bằng gạo trắng thô, canh đậu, rau, gừng, và cho là đồ ăn bậc nhất, nhưng người sai dịch thấp nhất của phụ vương Duyệt-đầu-dàn của Ta lại cho như vậy là rất dở, chỉ ăn nếp trắng và hào soạn mới cho là đồ ăn bậc nhất.

Lại nữa, nếu có cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như dê-đế-la-hòa-tra, kiếp-tân-

xà-la, hê-mễ-hà, lê-nê-xa-thi-la-mễ. Các loại cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như vậy, Ta thường được ăn.

Ta nhớ khi xưa lúc còn ở với phụ vương Duyệt-dầu-dàn suốt bốn tháng hạ, mỗi khi lên trên chánh điện đều không có nam nhân, chỉ toàn là kỹ nữ để cùng vui chơi, không hề trở xuống.

Rồi khi Ta muốn đến viên quán, thì liền có ba mươi danh kỵ thượng thặng được tuyển chọn, với những hàng thuẫn lớn đi dẫn đường hộ tống trước sau, không kể những tiểu tiết khác. Ta có những điều êm dịu, đầy đủ, vừa ý như vậy.

Ta còn nhớ khi xưa lúc Ta thăm ruộng, người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đến dưới gốc cây diêm-phù ngời kiết-già, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc được Thiên thứ nhất, thành tựu và an trụ. Ta nghĩ rằng: “Phàm phu ngu si, không đa văn, tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích mà không tự quán sát mình.” Rồi Ta lại nghĩ: “Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích,

Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này.” Quán sát như vậy rồi, thì tâm cống cao phát khởi do không có tật bệnh liên tục tiêu diệt. Ta lại nghĩ rằng: “Phàm phu ngu si, không đa văn, tự có sự già, không thoát khỏi sự già, nhưng thấy người già cả thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích mà không tự quán sát mình.” Rồi Ta lại nghĩ: “Ta tự có sự già, không thoát khỏi sự già, nếu Ta thấy người già mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này.” Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do chưa đến tuổi già, liền tự tiêu diệt.

Phàm phu ngu si, không đa văn vì chưa bị tật bệnh nên tự cao, tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập Phạm hạnh. Phàm phu ngu si, không đa văn vì còn trẻ trung nên tự cao, tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập Phạm hạnh. Phàm phu ngu si, không đa văn vì còn thọ mạng nên tự cao, tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập Phạm hạnh.

Khi ấy đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Tuổi già, tật bệnh,

Và sự tử vong,

Là pháp có sẵn,
Người ngu khinh nhòn.
Nếu ta miệt thị,
Tưởng mình không vương;
Ta chẳng nên vậy,
Vì ta cũng có.
Ai hành như thế,
Biết pháp ly sanh.
Không bệnh, còn trẻ,
Cho thọ, kiêu căng,
Đoạn trừ kiêu ngạo,
Vô dục bình an.
Ai hiểu như vậy,
Nơi dục sợ gì;
Được vô hữu tướng,
Tịnh hạnh thanh tu.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi
nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

118. KINH LONG TUỘNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở đông viên giảng đường Lộc Tử Mẫu.

Bảy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

— Ô-dà-di, Ta và Thấy hãy đi đến con sông phía Đông để tắm.

Tôn giả Ô-dà-di nói:

— Thưa vâng.

Khi ấy, đức Thế Tôn cùng với Tôn giả Ô-dà-di đi đến con sông phía Đông, cỡi bò y phục để trên

bờ sông rồi xuống nước tắm, tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc có một con voi chúa tên là Niệm, đang lội ngang qua con sông phía Đông với tất cả các loại kỹ nhạc được tấu lên. Dân chúng trông thấy nói rằng: “Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vậy ?”

Tôn giả Ô-đà-di chấp tay hướng về đức Phật bạch rằng:

— Bạch Thế Tôn, con voi thân hình to lớn, cho nên dân chúng trông thấy, nói rằng: “Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vậy ?”

Đức Thế Tôn nói:

— Đúng vậy Ô-đà-di, đúng vậy Ô-đà-di. Con voi có thân hình to lớn, nên dân chúng trông thấy, nói rằng: “Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vậy ?”

Này Ô-đà-di, ngựa, lạc đà, trâu, lừa, rắn, người, cây cối nếu có thân hình to lớn. Này Ô-đà-di, dân chúng trông thấy cũng nói rằng: “Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vậy ?”

Ô-đà-di, nếu Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) từ Người cho đến Trời ở trên đời này mà không bị tai hại vì thân, miệng, ý, Ta nói vị ấy chính là rỗng. Ô-đà-di, Như Lai đối với Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) từ Người cho đến Trời ở trên đời này, đều không dùng thân, miệng, ý để làm hại, cho nên Ta được gọi là rỗng.

Khi ấy Tôn giả Ô-đà-di chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, mong đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực ! Mong đức Thiện Thệ gia trì con thêm uy lực để con được ở trước Phật, dùng bài tụng như ca ngợi loài rỗng mà tán thán đức Thế Tôn !

Đức Thế Tôn nói:

— Tùy ý Thầy.

Khi ấy, Tôn giả Ô-đà-di ở trước đức Phật, dùng bài tụng như ca ngợi rỗng, tán thán đức Thế Tôn rằng:

*Chánh Giác sanh nhân gian,
Tự tu, thành chánh định,
Phạm hạnh bước vững vàng,
Bình an, tâm ý tĩnh.*

Nhân loại đều xung tôn,
Vượt ngoài tất cả pháp,
Quy ngưỡng cho thiên thân,
Chỉ chơn, bậc Vô Trước.
Từ rừng bỏ rừng đi,
Vượt khỏi toàn kiết sử,
Lìa dục vui vô dục,
Như đá xuất vàng ròng,
Vang lừng danh Chánh Giác,
Như mặt trời trên không,
Tối thượng giữa loài rồng,
Núi cao giữa các núi,
Xung gọi là Đại Long
Tuyệt đối không nào hại,
Rồng thiên giữa loài rồng.
Chắc thật, rồng tối thượng.
Ôn nhuần và vô hại
Hai chân rồng là đây:
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là bước của rồng qua,
Tín là tay của rồng,
Hai công đức là ngà,
Huệ đầu và niệm cổ,
Tư duy, phân biệt pháp,
Bụng lớn, muôn pháp chứa,

Độc cư: đôi cánh tay.
Khéo tu quán hơi thở,
Nội tĩnh, tâm tĩnh chuyên,
Đi hay trụ đều định,
Nằm Thiền, tọa cũng Thiền.
Định ý, hằng định ý,
Là pháp thường của rồng,
Thọ thực nhà không ướ,
Chỗ ướ thì không thọ.
Gặp đồ ăn bất tịnh,
Quay đi như sư tử,
Sở đắc những cúng dường,
Từ tâm nên nạp thọ,
Rông ăn do tín thí,
Vừa đủ, không đắm say;
Đoạn trừ mọi kiết sử,
Giải thoát mọi buộc trói,
Tâm không, không trói buộc,
Vạn nẻo, bước du hành;
Giống như loài sen trắng,
Nước sanh, nước trưởng thành;
Bùn lầy không nhiễm trước,
Tuyệt sắc, hương ngào ngạt;
Sanh hành trong thế gian,
Cũng vậy, tối thượng giác.

*Không bị dục nhiễm trước,
Như hoa không nhiễm nước.
Ví như ngọn lửa hừng,
Bớt củi, ngọn tắt dần,
Củi hết, lửa không bén,
Như vậy, lửa diệt tàn.
Kẻ trí nói dụ này,
Nghĩa ấy, mong thấu triệt,
Là điều rộng biết rõ,
Rộng nói giữa loài rộng.
Triệt đoạn dâm dục, sân,
Trừ si, vô lậu tịnh,
Rộng xả bỏ hậu thân,
Đó là rộng diệt tận.*

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

119. KINH THUYẾT XÚ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Ở đây, có ba thuyết xú chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó mà nói rằng: “Ta thấy, nghe, hiểu, biết.” Tỳ-kheo cứ nội mà nói rằng: “Đây là điều ta biết.”

Những gì là ba ? Tỳ-kheo nhân vấn đề quá khứ mà nói như vậy: “Trong thời quá khứ có.” Tỳ-kheo nhân vấn đề vị lai mà nói như vậy: “Trong thời vị lai có.” Tỳ-kheo nhân vấn đề hiện tại mà nói như vậy: “Trong thời hiện tại có.” Đó gọi là ba

thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó mà nói mãi rằng: “Ta thấy, nghe, hiểu, biết.” Tỳ-kheo nói mà nói rằng: “Đây là điều biết.” Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

Hiên Thánh đệ tử với hai tai nhất tâm nghe pháp. Vị ấy sau khi với hai tai nhất tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp. Vị ấy sau khi đã đoạn được một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp rồi, liền được chánh định. Hiên Thánh đệ tử sau khi đã được chánh định, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiên Thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Do điều được nói đó nên có bốn trường hợp để quan sát người. Ở đây, Hiên giả có thể cùng người luận thuyết hoặc không thể cùng người luận thuyết. Nếu ở đây, Hiên giả nầy với xác quyết vấn mà không xác quyết đáp, với phân biệt vấn mà không phân biệt đáp, với phản luận vấn mà không phản luận đáp, với xả trí vấn mà không xả trí đáp. Như

vậy, ở đây Hiền giả ấy không thể luận thuyết cùng người, cũng không thể luận giải với người. Nếu ở đây, với xác quyết vấn thì xác quyết đáp, với phân biệt vấn thì phân biệt đáp, với phản luận vấn thì phản luận đáp, với xả trí vấn thì xả trí đáp. Như vậy, ở đây Hiền giả ấy có thể luận thuyết cùng người, có thể luận giải với người.

Lại nữa, do điều được nói nên có bốn trường hợp để quan sát người. Ở đây, Hiền giả có thể cùng người luận thuyết hoặc không thể cùng người luận thuyết. Nếu ở đây, Hiền giả ấy không an trụ trên xứ phi xứ, không an trụ trên sở tri, không an trụ trên thuyết dụ, không an trụ trên đạo tích. Như vậy thì ở đây, Hiền giả ấy không thể luận thuyết cùng người, cũng không thể luận giải với người. Nếu ở đây, Hiền giả an trụ trên xứ phi xứ, an trụ trên sở tri, an trụ trên thuyết dụ, an trụ trên đạo tích. Như vậy thì ở đây, Hiền giả ấy có thể cùng người luận thuyết, cũng có thể luận giải với người.

Do điều được nói, với lời nói trầm tĩnh, xả bỏ sở kiến của mình, xả bỏ ý kết oán, xả bỏ tham dục, xả bỏ sân nhuế, xả bỏ si ám, xả bỏ kiêu mạn, xả bỏ phú tàng, xả bỏ tật đố, không háo thắng, không ép người, không chấp chặt khuyết điểm, nói nghĩa, nói pháp. Sau khi nói nghĩa, nói pháp, khuyến khích,

liên tục khuyến khích sự tỉnh chỉ, tự mình hoan hỷ, khiến người cùng hoan hỷ. Như vậy, đó là lời nói hợp nghĩa, như vậy, đó là lời nói hợp sự. Đó là Thánh thuyết nghĩa, đó là Thánh thuyết sự đã cứu cánh tận diệt hết lậu.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Nếu tranh cãi, luận nghị,
Ý tạp, lòng cống cao;
Phi Thánh, hủy báng đức,
Mong cầu khuyết điểm nhau,
Khai thác lỗi bất cần,
Ý muốn khuất phục người;
Khăng khăng cầu cho hơn,
Thánh không nói như vậy.
Nếu mong thành luận nghị,
Người trí biết tùy thời,
Có pháp và có nghĩa,
Chư thánh luận như vậy.
Người trí nói như vậy,
Không cãi, không cống cao,
Ý không biết nhàm đủ,
Không lậu, không oán thù.
Tùy thuận, không điên đảo,
Nói lời hợp chánh tri,*

*Khéo nói thì có thể
Trợn không lời xấu xa,
Không luận vì luận tranh,
Không chịu người thách đố;
Biết xứ và thuyết xứ,
Là điều được luận bàn.
Đây là lời Thánh nhơn,
Người trí, hai mục đích:
Cho đời này bình an,
Cho đời sau khoái lạc,
Nên biết người thông đạt,
Thuyết phi đảo, phi thường.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Thọ cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Tưởng cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Hành cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Thức cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Như vậy là sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Đa văn Thánh đệ tử hãy nên quán sát như vậy. Hãy tu tập

ba mươi bảy đạo phẩm, vô ngại, chánh tư, chánh niệm. Vị ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, thì tâm giải thoát dục lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi, liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Nếu ở giữa chúng sanh và trong chín cảnh vực của chúng sanh, cho đến hữu tưởng, vô tưởng xứ, mà hành còn tàn dư, đây là sự hữu bậc nhất; ở trong các loại chúng sanh ấy, đây là bậc đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu, đây chính là vị A-la-hán ở đời này. Vì sao vậy ? Vì trên đời này, A-la-hán đã được an ổn, an lạc.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Vô trước, đệ nhất lạc,
Đoạn dục, ái đã trừ,
Vĩnh viễn là ngã mạn,
Bức tung màn lưới si.
Người không bị lay chuyển,
Tâm chẳng bận mấy trần,
Thế gian không đắm nhiễm,
Vô lậu, Phạm hạnh thành.
Thấu triệt năm ấm thân,
Cảnh giới bảy thiện xứ,*

Cõi đại hùng du hành.
Lìa xa mọi khủng bố,
Thành tựu bát thất giác,
Học đủ ba môn học,
Thượng bằng hữu tôn xưng
Chân chánh đệ tử Phật.
Thành tựu mười chi đạo
Đại long định kiên cố,
Đáng bậc nhất trong đời,
Vị này không hữu ái.
Vạn cảnh không lay chuyển,
Giải thoát hữu tương lai,
Đoạn sanh, lão, bệnh, tử,
Lậu diệt, việc làm xong.
Phát khởi vô học trí,
Tận cùng tối hậu thân,
Tối thắng thanh tịnh hạnh,
Tâm không do bởi người,
Đối các phương trên dưới,
Vị ấy không hỷ lạc,
Thường rống tiếng sư tử,
Rằng: “Ta vô thượng giác.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi
nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

121. KINH THỈNH THỈNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị đồng an cư mùa mưa.

Bảy giờ, vào ngày mười lăm trong tháng là ngày đức Thế Tôn sẽ nói Biệt giải thoát, vào giờ tứ. Ngài đến trước chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo:

— Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô thượng Y vương. Nay đây, Ta thọ thân này là thân tối hậu. Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô thượng Y vương. Nay đây, Ta thọ thân này là

thân tối hậu. Các Thầy là con chơn chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ Pháp. Các Thầy là con chơn chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các Thầy hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang hiện diện trong chúng. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

— Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn vừa nói: “Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô thượng Y vương. Nay đây, Ta thọ thân này là thân tối hậu. Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô thượng Y vương. Nay đây, Ta thọ thân này là thân tối hậu. Các Thầy là con chơn chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ Pháp. Các Thầy là con chơn chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các Thầy hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau.” Bạch Thế Tôn, đối với những ai chưa điều ngự, Thế Tôn khiến cho điều ngự; những ai chưa tịch tịnh, khiến cho tịch tịnh; những ai chưa độ thoát, khiến cho độ thoát, những ai chưa giải thoát khiến cho giải thoát; những ai chưa tịch diệt khiến cho tịch diệt; chưa đắc đạo, khiến cho đắc đạo; chưa thi thiết Phạm hạnh, khiến cho thi thiết Phạm hạnh. Thế

Tôn là bậc Tri đạo, Giác đạo, Thức đạo, Thuyết đạo. Đệ tử của Thế Tôn sau đó được đắc Pháp, lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách. Sau khi lãnh thọ khuyến giáo, khiển trách, sẽ vâng theo lời dạy của Thế Tôn mà nhất hướng tu hành, được tự tại như ý, khéo biết Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì con đối với thân, khẩu, ý hành chăng ?

Khi ấy Thế Tôn dạy:

— Nay Xá-lợi-phất, Ta không phiền gì đối với thân, khẩu, ý hành của Thầy cả. Vì sao vậy ? Nay Xá-lợi-phất, Thầy là bậc thông tuệ, đại tuệ, tối tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thân tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ. Nay Xá-lợi-phất, Thầy đã thành tựu thật tuệ. Nay Xá-lợi-phất, ví như vua Chuyển luân vương có vị thái tử, không trái phạm lời khuyên dạy, bái lãnh sự truyền thừa của phụ vương và sau này cũng có thể truyền thừa lại; cũng vậy, nay Xá-lợi-phất, Ta chuyển vận pháp luân, Thầy cũng có thể chuyển vận pháp luân. Nay Xá-lợi-phất, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của Thầy.

Tôn giả Xá-lợi-phất chấp tay hướng về Thế Tôn và thưa:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con. Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn có phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Xá-lợi-phất, Ta cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo này. Vì sao vậy ? Nay Xá-lợi-phất, năm trăm thầy Tỳ-kheo này đều đã chứng đắc vô trước, dứt trừ các lậu, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kiết đã tận, và đã đạt được thiện nghĩa, chánh trí, chánh giải thoát, chỉ trừ một thầy Tỳ-kheo mà trước kia Ta đã thọ ký cho rằng ngay trong đời này sẽ chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Nay Xá-lợi-phất, vì vậy, nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo này.

Tôn giả Xá-lợi-phất, lần thứ ba lại chấp tay hướng về Thế Tôn và thưa:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con, và cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-

kheo này. Như vậy, bạch Thế Tôn, trong số năm trăm thầy Tỳ-kheo này, bao nhiêu thầy đã chứng đắc Tam minh đạt, bao nhiêu thầy đã chứng đắc Câu giải thoát, bao nhiêu thầy đã chứng đắc Tuệ giải thoát ?

Thế Tôn dạy:

— Nay Xá-lợi-phất, trong số năm trăm thầy Tỳ-kheo này, chín mươi thầy đã chứng đắc Tam minh đạt, chín mươi thầy Tỳ-kheo đã chứng đắc Câu giải thoát, còn các thầy Tỳ-kheo kia đều chứng đắc Tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất, trong chúng này không có nhánh, không có lá cũng không có đốt, mà chỉ có lõi chắc thật, thanh tịnh, đều đã chon chánh trụ vị.

Bấy giờ, Tôn giả Bàn-già-xá cũng có mặt ở trong chúng. Khi ấy, Tôn giả Bàn-già-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Thế Tôn và thưa:

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực ! Mong đức Thiện Thệ gia trì cho con thêm uy lực ! Để con được ở trước Phật và chúng Tỳ-kheo với sự tương ưng như nghĩa mà làm bài tụng tán thán.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Bàng-kỳ-xá, Thầy cứ tùy ý.

Khi ấy Tôn giả Bàng-kỳ-xá ở trước đức Phật và chúng Tỳ-kheo với sự tương ưng như nghĩa mà làm bài tụng tán thán như vậy:

*Hôm nay ngày rằm tứ,
Hội tọa Tăng chúng năm trăm,
Đoạn tận buộc ràng, kiết sử,
Tiên nhơn vô ngại, vô sanh.*

*Thanh tịnh ngời quang minh,
Giải thoát tất cả hữu,
Dứt sanh, lão, bệnh, tử,
Lậu diệt, việc làm xong.*

*Điều hối và nghi kết,
Mạng, hữu lậu đã trừ,
Nhỏ tuyệt gai ái kết,
Thành Vô thượng Y sư.*

*Dũng mãnh như sư tử,
Khủng bố đã dứt trừ,
Đã vượt sự sanh tử,
Diệt tận lậu, vô dư.*

*Ví như Chuyển luân vương,
Quân thần vây chung quanh,*

*Thống lãnh toàn cõi đất,
Suốt đại dương vô cùng.*

*Đấng đại hùng tối thắng,
Bậc Thượng chủ, Thượng tôn,
Đệ tử hằng cung kính,
Tam minh, ngoài tử sanh.*

*Tất cả là Phật tử,
Cành, lá gọt tĩa xong,
Chuyển Pháp luân Vô thượng,
Kính lạy đấng Thế Tôn.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi
nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

122. KINH CHIÊM-BA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Chiêm-ba, ở bên bờ hồ Hằng-già.

Bấy giờ vào ngày mười lăm trong tháng, là ngày đức Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới. Ngài trải tọa cụ ngồi trước đại chúng. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quán sát tâm đại chúng. Quán sát tâm đại chúng rồi, Ngài ngồi im lặng cho đến hết buổi đầu hôm.

Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, chấp tay hướng về đức Phật và thưa:

— Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, đức

Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Khi ấy, đức Thế Tôn im lặng không trả lời. Thế rồi cho đến nửa đêm, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thấy Tỳ-kheo ấy lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về đức Phật và thưa:

— Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm sắp hết, đức Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Đức Thế Tôn lại im lặng không trả lời. Và mãi đến lúc cuối đêm, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thấy Tỳ-kheo ấy, lần thứ ba, lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về đức Phật và thưa:

— Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm đã hết và buổi cuối đêm cũng sắp chấm dứt, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo thầy Tỳ-kheo ấy:

— Ở trong chúng đây có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiên-liên cũng có ở

trong chúng này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: “Đức Thế Tôn định chỉ thấy Tỳ-kheo nào mà nói rằng: “Ở trong chúng đây có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.” ? Ta hãy nhập Như kỳ tượng định và bằng Tha tâm trí trong Như kỳ tượng định mà quán sát tâm đại chúng.”

Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập Như kỳ tượng định và bằng Tha tâm trí trong Như kỳ tượng định mà quán sát tâm đại chúng. Tôn giả Đại-mục-kiền-liên biết thấy Tỳ-kheo nào ở trong chúng đây đã làm việc bất tịnh mà đức Thế Tôn vừa nói. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền xuất định, đến trước thầy Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lòi ra bên ngoài và nói: “Này Người ngu si ! Hãy đi ra, đừng đứng ở đây, đừng trở lại hội họp cùng chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi Ông không phải là Tỳ-kheo nữa.” Tôn giả đóng cửa, cài then, rồi quay về chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, ngồi sang một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, Ngài nói: “Ở trong chúng đây có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh,” con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm đã hết, và buổi cuối đêm sắp chấm dứt, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, đức Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngôi đây đã quá lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới !

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si kia sẽ mắc đại tội vì đã xúc nhiễu Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà nói Biệt giải thoát giới, thì đầu người ấy sẽ bị vỡ làm bảy phần. Vì vậy, nay Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau, các Thầy hãy tự nói Biệt giải thoát giới, Như Lai sẽ không nói Biệt giải thoát giới nữa. Vì sao vậy ? Vì như vậy, nay Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt ranh rẽ khi vào ra, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung chúng chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ ràng tương tự như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: “Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự nhục nhã đối với Sa-môn, là đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn.” Sau khi các vị ấy biết rồi liền cùng nhau bỏ mặt người ấy. Vì sao vậy ? Vì các vị ấy không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

Nay Đại Mục-kiền-liên, ví như trong ruộng lúa dé, hoặc ruộng lúa tẻ đang tươi tốt của cư sĩ kia có

sanh loại cô tên là cô tề. Cô này có rễ, thân, đốt, lá và hoa thầy đều giống hệt như cây lúa tề. Nhưng sau đó kết hạt và người cư sĩ kia thấy được liền suy nghĩ: “Đây là sự ô nhục đối với lúa tề, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa tề.” Sau khi biết rồi cư sĩ liền nhổ quăng đi hết. Vì sao vậy ? Vì người ấy không muốn giống lúa tề đích thật bị ô nhiễm. Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt rành rẽ khi vào ra, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung, chúng chặc, khoác tăng-già-lê, cầm bát chĩnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tương tự như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ: “Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự nhục nhã đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn.” Sau khi biết rồi, các vị ấy liền cùng nhau bỏ mặc người ấy. Vì sao vậy ? Vì các vị ấy không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

Này Đại Mục-kiền-liên, ví như đến mùa thu người cư sĩ kia đem dên lúa. Từ trên cao, lúa được đổ từ từ xuống nếu là hạt lúa chắc thì nằm lại, còn lúa lép hay trấu thì theo gió bay đi. Sau đó người

cư sĩ kia liền cầm chổi quét dọn sạch sẽ. Vì sao vậy ? Vì người ấy không muốn hạt lúa dế chắc thật phải bị ô tạp. Cũng vậy, này Đại Mục-kiên-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt ranh rẽ khi vào ra, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung chứng chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ ràng tương tự như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Này Đại Mục-kiên-liên, nếu có các bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ: “Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự nhục nhã đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn.” Sau khi biết rồi, các vị ấy liền cùng nhau bỏ mặc người ấy. Vì sao vậy ? Vì các vị ấy không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

Này Đại Mục-kiên-liên, ví như người cư sĩ kia muốn có nước suối chảy đến nên làm máng dẫn nước. Người ấy cầm búa vào rừng, gõ vào thân các cây; nếu cây có lõi cứng thì tiếng phát ra nhỏ, còn cây rỗng ruột thì tiếng phát ra lớn. Sau khi biết rõ, người cư sĩ kia liền chặt cây ấy đem về làm máng dẫn nước. Cũng vậy, này Đại Mục-kiên-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt ranh rẽ khi vào ra, khi

co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung chứng chạc, khoác áo tăng-già-lê ngay ngắn, cầm bát chĩnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng tương tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ: “Đây là ô uế đối với Sa-môn, là nhục nhã đối với Sa-môn, là đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn.” Sau khi biết rồi, các vị ấy liền cùng nhau bỏ mặc người ấy. Vì sao vậy ? Vì các vị ấy không muốn các bậc Phạm hạnh bị nhiễm ô.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

*Các Thầy hãy nên biết,
Ác dục, tăng, tật nhuế,
Phú kết, và hận xan,
Tật đổ, siểm, khi cưỡng,
Trong chúng giả đạo đức,
Lén lút là Sa-môn,
Âm thầm làm việc ác;
Ác kiến, không thủ hộ,
Khi đối cùng nói láo,
Nên biết người như vậy,*

*Tập chúng, đừng cho vào,
Bỏ mặc chó đốm xía.
Họ dối trá, láo khoét,
Chưa ngộ nói đã ngộ,
Hãy biết thời, tự tu,
Lìa xa, bỏ mặc họ.
Hãy cùng người thanh tịnh,
Sống hòa hợp với nhau,
Như vậy sẽ an ổn,
Và tận cùng sự khổ.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi
nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ÚC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc, cũng du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, đầu đêm, cuối đêm học tập đạo phẩm tinh cần chuyên chú. Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc sống nơi yên tĩnh, cô độc, Thiên tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: “Nếu có đệ tử nào của đức Như Lai tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập phước nghiệp chăng ?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc, liền nói với một thầy Tỳ-kheo:

— Thầy hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập Úc về đây.

Thầy Tỳ-kheo ấy bạch:

— Thưa vâng.

Rời từ chỗ ngồi đứng dậy, thầy Tỳ-kheo ấy cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra đi, đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc và nói:

— Đức Thế Tôn cho gọi Thầy.

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc nghe thầy Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn dạy:

— Sa-môn, có phải vừa rồi Thầy ở nơi yên tĩnh, cô độc, thiên tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: “Nếu có đệ tử nào của đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh, thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập phước nghiệp chăng ?” hay không ?

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc then

thùng, xấu hổ, lòng đầy kinh sợ, biết đức Thế Tôn đã thấu hiểu tâm trạng của mình, liền chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, quả thật con có ý nghĩ như vậy.

Đức Thế Tôn dạy:

— Sa-môn, này Ta hỏi Thầy, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý thầy nghĩ sao, khi Thầy sống tại gia giới đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn, có phải vậy chăng ?

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc thưa

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Ý Thầy nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không ?

Sa-môn Nhị Thập Ưc thưa:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Ý Thầy nghĩ sao, nếu dây đàn chùn quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng ?

Sa-môn Nhị Thập Úc thưa:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Ý Thầy nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùn quá, thì tiếng hòa âm có đáng ưa không ?

Sa-môn Nhị Thập Úc thưa:

— Bạch Thế Tôn đáng ưa.

Đức Thế Tôn dạy:

— Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy, Thầy hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên phóng dật.

Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc sau khi nghe đức Phật dạy, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Tôn giả nầy lãnh thọ ví dụ đàn cầm do đức Phật dạy rồi, liền ở nơi xa vắng, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Tôn giả ở nơi xa vắng, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn để đạt đến mục đích mà một thiện nam tử, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, là

duy chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, sau khi đã chứng quả A-la-hán, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc nghĩ: “Nay đã đến thời, ta có nên đi đến chỗ đức Thế Tôn, trình bày về sự chứng quả cứu cánh trí của mình chăng ?” Rồi, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc vô sở trước, dứt trừ các lậu, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kiết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, biết rằng đã giải thoát thì tức khắc, vị ấy liền được hoan lạc với sáu điều: Hoan lạc với sự vô dục, hoan lạc với sự viễn ly, hoan lạc với sự vô tránh, hoan lạc với sự ái tận, hoan lạc với sự thủ tận, và hoan lạc với tâm không di động.

Bạch Thế Tôn, nếu có người nghĩ: “Vị hiền giả nhờ ý trụ vào tín tâm nên được hoan lạc với sự vô

dục”, thì người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới được hoan lạc với sự vô dục.

Bạch Thế Tôn, nếu có người nghĩ: “Vị hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên hoan lạc với sự viễn ly.” Con nghĩ, người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới được hoan lạc với sự viễn ly.

Bạch Thế Tôn, nếu có người nghĩ: “Vị hiền giả này nhờ ý trụ vào giới luật nên được hoan lạc với sự vô tránh.” Con nghĩ, người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới được hoan lạc với sự vô tránh, hoan lạc với sự ái tận, hoan lạc với sự thù tận, hoan lạc với tâm không di động.

Bạch Thế Tôn, nếu có Tỷ-kheo chứng đắc vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, hữu kiết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, biết rằng đã giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền được hoan lạc với sáu điều này.

Bạch Thế Tôn, nếu có Tỷ-kheo tu học tuy chưa chứng đắc nhưng ý mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn

vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Vị ấy lúc bấy giờ, đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy, đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa chúng đắc như ý mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Vị ấy, lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

Những vị ấy, nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy

mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa có tòa núi đá lớn, không vỡ, không nứt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hờ, là một khối hợp nhất. Nếu có mưa gió lớn từ phương Đông thổi đến thì cũng không thể lay chuyển được. Không những chỉ có mưa gió từ phương Đông mà dù từ phương Nam, nếu có mưa gió lớn từ phương Nam thổi đến cũng không thể lay chuyển được. Không những chỉ có mưa gió lớn từ phương Nam, cho dù từ phương Tây nếu có mưa gió lớn từ phương Tây thổi đến cũng không thể lay chuyển được. Không những chỉ có mưa gió từ phương Tây, cho dù từ phương Bắc, nếu có mưa gió lớn từ phương Bắc thổi đến cũng không thể lay chuyển được. Không những chỉ có mưa gió từ phương Bắc, cho dù từ khắp mọi phương

cùng thối đến thì cũng vẫn thế. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, những vị ấy, nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc liền nói bài tụng:

*Vui hạnh vô dục,
Cùng tâm viễn ly,
Mừng được vô tránh
Thọ tận hân hoan.
Và ái đã sạch,
Tâm không di động,
Biết đúng như thật,
Từ đây giải thoát.
Tỳ-kheo giải thoát
Căn trần tĩnh chỉ,*

*Việc làm đã xong,
Dù có hành động,
Không phải làm nữa.
Ví như núi đá,
Gió không lay nổi,
Sắc, thanh, hương, vị,
Thân, xúc cũng vậy,
Pháp ái, bất ái,
Không làm động tâm.*

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc sau khi đối trước đức Phật trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu hành lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, sau khi Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc đi ra không bao lâu, đức Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

— Nay các Thầy, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ưc đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, thuyết nghĩa thiện pháp, tùy theo các trường hợp, chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trôi buộc, đến trước mặt Ta khoe khoang về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không

đạt được nghĩa lý, chỉ là toàn sự phiến nhọc. Sa-môn Nhị Thập ỨC đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, mà không khen mình, không khinh người, thuyết nghĩa thiện pháp, tùy theo các trường hợp.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

124. KINH BÁT NẠN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người tu Phạm hạnh có tám nạn, tám phi thời. Những gì là tám ?

Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục; đó là nạn

thứ nhất, phi thời thứ nhất đối với người tu Phạm hạnh.

Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì người ấy bảy giờ đang sanh vào loài súc sanh, vào loài ngạ quỷ, sanh vào cõi trời Trường Thọ, sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; đó là nạn thứ năm, phi thời thứ năm đối với người tu Phạm hạnh.

Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì người ấy bảy giờ tuy sanh nhằm chốn văn minh nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu, dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện, ác; đó là nạn thứ sáu, việc phi thời thứ sáu đối với người tu Phạm hạnh.

Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy, thì người ấy bảy giờ tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy: “Không bố thí, không trai tự, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này, đời khác, không cha, không mẹ, ở đời không có bậc Chơn nhơn đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, tự tác chúng thành tựu an trụ”; đó là nạn thứ bảy phi thời thứ bảy, đối với người tu Phạm hạnh.

Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ không thuyết dạy thì bảy giờ người ấy lại sanh

nhằm chốn văn minh không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy: “Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có đời này có nghiệp báo của thiện ác, có đời này có đời khác, có cha, có mẹ; ở đời có bậc Chơn Nhơn đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu an trụ”; đó là nạn thứ tám, phi thời thứ tám đối với người tu Phạm hạnh.

Người tu Phạm hạnh đã có một điều không tai nạn, một việc đúng thời. Thế nào là một điều không tai nạn, một việc đúng thời, đối với người Phạm hạnh ?

Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chánh kiến, không có kiến điên đảo. Người ấy thấy như vậy và

nói như vậy: “Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ; ở đời có bậc Chơn nhơn, đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, tự tác chúng thành tựu an trụ”; đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu Phạm hạnh.

*Khi ấy đức Thế Tôn nói tụng:
Nếu được làm thân người,
Nói pháp tối vi diệu,
Mà không chứng đạo quả,
Tất không phải gặp thời.
Nói nhiều nạn Phạm hạnh,
Người ở vào đời sau,
Nếu như gặp phải thời
Điều quá khó ở đời.
Muốn được lại thân người,
Và nghe pháp vi diệu,
Cần phải siêng năng học,
Mình tự thương mình thôi.
Luận bàn, nghe pháp lành,
Chớ chán chờ lỡ dịp,
Nếu để mất dịp này,
Tất lo đọa địa ngục.
Nếu không sanh gặp thời,*

*Không được nghe pháp lành
Như người buôn mất cửa,
Chịu sanh tử không cùng.
Nếu sanh được thân người,
Được nghe pháp chánh thiện,
Vâng theo Thế Tôn dạy,
Chắc chắn sẽ gặp thời.
Nếu đã gặp thời rồi,
Siêng tu chánh phạm hạnh,
Để tựu thành pháp nhãn,
Đấng Nhật Thân đã nói.
Người ấy thường tự giữ,
Tiến lên, lìa các sử,
Đoạn diệt mọi kiết sử,
Hàng ma, quyến thuộc ma,
Người ấy vượt thế gian,
Đã diệt tận các lậu.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

125. KINH BẮN CÙNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ở đời, người có tham dục mà lại bắn cùng phải chăng là đại khổ ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu người có tham dục lại bắn cùng, mà vay nợ, tài vật của người khác; ở đời, người vay nợ tài vật của người khác phải chăng là đại khổ ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu người có tham dục mà vay nợ, tài vật của người khác không trả đúng hẹn được, cứ hẹn rày hẹn mai; ở đời cứ khát nợ mãi phải chăng là đại khổ ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu người có tham dục cứ khát nợ mãi, không trả được, chủ nợ đến đòi; ở đời bị chủ nợ đòi phải chăng là đại khổ ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu chủ nợ đến đòi mà người có tham dục kia không thể trả được, chủ nợ cứ đến đòi mãi; ở đời bị chủ nợ đòi mãi, phải chăng là đại khổ ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu chủ nợ cứ đòi mãi, nhưng kẻ có tham dục kia vẫn không trả được, liền bị chủ nợ bắt trời lại; ở đời bị chủ nợ bắt trời lại phải chăng là đại khổ ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Vậy thì, ở đời người có tham dục lại bản cùng là đại khổ, ở đời người có tham dục vay nợ, tài vật của người khác là đại khổ; ở đời người có tham dục vay nợ, tài vật của người khác mà khát mãi là đại khổ; ở đời người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại khổ; ở đời người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại khổ; ở đời người có tham dục bị chủ nợ bắt trời là đại khổ.

Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ, đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, pha lê, ma-ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi, xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyên châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo, cũng cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi là sự bản cùng, bất thiện.

Kẻ ấy thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ

ác, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện.

Kẻ ấy muốn che dấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải, muốn che dấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khát nợ bất thiện.

Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các người Phạm hạnh thấy được bèn nói như thế này: “Này chư Hiền, người này làm như thế, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế, đó là cái gai của thôn ấp.” Kẻ ấy liền bào chữa: “Này chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp.” Như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện.

Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ thanh vắng nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: dục, nhuế, hại. Như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không ngớt đòi nợ bất thiện.

Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định sanh vào chỗ ác, sanh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện.

Ta không thấy có sự trói buộc nào đau khổ bằng, nặng nề bằng, tàn khốc bằng, khó yêu nổi bằng sự trói buộc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhổ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sanh.

Rồi đức Thế Tôn nói tụng:

*Kẻ nghèo khổ ở đời,
Vay nợ của người khác,
Đã vay tiền của rồi,
Mắc nợ người là khổ.
Chủ nợ đến đòi nợ,
Nhon đấy bắt trói lại,
Bị trói thật khổ thay.
Thế gian vẫn lạc dục,
Trong Thánh pháp cũng vậy,
Nếu không có chánh tín,
Không từ và không quý,
Làm hạnh ác bất thiện*

Thân làm điều bất thiện,
Miệng ý chẳng kém gì,
Che dấu không nói ra,
Không ưa lời dạy phải,
Giả sử có tu hành,
Tâm niệm cho là khổ,
Hoặc thôn hay chỗ vắng,
Nhơn đó sanh hối hận.
Các việc thân, miệng gây,
Và những điều ý nghĩ,
Ác nghiệp cứ tăng dần,
Quen làm lại làm nữa.
Tạo ác mãi không thôi,
Làm nhiều bất thiện rồi,
Thọ sanh đến lúc hết,
Tất bị trói địa ngục.
Buộc ràng này quá khổ,
Bậc Đại Hùng đã thoát.
Đúng pháp, thu tiền tài,
Không nợ nần, an ổn,
Thí dụ được hoan hỷ,
Cả hai đều có lợi,
Các cư sĩ theo đây,
Do thí, phước tăng mãi.
Trong Thánh pháp cũng vậy,

*Nếu có thành tín vững,
Đầy đủ đức tâm quý,
Rộng rãi không keo kiệt,
Dứt lìa năm triền cái,
Thường ưa hành tinh tấn,
Thành tựu các Thiện định,
Chuyên nhất tâm tĩnh lạc.
Niềm vui không tài sản,
Cũng như nước tắm trong,
Bất động tâm giải thoát,
Trừ sạch các hữu kiết.
Không bệnh là Niết-bàn,
Đó là đèn vô thượng,
Vô ưu, vô nhiễm lạc,
Gọi là không di động.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

126. KINH HÀNH DỤC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi xuống một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười ?

Này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ấy không tự

nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn, nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân an

ồn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy

có thể tự nuôi thân an ổn cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; nhưng khi có của cải rồi lại bị đắm nhiễm, hệ lụy, khi đã bị hệ lụy, đắm nhiễm không thấy được tai hoạn, không biết đến sự xuất yếu và tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được

sự xuất yếu và tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo, sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân an ổn cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác, là thấp hèn nhất.

Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy tự nuôi thân an ổn cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời,

sống lâu; khi có của cải rồi không đắm nhiễm, không hệ lụy, đã không hệ lụy đắm nhiễm, thấy được tai hoạn biết sự xuất yếu khi tiêu dùng; thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác, là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Cũng như con trâu có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thực tô, do thực tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Nay Cư sĩ, cũng vậy, so với các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Nếu kiếm của phi pháp,
Vừa pháp vừa phi pháp,
Không cúng, không tự dùng,
Không bố thí, tạo phước,
Cả hai đều mang họa,
Kẻ hành dục tệ nhất.
Nếu kiếm của hợp pháp,
Đã lo được tự thân,
Cung cấp và tự dùng,
Bố thí và tạo phước,
Cả hai đều có đức,
Kẻ hành dục tối thượng.
Nếu được tuệ xuất yếu,*

*Hưởng lạc sống tại gia,
Thấy tai hoạn, tri túc,
Tiết kiệm dùng tài vật,
Kẻ được tuệ xuất dục,
Là hành dục trên hết.*

Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

127. KINH PHƯỚC ĐIỀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Cư-sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai ? Một là hạng người hữu học, hai là hạng người vô học. Hạng hữu học có mười tám, hạng vô học có chín. Nay Cư-sĩ,

mười tám hạng người hữu học là những ai ? — Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng, gia gia, nhất chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm, hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung bát Niết-bàn, sanh bát Niết-bàn, hành bát Niết-bàn, vô hành bát Niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh. Đó là mười tám hạng hữu học.

Này Cư-sĩ, chín hạng người vô học là những ai ? — Tư pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối, thật trụ pháp, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Học, vô học trong đời,
Đáng tôn, đáng phụng kính,
Các ngài tu chánh thân,
Miệng ý cũng chánh hạnh,
Ruộng tốt cho cư sĩ,
Cúng dường được phước lớn.*

Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Cấp Cô độc và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

128. KINH UU-BÀ-TẮC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc cùng chúng Ưu-bà-tắc gồm có năm trăm người đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Cư sĩ Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên. Năm trăm Ưu-bà-tắc cũng làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Sau khi cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc ngồi xuống một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ. Ngài dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ rồi, liền rời chỗ ngồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát

chân Phật và ngồi xuống một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi chẳng bao lâu, cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc cũng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi, Tôn giả Xá-lợi-phất và mọi người đã an tọa, đức Thế Tôn dạy:

— Nay Xá-lợi-phất, nếu Thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tầng thượng tâm, thì đối với hiện pháp lạc trú dễ được, chứ không phải khó được. Nay Xá-lợi-phất, Thầy nên ghi nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục cũng không còn sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời, nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

Này Xá-lợi-phất, thế nào là bạch y Thánh đệ tử gìn giữ và thực hành năm pháp một cách hoàn hảo ?

Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vút bỏ dao gậy, có tâm tầm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Đây là pháp thứ

nhất mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc không cho mà lấy, dứt trừ việc không cho mà lấy; có cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật kẻ khác không lấy về mình. Người ấy đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm; người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ gìn, hoặc có cả cha mẹ cùng giữ gìn, hoặc anh em giữ gìn, hoặc chị em giữ gìn, hoặc gia nương giữ gìn, hoặc thân tộc giữ gìn, hoặc người cùng họ giữ gìn, hoặc những phụ nữ khác bị đe dọa bằng hình phạt roi vọt, hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa; đối với tất cả những người nữ ấy, người đó không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa

lìa nói dối, dứt trừ nói dối, nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không dời đổi, sai chạy; tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ tư mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa rượu, bỏ rượu, người ấy đối với việc uống rượu tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

Này Xá-lợi-phất, thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tăng thượng, đối với hiện pháp lạc trú, để được chứ không phải khó ? — Đó là bạch y Thánh đệ tử nhớ nghĩ Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Người ấy nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhóp nhơ, sâu khổ âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào Như Lai, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhóp nhơ, sâu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử

được tâm tăng thượng thứ nhất, đối với hiện pháp lạc trú dễ được, chứ không phải khó.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử nhớ nghĩ pháp Thế Tôn khéo nói, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, không di động. Quán pháp như vậy, giác ngộ pháp như vậy, biết pháp như vậy, nhớ nghĩ pháp như vậy rồi; nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sâu khổ âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào pháp tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sâu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ hai.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử nhớ nghĩ chúng tăng. Thánh chúng của Như Lai là những bậc thiện thú hướng, chánh thú hướng, như lý hành, pháp tùy pháp hành; chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tư-dà-hàm hướng, Tư-dà-hàm quả, có Tu-dà-hoàn hướng, Tu-dà-hoàn quả, đó là bốn đôi tám bậc, là chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng

trọng, đáng phụng, đáng cúng, là ruộng phước tốt của thế gian. Người ấy nhớ nghĩ chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhóp nhơ, sâu, khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhóp nhơ, sâu, khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ ba, đối với hiện pháp lạc trú dễ được, chứ không khó.

Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử tự nhớ nghĩ giới, giới này không sút mẻ, không rách nát, không ô uế, không cấu bẩn, vững như đất, không hư vọng; đó là điều mà đức Phật ngợi khen thọ trì đầy đủ tốt đẹp. Người ấy tự nhớ nghĩ giới như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, sâu, khổ, nhóp nhơ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử, duyên vào giới, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhóp nhơ, sâu, khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ tư, đối với hiện pháp lạc trú dễ được, chứ không khó.

Này Xá-lợi-phất, nếu Thầy biết rằng, bạch y Thánh đệ tử giữ gìn, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tâm tăng thượng này, đối với hiện pháp lạc trú dễ được, chứ không khó; thì này Xá-lợi-phất, Thầy nên ghi nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vị chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Kẻ trí sống tại gia,
Thấy địa ngục, sợ hãi,
Do thọ trì Thánh pháp,
Trừ bỏ tất cả ác.
Không sát hại chúng sanh,
Biết rồi hay là bỏ,
Chân thật không nói dối,
Không trộm của kẻ khác,
Tri túc với gia phụ,
Không ái lạc vợ người,
Dứt bỏ việc uống rượu,
Gốc tâm loạn cuồng si.*

Thường nên niệm chánh giác,
Suy nghĩ các pháp lành,
Niệm Tăng, quán cảm giới,
Do đó được hoan hỷ.
Muốn hành hạnh bố thí,
Mà cầu mong hưởng phước,
Trước thí người tịnh tâm,
Như vậy thành quả báo.
Ta nói tâm tịch tịnh,
Xá-lợi nên nghe kỹ,
Nếu có đen và trắng,
Sắc đỏ cùng sắc vàng,
Tạp sắc, ái lạc sắc,
Trâu và các chim câu,
Tùy loại chúng sanh ra,
Trâu thuần, đi phía trước,
Thân sức thành đầy đủ,
Đi mau lại về mau,
Dùng theo khả năng chúng,
Kể gì sắc tốt xấu.
Nhân gian nầy cũng vậy,
Tùy theo chỗ thọ sanh:
Sát-đế-lợi, Phạm chí,
Cư sĩ, hay thợ thuyền,
Tùy thọ sanh của họ,

Trưởng lão do tịnh giới.
Bậc Vô Trước, Thiện Thệ,
Cúng thí ấy, quả lớn.
Phàm ngu, vô sở tri,
Không tuệ, không học hỏi,
Thí nơi ấy, quả nhỏ,
Không quang minh rọi đến.
Nơi nào rọi quang minh,
Phật đệ tử trí tuệ,
Tín tâm nơi Thiện Thệ,
Thiện căn được vững bền.
Người ấy sanh thiện xứ,
Như ý chúng gia gia,
Tối hậu đắc Niết-bàn,
Như vậy, có duyên cả.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất, chư Tỳ-kheo, cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

129. KINH OÁN GIA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bảy pháp oán gia để gây thành oán gia, khi những nam nữ nổi lên sân nhuế. Những gì là bảy ?

Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sắc đẹp ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế thì người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân vẫn xấu. Vì sao như

vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi những nam nữ nổi lên sân nhuế.

Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế thì người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm, mền, hai đầu kê gối, được phủ bằng thảm quý da sơn dương, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo đau khổ. Vì sao như vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ hai gây thành oán gia khi những nam nữ nổi lên sân nhuế.

Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế thì người ấy đáng lẽ được lợi lại không được lợi, đáng lẽ không được lợi lại được lợi, hai điều ấy chống trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuế.

Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế thì người ấy, nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuế.

Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô, tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm gây thành oán gia, khi những nam nữ sân nhuế.

Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn để oán gia quá giàu sang ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế; người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

Đó là pháp oán gia thứ sáu gây thành oán gia, khi những nam nữ sân nhuế.

Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia đến chỗ an lành ? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp; người ấy, sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung, chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy ? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ bảy gây thành oán gia, khi những nam nữ sân nhuế.

Đó là bảy pháp oán gia gây thành oán gia, khi những nam nữ sân nhuế.

Khi ấy đức Thế Tôn nói tụng bài rằng:

*Người sân, sắc da xấu,
Nằm ngủ khổ, không yên,
Đáng lẽ được của nhiều,
Trở lại bị bất lợi.
Kẻ bằng hữu thân thiết,
Xa lìa người sân nhuế,
Luôn luôn tập sân nhuế,
Tiếng xấu đồn khắp nơi.*

Sân gây nghiệp thân, khẩu,
Nhuế buộc ràng nghiệp ý,
Người bị nhuế chế ngự,
Mất tất cả tài vật.
Sân nhuế sanh bất lợi,
Sân nhuế sanh tâm nhơ,
Sợ sệt sanh bên trong,
Người ta không thể biết.
Người sân không biết nghĩa,
Người sân không hiểu pháp,
Không mất, mù mịt tối,
Là người ưa sân nhuế.
Nhuế dậy hiện sắc xấu,
Như lửa mới bốc khói,
Từ đó sanh ghét ghen,
Duyên sân lại do đó.
Việc làm của người sân,
Dù thiện và bất thiện,
Sau khi cơn sân qua,
Nóng lòng như lửa đốt,
Gọi là nghiệp phiền nhiệt,
Và các pháp buộc ràng.
Tất cả Ta đã nói,
Các Thầy hãy nghe kỹ.
Người sân nghịch hại cha,

Và với cả anh em,
Cũng giết hại chị em,
Người sân nhiều tàn khốc.
Sanh ra và lớn lên,
Được thấy thế gian này,
Nhờ mẹ được sống còn,
Khi sân cũng sát hại.
Không xấu, không hổ thẹn,
Sân triển, không nói năng,
Người bị sân chế ngự,
Miệng nói không chứa gì;
Tạo tác tội nghịch si,
Để mình tự yếu mạng.
Khi làm, không tự biết,
Do sân sanh sợ hãi;
Tự buộc trói thân mình,
Ái lạc không cùng cực.
Dù ái niệm tự thân,
Người sân cũng tự hại;
Hoặc tự đâm bằng dao,
Hoặc nhẩy xuống hang sâu,
Hay dùng dây thắt cổ,
Uống các loại thuốc độc,
Đó là tượng sân nhuế,
Là chết bởi vì sân.

Tất cả đều dứt hết,
Dùng tuệ mới biết được;
Nghệp bất thiện dù nhỏ,
Người trí biết liền trừ.
Nên nhẫn nại hạnh này,
Màu da không xấu xí.
Không nhuế cũng không ưu,
Khói tắt, không lay động,
Chế ngự, đoạn sân nhuế,
Tịch diệt không còn lậu.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

130. KINH GIÁO ĐÀM-DI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Đàm-di, vị tôn trưởng địa phương, làm chủ một tịnh xá, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn, thô lỗ, hay mắng nhiếc chê trách các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo địa phương bỏ đi, không muốn sống ở đó nữa. Các Ưu-bà-tắc địa phương thấy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn ở đó nữa, liền nghĩ: “Các vị Tỳ-kheo địa phương nầy vì sao lại bỏ đi, không muốn sống ở đây nữa ?” Rồi các vị Ưu-bà-tắc địa phương nghe được: “Tôn giả Đàm-di, vị tôn trưởng địa phương, làm chủ một tịnh xá, được

mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn, thô lỗ, hay mắng nhiếc, chê trách các Tỳ-kheo. Vì vậy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn sống ở đó nữa.” Các vị Ưu-bà-tắc địa phương nghe việc ấy rồi liền cùng nhau kéo đến Tôn giả Đàm-di xua đuổi ngài ra khỏi các tịnh xá địa phương. Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di bị các vị Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tịnh xá địa phương, liền vấn y, mang bát du hành đến nước Xá-vệ, dần dà đến vườn Cấp Cô Độc, rừng Thắng Lâm, nước Xá-vệ. Rồi Tôn giả Đàm-di đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc gì, không xúc phạm đến ai; nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tịnh xá địa phương.

Khi đó đức Thế Tôn bảo:

— Thôi đủ rồi, này Đàm-di, cần chi phải nói việc đó !

Tôn giả Đàm-di chấp tay hướng Phật, bạch lại một lần nữa:

— Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc gì,

không xúc phạm đến ai; nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tịnh xá địa phương.

Đức Thế Tôn cũng lần thứ hai bảo:

— Thuở xưa, ở cõi Diêm-phù nầy có các thương nhân đi thuyền ra biển, mang theo con ó tìm bờ. Những người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả, nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền; nếu con ó tìm bờ không đến được bờ của biển cả nó sẽ trở lại thuyền.

Thầy cũng vậy, này Đàm-di; bởi vì Thầy bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tịnh xá địa phương nên Thầy mới trở về chỗ Ta. Thôi đủ rồi, Đàm-di, cần gì phải nói điều đó nữa !

Tôn giả Đàm-di bạch lại lần thứ ba:

— Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng có việc gì, không xúc phạm đến ai; nhưng các Ưu-bà-tắc xua đuổi con ra khỏi các tịnh xá địa phương.

Đức Thế Tôn cũng lại lần thứ ba bảo:

— Đàm-di, Thầy trụ trong pháp Sa-môn mà bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tịnh xá địa phương sao ?

Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Sa-môn trụ trong pháp Sa-môn ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Đàm-di, thuở xưa, khi con người sống đến tám vạn tuổi. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, thì cõi Diêm-phù nầy cực kỳ giàu sang, hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng một con gà bay. Khi con người sống đến tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Này Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, chỉ có các bệnh như vậy: đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uống và già. Đàm-di, khi con người sống tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà thông minh, trí tuệ, làm Chuyển luân vương, có bốn loại đạo binh, chinh trị thiên hạ, là pháp vương thực hành theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu; bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. Vua có đủ một ngàn người con, tướng mạo đoan chánh, dũng mãnh vô úy, có thể khuất phục mọi người. Vua ấy thống lãnh tất cả cõi đất đai cho đến biển cả, không bằng đao gậy, mà chỉ bằng Chánh pháp mà cai trị giáo hóa khiến được an ổn.

Này Đàm-di, vua Cao-la-bà có một cây tên là thiện trụ ni-câu-loại vương. Đàm-di, thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có năm cành: cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn; cành thứ nhì dành cho thái tử và các quan ăn; cành thứ ba dành cho nhân dân trong nước ăn; cành thứ tư dành cho Sa-môn, Phạm chí ăn; cành thứ năm dành cho cầm thú ăn. Đàm-di, quả của cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương lớn bằng cái bình hai thăng, mùi vị như mật nguyên chất. Đàm-di, quả thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ mà cũng chẳng ai trộm cắp. Về sau, có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiêu tụy, muốn được ăn quả. Người ấy đến cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương, ăn quả, rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Trên cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có một vị Trời nương ở đó. Ông ấy nghĩ: “Lạ thay, người ở châu Diêm-phù vô ân, không biết báo đáp. Vì sao ? Vì nó ăn quả nơi cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Mong cho cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, không sanh quả nữa.” Tức thì cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả cũng không sanh quả. Rồi lại có một người đói khát gầy còm, nhan sắc tiêu tụy, muốn được ăn quả, đi đến cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương, thấy cây thiện trụ ni-câu-

loại thọ vương không có quả cũng không sanh quả, tức thì đến vua Cao-la-bà tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, nên biết, cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả.”

Vua Cao-la-bà nghe xong, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến khỏi Câu-lâu-sấu, đến cõi Tam thập tam thiên, đứng trước thêm Đế-thích và tâu rằng:

“— Tâu Câu-dục, nên biết, cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả cũng không sanh quả nữa.”

Khi đó, Thiên Đế-thích và vua Cao-la-bà trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến khỏi cõi Tam thập tam thiên đến nước Câu-lâu-sấu, cách xa cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương đứng lại. Thiên Đế-thích thực hiện như ý tức như kỳ tượng, hóa làm nước lớn, gió bão và mưa to. Do nước lớn, gió bão, mưa to, cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc, ngã đổ. Lúc đó có vị Trời sống trên cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương nhân thấy như vậy mới buồn khổ, sầu thương, khóc lóc chảy nước mắt, đứng trước mặt Thiên Đế-thích. Thiên Đế-thích hỏi:

“— Nay Thiên thân, vì lẽ gì mà Ông buồn khổ, sầu thương, khóc lóc rơi lệ, đứng trước mặt ta ?

Vị Trời kia thưa:

“— Tâu Câu-dục, nên biết nước lớn, gió bão, mưa to, cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc, ngã đổ.

Khi ấy Thiên Đế-thích bảo thọ thiên kia:

“— Ông là thọ thiên trụ thọ thiên pháp mà để nước lớn, gió mạnh, mưa to làm cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc, ngã đổ sao ?

Thọ thiên thưa:

“— Tâu Câu-dục, thế nào gọi là thọ pháp thiên trụ thọ thiên ?

Thiên Đế-thích bảo:

“— Giả sử có người muốn được gốc cây, đem gốc cây đi, muốn được cành cây, nhánh cây, lá cây, hoa quả cứ đem đi. Thọ thiên không nên giận dữ, không nên ghen ghét, tâm không nên thù hận. Thọ thiên vẫn an trụ trên thọ thiên với ý niệm buông xả. Như vậy gọi là thọ pháp thiện trụ thọ thiên.

Vị trời kia lại tâu:

“— Tâu Câu-dục, tôi là thọ thiên mà không

trụ thọ thiên pháp. Từ nay về sau tôi sẽ trụ thọ thiên pháp. Ước mong cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương trở lại như cũ !”

Rồi Thiên Đế-thích thực hiện như ý túc như kỳ tượng, thực hiện như ý túc như kỳ tượng xong, lại hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to. Thiên Đế-thích hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to xong, cây thiện trụ ni-câu-loại thọ vương liền trở lại như cũ.

Này Đàm-di, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo bị người mắng nhiếc, không mắng nhiếc lại, bị người sân giận không sân giận lại; bị người quấy phá không quấy phá lại; bị người đánh không đánh lại. Này Đàm-di, như vậy gọi là Sa-môn trụ pháp Sa-môn.

Lúc đó Tôn giả Đàm-di liền rời chỗ ngồi, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng Phật, khóc lóc rơi lệ và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con không phải là Sa-môn trụ pháp Sa-môn. Từ nay về sau, con mới là Sa-môn trụ pháp Sa-môn.

Đức Thế Tôn dạy:

— Xưa có một Đại sư tên là Thiện Nhân, được các ngoại đạo tiên nham tôn làm tôn sư, lìa bỏ ái dục, được như ý túc. Này Đàm-di, Thiện Nhân Đại

sur có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư nói pháp phạm thế cho các đệ tử nghe. Đàm-di, khi Thiện Nhân đại sư nói pháp phạm thế cho các đệ tử, trong các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn, thì người ấy, sau khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh lên cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh lên cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên cõi trời Tha Hóa lạc. Nay Đàm-di, khi Thiện Nhân Đại sư nói phạm thế pháp cho đệ tử nghe, trong các đệ tử, có người phụng hành trọn vẹn, người ấy tu bốn phạm thất, lìa bỏ dục, khi mạng chung rồi, được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, khi ấy Thiện Nhân Đại sư nghĩ rằng: “Đời sau, ta không nên cùng các đệ tử đồng sanh đến một chỗ; bây giờ ta hãy tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung, sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Dục.” Đàm-di, sau khi đó Thiện Nhân Đại sư liên tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung, được sanh vào cõi trời Hoảng Dục. Đàm-di, Thiện Nhân Đại sư và các đệ tử học đạo không lường công, được quả báo lớn. Cũng như Thiện Nhân Đại sư có các Đại sư Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xá-đa, Hạt-đế-bà-la-ma-nạp, Thù-đê-

ma-lê-kiêu-bê-đà-la và Tát-đa-phú-lâu-hê-đa. Đàm-di, Đại sư Thất-phú-lâu-hê-đa cũng có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Vị đại sư Thất Phú-lâu-hê-đa nói pháp phạm thế cho các đệ tử. Nếu khi Đại sư Thất Phú-lâu-hê-đa nói pháp phạm thế cho đệ tử, trong số các đệ tử, có người không phụng hành trọn vẹn pháp đã dạy, người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh lên cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh lên cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên cõi trời Tha Hóa lạc. Vị Đại sư Thất-phú-lâu-hê-đa khi nói pháp phạm thế, trong số các đệ tử có người phụng hành trọn vẹn pháp ấy, tu bốn phạm thất, lìa bỏ dục ái, người ấy sau khi mạng chung, được sanh vào cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, vị Đại sư Thất-phú-lâu-hê-đa nghĩ: “Đời sau ta không nên cùng các đệ tử sanh vào một chỗ; bây giờ ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Dục.” Đàm-di, sau đó vị Đại sư Thất-phú-lâu-hê-đa tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung, được sanh lên cõi trời Hoảng Dục. Đàm-di, vị Đại sư Thất-phú-lâu-hê-đa và các đệ tử học đạo không hư dối, được quả báo lớn. Đàm-di, nếu có người nào mắng nhiếc

bảy vị Đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, đánh phá, sân nhuế, trách móc họ, chặc chấn chịu vô lượng tội. Nhưng đối với một Tỳ-kheo đệ tử Phật đã thành tựu chánh kiến, chúng đặc tiểu quả, mà có ai mắng nhiếc, đả phá, sân nhuế, trách móc vị ấy thì mắc tội nhiều hơn thế nữa. Thế nên, này Đàm-di, các Thầy hãy luôn luôn nhắc nhở thủ hộ lẫn nhau. Vì sao như vậy ? Vì ngoài tội này, không còn tội nào hơn nữa.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Tu-niết, Mâu-lê-phá-quần-na,
A-la-na-dà Bà-la-môn,
Cù-đà-lê-xa-da,
Hại-đề-bà-la-ma-nạp,
Thù-đề-ma-lê-kiểu-bệ-đà-la,
Tát-đa-phú-lâu-hê-đa:
Trong đời quá khứ ấy,
Danh đức bảy tôn sư,
Bi tâm, không nhiễm ái,
Dục kiết đã dứt trừ.
Trăm nghìn số đệ tử,
Vô lượng đếm sao vừa,
Cũng đều ly dục kiết,
Dù cứu cánh còn chưa.*

Với các Tiên nhơn ấy,
Thủ trì, khổ hạnh nầy.
Ai ôm lòng oán hận,
Tội mạng nhiều thay !
Hưởng chi với Phật tử,
Quả thấy tri kiến ngay,
Ai chửi mắng, đập phá,
Tội nghiệp lại tràn đầy.
Này Đàm-di, do đó,
Hãy biết thủ hộ nhau,
Thủ trì lẫn nhau vậy,
Tội nặng nào hơn đâu.
Như thế thật quá khổ,
Bậc Thánh cũng ghét bỏ,
Màu da lại xấu xí.
Chớ thủ tà kiến xứ,
Đó là hạng thấp hèn,
Thánh pháp gọi như thế.
Dù chưa lìa dâm dục,
Có diệu ngữ căn nầy:
Tín, tinh tấn, niệm xứ,
Chánh định, chánh quán đây,
Khổ kia mình chịu vậy,
Trước phải thọ họa tai,
Họa tai đã tự thọ,

*Sau nữa gây hại người.
Ai hay tự thủ hộ,
Tất thủ hộ bên ngoài,
Cho nên hãy tự hộ,
Kẻ trí, hoan lạc thay !*

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Đàm-di và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

131. KINH HÀNG MA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Bạt-kỳ-sáu, núi Ngạc Sơn, trong rừng Bồ Lâm, vườn Lộc Dã.

Lúc bấy giờ Tôn giả Giáo thọ Đại Mục-kiên-liên đang coi việc dựng Thiển thất cho Phật. Trong lúc Tôn giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, thì ma vương hóa hình nhỏ xíu, chui vào trong bụng của Tôn giả Đại Mục-kiên-liên. Lúc đó, Tôn giả Đại-mục-kiên-liên nghĩ như vậy: “Hình như ta ăn phải hạt đậu vào bụng. Ta hãy nhập như kỳ tượng định; bằng như kỳ tượng định, ta nhìn vào bụng xem.” Rồi Tôn giả Đại Mục-kiên-liên đi đến cuối đường kinh hành, trải ni-sư-dàn, ngồi kiết-già, nhập như kỳ tượng định. Bằng như kỳ tượng định mà nhìn

vào bụng mình, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên thấy ma vương đang ở trong đó. Tôn giả bèn ra khỏi định, nói với ma vương:

— Này Ba-tuần, Ngươi hãy đi ra, này Ba-tuần, Ngươi hãy đi ra ! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự không thiện lợi, không thiện ích mà phải thác sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ.

Khi ấy, ma vương bèn nghĩ: “Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: “Này Ba-tuần, Ngươi hãy đi ra, này Ba-tuần Ngươi hãy đi ra ! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự không thiện lợi, không thiện ích, mà phải thác sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ.” Tôn sư của ông có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy. Huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao ?”

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên lại nói với ma vương:

— Ta lại biết trong ý của Ngươi, Ngươi nghĩ như vậy: “Sa-môn này không thấy, không biết thế mà lại nói: “Này Ba-tuần, Ngươi hãy đi ra, này Ba-tuần, Ngươi hãy đi ra ! Chớ có xúc nhiều Như Lai,

cũng chớ có xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự không thiện lợi, không thiện ích mà phải thác sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ." Tôn sư của ông có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân, còn không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy. Huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao ?"

Ma Ba-tuần kia nghĩ: "Sa-môn nầy đã thấy và biết ta nên mới nói như vậy." Rồi ma Ba-tuần hóa hình nhỏ xíu từ trong miệng vọt ra, đứng ngay trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo:

— Này ma Ba-tuần, xưa kia, vào thuở đức Phật Giác-lich-câu-tuần-đại, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta làm ma tên là Ác. Ta có người em gái tên là Hắc. Người chính là con trai của nó. Này ma Ba-tuần, vì lẽ đó, cho nên Người là cháu gọi ta bằng cậu ?

Này Ba-tuần, đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác có hai đại đệ tử: một tên là Âm, hai là Tướng. Này Ba-tuần, do ý nghĩa nào được gọi là Âm ? Này Ba-tuần, Tôn giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói của ngài vang cả ngàn thế giới, lại không có một đệ tử

nào có âm thanh ngang bằng, hoặc tương tợ hoặc trội hơn được. Này Ba-tuần, vì lẽ ấy cho nên Tôn giả đó được gọi là Âm vậy. Này Ba-tuần, lại do ý nghĩa nào mà Tôn giả Tuồng có tên là Tuồng ? Này Ba-tuần, Tôn giả Tuồng nương nơi thôn ấp mà du hành. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, Tôn giả ấy đắp y, mang bình bát đi vào thôn ấp khát thực, cần thận thủ hộ thân thu nhiếp các căn, giữ vững chánh niệm. Ngài sau khi khát thực xong và sau khi ăn vào lúc giữa trưa, chải vén y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-dàn trên vai, đi vào chỗ vắng, hoặc đến dưới gốc cây, trong rừng sâu, hoặc đến chỗ vắng, yên tĩnh, trải ni-sư-dàn, ngồi kiết-già, liền nhập tướng tri diệt định một cách mau chóng. Lúc ấy có những người đang lừa trâu dê, người đi mót cỏ, hoặc người đi đường, họ vào trong núi, thấy Ngài nhập tướng tri diệt định, bèn nghĩ: “Này Sa-môn này ngồi mà chết trong khu rừng vắng này, chúng ta hãy nhặt cỏ khô chất đống, phủ lên trên, ràng rịt cần thận, rồi lượm củi chất đống lên trên thân để hỏa thiêu.” Họ bèn nhặt cỏ khô chất đống phủ lên thân ngài, nổi lửa đốt, rồi bỏ mà đi. Tôn giả Tuồng kia, sau đêm đã qua, trời đã hừng sáng, ra khỏi định, đập phui y phục du hành trở về thôn ấp, đắp y, mang bình bát vào thôn ấp khát thực như thường lệ, khéo

giữ gìn thân căn, giữ vững chánh niệm. Những người lừa trâu, dê. Những người mót cỏ khô hoặc người đi đường vào trong núi đã gặp Tôn giả trước kia, họ bèn nghĩ: “Sa-môn ngồi mà chết trong khi rừng vắng vẻ này, chúng ta đã nhặt cỏ khô chất đống phủ trên thân, nổi lửa đốt rồi bỏ đó mà đi. Song Hiền giả này vẫn còn biết tương.” Này Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên Tôn giả đó được gọi là Tướng vậy.

Này Ba-tuần, lúc ấy ác ma nghĩ: “Sa-môn trọc đầu này bị đem trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái. Họ học Thiên, nên ngồi đấm đuối, càng đấm đuối, mãi miết đấm đuối. Giống như con lừa trợn ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch, nó đấm đuối, càng đấm đuối, mãi miết đấm đuối lá lúa mạch kia. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này, bị đem trói chặt, tuyệt chủng, không con cái. Họ học Thiên, đấm đuối càng đấm mãi. Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muốn bắt chuột, nên nó đấm đuối, càng đấm đuối, mãi miết đấm đuối. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này, bị đem trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, họ học Thiên, đấm đuối, càng đấm đuối, mãi miết đấm đuối. Cũng giống như con chồn hươu ở giữa đống củi khô vì muốn bắt chuột, nên nó đấm đuối càng đấm đuối,

mãi miết đấm đuổi. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này, bị đem trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái; họ học Thiên, đấm đuổi mãi miết đấm đuổi. Giống như con hạc ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá, nên nó đấm đuổi, càng đấm đuổi, mãi miết đấm đuổi. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị đem trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái; họ học Thiên, đấm đuổi, càng đấm đuổi, mãi miết đấm đuổi. Họ đấm đuổi cái gì ? Đấm đuổi với mục đích gì ? Đấm đuổi để mong cái gì ? Họ loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết họ ở đâu đến, cũng chẳng biết họ đi về đâu, chẳng biết họ sống ở đâu, chẳng biết họ chết như thế nào, sanh như thế nào. Ta hãy dạy bảo các Phạm chí, cư sĩ: "Các Người hãy đi đến, chửi, đập, phá, rửa xả Sa-môn tinh tấn kia. Vì sao vậy ? Khi bị chửi, bị đập, bị phá, bị rửa xả, biết đâu họ chẳng nổi ác tâm để ta dễ lợi dụng ?"

Bấy giờ ác ma bèn xúi dục các cư sĩ Phạm chí. Các cư sĩ Phạm chí ấy chửi, đập phá, rửa xả Sa-môn tinh tấn. Các cư sĩ Phạm chí ấy hoặc dùng cây đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc vác gậy đập, có khi gây thương tích cho Sa-môn tinh tấn, có khi làm rách toạc áo, có khi làm bể bình bát. Bấy giờ, trong số cư sĩ Phạm chí ấy, có kẻ chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung phải đến ác xứ, sanh trong

địa ngục, sanh vào đó rồi, suy nghĩ như vậy: "Ta phải thọ khổ này, lại phải thọ cực khổ hơn nữa. Vì có sao ? Vì chúng ta đã đối xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn vậy."

Này Ba-tuần, đệ tử của đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác mang đầu thương tích, mang y bị rách toạc, mang bình bát bể, đi đến chỗ Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn quyến thuộc vây quanh. Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa một đệ tử mang đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể, đi đến. Ngài thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo: "Các Thầy có thấy chăng ? Ác ma đã xúi dục các cư sĩ Phạm chí: "Các Người hãy đến chửi, đập, phá, rửa xả Sa-môn tinh tấn. Vì có sao ? Khi bị chửi, bị đập, bị rửa, bị rửa xả, biết đâu họ chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng ?" Này các Tỳ-kheo, hãy với tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không náo hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bi và hỷ cũng

vậy. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy khiến ác ma không thể lợi dụng.”

Này ma Ba-tuần, đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy đệ tử. Họ bèn lãnh thọ giáo pháp ấy, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy, ác ma kia không thể lợi dụng được.

Này Ba-tuần, lúc đó, ác ma lại nghĩ: “Bằng sự việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bây giờ ta hãy xúi dục các cư sĩ Phạm chí: “Các Người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Biết đâu do sự phụng kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ Sa-môn tinh tấn, họ chẳng nổi ác tâm, để ta dễ dàng lợi dụng ?” Này ma Ba-tuần, các cư sĩ Phạm chí kia, sau khi bị ác ma xúi dục, họ đến phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất mà nói: “Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi ! Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm

khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc.” Hoặc có Phạm chí trải tóc lên mặt đất, nói: “Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi ! Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc.” Hoặc có cư sĩ Phạm chí tay bưng các loại ẩm thực, đứng bên đường chờ đợi và nói: “Sa-môn tinh tấn, xin nhận vật thực này, xin cứ mang đi tùy ý mà thọ dụng, để cho tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc.” Các cư sĩ Phạm chí thành tín thấy Sa-môn tinh tấn, cung kính dìu đỡ vào nhà, đem các thứ tài vật ra cho Sa-môn tinh tấn và nói: “Xin thọ nhận cái này, xin thọ dụng cái này, xin mang cái này đi, tùy ý mà thọ dụng.” Lúc bấy giờ trong số cư sĩ Phạm chí đó có người chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh vào đó, họ bèn nghĩ: “Ta đang thọ hưởng sự lạc này, lại sẽ thọ hưởng cực lạc hơn nữa. Vì sao thế ? Vì chúng ta đã làm các việc lành với Sa-môn tinh tấn vậy.”

Này ma Ba-tuần, đệ tử của đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi được phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ, họ đi đến đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó đức

Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh. Khi đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa các đệ tử được phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ đang đi đến. Thấy vậy, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“— Các Thầy có thấy chăng ? Ác ma xúi dục các cư sĩ Phạm chí: “Các Người hãy đến phụng kính, cúng dường lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Biết đâu do phụng kính cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn, họ không nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng ?” Nay các Tỳ-kheo các Thầy hãy quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn, để cho những ác ma không thể lợi dụng.”

Này ma Ba-tuần, đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy các đệ tử. Họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn, khiến cho ác ma không thể lợi dụng.

Này ma Ba-tuần, lúc đó ác ma bèn nghĩ: “Bằng việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không

được. Ta hóa hình làm một thiếu nhi, tay cầm cây gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm khiến máu chảy ướt cả mặt.” Này ma Ba-tuần, đức Giác-lijh-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sau đó, đang du hành trong thôn ấp. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, mang y bát vào trong thôn xóm khát thực. Tôn giả Âm đi hầu theo phía sau. Này ma Ba-tuần, lúc ấy ác ma hóa hình làm một thiếu nhi, tay cầm một cây gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm khiến máu chảy ướt cả mặt. Này ma Ba-tuần, Tôn giả Âm sau khi bị vỡ đầu chảy máu, vẫn đi theo sau đức Giác-lijh-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác như bóng không rời. Này ma Ba-tuần, đức Giác-lijh-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi đến thôn ấp bằng sức mạnh cùng cực của bản thân, Ngài xoay nhìn theo phía hữu, như cái nhìn của một voi chúa không sợ, không hãi, không kinh, không khiếp, quán sát khắp mọi phía. Này ma Ba-tuần, đức Giác-lijh-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nhìn thấy Tôn giả Âm đầu bị chảy máu ướt cả mặt, đang đi theo sau Phật như bóng không rời, bèn nói: “Ác ma thật hung bạo nầy có đại oai lực. Ác ma nầy không biết vừa đủ.” Này ma Ba-tuần,

dức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói chưa xong thì ngay tại chỗ đó, ác ma liền bị đọa vào đại địa ngục Vô khuyết. Nay ma Ba-tuần, đại địa ngục này có bốn tên gọi: Một là Vô khuyết, hai là Bách đinh, ba là Nghịch thích, bốn là Lục cánh. Trong đại địa ngục đó có ngục tốt đi đến chỗ ác ma ở và nói: “Người nay nên biết, nếu đinh hiệp với các đinh, phải biết mãn một trăm năm.”

Ma Ba-tuần nghe nói như vậy xong, trong lòng hết sức rung động, kinh sợ, khủng khiếp vô cùng, tóc lông đều dựng ngược, bèn hướng đến Tôn giả Đại Mục-kiên-liên và nói bài kệ:

*Địa ngục kia thế nào,
Xưa ác ma ở đó ?
Nhiều hại Phật Phạm hạnh,
Xúc phạm cả Tỳ-kheo ?*

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên đáp lại ma Ba-tuần bằng bài kệ:

*Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở đó,
Nhiều hại Phật Phạm hạnh,
Xúc phạm Tỳ-kheo tăng.
Đinh sắt cả trăm cái,*

Thấy đều đâm ngược lên,
Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.
Nếu như ai không biết,
Đệ tử Phật, Tỳ-kheo,
Tất nhiên khổ như vậy,
Mà thọ báo nghiệp đen.
Trong nhiều loại viên quán,
Người ở trên đất này,
Ăn lúa gạo tự nhiên,
Đều sống ở Bắc Châu.
Chóp núi Đại Tu-di,
Xông ướp bởi nhân lành;
Tu tập nơi giải thoát,
Thọ trì tối hậu thân;
Đứng vững trên tuổi lớn,
Cung điện kiếp lâu bền.
Sắc vàng thật ái lạc,
Như lửa rực huy hoàng;
Nhạc trời trời các thứ,
Đến Đế-thích thiên cung;
Kiếp xưa với nhà cửa,
Thiện Giác đã cúng dường.
Nếu Đế-thích đi trước,
Lên điện Tỳ-xà-diên,

Hân hoan chào đón Thích,
Thiên nữ vũ chúc mừng.
Nếu thấy Tỳ-kheo đến
Nhìn lui về thẹn thùng.
Nếu Tỳ-xà-diên điện,
Hỏi nghĩa cùng Tỳ-kheo,
Ái tận, đặc giải thoát
Đại tiên có biết chăng ?
Tỳ-kheo liền đáp lại,
Người hỏi, đúng như nghĩa,
Câu-dục, ta biết đây,
Ái tận đặc giải thoát.
Nghe lời giải đáp nầy,
Đế-thích hoan hỷ lạc,
Tỳ-kheo ban lợi ích,
Nói năng đúng nghĩa chơn,
Trên Tỳ-xà-diên điện,
Hỏi Đế-thích thiên vương,
Cung điện tên gì vậy,
Mà Người nhiếp trì thành ?
Thích đáp: Đại tiên nhơn,
Tên Tỳ-xà-diên-đá,
Gọi là thế giới ngàn,
Ở trong ngàn thế giới,
Không cung điện nào hơn.

Như Tỳ-la-diên-đá,
Thiên vương thiên Đế-thích,
Tự tại mà du hành.
Ái lạc Na-du-đá,
Hóa một thành trăm hàng,
Trong Tỳ-xà-diên điện,
Thích được tự tại chơi;
Tỳ-xà-diên đại điện,
Ngón chân đủ lung lay,
Thiên vương mắt xem thấy,
Thích được tự tại chơi.
Giảng đường Lộc Tử Mầu,
Nền sâu, đắp kiên cố,
Khó động, khó lung lay,
Lay bởi định như ý.
Kia có đất lưu ly,
Thánh nhân bước lên đi,
Trơn nhẵn, cảm thọ lạc,
Trải gấm bông êm dịu.
Ái ngữ thường hòa hiệp,
Thiên vương thường hân hoan,
Nhạc trời hay khéo thổi,
Âm tiết họa nhịp nhàng.
Thiên chúng đều hội tụ,
Nhưng thuyết Tu-đà-hoàn,

Biết mấy vô lượng ngàn,
Và hàng trăm na-thuật.
Đến Tam thập tam thiên,
Bậc Tuệ nhân thuyết pháp,
Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Hoan hỷ và phụng hành.
Ta cũng có pháp ấy,
Như lời của Tiên nhơn.
Tức lên cõi Đại phạm,
Hỏi Phạm thiên sự tình,
Phạm vẫn có thấy ấy,
Tức thấy có từ xưa,
Ta vĩnh tồn, thường tại,
Hằng hữu, không biến đổi,
Đại Phạm trả lời kia,
Đại tiên tôi không thấy,
Tức thấy có từ xưa,
Ta thường hằng không đổi.
Tôi thấy cảnh giới này,
Các Phạm thiên quá khứ,
Ta nay do đâu nói,
Thường hằng không biến đổi.
Ta thấy thế gian này,
Bậc Chánh Giác đã dạy,
Tùy nhân duyên sanh ra,

*Luân chuyển rồi trở lại;
Lửa không nghĩ thế này:
Ta đốt kẻ ngu dại,
Lửa đốt, ngu sờ tay,
Tất nhiên phải bị cháy.
Cũng vậy, Ngươi, Ba-tuần,
Đến pháp khuấy Như Lai,
Mãi làm điều bất thiện,
Tất thọ báo miên viễn.
Ngươi đừng trách Phật-đà,
Chớ nhiều hại Tỳ-kheo.
Một Tỳ-kheo hàng ma,
Tại Bố Lâm rừng già,
Con quỷ sâu ảo não,
Bị Kiến-liên quở la,
Hãi hùng mất trí tuệ,
Biến mất bèn đi xa.*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết như vậy, ma Ba-tuần sau khi nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Câu-lâu-sấu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến thành Thâu-lô-tra trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Bấy giờ các Phạm chí, cư sĩ ở thôn Thâu-lô-tra nghe tin Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, là bỏ tông tộc, xuất gia học đạo, đang du hóa ở Câu-lâu-sấu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến thôn Thâu-lô-tra này, trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương: “Sa-môn Cù-đàm, đáng Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng

Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời, mà tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ; vị ấy, thuyết pháp vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa, và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, cụ túc, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Nếu được gặp đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường thừa sự, thật là thiện lợi thay ! Chúng ta nên cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường.”

Các cư sĩ Phạm chí Thâu-lô-tra sau khi đã được nghe như vậy, mỗi người cùng với các quyến thuộc theo sau, từ thôn Thâu-lô-tra ra đi, hướng về phía Bắc, đến vườn Thi-nhiếp-hòa, mong gặp đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Sau khi đến nơi Phật, các Phạm chí cư sĩ thôn Thâu-lô-tra kia có người cúi đầu lễ bái sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, có người thăm hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, có người chấp tay hướng về Phật rồi ngồi sang một bên, có người từ xa nhìn thấy Phật, lặng lẽ ngồi xuống. Khi các Phạm chí cư sĩ thôn Thâu-lô-tra đều ngồi yên, đức Phật nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện nói pháp cho họ, khuyến phát

khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, đức Phật ngồi yên lặng.

Bấy giờ các Phạm chí cư sĩ thôn Thâu-lô-tra, sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, mọi người đều rời chỗ ngồi, đứng dậy, cúi đầu sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi ra về.

Lúc bấy giờ, Lại-tra-hòa-la, con trai cư sĩ, vẫn ngồi, không đứng dậy. Đến lúc các Phạm chí cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ra về chẳng bao lâu, Lại-tra-hòa-la liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia, bị tù hãm trong những sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành Phạm hạnh được. Bạch Thế Tôn, xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo tịnh tu Phạm hạnh.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Con của cư sĩ, cha mẹ có cho phép Ông ở trong chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo không ?

Lại-tra-hòa-la bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, cha mẹ chưa cho con ở trong chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Con của cư sĩ, nếu cha mẹ không cho phép Ông sống trong chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì Ta không thể độ cho Ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới cụ túc.

Lại-tra-hòa-la bạch:

— Bạch Thế Tôn, con sẽ về xin cha mẹ cho con được phép ở trong chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

Đức Thế Tôn dạy:

— Tùy ước muốn của Ông.

Khi ấy Lại-tra-hòa-la nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi đi quanh ba vòng và ra về. Về đến nhà, ông thưa với cha mẹ:

— Thưa Cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia, bị tù hãm trong những sự phiền toà, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành Phạm hạnh được. Cúi xin Cha

mẹ cho con ở trong chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo.

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la bảo:

— Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình Con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết. Giả sử Con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nỡ lìa xa, không nhìn thấy mặt được sao ?

Lại-tra-hòa-la lại thưa đến lần thứ ba:

— Thưa Cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia, bị tù hãm trong sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành Phạm hạnh. Cúi xin Cha mẹ cho con ở trong chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo.

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lại bảo đến lần thứ ba:

— Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình Con, hết sức yêu thương, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không sao kể xiết. Giả sử Con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà lìa xa, không nhìn thấy mặt được sao ?

Khi ấy Lại-tra-hòa-la liền vật mình xuống đất, mà nói:

— Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào Cha mẹ cho con được ở trong chánh pháp luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

Rồi Lại-tra-hòa-la, con nhà cư sĩ, trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày nhiều ngày không ăn. Bấy giờ cha mẹ Lại-tra-hòa-la đến bên con mà bảo:

— Lại-tra-hòa-la, người con mềm mại, thân hình đẹp dễ, thường nằm ngồi trên giường tốt. Nay con không biết khổ sao ? Lại-tra-hòa-la, con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao ? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng rất khó.

Lại-tra-hòa-la vẫn nằm im lặng, không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la đi đến thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rằng:

— Mong Quý vị đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó đứng dậy.

Thân bằng quyến thuộc của Lại-tra-hòa-la và

các quan viên bèn cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la, bảo rằng:

— Này Lại-tra-hòa-la, người Cậu mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngôi trên giường tốt. Nay Cậu không biết khổ sao ? Lại-tra-hòa-la, Cậu hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao ? Cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng rất khó.

Lại-tra-hòa-la vẫn nằm im lặng, không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la đi đến các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la, và nói rằng:

— Mong các Cậu đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó đứng dậy.

Các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la, con nhà cư sĩ, liền cùng nhau đi đến bên Lại-tra-hòa-la và nói rằng:

— Này Lại-tra-hòa-la, người Bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngôi trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao ? Lại-tra-hòa-la, Bạn hãy mau đứng dậy sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao ? Lại-tra-hòa-la,

cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng rất khó.

Lại-tra-hòa-la vẫn im lặng không đáp.

Khi ấy các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la, con nhà cư sĩ, đi đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la mà nói:

— Hai Bác nên cho Lại-tra-hòa-la được ở trong chánh pháp luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. Nếu anh ấy thích sống như vậy, thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán sống cảnh ấy tự nhiên sẽ trở về với cha mẹ. Nay nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa và sẽ không ích gì !

Khi ấy, cha mẹ Lại-tra-hòa-la nghe xong, liền nói với các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la:

— Chúng tôi nay cho Lại-tra-hòa-la được ở trong chánh pháp luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, nếu học đạo mà vẫn trở về cho chúng tôi gặp.

Rồi các bạn tri thức đồng bạn, đồng lứa với

Lại-tra-hòa-la, con nhà cư sĩ, liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la và nói rằng:

— Nay Bạn, cha mẹ đã cho Bạn được ở trong chánh pháp luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, khi học đạo rồi, phải trở về thăm cha mẹ.

Lại-tra-hòa-la nghe như vậy, rất vui mừng, hân hoan, ái lạc, bèn đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, Lại-tra-hòa-la liền rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, cha mẹ đã cho phép con được ở trong chánh pháp luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo !

Khi ấy đức Thế Tôn độ cho Lại-tra-hòa-la xuất gia học đạo, truyền trao giới cụ túc. Sau khi truyền trao giới cụ túc đức Thế Tôn ở lại thôn Thâu-lô-tra một thời gian. Sau đó Ngài thân y mang bát, lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không

phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, Tôn giả đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng Phạm hạnh; ở ngay đời này, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ, và biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, chứng đắc quả A-la-hán. Sau khi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đắc quả A-la-hán, khoảng chín mươi năm trôi qua, Tôn giả nghĩ rằng: “Ngày xưa ta đã hứa xuất gia học đạo rồi, sẽ trở về thăm cha mẹ; ta nay nên trở về để trọn lời hứa đó.” Rồi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, ngày trước con hứa xuất gia học đạo rồi sẽ về thăm cha mẹ. Hôm nay con xin từ giả để về thăm cha mẹ cho trọn lời hứa trước.

Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ: “Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la này, nếu giả sử xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc như cũ, chắc chắn không có trường hợp đó.” Đức Thế Tôn biết vậy, liền bảo:

— Thấy ra đi, nếu gặp người chưa được độ hãy

độ, người chưa giải thoát, hãy khiến cho giải thoát; người chưa tịch diệt, khiến được tịch diệt. Lại-tra-hòa-la, nay tùy ý Thấy.

Khi đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe Phật nói xong, cẩn thận ghi nhớ, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi sát chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi về phòng riêng thu xếp ngọa cụ, mang y, ôm bát, lần lượt du hành đến thôn Thâu-lô-tra, tới ở vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn ấy. Khi đêm đã qua, trời vừa hùng sáng, Tôn giả mang y, ôm bát, vào thôn Thâu-lô-tra khát thực. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ như thế này: “Đức Thế Tôn khen ngợi việc thứ lớp khát thực, ta nay ở trong thôn Thâu-lô-tra này nên theo thứ lớp khát thực.” Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ lớp khát thực, lần lượt về đến nhà mình. Lúc đó, cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng trong cửa đang chải tóc, cạo râu. Ông thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, liền nói:

— Sa-môn trọc này, bị màu đen trối chặt, tuyệt chủng, không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn !

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở nhà cha đã không được

bố thí mà lại bị rửa xả rằng: “Sa-môn trọc này bị màu đen trời chắt, tuyệt chủng, không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn !” Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe vậy, bèn bỏ đi gấp. Lúc đó, người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thúi định vất vào đồng rác. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy đứa nô tỳ xách giỏ đồ ăn định vất vào đồng rác, liền nói rằng: “Này Cô em, nếu đồ ăn thúi này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bát tôi. Tôi sẽ ăn.” Khi ấy, đứa nô tỳ của cha Lại-tra-hòa-la mang đồ ăn thúi trong giỏ đổ vào bát. Đang khi đổ vào bát, do hai dấu hiệu mà cô nhận ra Tôn giả: đó là tiếng nói và tay chân Tôn giả. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó liền chạy đến chỗ cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

— “Thưa Ông, nên biết, cậu Lại-tra-hòa-la đã trở về đến thôn Thâu-lô-tra này rồi, Ông nên đến gặp.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong rất đổi vui mừng, phấn khởi, tay trái vén áo, tay mặt vuốt sửa râu tóc, rồi đi nhanh đến chỗ Lại-tra-hòa-la. Khi đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang xây vào vách, ăn đồ ăn thiu thúi ấy.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la xây vào vách, ăn đồ ăn thiêu thúi liền nói:

— Lại-tra-hòa-la con, người Con rất mềm mại, thân hình đẹp dễ, thường ăn thức ăn ngon. Lại-tra-hòa-la, tại sao Con lại ăn đồ ăn thiêu thúi như thế ? Lại-tra-hòa-la, vì lẽ gì Con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà không về nhà cha mẹ ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa:

— Nay Cư sĩ, tôi đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí, mà lại bị rửa mặt rằng: “Sa-môn trọc đầu này bị màu đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con; hết sức thương yêu, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dần đi mất. Đừng cho nó ăn !” Tôi nghe như vậy, bèn ra đi gấp.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói lời xin lỗi:

— Lại-tra-hòa-la, nên bỏ qua, Lại-tra-hòa-la, nên bỏ qua, cha thật không biết Con trở về nhà cha.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la với lòng cung kính, dìu đỡ Tôn giả Lại-tra-hòa-la vào nhà, trải chỗ ngồi và mời ngồi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la bèn ngồi xuống. Lúc đó, cha Tôn giả thấy Tôn giả ngồi xong, liền đến chỗ vợ và nói:

— Này Bà, nên biết, thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đã về lại nhà rồi, mau sửa soạn cơm nước.

Mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong rất đổi vui mừng phấn khởi, liền sửa soạn cơm nước. Soạn cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đồng lớn. Đồng tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người đứng bên kia không trông thấy nhau. Đón một đồng tiền lớn xong, bà đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la và nói:

— Lại-tra-hòa-la, đây là phần tiền tài của mẹ, còn tiền tài của cha Con thì nhiều vô lượng trăm nghìn không thể tính được. Nay ta giao hết cho Con. Lại-tra-hòa-la, Con nên xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao ? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ:

— Tôi nay có một điều muốn nói, Mẹ cho phép chăng ?

Mẹ Lại-tra-hòa-la nói:

— Này Con nhà cư sĩ, có điều gì cứ nói, tôi sẵn sàng nghe.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ:

— Nên may bao vải mới, đựng đầy tiền, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ sâu. Vì sao vậy ? Vì do tiền này làm cho con người đau khổ, sâu thương, khóc lóc, không được an vui.

Khi ấy, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ rằng: “Dùng cách này không thể làm cho Lại-tra-hòa-la xả giới, bỏ đạo ta nên đến mấy cô vợ cũ của nó, nói như thế này: “Các Con dâu ơi, các Con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này, trang điểm rồi, các Con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: Này Hiền lang bạc tình, có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho Hiền lang bỏ tôi để tu Phạm hạnh vì nàng ?” Nghĩ xong, bà ta liền đến chỗ các vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la và nói như thế này:

— Các Con dâu ơi, các Con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng loại anh lạc đó trang điểm rồi, các Con cùng nhau kéo đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm mỗi chân mà nói như thế này: “Này Hiền lang bạc tình, có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho Hiền lang bỏ tôi để tu Phạm hạnh vì nàng ?”

Khi ấy các cô vợ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ anh lạc mà Tôn giả Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng loại ngọc đó trang điểm rồi, họ liền kéo đến bên Tôn giả Lại-tra-hòa-la, mỗi người ôm một chân mà nói như thế nầy:

— Này Hiền lang bạc tình, có thiên nữ nào đẹp hơn em mà khiến cho Hiền lang bỏ em để tu Phạm hạnh vì nàng ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói với các cô vợ cũ:

— Này các Cô em, các Cô nên biết, tôi không phải vì thiên nữ mà tu Phạm hạnh, sở dĩ tôi tu Phạm hạnh là theo mục đích mà Phật đã dạy. Những điều cần làm, nay tôi đã làm xong.

Những cô vợ của Lại-tra-hòa-la đứng sang một bên, khóc lóc rơi lệ và nói:

— Tôi không phải em gái của Hiền lang, nhưng Hiền lang lại gọi tôi bằng cô em !

Lúc đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la quay nhìn về phía cha mẹ và nói:

— Này Cư sĩ, nếu có thí com, đúng giờ thì thí, tại sao làm phiền nhau ?

Bấy giờ, cha của Tôn giả liền đứng dậy, thân

hành lấy nước rửa dăng ngài các món hào soạn đôi dào, đủ các loại cứng và loại mềm, tự tay chăm lo cho ngài ăn no, ăn xong chải dọn chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết pháp cho cha mẹ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói bài tụng:

*Hãy nhìn cái bóng trang sức này:
Trân bảo, ngọc ngà, đủ các thứ,
Tóc uốn lượn, buông xuôi phía hữu,
Nốt ruồi xanh, mắt kẻ, mi dài.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ,
Với bao nhiêu gấm vóc lụa là,
Mong làm đẹp thân hình xú ố.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ,
Và bao nhiêu hương liệu bôi xoa,
Chân chấm điểm phấn vàng son đỏ.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ,
Áo tịn diệu trang hoàng thân thể,*

*Nhưng nguyên hình huyền hoặc còn tro.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ,
Khi nai đã đập tan lưới bẫy,
Và phá tung cổng nhốt một đời,
Ta bỏ lại miếng mồi, đi mất,
Ai ưa gì trói buộc thân nai ?*

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tụng rồi, dùng như ý túc nương hư không mà đi đến rừng Thâu-lô-tra, đi vào rừng ấy, trải tọa cụ, ngồi kiết-già dưới cây bệ-hê-lặc.

Bấy giờ, vua Câu-lao-bà, với quần thần trước sau vây quanh, ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi Tôn giả Lại-tra-hòa-la rằng:

— Nếu chúng ta nghe tin thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này, thì chúng ta quyết đến thăm.

Khi ấy vua Câu-lao-bà bảo thợ săn:

— Ông hãy đi xem xét rừng Thâu-lô-tra, ta muốn đến đó săn.

Thợ săn vâng lời liền đến xem xét rừng Thâu-lô-tra. Khi người thợ săn dò xét rừng, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la trải tọa cụ, ngồi kiết-già dưới cây bệ-

hê-lặc, liền nghĩ: “Người mà vua Câu-lao-bà cùng quần thần ngồi tại chánh điện, bàn tán khen ngợi, bây giờ ở đây.” Khi người thợ săn dò xét rừng Thâu-lô-tra xong, trở về tâu với vua Câu-lao-bà:

— Tâu Thiên vương, nên biết, tôi đã dò xét rừng Thâu-lô-tra rồi. Xin theo ý Thiên vương. Tâu Thiên vương, Tôn giả Lại-tra-hòa-la, người mà Thiên vương cùng quần thần ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi: “Nếu chúng ta nghe tin Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này thì chúng ta quyết đến thăm.” Nay Tôn giả Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la hiện đang ở trong rừng Thâu-lô-tra, trải tọa cụ, ngồi kiết-già dưới cây bệ-hê-lặc, Thiên vương muốn gặp có thể đến đó.

Vua Câu-lao-bà nghe xong, bảo người đánh xe:

— Ông mau mau sửa soạn xa giá, ta muốn đến gặp Lại-tra-hòa-la.

Người đánh xe vâng lệnh, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu với nhà vua:

— Tâu Thiên vương, nên biết, xa giá đã sửa soạn xong. Xin theo ý Thiên vương.

Khi ấy, vua Câu-lao-bà liền ngồi xe ra đi, đến rừng Thâu-lô-tra. Từ xa trông thấy Tôn giả Lại-tra-

hòa-la, nhà vua liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy vua Câu-lao-bà đến bèn nói:

— Thiên vương, nay đến đây, muốn ngồi chăng ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Hôm nay tuy tôi đến cảnh giới của mình, nhưng ý tôi muốn Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la mời tôi ngồi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền mời vua Câu-lao-bà rằng:

— Đây có chỗ ngồi riêng, xin mời Đại vương ngồi.

Khi ấy vua Câu-lao-bà với Tôn giả Lại-tra-hòa-la cùng chào hỏi nhau, rồi ngồi sang một bên. Vua nói với Tôn giả Lại-tra-hòa-la:

— Lại-tra-hòa-la, có phải vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng ? Hay vì không có tài vật nên sống đời học đạo ? Nay Lại-tra-hòa-la, Câu-lao-bà này, vương gia này có nhiều tài vật. Tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-tra-hòa-la, khuyên Lại-tra-hòa-la xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý mà tu phước nghiệp. Vì sao ? Lại-tra-hòa-la, giáo

pháp của Tôn sư rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, nói:

— Thiên vương nay dùng lời bất tịnh mời tôi, không phải với lời thanh tịnh mà mời.

Vua Câu-lao-bà nghe xong, hỏi:

— Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lời thanh tịnh mà mời, không phải dùng lời bất tịnh mà mời ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

— Thiên vương nên nói như thế này: “Lại-tra-hòa-la, nước tôi nhân dân an ổn, sung sướng, không việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô dịch, lúa gạo đầy đủ, khát thực dễ được. Lại-tra-hòa-la ở trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp.” Thiên vương nói như vậy gọi là dùng lời thanh tịnh mời tôi, không phải dùng lời bất tịnh mà mời.

Vua Câu-lao-bà nghe xong, nói:

— Nay tôi dùng lời thanh tịnh mời Lại-tra-hòa-la, chớ không dùng lời bất tịnh: Nước tôi nhân dân an ổn, sung sướng, không việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô

dịch, lúa thóc đầy đủ, khát thực dễ được. Lại-tra-hòa-la ở trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp.

Lại nữa, Lại-tra-hòa-la, có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Những gì là bốn ? Bệnh suy, lão suy, tài suy, thân suy.

Lại-tra-hòa-la, thế nào là bệnh suy ? Hoặc có người luôn bị bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: “Ta luôn bị bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng, nhưng không thể thực hiện dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.” Sau đó, người ấy vì bệnh suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Đó gọi là bệnh suy.

Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lão suy ? Hoặc có người tuổi già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, người ấy nghĩ rằng: “Ta tuổi đã già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết. Ta thật có dục vọng, nhưng không thể thực hiện dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.” Sau đó, người ấy vì lão suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín,

lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Đó gọi là lão suy.

Lại-tra-hòa-la, thế nào là tài suy ? Hoặc có người bán cùng, cô thế, người ấy nghĩ rằng: “Ta bán cùng, cô thế. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.” Sau đó, người ấy vì tài suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Đó gọi là tài suy.

Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là thân suy ? Hoặc có người bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Người ấy nghĩ rằng: “Ta đây, bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.” Sau đó, người ấy vì thân suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Đó gọi là thân suy.

Lại-tra-hòa-la khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn, thực đạo điều hòa, không lạnh không nóng, bình chánh an lạc, thuận hòa không tranh cãi. Do đó, các thứ đồ ăn mềm hay cứng được dễ dàng tiêu hóa, an ổn. Như vậy, Lại-tra-hòa-la chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học

đạo. Lại-tra-hòa-la khi xưa vào tuổi niên thiếu, tóc đen óng mượt, thân thể khỏe mạnh, rồi xuống ca tấu nhạc, mặc tình thỏa thích, lại chung diện thân thể, thường thích dạo chơi. Lúc ấy, bà con không ai muốn để Ngài học đạo. Cha mẹ khóc lóc, lo âu sâu não, cũng không cho Ngài xuất gia, học đạo. Nhưng Ngài cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la không vì lão suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la ở thôn Thâu-lô-tra nầy, về phần tài vật, gia đình Ngài là đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không vì tài suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la ở trong rừng Thâu-lô-tra nầy, các bà con giàu có đều còn sống. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không phải vì thân suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

Lại-tra-hòa-la, đối với bốn trường hợp suy vi ấy, hoặc có trường hợp nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Nhưng tôi thấy Lại-tra-hòa-la không có một suy vi nào có thể khiến Lại-tra-hòa-la cạo bỏ râu

tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la, hiểu biết thế nào, và được nghe những gì mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

— Thiên vương, đức Thế Tôn bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác dạy cho tôi bốn việc và tôi muốn nhấn lạc như thế, tôi thấy, nghe, hiểu biết như thế nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Những gì là bốn ?

Thiên vương, trong thế gian không ai hộ trì, không nơi nương tựa. Trong thế gian này tất cả đều phải đi đến sự già nua. Thế gian này vô thường cần phải bỏ đi. Thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái lôi kéo đi.

Vua Câu-lao-bà hỏi:

— Lại-tra-hòa-la, như Ngài vừa nói: “Thiên vương, thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa.” Nhưng Lại-tra-hòa-la, tôi có con, cháu, anh, em, bè đảng, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân; thầy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, Ma-la-

khiên-đê, Ma-ha-năng-già, lại có người xem tướng, có kẻ trù mưu, có người tính toán, có kẻ không hiểu điển sách, có người giỏi đàm luận, có quân thân, có quyền thuộc, người trì chú, kẻ biết chú, bất cứ phương nào có sự khủng bố thì kẻ chế phục ngăn cản. Nếu như lời Lại-tra-hòa-la nói: “Thiên vương, thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa” thì này Lại-tra-hòa-la, nói như thế có nghĩa gì ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

— Thiên vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Thiên vương, thân này có bệnh chăng ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Lại-tra-hòa-la, hiện nay thân này của tôi thường có phong bệnh.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi:

— Thiên vương, khi phong bệnh bộc phát rất trầm trọng, rất đau đớn, thì này Thiên vương, lúc ấy có thể bảo bọn con cháu, anh em, họ hàng, thân thích, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thầy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-la-thiên-đê, Ma-ha-năng-già, kẻ xem tướng, kẻ trù mưu, người tính toán, kẻ

thông hiểu điển sách, người giỏi đàm luận, quân thân, quyền thuộc, kẻ tri chủ, người biết chủ rằng: “Các Người hãy đến, tạm thời thay thế ta chịu sự khổ sở đau đớn để ta khỏi bệnh, an lạc được chăng ?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Không được, vì sao vậy ? Tôi tự gây nghiệp, nhơn nghiệp, duyên nghiệp, riêng chịu khổ sở đau đớn.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la bảo:

— Thiên vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy: “Thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa.” Tôi muốn nhấn lạc điều đó, tôi thấy, nghe hiểu biết điều đó, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

Vua Câu-lao-bà nói:

— Như Lại-tra-hòa-la đã nói: “Thiên vương, thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa.” Nay Lại-tra-hòa-la, tôi cũng muốn nhấn lạc điều đó. Vì sao như vậy ? Thế gian này quả thật không ai hộ trì, không nơi nương tựa.

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

— Như Lại-tra-hòa-la đã nói: “Thiên vương,

thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua.” Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

— Thiên vương, bây giờ tôi hỏi Ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Lúc Thiên vương còn hai mươi bốn, hay hai mươi lăm tuổi thì như thế nào ? Khi ấy, sự nhanh nhẹn đâu như ngày nay ? Khi ấy, gân sức, hình thể, nhan sắc đâu như ngày nay ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Khi tôi còn hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thể, nhan sắc, không ai hơn tôi. Lại-tra-hòa-la, tôi nay đã già nua, các căn lụn bại, mạng sống sắp chấm dứt, tuổi đây tám mươi, đâu có mạnh khỏe như xưa !

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

— Thiên vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy: “Thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua.” Tôi muốn nhấn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu, biết điều đó, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

Vua Câu-lao-bà nói:

— Như Lại-tra-hòa-la nói: “Thiên vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua.” Tôi cũng muốn nhấn lạc điều đó. Vì sao vậy ? Thế gian này quả thật tất cả đều đi đến chỗ già nua.

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

— Như Lại-tra-hòa-la đã nói: “Thiên vương thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi.” Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

— Thiên vương, bây giờ tôi hỏi Ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Thiên vương có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Đúng vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:

— Thiên vương có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, nếu thời gian đã đến, không thể nương tựa, chịu đựng sự phá hoại, tất cả thứ này đi đến chỗ diệt vong. Lúc đó, nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, có thể từ đời này mang qua đời sau không ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Không được. Vì sao như vậy ? Tôi phải đơn độc, cô thân, cũng không bạn bè, từ đời này mà đi đến đời sau.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: .

— Thế cho nên đức Thế Tôn dạy: “Thế gian này vô thường cần phải bỏ đi.” Tôi muốn nhấn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

Vua Câu-lao-bà nói:

— Như Lại-tra-hòa-la đã nói: “Thiên vương, thế gian này là vô thường, cần phải bỏ đi.” Tôi cũng muốn nhấn lạc điều đó. Vì sao ? Thế gian này quả thật vô thường, cần phải bỏ đi.

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

— Như Lại-tra-hòa-la đã nói: “Thiên vương, thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái luyến cuốn.” Lại-tra-hòa-la nói đến điều này, như vậy có nghĩa gì ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:

— Thiên vương, bây giờ tôi hỏi Ngài, xin tùy

theo sự hiểu biết mà trả lời. Thiên vương có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Đúng vậy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:

— Thiên vương có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, nếu có người từ phương Đông đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với Ngài: “Tôi từ phương Đông đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an vui, nhân dân đông đúc. Đại vương nên chiếm tài vật, nhân dân lực dịch của nước ấy.” Ngài có muốn chiếm nước ấy để cai trị không ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Lại-tra-hòa-la, nếu tôi biết có nước giàu có, có tài vật, nhân dân lực dịch như vậy; để được nhân dân nước ấy mà cai trị, tôi quyết đánh lấy nước ấy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại nói:

— Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng như vậy. Từ bờ biển lớn nếu có một người đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với Ngài: “Tôi từ bờ biển lớn đến, thấy nước ấy vô cùng giàu

có và an lạc, nhân dân đông đúc. Đại vương có thể chiếm tài vật, nhân dân lực dịch nước ấy.” Ngài có muốn chiếm nước ấy để cai trị không ?

Vua Câu-lao-bà đáp:

— Lại-tra-hòa-la, nếu tôi biết có nước giàu có, có tài vật, nhân dân lực dịch như vậy; để được nhân dân ước ấy mà cai trị thì tôi quyết đánh lấy nước ấy.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

— Thiên vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy: “Thế gian nầy không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái lôi cuốn. Tôi muốn nhấn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu, biết điều đó, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

Vua Câu-lao-bà nói:

— Như Lại-tra-hòa-la đã nói: “Thiên vương, thế gian nầy không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái lôi cuốn đi.” Tôi cũng muốn nhấn lạc điều đó. Vì sao ? Vì thế gian nầy quả thật không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, không bị ái cuốn đi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

— Đức Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói cho tôi nghe bốn việc này. Tôi muốn nhần lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

Lúc đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói bài tụng:

*Ta thấy người thế gian,
Có của, ngu, không thí,
Được của rồi cầu thêm,
Xan tham chứa chất của,
Nhà vua được thiên hạ,
Chỉnh ngự tùy sức mình,
Trong nước không biết đủ,
Lại tìm ở nước ngoài.
Nhà vua và nhân dân,
Chua lìa dục, mạng vong,
Vợ con, xõa tóc khóc,
Ôi thôi khổ khó ngăn !
Áo, chần, đệm chôn cất,
Hoặc chất củi hỏa thiêu,
Duyên đi đến đời sau,
Thiêu rồi, vẫn ngu dại.
Chết rồi, của không theo,*

Vợ con và nô tỳ,
Của nhiều cùng chung hưởng,
Ngu, trí cũng vậy thôi.
Người trí chẳng âu lo,
Kẻ ngu ôm sầu thảm,
Thế nên trí tuệ hơn,
Bước về nẻo chánh giác.
Chấp chặt theo cái có,
Kẻ ngu gây hạnh ác,
Vớ pháp, làm phi pháp,
Dùng sức cưỡng đoạt người,
Kém trí bắt chước theo,
Ngu làm nhiều hạnh ác,
Nhập thai đến đời sau,
Luôn luôn chịu sanh tử.
Đã thác sanh ra đời,
Chỉ làm các việc ác,
Như giấc bị bắt trời,
Tự làm ác hại mình;
Chúng sanh nầy như thế,
Cho mãi đến đời sau,
Do nghiệp mình đã tạo,
Tự làm ác, hại mình.
Như trái chín tự rụng,
Già trẻ cũng như vậy,

*Muốn trang điểm ưa vui,
Tâm hướng sắc tốt xấu,
Do dục sanh kinh hãi;
Vua ! Tôi thấy giấc nầy,
Biết Sa-môn vi diệu.*

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết như vậy, vua Câu-lao-bà sau khi nghe lời Tôn giả Lại-tra-hòa-la dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

133. KINH UU-BA-LY

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại Na-lan-đà, trong vườn xoài Ba-bà-ly.

Lúc bấy giờ, Trường khổ hạnh Ni-kiên, sau giờ ăn trưa, ung dung đi đến chỗ Phật, và sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên. Bấy giờ đức Thế Tôn bèn hỏi:

— Nhà khổ hạnh Ni-kiên-thân Tử chủ trương có bao nhiêu hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiên-thân Tử, không giảng dạy cho chúng tôi về những hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.

Nhưng người giảng dạy chúng tôi về sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.

Thế Tôn lại hỏi:

— Nhà khổ hạnh Ni-kiên-thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiên-thân Tử, giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Những gì là ba ? Đó là sự trừng phạt bằng thân, sự trừng phạt bằng miệng và sự trừng phạt bằng ý.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Thân phạt, khẩu phạt, ý phạt có khác nhau chăng ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Thưa Cù-đàm, đối với chúng tôi, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Khổ hạnh, các sự trừng phạt này đều giống nhau như vậy, Ni-kiên-thân Tử chủ trương trừng phạt nào nặng hơn hết để không hành ác

nghiệp, không tạo tác ác nghiệp ? Sự trừng phạt của thân chẳng ? Của khẩu chẳng ? Của ý chẳng ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Thưa Cù-đàm, ba sự trừng phạt này đều giống nhau như vậy, Tôn sư tôi, Ni-kiên thân tử, chủ trương thân phạt là nặng hơn hết, để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khẩu phạt thì không phải vậy, ý phạt thì nhẹ nhất, không bằng thân phạt rất lớn lao, rất nặng nề.

Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Khổ hạnh, Ông nói thân phạt nặng nhất chẳng ?

Trường Khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Thưa Cù-đàm, thân phạt nặng nhất.

Đức Thế Tôn hỏi lại lần thứ ba.

— Nay Khổ hạnh, Ông nói thân phạt nặng nhất chẳng ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên cũng ba lần đáp lại.

— Thưa Cù-đàm, thân phạt nặng nhất:

Đức Thế Tôn thẩm định ba lần Trường khổ hạnh Ni-kiên việc như vậy xong, bèn ngồi im lặng.

Trường khổ hạnh Ni-kiên hỏi:

— Sa-môn Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu sự trùng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp ?

Bấy giờ đức Thế Tôn đáp:

— Nay Khổ hạnh, Ta không giảng thuyết về những trùng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Ta chỉ giảng thuyết về nghiệp, để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.

Trường Khổ hạnh Ni-kiên Tử hỏi:

— Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp ?

Thế Tôn đáp lại:

— Nay Khổ hạnh, Ta giảng thuyết về ba nghiệp, để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế nào là ba ? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.

Khổ hạnh Ni-kiên lại hỏi:

— Cù-đàm, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Ta nói thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác vậy.

Trường khổ hạnh Ni-kiên hỏi:

— Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này đều giống nhau như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp ? Là thân nghiệp chăng ? Khẩu nghiệp chăng ? Ý nghiệp chăng ?

Thế Tôn lại đáp:

— Đây Khổ hạnh, ba nghiệp này đều giống nhau như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì như phải vậy.

Trường khổ hạnh Ni-kiên hỏi:

— Cù-đàm chủ trương lối ý nghiệp nặng nhất chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Đây Khổ hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất.

Trường khổ hạnh Ni-kiên lại hỏi đến ba lần.

— Cù-đàm chủ trương ý nghiệp là nặng nhất chăng ?

Thế Tôn cũng trả lời đến ba lần:

— Này Khổ hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất vậy.

Trường khổ hạnh Ni-kiên ba lần thẩm định Thế Tôn sự việc đó như vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều ba vòng quanh Thế Tôn, rồi lui về, đi đến chỗ Ni-kiên-thân Tử. Ni-kiên-thân Tử từ xa thấy Trường khổ hạnh đi đến, liền hỏi:

— Này Khổ hạnh, Ông từ đâu đến vậy ?

Trường Khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Tôi từ Na-lan-đà, vườn xoài bà-bà-ly, tại chỗ của Sa-môn Cù-dàm, đến đây.

Ni-kiên-thân Tử hỏi:

— Này Khổ hạnh, Ông có cùng Sa-môn Cù-dàm bàn luận không ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Có bàn luận với nhau.

Ni-kiên-thân Tử nói rằng:

— Này Khổ hạnh, nếu đã cùng với Sa-môn Cù-dàm bàn luận, thì hãy nói lại hết cho ta nghe, để hoặc giả ta biết được luận thuyết của vị ấy.

Rồi Trường khổ hạnh Ni-kiên mới đem sự việc thảo luận với Thế Tôn nói lại hết cho Ông nghe.

Ni-kiên-thân Tử nghe xong, khen rằng:

— Hay thay Khổ hạnh ! Ông đối với Tôn sư đã làm đúng pháp của đệ tử. Ông là người mà việc phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh, không sợ hãi, hoàn toàn tự tin tưởng, đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ. Vì sao vậy ? Ông vừa rồi đối với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyết thân phật nặng nhất để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phật không như vậy, ý phật càng kém hơn, không bằng thân phật rất lớn lao, rất trầm trọng.

Khi ấy cư sĩ Ưu-ba-ly cùng năm trăm cư sĩ tập trung trong chúng chấp tay hướng về Ni-kiên-thân Tử. Rồi cư sĩ Ưu-bà-ly nói với Trường khổ hạnh Ni-kiên rằng:

— Ngài đã ba lần thăm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Cư sĩ, ta đã ba lần thăm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy.

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói với Trường khổ hạnh Ni-kiên:

— Tôi cũng có thể đến thăm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ nắm cái bờm dài của con dê, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ cầm áo lông giữ bụi; tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như con voi chúa đã sáu mươi tuổi, là một đại long tượng kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân sức mạnh mẽ; một lực sĩ dẫn đi, lấy nước rửa bắp vế, rửa xương sống, rửa sườn, rửa bụng, rửa ngà, rửa đầu và giỡn chơi trong nước. Tôi cũng như vậy, có thể đến thăm định ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi tùy theo chỗ mà tẩy. Tôi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông ta bàn luận, hàng phục xong rồi trở về.

Ni-kiên thân tử nói với cư sĩ Ưu-bà-ly:

— Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm,

Ông cũng có thể, Trường khổ hạnh Ni-kiên cũng có thể vậy.

Khi ấy Trường khổ hạnh thưa với Ni-kiên-thân Tử:

— Tôi không muốn để cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao ? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyền thuật, có thể dùng chú huyền thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Tôi sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, làm đệ tử.

Ni-kiên-thân Tử nói:

— Khổ hạnh, cư sĩ Ưu-bà-ly mà bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy.

Cư sĩ Ưu-bà-ly bạch lại lần thứ ba với Ni-kiên-thân Tử:

— Hôm nay tôi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng Ông ấy đàm luận, hàng phục xong rồi trở về.

Ni-kiên-thân Tử cũng đáp lại lần thứ ba:

— Ông nên đi nhanh đi. Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm, Ông cũng có thể, Trường khổ hạnh Ni-kiên cũng có thể vậy.

Trường khổ hạnh Ni-kiên bạch lại lần thứ ba:

— Tôi không muốn để cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy ? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn thuật, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Tôi sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử !

Ni-kiên-thân Tử nói:

— Khổ hạnh cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy. Cư sĩ Ưu-bà-ly, Người hãy đi, tùy ý.

Lúc ấy cư sĩ Ưu-bà-ly cúi đầu sát chân Ni-kiên-thân Tử ba lần, rồi đi đến chỗ Phật, chào hỏi Phật rồi, ngồi sang một bên và hỏi:

— Thưa Cù-đàm, ngày nay có Trường khổ hạnh Ni-kiên đến đây không ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Cư sĩ, có đến.

Cư sĩ Ưu-bà-ly hỏi:

— Ngài có cùng với Trường khổ hạnh đàm luận chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Có cùng đàm luận.

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói:

— Thưa Sa-môn Cù-dàm, nếu Ngài có cùng với Trường khổ hạnh Ni-kiên đàm luận, thì xin Ngài thuật lại cho tôi nghe. Hoặc giả sau khi nghe xong, tôi biết được việc đó.

Rồi Thế Tôn thuật hết lại những điều mà Ngài cùng với Trường khổ hạnh đàm luận cho Ưu-bà-ly nghe

Lúc đó cư sĩ Ưu-bà-ly nghe rồi, liền khen:

— Hay thay Khổ hạnh, như vậy mới gọi là đối với Tôn sư thực hành đúng pháp của một đệ tử, điều phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, với sự hoàn toàn tự tin tưởng, đạt đến đại biện tài, bắt được ngọn cò cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ mà tự tác chúng, thành tựu an trụ. Vì sao ? Vì đã đối với Sa-môn Cù-dàm mà trình bày thân phật là tối trọng để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khẩu phật không như vậy, ý phật

càng kém hơn, không bằng thân phật, vốn rất cao lớn, rất nặng nề.

Khi đó, đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ta muốn cùng Ông bàn luận về việc này. Nếu như an trụ trong sự thật, thì bằng sự thật mà đáp.

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Thưa Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Cư sĩ, Ông nghĩ sao ? Ở đây, nếu Ni-kiên ưa bố thí, thích làm việc bố thí, không hý luận, không ưa hý luận, rất thanh tịnh, chuyên hành chú; nếu khi người ấy đi đến đây, đập chết nhiều côn trùng lớn, nhỏ, thì thế nào Cư sĩ ? Ni-kiên-thân Tử đối với việc sát sanh này chủ trương có quả báo ra sao ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Thưa Cù-đàm, nếu người ấy cố ý thì có tội lớn; nếu không cố ý thì không có tội lớn.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Cư sĩ, Ông nói cố ý là thế nào ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Thưa Cù-đàm, đó là ý nghiệp vậy.

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ông nên suy nghĩ rồi trả lời. Những điều nói trước trái với điều sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, Ông ở trong chúng này tự nói: “Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này”. Cư sĩ, Ông nghĩ sao ? Nếu có Ni-kiên chỉ uống nước nóng, dứt hẳn nước lạnh, nhưng khi không có nước nóng bèn muốn uống nước lạnh, không có nước lạnh, người ấy liền chết, thì này Cư sĩ, Ni-kiên-thân Tử có thể nói thế nào là chỗ thác sanh của Ni-kiên ấy ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Thưa Cù-đàm, có loại trời gọi là Ý trước. Vị Ni-kiên đó mạng chung do ý có chấp trước tất sanh vào chỗ ấy.

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều Ông nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở trong chúng này

tự nói: “Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.” Cư sĩ nghĩ sao, giả sử có người cầm dao bén tới đây, người ấy nói rằng: “Trong một ngày tôi chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-lan-đà nầy chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt” ? Cư sĩ, Ông nghĩ sao, người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-lan-đà nầy chất thành đồng thịt, làm thành một khối thịt không ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Không thể. Vì sao như vậy ? Xứ Na-lan-đà nầy quá giàu có, an vui, nhân dân đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích.

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ông nghĩ sao, nếu có Sa-môn Phạm chí đến, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như vậy: “Ta chỉ khởi một niệm sân làm cho cả xứ Na-lan-đà nầy thiêu rụi thành tro.” ? Nay Cư

sĩ, Ông nghĩ sao, Sa-môn Phạm chí ấy có thể làm cho cả Na-lan-đa này thiêu rụi thành tro không ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Thưa Cù-đàm, đâu phải chỉ một Na-lan-đa, đâu phải chỉ hai, ba, bốn, thưa Cù-đàm, Sa-môn Phạm chí kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, nếu khởi lên một niệm sân thì có thể làm cho cả nước, cả nhân dân thiêu rụi thành tro, huống gì một Na-lan-đa ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở tại chúng này, tự nói: “Sa-môn Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật và bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.”

Đức Thế Tôn hỏi:

— Cư sĩ, Ông có từng nghe rừng Đại Trạch, rừng Kỳ Lân, rừng Mê Lộc, rừng Tịch Tĩnh, rừng Không Dã, tại sao những khu rừng ấy là những khu rừng ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Thưa Cù-đàm, tôi có nghe.

— Cư sĩ, Ông nghĩ sao, vì ai mà rừng Đại Trạch, rừng KỳLân, rừng Mê Lộc, rừng Tịch Tĩnh, rừng Không Dã, tại sao những khu rừng này là những khu rừng ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly im lặng không đáp.

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, hãy trả lời nhanh đi ! Hãy trả lời nhanh đi ! Bây giờ không phải là lúc im lặng. Cư sĩ, ở tại chúng này, Ông tự nói: “Thưa Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.”

Lúc ấy, cư sĩ Ưu-bà-ly chỉ im lặng trong chốc lát, rồi nói:

— Thưa Cù-đàm, tôi không im lặng. Tôi chỉ suy nghĩ về ý nghĩa này vậy. Thưa Cù-đàm, những Ni-kiên ngu si không hiểu rõ ràng, không thể giải biết, không biết khoanh ruộng tốt, mà không tự xem xét, cứ mãi lừa dối tôi, tôi mê lầm vì họ, nghĩa là họ giảng thuyết với Sa-môn Cù-đàm thân phật là nặng nhất, để không làm ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp, khẩu phật và ý phật không bằng. Do lời dạy của Sa-môn Cù-đàm mà tôi hiểu nghĩa. Bởi vì

tiên nhọn khởi một niệm sân mà có thể làm cho rừng Đại Trạch, rừng Kỳ Lân, rừng Mê Lộc, rừng Tịch Tĩnh, rừng Không Dã, những khu rừng này trở thành những khu rừng. Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Hôm nay con xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau, con quy y cho đến khi chết.

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp.

Cư sĩ Ưu-bà-ly bạch:

— Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy ? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: “Cư sĩ, Ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt.” Bạch Thế Tôn, như con mà làm đệ tử của các Sa-môn Phạm chí khác thì họ đã cầm tràng phan, dù, lọng đi tuyên bố khắp Na-lan-đa nói như thế này: “Cư sĩ Ưu-bà-ly đã làm đệ tử ta ! Cư sĩ Ưu-bà-ly đã làm đệ tử ta !” Nhưng Thế Tôn lại nói như thế này: “Cư sĩ, Ông

hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng là tốt đẹp.”

Cư sĩ Ưu-bà-ly lại bạch:

— Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không cho các Ni-kiên đi vào nhà con chỉ có Thế Tôn và bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi.

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, các Ni-kiên Tử kia cùng với gia đình Ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau, nếu họ có đến thì Ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ.

Ưu-bà-ly bạch:

— Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao ? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: “Cư sĩ, các Ni-kiên kia, đối với gia đình Ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau, nếu họ đến thì Ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ.” Bạch Thế Tôn, ngày trước, con nghe nói Thế Tôn dạy như thế này: “Nên cho Ta, đừng cho người khác; nên cho đệ tử Ta đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta sẽ được phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước

lớn; cho đệ tử Ta thì sẽ được phước lớn, cho đệ tử người khác thì không được phước lớn.”

Đức Thế Tôn bảo:

— Cư sĩ, Ta không nói như thế. Ta không nói: “Nên cho Ta, đừng cho người khác; cho đệ tử Ta đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta thì phước lớn; nếu cho người khác thì không được phước lớn cho đệ tử Ta sẽ được phước lớn, nếu cho đệ tử người khác không được phước lớn.” Cư sĩ, Ta nói như thế này: “Cho tất cả tùy theo tâm hoan hỷ. Nhưng cho người không tinh tấn thì không được phước lớn; cho người tinh tấn sẽ được phước lớn.”

Cư sĩ Ưu-bà-ly bạch:

— Bạch Thế Tôn, xin nguyện không làm gì cả ! Con tự biết nên cho Ni-kiên, hay không nên cho Ni-kiên. Bạch Thế Tôn, hôm nay, một lần nữa, con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo ! Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau trọn đời quy y !

Khi ấy, đức Thế Tôn thuyết pháp cho cư sĩ Ưu-bà-ly, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, như pháp của chư Phật, trước hết đức Phật nói pháp

đoan chánh khiến người nghe' hoan hỷ, ấy là nói pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sanh tử là nhớp nhơ, khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, là bạch tịnh. Thế Tôn nói pháp như vậy cho ông nghe xong, Ngài biết ông có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nại, tâm tăng thượng, tâm hướng đến, tâm không nghi ngờ, tâm không triền cái, có năng lực nhận lãnh Chánh pháp. Rồi như pháp chánh yếu mà chư Phật đã nói, đức Thế Tôn liền nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho ông nghe. Cư-sĩ Ưu-bà-ly ngay tại chỗ ngồi, đã thấy bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu, cũng vậy, cư sĩ Ưu-bà-ly, ngay tại chỗ ngồi, thấy bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngay khi đó, Cư sĩ Ưu-bà-ly thấy pháp, đắc pháp, biết pháp bạch tịnh, đoạn nghi, trừ hoặc không còn tôn quý ai hơn, không theo ai khác, không có do dự, đã trừ quả chướng. Đối với pháp của Thế Tôn ông được vô sở úy, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con đã ba lần tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau trọn đời quy y !

Rồi cư sĩ Ưu-bà-ly sau khi nghe pháp được

Phật giảng dạy, khéo thọ trì, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đi quanh ba vòng, trở về nhà, bảo người đứng giữ cửa:

— Các Ông nên biết, nay ta là đệ tử của đức Thế Tôn. Từ nay về sau, các Ni-kiền Tử đến, chớ cho vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu có Ni-kiền đến thì nói với họ: “Tôn giả, cư sĩ Ưu-bà-ly nhận sự giáo hóa của Phật, đã làm đệ tử Phật, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi.” Nếu họ cầu xin ăn, nên bảo họ đứng đó, rồi đem cơm ra cho.

Khi đó, Trường khổ hạnh Ni-kiền nghe cư sĩ Ưu-bà-ly nhận sự giáo hóa của Sa-môn Cù-đàm, xin làm đệ tử và không cho Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào. Trường khổ hạnh Ni-kiền nghe như vậy rồi, đi đến chỗ Ni-kiền-thân Tử và bạch:

— Thưa Tôn sư, đây là điều mà tôi đã nói trước.

Ni-kiền-thân Tử hỏi:

— Khổ hạnh, điều gì gọi là điều mà Ông đã nói trước ?

Trường Khổ hạnh Ni-kiên đáp:

— Thưa Tôn sư, tôi đã nói trước rằng: “Không muốn cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy ? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyền thuật, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; tôi sợ rằng cư sĩ Ưu-bà-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử.” Thưa Tôn sư, cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiên vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào.

Ni-kiên-thân Tử nói:

— Khổ hạnh, cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không thể có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có.

Trường khổ hạnh Ni-kiên lại bạch:

— Thưa Tôn giả, nếu không tin lời tôi nói, thì Tôn giả có thể thân hành đến hoặc sai người đến.

Khi ấy, Ni-kiên-thân Tử bảo:

— Khổ hạnh, Ông nên thân hành đến đó xem sao, có phải cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến

hóa làm đệ tử rồi chăng ? Hay là Sa-môn Cù-đàm đã bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử rồi ?

Trường khổ hạnh Ni-kiên vâng lệnh Ni-kiên-thân Tử, đi đến nhà cư sĩ Ưu-bà-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Trường khổ hạnh Ni-kiên đến, liền nói như thế này:

— Tôn giả, cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã nhận sự giáo hóa của Phật và trở thành đệ tử Phật rồi, nên không cho các Ni-kiên vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào thôi. Nếu muốn xin ăn nên đứng đó, sẽ đem cơm ra cho.

Trường khổ hạnh Ni-kiên nói:

— Người giữ cửa, ta không dùng cơm.

Trường khổ hạnh Ni-kiên biết việc như vậy rồi, lắc đầu bỏ đi, về tới chỗ Ni-kiên-thân Tử và thưa:

— Thưa Tôn giả, đây là điều mà tôi đã nói trước.

Ni-kiên-thân Tử hỏi:

— Khổ hạnh, cái gì gọi là điều mà Ông đã nói trước ?

Trường khổ hạnh Ni-kiến đáp:

— Thưa Tôn sư, tôi đã nói: “Tôi không muốn cho cư sĩ Ưu-bà-ly đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy ? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn thuật, có thể dùng chú huyễn thuật biến hóa ông ấy thành đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tôi sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa thành đệ tử.” Thưa Tôn sư, Cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa thành đệ tử rồi, không cho các Ni-kiến vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào cửa mà thôi.

Ni-kiến-thân Tử nói:

— Khổ hạnh, cư sĩ Ưu-bà-ly, bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa thành đệ tử, việc ấy hoàn toàn không thể có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa thành đệ tử, việc ấy chắc chắn có.

Trường khổ hạnh Ni-kiến lại bạch:

— Thưa Tôn sư, nếu không tin lời tôi nói, xin Tôn sư thân hành đến.

Lúc đó Ni-kiến-thân Tử và đại chúng Ni-kiến gồm năm trăm người cùng đi đến nhà cư sĩ Ưu-bà-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiến-thân Tử và

đại chúng Ni-kiến gồm năm trăm người kéo đến, nói như sau:

— Tôn giả cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã nhận sự giáo hóa của Phật và trở thành đệ tử Ngài rồi, nên không cho các Ni-kiến vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào cửa mà thôi. Nếu muốn xin ăn, thì nên đứng đó, sẽ đem cơm ra cho.

Ni-kiến thân tử nói:

— Người giữ cửa, ta không dùng cơm, chỉ muốn gặp cư sĩ Ưu-bà-ly.

Người giữ cửa nói:

— Xin Ngài đứng đó, tôi vào thưa với Tôn giả cư sĩ Ưu-bà-ly.

Người giữ cửa kia liền vào thưa:

— Thưa Cư sĩ, Ni-kiến-thân Tử cùng đại chúng Ni-kiến gồm năm trăm người đang đứng ở ngoài cửa, và nói như thế này: “Ta muốn được gặp cư sĩ Ưu-bà-ly.”

Cư sĩ Ưu-bà-ly bảo người giữ cửa:

— Ông hãy đến phòng giữa, trải bày tòa ngồi, bày xong trở lại cho ta biết.

Người giữ cửa vâng lệnh đi đến nhà giữa trái bày giường ngôi, xong rồi trở lại thưa:

— Thưa Cư sĩ, đã trải giường xong, kính mong cư sĩ tự biết thời.

Cư sĩ Ưu-bà-ly dẫn người giữ cửa đi đến nhà giữa. Ở đó, có một cái giường thật cao rộng, to lớn, rất sạch sẽ, được trải khéo léo đó là chỗ cư sĩ Ưu-bà-ly trước kia đã dìu Ni-kiên-thân Tử ngôi lên đó, thì bây giờ cư sĩ Ưu-bà-ly lên ngôi kiết-già và bảo với người giữ cửa:

— Ông ra chỗ Ni-kiên-thân Tử và nói như thế này: Tôn nhơn, Cư sĩ Ưu-bà-ly nói Tôn nhơn muốn vào thì tùy ý.

Người giữ cửa vâng lệnh đi ra, đến chỗ Ni-kiên và nói:

— Tôn nhơn, cư sĩ Ưu-bà-ly nói, Tôn nhơn muốn vào thì tùy ý.

Lúc đó, Ni-kiên-thân Tử và đại chúng Ni-kiên gồm năm trăm người cùng vào nhà giữa. Cư sĩ Ưu-bà-ly vừa trông thấy Ni-kiên-thân Tử và đại chúng Ni-kiên gồm năm trăm người cùng vào, bèn nói:

— Tôn nhơn, ở đây có chỗ ngôi, muốn ngôi, xin tùy ý.

Ni-kiên-thân Tử nói:

— Cư sĩ, Ông nên làm như thế chẳng ? Tự mình lên tòa cao ngôi kiết-già, cùng nói chuyện với người khác như người xuất gia học đạo không khác ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói:

— Tôn nhơn, tôi có đồ vật, muốn cho thì cho, không cho thì không cho. Chỗ ngôi này tôi có, cho nên tôi nói: “Có chỗ ngôi; muốn ngôi, xin tùy ý.”

Ni-kiên-thân Tử trải chỗ ngôi mà ngôi rồi nói:

— Cư sĩ, vì sao như vậy ? Muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng khi trở về, lại bị hàng phục. Cũng như có người vào rừng tìm con mắt, nhưng khi trở về lại bị mất con mắt. Cũng vậy, Cư sĩ, muốn đến hàng phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng khi trở về lại bị hàng phục. Như người khát nước đi vào hồ nước, nhưng trở về vẫn khát nước; Cư sĩ cũng vậy, muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng khi trở về, lại bị hàng phục. Nay Cư sĩ, vì sao vậy ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói:

— Tôn nhơn, xin nghe tôi nói ví dụ. Người trí tuệ nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Tôn nhơn, ví như một người Phạm chí có người vợ trẻ; người vợ kia đang mang thai, nói với chồng :

“— Tôi nay mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp về cho con.”

Lúc đó, Phạm chí kia nói với vợ:

“— Chỉ mong Nàng được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì mua đồ chơi con trai cho nó, nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái cho nó.”

Người vợ ba lần nói với chồng:

“— Tôi nay mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp về cho con.”

Phạm chí cũng ba lần nói với vợ:

“— Chỉ mong Nàng được bình yên sanh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì phải mua đồ chơi con trai, nếu sanh con gái thì sẽ mua đồ chơi con gái.”

Phạm chí kia thương vợ quá sức, liền hỏi:

“— Khanh muốn mua đồ chơi gì cho con ?”

Người vợ đáp:

“— Anh mua đồ chơi con khi con đẹp.”

Phạm chí nghe rồi đi vào chợ mua đồ chơi đẹp bằng con khi con, đem về nói với vợ:

“— Tôi đã mua đồ chơi con khi đẹp cho con về đây.”

Người vợ thấy rồi, chê màu sắc không đẹp, liền nói với chồng:

“— Anh nên đem thứ đồ chơi con khi con này đến thợ nhuộm màu vàng để được dễ thương hơn, và nhồi cho nó phát ra ánh sáng.”

Phạm chí nghe xong, liền cầm đồ chơi con khi đến thợ nhuộm và nói:

“— Hãy nhuộm đồ chơi con khi này thành màu vàng, làm cho nó dễ thương và nhồi cho nó phát ra ánh sáng cho tôi.”

Khi ấy, người thợ nhuộm nói với Phạm chí:

“— Đồ chơi con khi nhuộm thành màu vàng làm cho dễ thương, việc này làm được. Nhưng không thể nhồi cho nó phát ra ánh sáng.”

Khi ấy người thợ nhuộm nói bài tụng này:

*Khi nhỏ nhắn thợ sắc,
Không hay nhắn thợ nhồi,
Nhồi nói mạng chung tất,
Chịu sao được với chày.
Đây là đây xú uế,
Khi con đây bất tịnh.*

Thưa Tôn nhơn, những điều Ni-kiên nói cũng giống như vậy, không thể chịu đựng được những nạn vắn của người khác, cũng không thể suy nghĩ quán sát được, chỉ có nhiễm ngu si, không nhiễm trí tuệ. Tôn nhơn lại nghe đây, cũng như chiếc áo Ba-la-nại thanh tịnh, người chủ cầm đến thợ nhuộm nói:

“— Nhuộm giùm chiếc áo này thành cực đẹp, làm cho dễ thương, cũng đập nhồi cho phát ánh sáng.”

Lúc đó, thợ nhuộm bảo với chủ áo:

“— Áo này có thể nhuộm thành màu rất đẹp, làm cho dễ thương, cũng có thể đập nhồi cho phát ánh sáng.”

Khi ấy thợ nhuộm nói bài tụng này:

*Như áo Ba-la-nại
Trắng sạch, chịu sắc màu,
Đập xong thì mềm mại,
Sáng chói càng thêm đẹp.*

Thưa Tôn nhơn, những điều các đấng Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã dạy cũng như vậy, rất đủ khả năng chịu đựng những nạn vắn của kẻ khác, cũng có thể suy nghĩ quán sát một cách thỏa đáng, chỉ có nhiễm trí tuệ, không nhiễm ngu si.

Ni-kiên-thân Tử nói:

— Cư sĩ, Ông đã bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa bằng chú huyền thuật.

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói:

— Đó là loại chú huyền thuật tốt đẹp, loại chú huyền thuật rất tốt đẹp. Thừa Tôn nhơn, loại chú huyền thuật đó làm cho cha mẹ tôi được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài, vợ con, nô tỳ, người giúp việc, quốc vương Na-lan-đa và tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời, làm cho tất cả được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.

Ni-kiên-thân Tử nói:

— Cư sĩ, toàn cõi Na-lan-đa đều biết cư sĩ Ưu-bà-ly là đệ tử Ni-kiên, nay đây cuối cùng là đệ tử của ai ?

Khi ấy, cư sĩ Ưu-bà-ly, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gối phải quỳ xuống đất, nhắm phương có Phật, chấp tay hướng về đó và nói:

— Tôn nhơn, hãy nghe điều tôi nói đây:

*Đại Hùng trừ si ngốc,
Đoạn uế, bất hàng phục,
Vô dịch vi diệu tư,
Học Thiên, trí, giới đức,*

Ẩn ẩn, không bợn nhơ,
Bà-ly đệ tử Phật,
Bậc đại Thánh đã tu,
Đạt thành tự tại thuyết.
Thiện niệm, diệu quán sát,
Không thấp, cũng không cao
Bất động, thường tự tại,
Bà-ly đệ tử Phật.
Không công, hằng biết đủ,
Thành mãn, trừ xan tham,
Hiện Sa-môn chứng ngộ,
Tôn đại sĩ hậu thân.
Vô tử, không nhiễm trần,
Bà-ly đệ tử Phật
Bao dung, không tăng tột
Đấng Tịch Mặc nhiệm mầu
Dũng mãnh, hằng an ổn
Trụ pháp, vi diệu tư.
Điều ngự, không hỷ luận,
Bà-ly đệ tử Phật.
Đại long sống vượt tục,
Giải trừ mọi sử kiết,
Ứng thanh tịnh biện tài
Tuệ phát, là ưa thích.
Đức Thích-ca, cõi ngoài,

Bà-ly đệ tử Phật.

Siêu thế, Thiền tư duy,
Thanh tịnh trừ nhiễm loạn,
Nụ cười không dấy hận,
Đệ nhất đời viễn ly,
Thường chuyên tinh vô úy
Bà-ly đệ tử Phật.

Bạc Thất tiên vô đẳng,
Chứng tịnh hạnh, tam minh
Tịnh tẩy, như đèn sáng,
Tịch tịnh dứt oán kết
Dũng mãnh, cực thanh tịnh,
Bà-ly đệ tử Phật.

Tịch huệ vững đất bằng
Trí trừ tham thế gian,
Đáng thờ, tối thượng nhân,
Bạc vô đẳng không trên
Tự Điều ngự triệt sản,
Bà-ly đệ tử Phật.

Đoạn dục, vô thượng thiện,
Khéo điều ngự vô song
Vô thượng, thường hoan hỷ,
Trừ nghi rục sắc quang;
Đoạn mạn, vô thượng giác,
Bà-ly, đệ tử Phật.

*Đoạn ái, vô tử giác,
 Khỏi tan, lửa đã tắt,
 Đấng Như Khứ Thiện Thệ,
 Đấng Vô đẳng, tối tôn.
 Đấng Đại danh chơn chánh,
 Bà-ly đệ tử Phật.
 Trăm lời tán Phật này,
 Tự phát, không cần nghĩ.
 Những điều Bà-ly nói
 Chư Thiên đến hội tể
 Khéo gia sức hùng biện
 Đúng pháp, đúng nhân tài.
 Ni-kiên-thân Tử hỏi,
 Đệ tử của Như Lai.*

Ni-kiên-thân Tử hỏi:

— Cư sĩ, Ông ca ngợi Sa-môn Cù-đàm với ý gì ?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:

— Hãy nghe tôi nói ví dụ. Người trí nghe ví dụ thì hiểu rõ ý nghĩa. Như thầy trò người làm tràng hoa, chọn các loại hoa, dùng dây dài kết làm các loại tràng hoa. Cũng như vậy, thừa Tôn nhơn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác được vô lượng người ca tụng. Ngài là bậc mà tôi tôn kính, nên tôi ca tụng.

Khi nói pháp này, cư sĩ Ưu-bà-ly xa lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn đối với các pháp. Ni-kiên-thân Tử liền ói máu nóng rồi đến nước Bà-hòa, vì tai họa này mà mạng chung.

Phật nói như vậy, Cư sĩ Ưu-bà-ly nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

134. KINH THÍCH VẤN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, trong động Nhon-dà-la, trên núi Bệ-dà-đê, phía Bắc thôn Nại-lâm.

Bấy giờ Thiên vương Thích nghe Phật du hóa tại phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, trú trong động Nhon-dà-la trên núi Bệ-dà-đê, phía Bắc thôn Nại-lâm. Khi ấy Thiên vương Thích bảo Ngũ Kết nhạc tử:

— Ta nghe đức Thế Tôn du hóa tại phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, trú trong động Nhon-dà-la, trên núi Bệ-dà-đê, phía Bắc thôn Nại-

lâm. Nay Ngũ Kết, Ông hãy cùng ta đến yết kiến đức Thế Tôn.

Ngũ Kết nhạc tử thưa:

— Xin vâng.

Lúc đó Ngũ Kết nhạc tử ôm đàn lưu ly cùng đi theo Thiên vương Thích. Chư thiên ở Tam thập tam thiên nghe Thiên vương Thích rất khao khát muốn gặp Phật. Bấy giờ trong khoảnh khắc nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên vương Thích cùng chư thiên Tam thập tam và Ngũ Kết biến mất khỏi cõi trời Tam thập tam, và hiện đến phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-dà, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại-lâm, cách động đá không xa.

Lúc bấy giờ núi Bệ-đà-đề có hào quang chiếu sáng rực rỡ như lửa cháy. Nhân dân ở chung quanh núi thấy vậy, nghĩ rằng: “Núi Bệ-đà-đề bị lửa đốt cháy khắp nơi.”

Khi ấy Thiên vương Thích sau khi đã đứng xuống tại một nơi, bảo rằng:

— Nay Ngũ Kết, đức Thế Tôn là như vậy, Ngài ở nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bật, không tiếng động, xa lánh, không có sự dũ, không có bóng người,

tùy thuận mà tĩnh tọa, có đại oai đức. Chư thiên thấy đều hâm mộ đời sống xa lánh, tĩnh tọa ấy, đời sống an ổn khoái lạc ấy. Chúng ta chưa thông báo trước, không nên tự tiện bước tới. Nay Ngũ Kết, Ông hãy đi đến thông báo trước, sau đó chúng ta mới bước tới. Ngũ Kết thưa:

— Xin vâng.

Ngũ Kết, sau khi vâng lời dạy của Thiên vương Thích, liền ôm đàn lưu ly đi trước đến động đá Nhon-đa-la, rồi nghĩ rằng: “Nên biết nơi này cách Phật không gần, cũng không xa, để Phật có thể biết được và nghe được âm thanh của ta.”

Khi đã đến đứng ở nơi kia, Ngũ Kết gảy đàn lưu ly và hát lên những bài tụng nói về tình yêu, nói về rộng, nói về Sa-môn, nói về A-la-hán:

*Hiền nương ơi !
Ta kính lễ phụ mẫu nàng,
Mặt trăng và đám-phù-lâu,
Đã sanh nàng thù diệu,
Gây hoan lạc lòng ta.*

*Như nóng bức mong gió mát,
Như nóng khát mong nước lạnh,
Như vậy, ta yêu nàng,
Như La-hán yêu Chánh pháp.*

Như dòng nước khó giữ,
Lụy tình cũng như vậy,
Đời đời mong sống chung,
Như cúng dường Vô Trước.

Ao nước trong và mát,
Dưới đáy có cát vàng,
Như voi chúa nóng bức,
Xuống ao, tắm mát tình.

Như voi bị móc câu,
Lòng ta bị nàng khuấy phục,
Ta hành động, nàng không hay,
Ta yếu đuối, nhưng với nàng chưa được.

Tâm ý ta hoàn toàn lệ thuộc,
Và phiền oan đã đốt cháy tim,
Và vì vậy, không còn hoạn lạc,
Như một người rơi vào miệng hùm,

Như Thích tử tư duy Thiên tọa,
Hằng vui say trong sự nhất tâm;
Như Mâu-ni đạt thành giác ngộ,
Cũng diệu tịnh, như ta được nàng.

Như niềm vui đại Thánh Mâu-ni,
Do chúng đắc viên toàn giác đạo;

Niềm vui ta cũng ở nơi kia,
Hằng khao khát được nàng hội tụ.

Như người bệnh mong cầu thuốc chữa,
Như đói ăn hoài niệm thức ăn,
Ơi Hiền nữ, mong lòng ta tắt,
Như nước ngừng, cho ngọn lửa tàn.

Nếu ta có hành vi tạo phước,
Như cúng dường La-hán Chơn nhân,
Thọ báo ấy tức thành tịnh diệu,
Ta mong cùng Hiền nữ sống chung.

Ta ước nguyện bên Nàng vĩnh kiếp,
Không xa Nàng sống lẻ đơn thân;
Và ta hẹn theo Nàng được chết,
Không mong gì cách' biệt ly sanh,

Ôi Thiên đến cho tôi lời nguyện !
Bậc Tôn cao Tam thập tam thiên,
Ôi Đại thánh trên đời tối thượng !
Chúng cho đây lời nguyện vững bền.

Kính lễ bậc Hùng Lực,
Tối thượng giữa nhân gian,
Dứt trừ gai ái dục,
Con lạy đáng Nhật Thân.

Bấy giờ đức Thế Tôn từ tam-muội dậy, tán thán Ngũ Kết nhạc tử:

— Lành thay, lành thay ! Này Ngũ Kết, giọng ca của Ông cùng với tiếng đàn hòa điệu, tiếng đàn và giọng ca hòa điệu. Giọng ca không đi ngoài tiếng đàn, tiếng đàn không đi ngoài giọng ca. Này Ngũ Kết, Ông nhớ lại ngày xưa, Ông có ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rộng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này chăng ?

Ngũ Kết thưa:

— Bạch Thế Tôn, mong Đại tiên nhơn tự biết cho. Bạch Đại tiên nhơn, ngày xưa, khi Thế Tôn mới chứng đại giác đạo, Ngài ở tại Uất-bệ-la, bên bờ sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại. Bấy giờ con gái của nhạc vương Đàm-phù-lâu tên Hiền Nguyệt Sắc và có một Thiên thần tên là Kết, con trai của Ma-dâu-lệ, người đánh xe, yêu người con gái kia. Bạch Đại tiên nhơn, vị ấy trong lúc đang yêu người con gái ấy, con cũng yêu người con gái ấy. Nhưng bạch Đại tiên nhơn, khi ấy con yêu muốn người con gái ấy mà hoàn toàn không được. Bấy giờ con đứng sau người con gái ấy mà ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rộng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán.

Bạch Đại tiên nhơn, khi con ca tụng bài kệ này thì người con gái ấy quay lại nhìn, hân hoan nụ cười mà nói với con: “Ngũ Kết, tôi chưa được thấy Thế Tôn, nhưng tôi nghe từ các vị Trời Tam thập tam nói rằng: “Đức Thế Tôn là bậc Như Lai, là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu.” Ngũ Kết, nếu Ông đã từng nhiều lần ngợi khen Thế Tôn, vậy có thể cùng với tôi đồng thời kính bậc Đại tiên nhơn.” Con chỉ gặp gỡ nàng được một lần duy nhất, từ đó về sau không còn thấy lại.

Bấy giờ Thiên vương Thích nghĩ rằng: “Ngũ Kết nhạc tử đã làm cho Thế Tôn ra khỏi Thiên định, thông báo ta với Thiện Thệ.” Rồi Thiên vương Thích nói:

— Ngũ Kết, Ông hãy đến nơi ấy, thay mặt ta đánh lễ sát chân Phật và thăm hỏi đức Thế Tôn rằng: “Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ?” Và nói như vậy: “Bạch Đại tiên nhơn, Thiên vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam thiên muốn đến yết kiến Thế Tôn.”

Ngũ Kết thưa:

— Xin vâng.

Khi đó Ngũ Kết ôm đàn lưu ly chấp tay hướng về Phật bạch:

— Bạch Thế Tôn, kính Đại tiên nhơn, Thiên vương Thích xin đánh lễ dưới chân Ngài, thăm hỏi Thế Tôn: “Thánh thể có được mạnh khỏe, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không ? Bạch Đại tiên nhơn, Thiên vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn.”

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Ngũ Kết, mong cho Thiên vương Thích được an ổn khoái lạc; chư Thiên, loài Người, A-tu-la, Kiên-đát-hòa, La-sát và tất cả các loài chúng sanh khác đều được an ổn khoái lạc. Nay Ngũ Kết, Thiên vương Thích có muốn đến yết kiến Ta thì hãy tùy ý.

Ngũ Kết nghe Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, trở về đến chỗ Thiên vương Thích thưa rằng:

— Tâu Thiên vương, tôi đã bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nay đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương nên tự biết thời.

Bấy giờ Thiên vương Thích cùng chư Thiên

Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Ngài, ba lần tự xưng tên họ rằng:

— Bạch Đại tiên nhơn, con là Thiên vương Thích, con là Thiên vương Thích.

Đức Thế Tôn bảo:

— Đúng như vậy, đúng như vậy ! Này Câu-dục, Ông chính là Thiên vương Thích.

Thiên vương Thích ba lần tự xưng tên họ, đánh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên. Trừ Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử cũng đánh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên.

Khi ấy Thiên vương Thích thưa:

— Bạch Đại tiên nhơn, con nên ngồi cách xa hay gần Ngài ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Ông hãy ngồi gần Ta. Vì sao ? Vì Ông còn có hàng chư Thiên quyến thuộc nữa.

Rồi Thiên vương Thích đánh lễ chân Phật, và ngồi sang một bên. Chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử cũng đánh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy động Nhơn-đà-la bỗng nhiên rộng lớn. Vì sao ? Vì nhờ oai thần của Phật và oai

đức chư Thiên vậy. Thiên vương Thích sau khi ngồi xuống, thưa rằng:

— Bạch Đại tiên nhơn, đã từ lâu con muốn đến yết kiến Thế Tôn, muốn thưa hỏi về giáo pháp. Bạch Đại tiên nhơn, xưa kia một thời đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ, trong Thạch nham. Bạch Đại tiên nhơn, lúc đó con vì mình và chư Thiên Tam thập tam, đi xe ngàn voi đến nhà của đại vương Bệ-sa-môn. Bệ-sa-môn đại vương có người thiếp tên Bàn-xà-na. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang nhập định, im lặng tịch nhiên. Người thiếp chấp tay đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn. Bạch Đại tiên nhơn, con nói với Bàn-xà-na rằng: "Này Hiền muội, nay không phải lúc ta đến yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang nhập định. Nếu khi nào Thế Tôn xuất định, Hiền muội hãy thay mặt đã đánh lễ Thế Tôn và thăm hỏi rằng: "Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không ?" Rồi nói như vậy: "Bạch Đại tiên nhơn, Thiên vương Thích đánh lễ chân Phật và thăm hỏi rằng: Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không ?"" Bạch Đại tiên nhơn, cô em ấy có thay mặt con đánh lễ chân Phật và thăm hỏi Thế Tôn; Thế Tôn có nhớ chăng ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Câu-dục, cô em ấy có thay mặt Ông đánh lễ và cũng nói lại đây đủ ý Ông muốn thăm hỏi. Ta có nhớ việc ấy. Nay Câu-dục, khi Ông đi về, Ta nghe tiếng xe lăn và xuất định.

— Bạch Thế Tôn, ngày xưa con có nghe rằng khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở đời, thì Thiên chúng được hưng thịnh mà A-tu-la lại bị giảm thiểu. Bạch Đại tiên chơn, chính mắt con trông thấy Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn theo Phật tu hành Phạm hạnh, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được đến cõi lành, sanh lên trời. Bạch Đại tiên nhơn, Thích nữ Cù-tỳ là đệ tử của Thế Tôn cũng theo Ngài tu tập Phạm hạnh, ghê tởm thân nữ, ái lạc thân nam, chuyển thân nữ thành thân nam, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi Tam thập tam thiên làm con của con. Nàng đã thọ sanh rồi, chư Thiên đều gọi là Cù-bà Thiên tử, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân. Bạch Đại tiên nhơn, con lại thấy có ba vị Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập Phạm hạnh, nhưng không xả ly dục, khi thân hoại

mạng chung, họ sanh vào trong cung kỷ nhạc thấp kém. Họ đã thọ sanh rồi, ngày ngày đến Tam thập tam thiên cung phụng chư Thiên, hầu hạ Cù-bà Thiên tử. Thiên tử thấy họ, liền nói bài kệ:

*Pháp nhãn Ưu-bà-di,
Ta tên là Cù-tỳ,
Phụng kính Phật và Pháp,
Tịnh ý thờ Tăng già.
Ta đã nhờ ân Phật,
Thích tử nhiều phước đức,
Diệu sanh Tam thập tam,
Thiên tử, mọi người biết.
Biết người vốn Tỳ-kheo,
Thọ sanh Thần kỹ nhạc,
Chấp tay đứng trước mặt.
Cù-bà nói kệ cho,
Vốn con đức Cù-đàm,
Khi ta ở nhân gian,
Đã từng đến nhà ta.
Ấm thực hằng cúng dường.
Người vốn cùng bậc Thánh,
Hành vô thượng Phạm hạnh,
Nay là để người sai,
Thường nhật kính phụng Trời,
Xưa ta hầu hạ Người,*

Cùng nghe pháp Như Lai,
Được tín, thành tựu giới,
Khéo sanh khỏi trời nầy.
Người vốn được thờ phụng,
Hành vô thượng Phạm hạnh,
Nay là để người sai,
Thường nhật kính phụng Trời.
Mặt mày Người là gì,
Phật pháp đã thọ trì,
Thánh nhân đã dạy rõ,
Pháp nội tâm chứng tri.
Ta xưa hầu các vị,
Nay nhạc thần liệt hạ,
Tự theo phi pháp hành,
Tự sanh phi pháp vậy.
Ta sống đời tại gia,
Nay xem thắng đức ta,
Chuyển nữ thành Thiên tử,
Thọ ngũ dục tự do,
Con Cù-bà bị mắng,
Buồn nản, rồi tán thán:
Ta nay hãy tiến hành,
Thiên tử nói thật đúng.
Hai trong số cần hành,
Nhớ pháp luật Cù-đàm,

Biết dục là tai họa,
Bèn xả ly dục tham.
Chúng bị dục kết triển,
Tức xả ly được liền,
Như voi bức dây xích,
Vượt Tam thập tam thiên.
Nhơn-đa-la, Thiên, Phạm,
Tất cả đều đến nhóm;
Vị ấy vượt bảo tòa,
Hùng mãnh xả trần dục.
Đế-thích thấy ưu phiền,
Thắng Thiên, Thiên trong Thiên,
Chúng vốn sanh hạ tiện,
Nay vượt Tam tam thiên.
Ưu phiền rồi tám tắc,
Cù-bà nói sau hết:
Nhân gian Phật tối hậu,
Đáng Mâu-ni thắng dục,
Con Ngài do lãng quên,
Bị quả trách, lại được.
Một trong ba vị kia,
Sanh trong loài kỷ nhạc,
Cả hai thành chánh đạo,
Tại trời Định căn lạc.
Người nói pháp như vậy,

*Đệ tử không mê hoặc,
Vượt lậu, đoạn tà nghi,
Lễ Phật, thắng phục căn,
Bởi vì rõ các pháp.
Hai vị được thăng tiến.
Từ chỗ thăng tiến ấy,
Sanh lên trời Phạm thiên,
Chúng con biết pháp ấy,
Nên đến đây, Đại tiên !*

Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Vị quý này không bao giờ đua nịnh, dối trá, không huyền hoặc, chất trực, nếu có hỏi, là muốn biết, chứ không phải muốn xúc nhiễu. Những điều vị này muốn hỏi cũng vậy. Ta hãy nói A-tỳ-đàm sâu sắc.” Đức Thế Tôn biết như thế, Ngài liền nói bài kệ cho Thiên vương Thích:

*Vì an lạc đời này;
Và an lạc đời sau,
Câu-dục, tùy ý hỏi,
Theo những điều sở thích;
Điều này hay điều kia,
Ta quyết đoán hết thấy,
Thế Tôn đã nghe cho,
Nhật thiên cầu đạo nghĩa,
Tại nước Ma-kiệt-đà,
Hiển Bà-sa-bà hỏi.*

Bấy giờ Thiên vương Thích thưa:

— Bạch Thế Tôn, các loại Trời, Người, A-tu-la, Kiên-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi có bao nhiêu kiết sử ?

Đức Thế Tôn nghe xong, đáp:

— Nay Câu-dục, các loại Trời, Người, A-tu-la, Kiên-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kết là bôn xên và ganh tị. Mỗi chủng loại ấy đều nghĩ rằng: “Mong sao ta không gây, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, sống trong an lạc.” Họ tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gây, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ, mà không sống trong sự an lạc.

Thiên vương Thích nghe thế, thưa rằng:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện thế ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Các loại Trời, Người, A-tu-la, Kiên-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kiết sử. Họ nghĩ rằng: “Mong sao ta không gây, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ mà sống trong sự an lạc.” Họ tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gây, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà

không sống trong sự an lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, bỏn xén, ganh tị do nhơn gì, duyên gì, từ đâu sanh ra, do đâu mà có, lại do nhơn nào mà không có bỏn xén và ganh tị ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, bỏn xén và ganh tị nhơn nơi ái lạc và không ái lạc, duyên nơi ái lạc và không ái lạc, từ nơi ái lạc và không ái lạc sanh ra, do ái lạc và không ái lạc mà có, nếu không có ái lạc và không ái lạc thì không có bỏn xén và ganh tị.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Bỏn xén và ganh tị nhơn nơi ái lạc và không ái lạc, duyên nơi ái lạc và không ái lạc,

từ nơi ái lạc và không ái lạc sanh ra do ái lạc và không ái lạc mà có. Nếu không có ái lạc và không ái lạc thì không có bôn xên và ganh tị. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nơn, ái lạc và không ái lạc là do nơn gì, duyên gì, từ đâu phát sanh, do đâu mà có, lại do nơn nào mà không có ái lạc, và không ái lạc ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, ái lạc và không ái lạc là nơn nơi dục và duyên nơi dục, từ nơi dục mà phát sanh, do dục mà có, nếu vô dục thì không có ái lạc và không ái lạc.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch

Đại tiên nhơn ! Ái lạc và không ái lạc là nhơn nơi dục và duyên nơi dục, từ nơi dục mà phát sanh, do dục mà có, nếu vô dục thời không có ái lạc và không ái lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều của Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, dục là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có, do nhơn nào không có dục ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, dục là do nhơn nơi suy niệm và duyên nơi suy niệm, từ nơi suy niệm mà phát sanh, do niệm mà có, nếu không có suy niệm thì không có dục.

Thiên vương Thích nghe thế, thưa rằng:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Dục là nhơn nơi suy niệm và duyên

nơi suy niệm, từ nơi suy niệm mà phát sanh, do suy niệm mà có, nếu không có suy niệm thì không có dục. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nơn, suy niệm là do nhân gì, duyên gì từ đâu mà sanh, do đâu mà có, lại do nơn nào không có suy niệm ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, niệm nhân nơi tư duy và duyên nơi tư duy, từ nơi tư duy mà phát sanh, do tư duy mà có, nếu không có tư duy thì không có niệm.

Do suy niệm có dục, do dục có ái lạc và không ái lạc do ái lạc và không ái lạc có bồn xên và ganh tị; do bồn xên và ganh tị mà sanh ra dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy, là toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

Nếu không có tư duy thì không có suy niệm; nếu không có suy niệm thì không có dục, nếu không có dục thì không có ái lạc và không ái lạc; nếu không có ái lạc và không ái lạc thì không có bồn xên và ganh tị, nếu không có bồn xên và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, hai lưỡi. Trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn khối lớn đau khổ nầy tiêu diệt.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

— Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nham ! Suy niệm là nham nơi tư duy, duyên nơi tư duy, từ tư duy mà phát sanh, do tư duy mà có, nếu không có tư duy thì không có suy niệm. Do suy niệm nên có dục, do dục nên có ái lạc và không ái lạc, do ái lạc và không ái lạc nên có bồn xên và ganh tị, do bồn xên và ganh tị nên có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, hai lưỡi. Trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn khối lớn khổ đau nầy phát sanh. Nếu không có tư duy thì không có suy niệm, nếu không có suy niệm thì không có dục, nếu không có dục thì không có ái lạc và không ái lạc, nếu không có ái lạc và không ái thì không có bồn xên và ganh tị, nếu không

có bôn xên và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, dối trá, nói láo, hai lưỡi. Trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn khối lớn đau khổ này bị tiêu diệt. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nơn, thế nào là con đường tiêu diệt hý luận, Tỳ-kheo thực hành như thế nào để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, con đường tiêu diệt hý luận là Tám chi Thánh đạo. Đó là chánh kiến, cho đến chánh định. Nay Câu-dục, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự

như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nơn ! Con đường tiêu diệt hý luận là Tám chi Thánh đạo, đó là chánh kiến, cho đến chánh định. Bạch Đại tiên nơn, đó là con đường tiêu diệt hí luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nơn ! Đúng như pháp mà Phật đã dạy, con đã rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nơn, một Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, phải đoạn bao nhiêu pháp và hành bao nhiêu pháp ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn pháp và tu hành ba pháp. Thế nào là ba ? Một là niệm, hai là ngôn, ba là mong cầu.

Nay Câu-dục, niệm ấy Ta nói có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu niệm mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ, nếu niệm mà nên hành

thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí, để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như thế.

Này Câu-dục, mong cầu, Ta nói cũng có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu mong cầu mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ, nếu mong cầu mà nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mong cầu kia vậy.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn ! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ ! Thật sự như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, đoạn ba pháp, tu hành ba pháp. Thế nào là ba: Một là niệm, hai là ngôn, ba là mong cầu. Đại tiên nhơn đã nói niệm có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu niệm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại tiên nhơn liền đoạn trừ. Nếu niệm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại tiên nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm có trí, để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như vậy. Đại tiên nhơn đã nói mong cầu cũng có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu mong cầu tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại tiên nhơn liền đoạn trừ. Nếu mong cầu giảm tổn pháp ác, bất thiện và

tăng trưởng thiện pháp, thì Đại tiên nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mong cầu kia vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, có bao nhiêu pháp để thủ hộ, giải thoát luật nghi, tu hành bao nhiêu pháp ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp để thủ hộ, giải thoát luật nghi và tu hành sáu pháp ấy. Sáu pháp ấy là gì ? Đó là, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp.

Này Câu-dục, mắt thấy sắc, Ta nói có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc không nên hành thì Ta liền đoạn trừ, nếu mắt thấy sắc nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mắt vậy. Cũng như thế đối với

tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc và ý biết pháp, Ta nói cũng có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp không nên hành thì Ta liền đoạn trừ, nếu ý biết pháp nên hành thì ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý vậy.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

— Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp để thủ hộ, giải thoát luật nghi và tu hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì ? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại tiên nhơn đã nói mắt thấy sắc có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc mà tăng trưởng pháp ác, bất thiện và làm giảm tổn thiện pháp thì Đại tiên nhơn liền đoạn trừ. Nếu mắt thấy sắc làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và làm tăng trưởng thiện pháp thì Đại tiên nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mắt. Cũng như thế đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại tiên nhơn đã nói ý biết pháp cũng có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp làm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và

giảm tổn thiện pháp thì Đại tiên nhơn liền đoạn trừ. Nếu ý biết pháp làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại tiên nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, vị Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, phải đoạn bao nhiêu pháp và tu hành bao nhiêu pháp ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Câu-dục, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, lại cũng phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì ? Một là hỷ, hai là ưu, và ba là xả. Nay Câu-dục, hỷ, Ta nói có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu hỷ mà không nên hành, thì Ta liền đoạn trừ. Nếu hỷ nên hành,

thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ. Ưu cũng như thế. Nay Câu-dục, xả, Ta nói cũng có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu xả mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu xả nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

— Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hỷ luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc phải đoạn trừ ba pháp và thực hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì ? Một là hỷ, hai là ưu và ba là xả, Đại tiên nhơn đã nói hỷ có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu hỷ làm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm thiện pháp thì Đại tiên nhơn liền đoạn trừ. Nếu hỷ làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại tiên nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu-hỷ. Ưu cũng thế. Đại tiên nhơn đã nói xả cũng có hai loại: nên hành và không nên hành. Nếu xả làm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại tiên nhơn liền đoạn trừ. Nếu xả làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại tiên nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm,

có trí để thành tựu xả. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiên Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, tất cả Sa-môn Phạm chí đều đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng chẳng ?

Đức Phật dạy:

— Nay Câu-dục, tất cả Sa-môn Phạm chí không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng.

Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, tất cả Sa-môn Phạm chí vì lý do gì mà không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới; vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi ở nơi giới đó, tùy khả năng của

mình mà nói một chiều rằng: “Đây là chân thật, ngoài ra đều hư dối.” Nay Câu-dục, cho nên, tất cả Sa-môn Phạm chí không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng vậy.

Thiên vương Thích nghe xong, thưa:

— Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới; vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi ở nơi giới đó, tùy khả năng tùy phương tiện của mình mà nói một chiều rằng: “Đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng.” Bạch Đại tiên nhơn, vì thế mà tất cả Sa-môn Phạm chí không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, tất cả Sa-môn Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu

cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh chẳng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, không hẳn là tất cả Sa-môn Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh.

Thiên vương Thích thưa:

— Bạch Đại tiên nhơn, vì lý do gì mà không hẳn là tất cả Sa-môn Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Câu-dục, nếu có Sa-môn Phạm chí đối với vô thượng ái tận, không toàn vẹn chơn chánh tâm giải thoát; kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Nay Câu-dục, nếu có Sa-môn Phạm chí đối với vô thượng ái tận toàn vẹn chơn chánh, tâm giải thoát; kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh.

Thiên vương Thích thưa:

— Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Nếu có Sa-môn Phạm chí đối với vô thượng ái tận không hoàn toàn chân chánh tâm giải thoát; kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Bạch Đại tiên nhơn, nếu có Sa-môn Phạm chí đối với vô thượng ái tận, toàn vẹn chọn chánh, tâm giải thoát; kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn ! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ ! Đúng như vậy, bạch Đại tiên nhơn ! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:

— Bạch Đại tiên nhơn, con lâu nay bị gai nhọn nghi hoặc, ngày nay được Thế Tôn nhổ ra. Vì sao ? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác vậy.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Câu-dục, Ông nhớ lại ngày xưa, Ông

đã từng hỏi các Sa-môn Phạm chí việc như thế chẳng ?

Thiên vương Thích đáp:

— Bạch Thế Tôn, mong Đại tiên nhơn tự biết cho. Bạch Đại tiên nhơn, chư Thiên Tam thập tam tập họp tại pháp đường, đều ôm lòng sâu não, thường than thở rằng: “Chúng ta nếu gặp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác thì quyết sẽ đến yết kiến. Bạch Đại tiên nhơn, nhưng chúng con không gặp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, nhưng đã thụ hưởng đầy đủ các đặc tánh của ngũ dục. Bạch Đại tiên nhơn, chúng con phóng dật. Sau khi sống phóng dật, vị Thiên tử có đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung. Bạch Đại tiên nhơn, khi con thấy vị Thiên tử đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung, bèn chán nản hết sức, lông tóc đều dựng ngược : “Mong ta không ở nơi này mà mạng chung nhanh chóng.” Bạch Đại tiên nhơn, con do sự chán nản này, sự ưu não này, nếu thấy Sa-môn Phạm chí nào sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bật, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; sau khi thấy vị ấy ưa thích nơi xa vắng, tĩnh tọa, sống an ổn khoái lạc,

con cho rằng đây là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, liền đến yết kiến. Vị ấy không biết con nên hỏi rằng:

“— Người là ai ?”

Lúc đó con đáp rằng:

“Bạch Đại tiên nhơn, con là Thiên vương Thích. Bạch Đại tiên nhơn, con là Thiên vương Thích.”

Vị ấy lại hỏi:

“— Ta từng thấy Thiên vương Thích và cũng thấy chúng tánh Thích. Vì lý do gì gọi là Thích ? Vì lý do gì gọi là chúng tánh Thích ?”

Con liền đáp:

“— Bạch Đại tiên nhơn, nếu có ai đến hỏi con việc như vậy, con liền tùy khả năng, tùy sức mà trả lời cho nên được gọi là Thích.”

Vị ấy lại hỏi:

“— Chúng ta tùy theo việc mà hỏi Thích, Thích cũng tùy việc mà đáp lại ta.”

Vị ấy hỏi việc con, nhưng con không hỏi việc vị ấy. Vị ấy quy mạng con, nhưng con không quy mạng vị ấy. Bạch Đại tiên nhơn, từ nơi Sa-môn

Phạm chí kia, hoàn toàn không được oai nghi giáo pháp, huống nữa lại được hỏi như vậy sao ?

Lúc ấy Thiên vương Thích nói bài tụng:

*Thích đi qua, đi qua,
Thích nay nói như thế,
Lìa xa, ý sở niệm,
Trừ nghi, các do dự.
Từ lâu hành ở đời,
Tìm cầu đức Như Lai,
Thấy Sa-môn Phạm chí,
Tĩnh tọa nơi xa vắng,
Cho là Chánh Đẳng Giác,
Đến phụng cúng, lạy thờ,
“Làm sao được thăng tấn ?”
Như vậy, con hỏi ngài.
Đã hỏi, không được đáp,
Thành đạo và đạo tích.
Thế Tôn nay vì con,
Nếu ý có sở nghi,
Sở niệm và sở tư,
Và sở hành của ý,
Biết tâm ẩn và hiện,
Thánh nhãn nói cho hay.
Tôn Phật là Đạo sư;*

Tôn Vô trước Mâu-ni,
Tôn bậc đoạn kiết sử,
Độ mình và độ người.
Đệ nhất trong hàng giác ngộ,
Tối thượng ngự trong hàng điều ngự,
Tối diệu tịch trong hàng tịch tĩnh,
Đáng Đại tiên, độ mình, độ người.
Nên con lễ Đại hùng,
Cúi lạy Tối thượng nhân,
Đoạn tuyệt gai ái dục,
Kính lạy đáng Nhật Thân.

Bấy giờ đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

— Nay Câu-dục, Ông có nhớ ngày xưa, được xả ly như vậy, được hoan hỷ như vậy, là do nơi Ta đã chứng đắc pháp hỷ chăng ?

Thiên vương Thích thưa:

— Bạch Thế Tôn, mong Đại tiên nhơn tự biết cho. Bạch đại tiên nhơn, một thời xưa, chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau. Bạch Đại Tiên nhơn, khi chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau, con nghĩ rằng: “Mong chư Thiên thắng, phá vỡ A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm A-tu-la hãy để tất cả cho Tam thập tam Thiên thọ thực.”

Bạch Đại tiên nhơn, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, chư Thiên đắc thắng, phá vỡ chúng A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la, tất cả đều được chư Thiên Tam thập tam thọ thực. Bạch Đại tiên nhơn, bấy giờ có ly, có hỷ, nhưng xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, không được thân thông, không được giác đạo, không được Niết-bàn. Bạch Đại tiên nhơn, ngày nay được ly, được hỷ, không xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, được thân thông, được giác đạo và được Niết-bàn.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Câu-dục, do đâu Ông được ly, được hỷ ?
Do nơi Ta mà được pháp hỷ chăng ?

Thiên vương Thích đáp:

— Bạch Đại tiên nhơn, con nghĩ rằng: “Ta mạng chung ở đây, sanh nơi nhân gian. Ở đó, nếu có dòng họ rất giàu sang, tiền của vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được, phong hộ thực ấp, các thứ đầy đủ; hoặc là chúng tộc Sát-lợi trưởng giả, chúng tộc Phạm chí trưởng giả và các chúng tộc khác, rất là giàu sang, của cải vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được, phong hộ thực ấp, các thứ đầy đủ. Sau khi sanh vào chúng tộc như

thế, thành tựu các căn, có tín tâm đối với Pháp, Luật mà đức Như Lai giảng thuyết. Sau khi có tín tâm, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo và học trí. Sau khi học trí, nếu thành đạt trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu sau khi học trí mà không được cứu cánh học trí và sau khi học trí, thì có chư Thiên nào có đại phước hựu, có sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, rất có oai lực, an ổn khoái lạc, sống mãi trong cung, sanh nơi tối thượng. Con sanh trong đó.

Bấy giờ Thiên vương Thích nói bài tụng:

*Xả ly thân Thiên thân,
 Sanh xuống nơi nhân gian,
 Thác thai không ngu muội,
 Tùy sở thích hân hoan.
 Thành thân đã toàn mãn,
 Theo chánh đạo tu hành,
 Hành Phạm hạnh trọn đủ,
 Sống vui đời, xin ăn.*

Và sau khi học trí, nếu được trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí rồi mà được trí nhưng không chứng đắc cứu cánh trí, sẽ thành vị Trời tối

thượng diệu, chư Thiên đều nghe danh. Đó là Sắc cứu cánh thiên, con sẽ sanh vào đó. Bạch Đại tiên nhơn, con mong sẽ chứng đắc A-na-hàm. Bạch Đại tiên nhơn, con nay đã chứng đắc Tu-đà-hoàn.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Câu-dục, Ông do đâu mà được cực hảo, cực cao, cực rộng, với một ít sai biệt để có thể tự nói là đã chứng đắc Tu-đà-hoàn ?

Bấy giờ Thiên vương Thích dùng bài kệ đáp:

*Không còn tôn ai khác,
Ngoài cảnh giới Thế Tôn,
Chúng vô thượng sai biệt,
Cõi này thật chưa từng.
Đại tiên, con ngồi đây,
Ngay với thân Trời này,
Con liền được tăng thọ,
Chính mắt thấy như vậy.*

Khi nói pháp này, Thiên vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Tám vạn chư Thiên cũng được xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Khi ấy Thiên vương Thích thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn ai khác, không còn do

ai khác, không còn do dự, đã an trụ trên quả chúng, đối với giáo pháp của Phật, chúng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật và thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỷ-kheo, ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con tự quy y.

Bấy giờ Thiên vương Thích ngợi khen Ngũ Kết nhạc từ rằng:

— Lành thay ! Lành thay ! Ngũ Kết, Ông đã giúp ích cho ta rất nhiều. Vì sao ? Do Ông mà Phật xuất định, bởi Ông trước hết khiến Thế Tôn từ định ra, khiến ta sau đó mới yết kiến được Thế Tôn. Nay Ngũ Kết, sau khi từ đây trở về, ta đem Hiền Nguyệt Sắc, con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu gả cho Ông, và đem bốn quốc của Nhạc vương ấy trao cho Ông, phong tặng Ông làm vua kỹ nhạc.

• Bấy giờ, Thiên vương Thích bảo chư Thiên Tam thập tam:

— Các Ông hãy lại đây. Nếu trước kia chúng ta thường ba lần cung kính lễ sự Phạm thiên vương trên cõi trời Phạm thiên, thì từ nay, tất cả đều cung kính lễ bái, hầu hạ Thế Tôn. Vì sao ? Vì Thế Tôn là Phạm thiên; là vị Phạm thiên sẽ tạo hóa những

bậc Tối tôn, những chúng sanh đã sanh, những chúng sanh đã có và sẽ có, những gì Phạm thiên biết, Ngài đều biết hết; những gì Phạm thiên có thể thấy, Ngài đều thấy hết.

Rồi Thiên vương Thích, chư Thiên cõi Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử, nếu trước kia từng ba lần cung kính lễ bái, hầu hạ Phạm thiên sống trên cõi Phạm thiên, nay họ thấy đều hướng sự cung kính lễ bái, hầu hạ ấy đến đức Thế Tôn, cúi đầu trước đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Thiên vương Thích, chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử, lại lần nữa cung kính lễ bái hầu hạ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiều quanh ba vòng rồi bỗng nhiên biến mất khỏi chỗ đó, không thấy nữa.

Bấy giờ Phạm thiên, với sắc tướng uy nghi, sáng chói rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, dùng kệ bạch Thế Tôn:

*Do gây nhiều thiện ích,
Do lợi nghĩa là Thiên,
Hiện giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.*

Khi Đại tiên nhơn nói pháp nầy, Thiên vương Thích xa lìa trần cấu, Pháp nhĩn về các pháp phát sanh, và tám vạn chư Thiên cũng xa lìa trần cấu, pháp nhĩn về các pháp phát sanh.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Phạm thiên rằng:

— Quả như vậy ! Quả như vậy ! Đúng như Phạm thiên đã nói:

*Do gây nhiều thiện ích,
Do lợi nghĩa là thiên,
Hiển giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.*

Này Phạm thiên, khi Ta nói pháp, Thiên vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhĩn về các pháp phát sanh, và tám vạn chư Thiên cũng xa lìa trần cấu, pháp nhĩn về các pháp phát sanh.

Đức Phật thuyết như vậy, Thiên vương thích, chư Thiên Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử và Đại Phạm thiên sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

135. KINH THIỆN SANH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Nhiêu-hà-mô.

Bấy giờ trong thành Vương Xá có con của vị cư sĩ tên là Thiện Sanh. Khi người cha sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trời trần, khéo dạy, khéo nhắc:

— Nay Thiện Sanh, sau khi cha mất, con phải chấp tay lạy sáu phương. Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào, thì ta hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi ta đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng

đường, lễ bái, thờ phụng lại ta. Cũng như vậy, phương Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới, nếu có chúng sanh nào thì ta hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi ta đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại ta.

Thiện Sanh, con vị cư sĩ, nghe cha dạy xong, thưa rằng:

— Con xin vâng theo lời cha dạy bảo.

Sau khi cha mất, vào mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm gội xong, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương: “Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Khi ấy, lúc đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào thành Vương Xá để khát thực. Khi đức Thế Tôn vào thành Vương Xá khát thực, từ xa trông thấy Thiện Sanh, con vị cư sĩ, vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương: “Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Đức Thế Tôn thấy thế, liền đi đến gần, hỏi Thiện Sanh con vị cư sĩ:

— Con của vị cư sĩ, Ông thọ nhận sự giáo hóa của Sa-môn Phạm chí nào dạy Ông cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng, vào mỗi buổi sáng tắm rửa, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương: “Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung

kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng, cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Thiện Sanh, con vị cư sĩ thưa:

— Bạch Thế Tôn, không có vị Sa-môn Phạm chí nào dạy con cả. Bạch Thế Tôn, cha của con khi sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trở lại với con, khéo dạy, khéo nhắc: “Này Thiện Sanh sau khi cha mất, con nên chấp tay mà lễ bái sáu phương: “Phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng, người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng

người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.” Bạch Thế Tôn, con vâng lời trời của cha nên con cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng, mỗi sáng sớm, tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương: “Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Dức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói:

— Con của vị cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có. Nay con của vị cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp cấu ác và bất thiện ở bốn phương; người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng, sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ, sanh vào cõi trời. Nay Con của vị cư

sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, có bốn thứ ô uế. Thế nào là bốn ? Nay Con của cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Sát sanh cùng trộm cắp,
Tà dâm, lấy vợ người,
Lời nói không chơn thật,
Bậc trí không ngợi khen.*

Nay Con của vị cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì ? Đó là ham muốn, sân hận, sợ hãi và ngu si.

Khi ấy đức Phật dạy tiếp bài kệ:

*Dục, nhuế, bố và si,
Làm hạnh ác, phi pháp,
Thanh danh tất bị diệt,
Như mặt trăng sắp tàn.*

Nay Con của vị cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước báo. Bốn việc đó là gì ? Đó là không ham muốn, không sân hận, không sợ hãi và không ngu si.

Khi ấy đức Thế Tôn dạy bài kệ:

*Đoạn dục, không nhuế, bố,
Không si, hành chánh hạnh,
Thanh danh được tròn đủ,
N như mặt trăng dân đầy.*

Này Con của vị cư sĩ, kẻ mong cầu của cái nên biết có sáu điều phi pháp. Sáu điều đó là gì ? Một là bằng mọi sự chơi bời bài bạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi các tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

Này Con của vị cư sĩ, với kẻ chơi bời bài bạc nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì ? Một là thắng thì sanh oán thù. Hai là thua thì sanh xấu hổ. Ba là mắc nợ thì ngủ không yên. Bốn là khiến kẻ thù vui mừng. Năm là khiến thân thuộc lo âu. Sáu là nói giữa đám đông không ai tin dùng.

Này Con của vị cư sĩ, người chơi bời bài bạc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có thì không thể có được; tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao.

Này Con của vị cư sĩ, với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu loại tai họa. Sáu loại đó là gì ? Một là không giữ được mình. Hai là không giữ được tài vật. Ba là không giữ được vợ con. Bốn là bị người nghi ngờ. Năm là sanh nhiều khổ họa. Sáu là bị người hủy báng.

Này Con của vị cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có thì không thể có được; tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao.

Này Con của vị cư sĩ, với người đam mê rượu chè nên biết có sáu loại tai họa. Sáu loại đó là gì ? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh càng tăng trưởng. Bốn là dễ lộ điều dấu kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mất trí, thành ngu.

Này Con của vị cư sĩ, người đam mê rượu chè, thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có thì không thể có được; tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao.

Này Con của vị cư sĩ, người gần gũi ác tri thức, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì ? Một

là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành.

Này Con của vị cư sĩ, người gần gũi ác tri thức, thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có thì không thể có được; tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao.

Này Con của vị cư sĩ, với người đam mê kỹ nhạc nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì ? Một là thích nghe ca. Hai là thích xem múa. Ba là thích đi đánh nhạc. Bốn là thích xem lắc chuông. Năm là thích vỗ tay. Sáu là thích tụ hội đông người.

Này Con của vị cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có thì không thể có được; tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao.

Này Con của vị cư sĩ, với người lười biếng nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì ? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá

nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc.

Này Con của vị cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có thì không thể có được; tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Bài học, đuổi theo sắc,
Nghiện rượu, thích đánh nhạc,
Gần gũi ác tri thức,
Lười biếng, không làm việc,
Buông lung, không giữ mình,
Những thứ ấy hại người.
Tới lui không giữ gìn,
Tà dâm, lấy vợ người,
Trong tâm thường kết oán,
Cầu nguyện không có lợi,
Uống rượu, nhớ nữ sắc,
Những thứ ấy hại người.
Nặng nề các việc ác,
Giao du, không nghe lời,
Chửi Sa-môn Phạm chí.
Diễn đảo có tà kiến,
Hung bạo làm nghiệp dữ,*

Những thứ ấy hại người.
Thiếu thốn không của cải,
Uống rượu, mất áo quần,
Mang nợ như chìm suối.
Kẻ ấy phá họ hàng.
Thường đi đến lò rượu,
Gần gũi bằng hữu xấu,
Muốn được của không được,
Lấy bạn bè làm vui,
Có nhiều bạn hữu ác,
Thường theo bạn không lành,
Đời nay và đời sau,
Hai đời đều bại hoại.
Người làm ác giảm lần,
Làm lành lần hưng thịnh
Người tập thắng càng tăng,
Cho nên phải tập thắng,
Tập thắng thời được thắng,
Thường theo trí tuệ thắng,
Càng được giới thanh tịnh,
Cùng an vui vi diệu.
Ngày thì ưa ngủ nghỉ,
Đêm lại thích rong chơi,
Buông lung, thường uống rượu,
Ở nhà không yên được,
Quá lạnh và quá nóng,
Đều lười biếng không làm,

*Rốt cuộc không sự nghiệp,
Không kiếm ra tài vật.
Hoặc lạnh và quá nóng,
Bất cần như ngọn cỏ,
Siêng làm việc như vậy,
Suốt đời đều an vui.*

Này Con của vị cư sĩ, có bốn hạng người không thân mà hình như thân. Bốn hạng người đó là gì ? Một là biết việc, thì chẳng thân mà hình như thân. Hai là trước mặt nói lời dịu ngọt, thì chẳng thân mà hình như thân. Ba là lời nói thì chẳng thân, mà hình như thân. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng thân, mà hình như thân.

Này Con của vị cư sĩ, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân mà hình như thân. Bốn trường hợp đó là gì ? Một là do lấy sự biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít, lấy nhiều. Ba là hoặc vì sợ mà làm thân. Bốn là vì lợi mà kết thân.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Người lấy biết làm việc,
Nói năng rất êm dịu,
Sợ, vì lời, kết thân
Biết chẳng thân, tuồng thân,
Nên xa lìa kẻ ấy,
Như sợ hãi trên đường.*

Này Con của vị cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân mà hình như thân. Bốn trường hợp đó là gì ? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là dạy làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói xấu.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu đặt chuyện hay ho,
Dạy làm ác, bất thiện,
Đối mặt thì ngợi khen,
Sau lưng lại nói xấu.
Nếu biết hay và ác,
Và biết hai lối nói,
Dù thân, không nên thân.
Biết kẻ ấy như vậy,
Nên xa lìa kẻ ấy,
Như sợ hãi trên đường.*

Này Con của vị cư sĩ, có bốn trường hợp, ngôn ngữ dù chẳng phải thân mà hình như thân. Bốn trường hợp đó là gì ? Một là bàn nhăm việc đã qua. Hai là bàn nhăm việc ngày mai. Ba là nói lời không thật. Bốn là bàn nhăm việc hiện tại không thành: “Ta nên làm hay không nên làm.”

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Bàn nhãm việc xưa sau,
Bàn nhãm việc đang diệt,
“Nên làm hay không làm”
Biết chẳng thân, như thân,
Nên xa lìa kẻ ấy,
Như sợ hãi trên đường.*

Này Con của vị cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác dù chẳng phải thân cận mà hình như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì ? Một là dạy các việc bài bạc. Hai là dạy đi rong chơi không phải thời. Ba là dạy uống rượu. Bốn là dạy thân cận kẻ ác.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Dạy các việc bài bạc,
Uống rượu, lấy vợ người,
Tập hạ không tập thắng,
Nó diệt như trăng tàn,
Nên xa lìa kẻ ấy,
Như sợ hãi trên đường.*

Này Con của vị cư sĩ, nên biết, có bốn hạng bạn lành. Bốn hạng đó là gì ? Một là cùng chịu khổ vui, nên biết đó là bạn lành. Hai là thương tưởng, nên biết đó là bạn lành. Ba là cùng làm lợi, nên

biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành.

Này Con của vị cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui. Bốn việc đó là gì ? Một là quên mình vì người. Hai là quên tài sản vì người. Ba là quên vợ con vì người. Bốn là biết nghe lời.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Xả dục, tài, vợ con,
Lời nói hay kham nhẫn,
Biết thân cùng khổ vui,
Kẻ trí nên làm thân.*

Này Con của vị cư sĩ, do bốn việc mà thương tương, nên biết là bạn lành. Bốn việc đó là gì ? Một là dạy cho diệu pháp. Hai là ngăn cấm ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là tránh oán gia.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Dạy lành, cản việc ác,
Khen trước mặt, tránh thù,
Biết bạn lành thương tương,
Kẻ trí nên làm thân.*

Này Con của vị cư sĩ, do bốn việc mà câu lợi nên biết là bạn lành. Bốn việc đó là gì ? Một là phát lộ việc kín ra. Hai là không che dấu việc kín.

Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi không buồn.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Việc mất bầy, không đau,
Lợi vui không cần buồn,
Biết bạn lành cầu lợi,
Kẻ trí nên thường thân.*

Này Con của vị cư sĩ, do bốn việc mà giúp đỡ, nên biết bạn lành. Bốn việc đó là gì ? Một là biết của cải hết. Hai là biết của cải hết liền cung cấp thêm. Ba là thấy buồn lung thì khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Biết của hết, cho thêm,
Buồn lung khuyên, thương tưởng,
Biết bạn lành giúp đỡ,
Kẻ trí nên làm thân.*

Này Con của vị cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

Này Con của vị cư sĩ, như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. Người con nên lấy năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều

đó là gì ? Một là tăng thêm của cải. Hai là cần đáng mọi việc. Ba là dâng cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng hết cho cha mẹ. Người con dùng năm việc như trên để phụng dưỡng thờ kính cha mẹ, cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì ? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ dùng năm điều ấy chăm sóc các con.

Này Con của vị cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này Con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Này Con của vị cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

Này Con của vị cư sĩ, như phương Nam, học trò đối với thầy cũng vậy. Học trò nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì ? Một là khéo vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ hầu hạ. Ba là hằng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là thường thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính phụng dưỡng sư trưởng, sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì ?

Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là gửi đến những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

Này Con của vị cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này Con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là học trò đối với thầy. Này Con của vị cư sĩ, nếu người từ thuận đối với sư trưởng chắc chắn có sự tăng ích, chớ không có sự suy hao.

Này Con của vị cư sĩ, như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm điều mà yêu thương cấp dưỡng vợ. Năm điều đó là gì ? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẽ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm điều để thương yêu, cấp dưỡng vợ. Người vợ phải lấy mười ba điều khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điều ấy là gì ? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là lo lắng các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa

phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống ngon lành, sạch sẽ. Mười ba là cúng dường Sa-môn Phạm chí. Người vợ lấy mười ba việc để khéo léo kính thuận chồng.

Này Con của vị cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này Con của vị cư sĩ, trong luật pháp bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Này Con của vị cư sĩ, nếu người từ mẫn với vợ, thì chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

Này Con của vị cư sĩ, như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến, cung cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì ? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc mà cho uống. Bốn là hết ngày cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cấp thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc này thương xót, cung cấp cho tôi tớ. Tôi tớ cũng nên lấy chín điều mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì ? Một là tùy lúc làm việc. Hai là chuyên chú làm việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là khi đi đến phương xa thì nên

khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là rộng rãi. Tôi tớ lấy chín đều khéo léo phụng sự chủ nhà.

Này Con của vị cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này Con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ. Này Con của vị cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

Này Con của vị cư sĩ, như vậy phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu cũng vậy. Bằng hữu nên lấy năm điều để ái kính cung cấp bằng hữu. Năm điều ấy là gì ? Một là ái kính. Hai là không khinh thường. Ba là không đối gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là giúp đỡ. Bằng hữu lấy năm điều trên để ái kính, cung cấp bằng hữu, bằng hữu này cũng lấy năm điều để nhớ nghĩ đến bằng hữu. Năm điều đó là gì ? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải đã hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buồn lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Bằng hữu lấy năm điều ấy để nhớ nghĩ đến bằng hữu.

Này Con của vị cư sĩ, như vậy phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Này Con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Dưới là

bằng hữu đối với bằng hữu vậy. Nay Con của vị cư sĩ, nếu người thương xót bằng hữu thì chắc chắn có sự tăng ích, chứ không phải có sự suy hao.

Nay Con của vị cư sĩ, như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn Phạm chí cũng vậy. Người thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn Phạm chí. Năm điều đó là gì ? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là sửa soạn chỗ ngồi mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon, sạch mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính, cúng dường Sa-môn Phạm chí. Sa-môn Phạm chí cũng lấy năm điều để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm điều ấy là gì ? Một là dạy cho có tín, thành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có Huệ, hành Huệ và lập Huệ. Sa-môn Phạm chí lấy năm việc ấy để nghĩ nhớ đến thí chủ.

Nay Con của vị cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Nay Con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Trên là giữa thí chủ và Sa-môn Phạm chí. Nay Con của vị cư sĩ, nếu người nào tôn kính, cúng dường Sa-môn Phạm chí chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

Này Con của vị cư sĩ, có bốn nhiếp sự. Bốn việc ấy là gì ? Một là thi ân, bố thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là làm lợi chung.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Tuệ thí và ái ngôn,
Thường vì người lợi hành,
Với tất cả, đồng sự,
Khắp nơi đều vang danh.*

*Đời do đây vững chắc,
Như người dong ruỗi xe,
Nhiếp sự này vắng mặt,
Con đối mẹ nên gì ?
Ai làm nên hiếu thuận ?
Con đối cha là chi ?*

*Viên toàn nhiếp sự ấy,
Phước hựu thật huy hoàng,
Chiếu xa như ánh nhật,
Tiếng tốt truyền đi nhanh,*

*Thông minh, không nói cộc,
Như vậy, làm nên danh.
Định vững, không cao ngạo,
Tiếng khen truyền đi nhanh,*

Thành tựu tín và giới,
Như vậy, làm nên danh.
Thức sớm, không giải đãi,
Thường cho người uống ăn,

Dù dắt vào nẻo chánh,
Như vậy, làm nên danh,
Bạc bẽ cùng lân tuất,
Ái lạc cũng đồng hàng,

Giữa người thân, nhiếp sự,
Thù dật như sư tử.
Học nghề, học buổi đầu,
Kiếm lợi, kiếm sau đó.

Sản nghiệp đã dựng thành,
Phân chia làm bốn phần,
Để cung cấp ẩm thực,
Để điền giả nông canh.
Để kho tàng chất chứa,
Phòng khi hữu sự cần;
Gồm nông tang, thương cổ,
Thu xuất, lợi một phần,

Thứ năm để cưới vợ,
Thứ sáu làm nhà cửa,
Tại gia sáu sự này,
Hưng thịnh sống dư giả

Tiền tài sẵn càng đầy,
Như nước xuôi biển cả,
Đời mưu sinh như vậy,
Như ong tìm hút nhụy.
Đời mưu sinh lâu dài,
Sống an lạc hưởng thọ.

Xuất tiền không xuất xa,
Không tản mác tung ra,
Không thể đem tài vật,
Cho hung bạo, ngoan tà.

Phương Đông là mẹ cha,
Phương Nam là tôn sư,
Phương Tây là thê tử,
Phương Bắc là nô tỳ,
Phương Dưới là bằng hữu,
Phương Trên bậc tịnh tu.
Nguyện lễ các phương ấy,
Phước đời này, đời sau,
Do lễ các phương ấy,
Thí chủ sanh trời cao.

Đức Phật thuyết như vậy, con của vị cư sĩ sau
khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

136. KINH THƯƠNG NHON CẦU TÀI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Thuở xưa, tại châu Diêm-phù có một số đông thương nhon cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn. Họ suy nghĩ như vậy: “Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về để cung cấp những chi dụng trong gia đình.” Họ lại suy nghĩ: “Này các Bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an

ồn. Vậy mỗi người trong chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển. Tức là túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè.”

Sau đó, mỗi người trong họ đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn, và mảng bè, rồi đi vào biển cả.

Khi họ đi vào biển cả, Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Các thương nhơn nầy mỗi người đều tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn, hay mảng bè, rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông của biển có ngọn gió lớn thổi dậy, thổi các thương nhơn tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, họ gặp một bọn con gái, rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy họ bèn nói:

“— Kính chào các Bạn ! Đón mừng các Bạn ! Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi và nằm; nào là rừng cây, hoa cỏ um tùm. Và lại có nhiều tiên tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hồ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triển châu; tất cả đều dành cho các Bạn.

Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhon châu Diêm-phù không đi về phương Nam dù là trong mộng.”

Những thương nhon ấy đều cùng với những người vợ nầy vui chơi hoan lạc. Rồi những thương nhon ấy vì cùng với những người vợ nầy gặp gỡ mà sanh ra con trai hoặc con gái.

Về sau, trong số thương nhon ở châu Diêm-phù đó có một người có trí tuệ, sống cô độc tại một nơi thanh vắng và nghĩ rằng: “Vì lý do gì những người đàn bà nầy ngăn cản chúng ta, không cho đi về phương Nam ? Ta nên dò xét người đàn bà sống chung, nếu biết người nầy đã ngủ, thì ta lặng lẽ ngồi dậy, và lên đi về phương Nam.” Thương nhon trí tuệ ở châu Diêm-phù ấy, sau đó, dò xét người đàn bà sống chung, khi biết người đó đã ngủ, bèn lặng lẽ ngồi dậy, rồi lên đi về phương Nam. Thương nhon trí tuệ châu Diêm-phù ấy đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang-dậy, tiếng nhiều người la khóc, ảo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc kêu réo vợ con và nhớ thương bạn bè thân thích và bảo châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn, khoái lạc không còn thấy nữa. Thương nhon nghe xong rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: “Mong cho loài Người và loài Phi nhon không xúc nhiều ta !”

Rồi thương nhơn trí tuệ châu Diêm-phù tự kiểm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Thương nhơn trí tuệ châu Diêm-phù khi đi lần về phương Nam, bỗng thấy phía Đông có một tòa thành sắt lớn, sau khi thấy, bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ bằng con mèo chun ra. Thương nhơn trí tuệ châu Diêm-phù ấy thấy phía Bắc thành sắt có một gốc cây to lớn, xum xuê, bèn đi đến gốc cây đại thọ ấy, từ từ leo lên, leo lên rồi hỏi đám đông rằng:

“— Này các Bạn, các Bạn vì có gì khóc la ảo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích và bảo châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn, khoái lạc không còn thấy nữa ?

Khi ấy đám đông đáp:

“— Này Bạn, chúng tôi cũng là thương nhơn ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn, rồi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình." Chúng tôi lại nghĩ rằng: "Này các Bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy, mỗi người trong chúng tôi hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức

là gôm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè." Ngày Bận, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn, và mảng bè, rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, Ngự vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Ngày Bận, thương nhon chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn, hay mảng bè, rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển có ngọn gió lớn thổi dậy, thổi thương nhon chúng tôi tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy chúng tôi gặp một nhóm con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng đủ loại trang sức. Những người con gái ấy thấy chúng tôi rồi, bèn nói rằng: "Kính chào các Bận, đón mừng các Bận. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi, lại có nhiều tiên tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, châu châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mao, xích thạch, triển châu, tất cả đều dành cho các Bận. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhon châu Diêm-phù không đi về phương Nam dù là trong mộng !" Ngày Bận, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng

tôi hơn vì cùng với những người vợ này gặp gỡ mà sanh ra con trai hoặc con gái. Nay Bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có những thương hơn khác ở giữa biển mà Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Nay Bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương hơn khác ở giữa biển mà Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải bước đường hết sức bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì những người đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất, những người đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Bạn nên biết, chúng tôi là những thương hơn ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người. Trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thành sắt lớn này. Nay Bạn, Bạn chớ có tin lời của những người đàn bà ấy. Họ không phải là người, chính là quỷ La-sát vậy.”

Bấy giờ thương hơn trí tuệ châu Diêm-phù, từ trên cây đại thọ thông thả leo xuống, trở ra đường cũ và về chỗ sống chung với người đàn bà ấy. Khi biết người đàn bà ấy còn ngủ say, ngay trong đêm

đó, thương nhơn trí tuệ châu Diêm-phù tức tốc trở lại chỗ ở của các thương nhơn châu Diêm-phù, và nói:

“— Các người hãy đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, chớ đem con cái theo. Hãy cùng nhau đến đó mật bàn công việc.”

Những thương nhơn châu Diêm-phù cùng đi đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, không đem theo con cái. Khi ấy, thương nhơn trí tuệ châu Diêm-phù nói:

“— Các bạn thương nhơn, khi tôi sống cô độc tại nơi thanh vắng và nghĩ rằng: "Vì lý do gì những người đàn bà này ngăn cản chúng ta, không cho chúng ta đi về phương Nam ? Ta nên dò xét người đàn bà sống chung, nếu biết người này đã ngủ, thì ta lặng lẽ ngồi dậy, và lên đi về phương Nam." Sau đó, tôi dò xét người đàn bà chung sống, khi biết người này đã ngủ, thì lặng lẽ ngồi dậy, rồi lên đi về phương Nam. Tôi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc áo não, hoặc kêu cha gọi mẹ, hoặc réo vợ réo con, nhớ thương bè bạn thân thích và bảo châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn, khoái lạc không còn thấy nữa. Nghe xong, Tôi rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, và

nghĩ: "Mong cho loài Người và loài Phi nhơn không xúc nhiễu ta." Rồi tôi tự kiểm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Khi tôi đi lần về phương Nam, bỗng thấy mé Đông có một tòa thành sắt lớn. Sau khi thấy, bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chun ra. Tôi lại thấy phía Bắc của thành sắt lớn có một gốc cây to lớn xum xuê, bèn đi đến gốc cây đại thọ ấy, từ từ leo lên, lên trên rồi, hỏi đám đông:

"— Này các Bạn, các Bạn vì có gì khóc la ảo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ, réo con, nhớ thương bạn bè thân thích và bảo châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn, khoái lạc không còn thấy nữa ?"

Đám đông kia đáp:

"— Này Bạn, chúng tôi là thương nhơn ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn; rồi nghĩ : Chúng ta ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình. Chúng tôi lại nghĩ : Này các Bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè.

"Này Bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn, và mảng bè, rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển thì Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này Bạn, thương nhon chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi da dê đen, trái bầu lớn, hay mảng bè, rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ từ phía Đông bờ biển có ngọn gió lớn thổi dậy, thổi thương nhon chúng tôi tấp vào bờ bể phía Tây. Nơi ấy, chúng tôi gặp một nhóm con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng đủ loại trang sức. Những người con gái ấy thấy chúng tôi rồi bèn nói rằng: Kính chào các Bạn, đón mừng các Bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi, lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mao, xích thạch, triền châu, tất cả đều dành cho các Bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhon châu Diêm-phù không đi về phương Nam dù là trong mộng.

Này Bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi do gặp gỡ với

những người vợ này mà sanh ra con trai hoặc con gái. Nay Bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhơn khác ở giữa biển mà Ngu vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Nay Bạn, những người đàn bà ấy, nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhơn khác ở giữa biển mà Ngu vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải bước đường hết sức bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì những đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nỏ xuống đất, thì những người đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Bạn nên biết, chúng tôi là những thương nhơn ở châu Diêm-phù trước kia có năm trăm người. Trong số đó, bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thành sắt lớn này. Nay Bạn, Bạn chớ có tin lời của những người đàn bà ấy. Chúng không phải là người, chính là quỷ la-sát vậy”

Khi ấy, các thương nhơn châu Diêm-phù hỏi thương nhơn trí tuệ châu Diêm-phù rằng:

“— Nay Bạn, sao Bạn không hỏi đám đông người kia như vậy: "Này các Bạn, có phương tiện

nào khiến chúng tôi và các bạn từ nơi này mà an ổn về đến châu Diêm-phù ?”

Thương nhon trí tuệ Diêm-phù đáp:

“— Đây các Bạn, khi ấy tôi quên không có hỏi như vậy.”

Rồi các thương nhon châu Diêm-phù nói:

“— Đây Bạn, Bạn hãy trở về chỗ sống chung với người đàn bà ấy, rồi dò xét người ấy đang ngủ, hãy từ từ ngồi dậy, lén đi về phương Nam, lại đến chỗ đông người kia và hỏi rằng: "Đây các Bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các Bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù ?”

Khi ấy, thương nhon trí tuệ châu Diêm-phù im lặng nhận lời các thương nhon.

Lúc bấy giờ, thương nhon trí tuệ châu Diêm-phù trở lại chỗ sống chung với người đàn bà ấy, dò xét thấy người đó đang ngủ, bèn từ từ ngồi dậy, lén đi về phương Nam, lại đi đến chỗ đông người kia và hỏi:

“— Đây các Bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù chăng ?”

Đám đông kia đáp:

“— Này Bạn, hoàn toàn không có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn trở về châu Diêm-phù. Này Bạn, tôi đã nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đào phá vách tường này mà trở về xứ." Vừa nghĩ như thế, bức tường này lại cao gấp bội bình thường. Này Bạn, thế là phương tiện này khiến chúng tôi không thể từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù được. Này Bạn, có cách khác có thể khiến các bạn từ đây mà an toàn về châu Diêm-phù để. Còn chúng tôi hoàn toàn không có cách nào. Này các Bạn, chúng tôi nghe trên không trung nói : "Bọn thương nhơn châu Diêm-phù ngu si, bất định, không khéo hiểu biết. Vì sao ? Vì không thể vào ngày mười lăm, là ngày nói Biệt giải thoát giới mà đi về phương Nam. Nơi ấy có Mao mã vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn; ba lần xướng lên rằng: "Ai muốn qua bờ bên kia ? Ai muốn nhờ ta được giải thoát ? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây đến châu Diêm-phù an ổn ? Các Bạn hãy đến Mao mã vương mà nói : "Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi ! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn đến châu Diêm-phù !" Này Bạn, đó là phương tiện khiến các Bạn từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù. Này Thương nhơn, hãy đến đây, có thể đến Mao mã

vuơng kia mà nói rằng: "Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi ! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù !"

Khi ấy, thương nhon trí tuệ châu Diêm-phù nói:

"— Này các Thương nhon, hãy đến chỗ Mao mã vương và nói: "Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi ! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù ! Các thương nhon tùy theo ý của chư Thiên." Này các Thương nhon, nếu như vào ngày mười lăm, là ngày nói Biệt giải thoát giới. Mao mã vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng: "Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát ? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù ?" Bấy giờ chúng ta liền đến chỗ kia vì nói rằng: "Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia, mong giải thoát chúng tôi, mong đem chúng tôi từ đây an ổn về châu Diêm-phù !"

Khi ấy, Mao mã vương, vào ngày mười lăm kế đó, là ngày nói Biệt giải thoát giới, ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng:

“—Ai muốn được đưa qua bờ bên kia ? Ta sẽ giải thoát cho, ta sẽ đưa họ từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù ?”

Khi những thương nhon châu Diêm-phù nghe xong liền đi đến chỗ của Mao mã vương và nói:

“— Chúng tôi muốn đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi ! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù !”

Bấy giờ, Mao mã vương nói:

“— Nay các Thương nhon, các đàn bà kia sẽ bồng con cùng nhau đến đây và nói rằng: "Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi, và lại có nhiều tiên của, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, thiên châu, tất cả dành cho các Bạn. Hãy cùng chúng tôi vui tươi hoan lạc. Giả sử không cần đến chúng tôi, thì nên thương nghĩ đến con trẻ". Nếu các thương nhon kia nghĩ rằng: "Ta có con trai, con gái, ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi, và lại có nhiều tiên tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni,

chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mao, xích thạch, thiên châu." Họ dù có cỡi trên lưng ta chắc sẽ bị ngã lộn xuống, rồi rơi xuống nước, và sẽ bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp bước đường rất là bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng, thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhon kia không nghĩ rằng: "Ta có con trai, con gái, ta có nơi cực lạc rất là diệu hảo, nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi, và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mao, xích thạch, thiên châu"; thì dù họ chỉ nắm một sợi lông trong thân ta, chắc sẽ được an ổn về đến châu Diêm phù."

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Những người đàn bà kia bỗng con đến và nói:

— "Này các Bạn, xin mời các Bạn trở về đây. Nơi đây là chốn cực lạc, rất là diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi. Và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy

trinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triển châu. Tất cả dành cho các Bạn, hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc.”

Nếu các thương nhân kia nghĩ rằng: “Ta có con trai, con gái, ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây hoa cỏ tốt tươi. Và lại có nhiều tiên tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triển châu”; thì dù họ cỡi trên chỗ cao nhất nơi lưng của Mao mã vương, chắc chắn sẽ bị ngã lộn xuống, rơi xuống nước, liền bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp bước đường rất là bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ấy sẽ ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc mà ăn. Nếu các thương nhơn kia không nghĩ rằng: “Ta có con trai có gái, có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi. Và lại có nhiều tiên tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triển châu”; thì dù họ nắm một sợi lông nơi

Mao mã vương, chắc chắn được an ổn về đến châu Diêm-phù.

Này các Tỳ-kheo, Ta nói các thí dụ này là muốn cho biết nghĩa, thí dụ ấy là nói nghĩa này: Pháp của Ta được giảng giảng khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người.

Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: “Mắt là ta, là sở hữu của ta; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là ta, là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại; ví như bọn thương nhon bị quỷ La-sát ăn thịt.

Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Như vậy pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Nếu có

Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: “Mắt không phải là ta, mắt không phải là sở hữu của ta; tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta, không phải là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn; ví như thương nhơn cỡi trên Mao mã vương an ổn và giải thoát khỏi tai nạn.

Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền đến cả cùng khắp Trời, Người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: “Sắc là ta, sắc là sở hữu của ta; thanh, hương, vị, xúc, và pháp là ta, ta có pháp là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn bị hại; ví như thương nhơn bị quỷ La-sát ăn thịt.

Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết ví như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Nếu các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Sắc không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; thanh, hương, vị, xúc, pháp không phải là ta, không là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc được an ổn; ví như thương nhơn kia cỡi trên Mao ma vương an ổn, và thoát khỏi tai nạn.

Như vậy, pháp của Ta được khéo thuyết giảng,

phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; ví như chiếc cầu nổi lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Sắc ấm là ta, là sở hữu của ta; thọ, tưởng, hành, thức ấm là ta, là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn bị hại; ví như thương nhon bị quỷ La-sát ăn thịt.

Như vậy, pháp của Ta được khéo thuyết giảng, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; ví như chiếc cầu nổi lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Sắc ấm không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; thọ, tưởng, hành, và thức ấm không phải là ta, không là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc được an ổn; ví như thương nhon cỡi trên Mao mã vương an ổn và thoát khỏi tai nạn.

Như vậy, pháp của Ta được khéo thuyết giảng, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; ví như chiếc cầu nổi lưu truyền cùng khắp đến cả Trời, Người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Đất là ta, là sở hữu của ta; cho đến nước, lửa, không, thức là ta, là sở hữu của ta.”; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn bị hại, ví như thương nhon bị quỷ La-sát ăn thịt.

Như vậy, pháp của Ta được khéo thuyết giảng,

phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; ví như chiếc cầu nổi lưu truyền đến cùng khắp cả Trời, Người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Đất không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; nước, lửa, gió, không và thức không phải là của ta, không phải là sở hữu của ta."; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn; ví như thương nhơn nhờ ngồi trên lưng Mao mã vương đưa đến chỗ an lành.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng:

Phật thuyết chánh pháp luật,

Nếu có kẻ không tin,

Người ấy chắc bị hại,

Như bị La-sát ăn.

Phật thuyết chánh pháp luật,

Nếu có kẻ kính tin,

Người ấy được an ổn,

Như cỡi Mao mã vương.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

137. KINH THẾ GIAN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỷ-kheo:

— Như Lai đã tự mình giác ngộ thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai biết thế gian. Như Lai tự giác về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai đoạn trừ sự tập khởi của thế gian. Như Lai tự giác sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai chứng ngộ sự diệt tận của thế gian. Như Lai tự giác đạo tích của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai tu tập đạo tích của thế gian.

Nếu có những gì là sự diệt tận tất cả, là sự

biến tri cùng tốt, Như Lai đều biết, thấy, giác ngộ, chúng đắc. Vì sao vậy ?

Như Lai từ đêm chúng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho đến hôm nay sẽ vào tịch diệt cảnh giới Vô dư Niết-bàn; trong khoảng thời gian ở giữa đó, nếu những gì được nói ra, được ứng đối tự chính miệng của Như Lai, thì tất cả những điều ấy đều là chắc thật, không hư vọng, không ra ngoài Như Lai, không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

Nếu nói về sư tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao ? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết, thì đó chính là tiếng rống của sư tử.

Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Trời đến Người, Như Lai là Phạm Thế. Như Lai là bậc Chí Lãnh, vì không phiên cũng không nhiệt. Như Lai là bậc chọn thật không hư vọng.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Biết tất cả thế gian,
Ra khỏi mọi thế gian,
Thuyết tất cả thế gian,
Trọn thế gian như thật.*

Đấng Tối Tôn, Đại Hùng,
Giải thoát mọi triền phược,
Diệt tận hết thấy nghiệp,
Sanh tử đều giải thoát.
Là Trời, cũng là Người,
Nếu ai quy mạng Phật,
Cúi đầu lễ Như Lai,
Đại dương sâu vô cùng.
Chư Thiên, thân Hương âm,
Kính lạy đấng Đã Biết,
Chúng sanh trong tử sanh,
Đều cúi đầu quy phục,
Cúi đầu lễ Trí Sĩ,
Quy mạng đấng Thượng Nhon,
Không trần lụy, vô ưu,
Vô ngại, các giải thoát.
Vì vậy, hãy vui Thiền,
Sống viễn ly, tịch tịnh,
Hãy tự mình đốt đèn,
Vì Như Lai khó gặp,
Không gặp thời Như Lai,
Đòi sống trong địa ngục.

Dức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi
nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

138. KINH PHƯỚC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

— Đừng sợ hãi đối với phước, mà hãy có ý niệm ái lạc. Vì sao vậy ? Những gì được gọi là phước thì cũng nói là lạc. Sợ hãi đối với phước là không có ý niệm ái lạc. Vì sao vậy ? Những gì không phải là phước được nói là khổ.

Ta nhớ lại trong thời quá khứ, hằng tác phước, hằng thọ báo ái lạc, khả ý. Thời quá khứ, Ta hành từ tâm trong bảy năm và trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại không thối sanh trong thế gian

nây. Nếu thời kiếp hoại, Ta sanh lên cõi trời Hoảng Dục. Trong thời kiếp thành, Ta thác sanh trở xuống trong cung điện Không Phạm và làm Đại Phạm thiên, trong cõi Phạm thiên đó.

Trong những trường hợp khác, Ta trải qua một ngàn lần làm Tự tại Thiên vương, ba mươi sáu lần làm Thiên Đế-thích, và vô lượng lần làm vua Sát-lợi Đảnh sanh.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh sanh có tám triệu muôn bốn nghìn con voi lớn được khoác lên bằng các thứ diệu hảo để cỡi, được trang sức bằng các loại báu kết lại, được phủ lên bằng những chuỗi bạch châu, dẫn đầu là voi chúa Vu-sa-hạ.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh sanh, có tám vạn bốn nghìn con ngựa, được khoác lên bằng các thứ diệu hảo để cỡi, được trang sức bằng bạc, vàng, châu báu, dẫn đầu là ngựa chúa Lạc-mao.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh sanh, có tám vạn bốn nghìn cỗ xe, với bốn loại diệu hảo được kết lại để trang sức, đó là da vằn của các loài sư tử, cạp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc hỗn hợp trang sức, cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh, tên là Lạc thanh xa.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đánh sanh, có tám vạn bốn ngàn thành rất giàu có, dân chúng đông đúc, lấy thành Câu-xá-hòa-đê làm đầu.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta còn làm vua Sát-lợi Đánh sanh có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu, có bốn loại lầu báu làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh, lấy điện Chánh Pháp làm đầu.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đánh sanh, có tám vạn bốn ngàn ngự tòa, có bốn loại bảo tòa bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh, trải lên đó bằng các thứ nệm, chiếu, dệt bằng lông, phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa là; có chần đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đánh sanh có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma, áo gấm, áo lụa, áo kiếp-bối, áo ca-lăng-già-bà-hòa-la.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta còn làm vua Sát-lợi Đánh sanh, có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nỏn nà, sạch sẽ, sáng sủa, đẹp đẽ hơn người, giống như thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng ưa thích, trang điểm bằng các châu báu, anh lạc, tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

Này các Tỳ-kheo, lúc Ta còn làm vua Sát-lợi

Đảnh sanh có tám vạn bốn ngàn món ăn, tất cả mọi đêm thường dọn ra cho Ta ăn. Nay các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn ấy, có một món rất ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là Ta thường dùng.

Nay các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ ấy có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh, đẹp đẽ hơn người, thường hầu hạ Ta.

Nay các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y ấy, có một chiếc áo song y mà Ta thường dùng, là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp bối, hoặc áo ca-lăng-già-bà-hòa-la.

Nay các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa ấy, có một ngự tòa mà ta thường nằm, hoặc bằng vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh và trải trên đó bằng những tấm nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng thứ gấm, the, sa trun, lụa, có chần đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương, đó là chỗ Ta thường nằm.

Nay các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán ấy, có một lầu quán làm bằng vàng, hoặc bằng bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là điện Chánh Pháp, đó là nơi Ta thường ở.

Nay các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn

thành lớn ấy, có một thành rất giàu có, đông dân cư, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề, là chỗ Ta thường cư ngụ.

Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe ấy, có một cỗ được dùng da vằn của sư tử, cạp, beo, dệt thành, màu sắc xen kẽ, để trang hoàng. Cỗ xe ấy chạy rất nhanh, tên là xe Lạc thanh, là xe Ta thường cỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa ấy, có một con màu xanh muốt, đầu đen như quạ, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cỡi đi đến các lầu quán để ngắm vườn tược.

Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn ấy, có một thớt toàn thân trắng bạch, bảy chi đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-tà-hạ, là voi Ta thường cỡi đi đến các lầu quán để ngắm vườn tược.

Này các Tỳ-kheo, Ta nghĩ như vậy: “Đó là do bởi nghiệp quả gì, do bởi nghiệp báo gì mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu và đại oai thân như thế ?” Này các Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ như vậy: “Có lẽ đó là do ba nghiệp quả, do ba nghiệp báo khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có

đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần: một là bố thí, hai là điều ngự và ba là thủ hộ.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Quán sát phước báo này,
Nhiều lợi ích diệu thiện,
Quá khứ, Ta Tỳ-kheo,
Bấy năm tu từ tâm,
Bấy kiếp thành, kiếp hoại,
Không trở lại cõi này,
Lúc thế gian hủy hoại,
Ta sanh trời Hoảng Dục,
Lúc thế gian chuyển thành,
Ta sanh trong Phạm thiên
Ở đó, Ta Đại phạm,
Ngàn lần trời tự tại
Ba sáu lần Đế-thích,
Vô lượng trăm Đánh vương.
Sát-lợi Đánh sanh vương,
Tối tôn giữa loài Người,
Đúng pháp, không dao gậy,
Chỉnh trị cõi thiên hạ,
Đúng pháp không dối trá,
Giáo thọ điều an vui.
Đúng pháp mà truyền thừa,*

*Thống lãnh toàn cõi đất
Giàu sang nhiều tiền của,
Sanh chủng tộc như vậy
Lúa gạo thấy tràn đầy,
Thành tựu bảy trân bảo.
Do các phước lớn ấy,
Ta tự tại thọ sanh
Chư Phật ngự thế gian,
Chánh pháp Phật thuyết giảng
Biết điều này kỳ diệu,
Thấy vô lượng thân thông
Ai biết mà không tin,
Dù sanh ra trong tối !
Vì vậy, hãy vì mình,
Mong cầu đại phước hựu,
Hãy cung kính Chánh pháp
Thường niệm pháp luật Phật.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới hãy thường xuyên đi đến nghĩa địa mà quán sát các tướng trạng tử thi: tướng xương, tướng bầm xanh, tướng rửa nát, tướng bị thú ăn, tướng bộ xương khô. Vị ấy, sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi nầy rồi, trở về trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sư-đàn ở trên giường, ngồi kiết-già, và suy niệm về các tướng trạng đó: tướng xương, tướng bầm xanh, tướng rửa nát, tướng bị thú ăn, tướng

những đốt xương dính liền. Vì sao vậy ? Nếu Tỳ-kheo tu tập các tướng trạng này thì sẽ đoạn trừ nhanh chóng chứng bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm.

Rồi đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Những niên thiếu Tỳ-kheo,
Chưa đạt thành niệm trụ,
Hãy đến bãi tha ma,
Để trừ dâm dục ý,
Trong tâm không hận thù,
Từ mẫn với tất cả,
Tràn đầy khắp mọi phương.
Hãy quán các thân thể,
Quán sát tướng xám xanh,
Và sự nát, hư hoại,
Quán sâu quạ rửa thân,
Xương phơi bày từng đốt.
Tu tập những tướng này,
Rồi trở về trụ xứ,
Gội rửa sạch chân tay,
Trải giường, ngồi ngay thẳng.
Hãy quán sát như chon,
Trong thân và ngoài thân:*

Chúa đầy đại, tiểu tiện,
Tim, thận, gan, và phổi.
Nếu khi đi khát thực,
Đến nơi thôn ấp người,
Như tướng quân giáp trụ,
Hãy chánh niệm trước mắt.
Nếu thấy sắc khả ái,
Hãy thanh tịnh niệm dục;
Thấy rồi quán như chơn,
Chánh niệm pháp luật Phật.
Trong đây không xương, gân,
Không đàm, dãi, não óc,
Địa đại thấy đều không,
Thủy đại cũng không thật,
Hỏa đại cũng là không,
Phong đại cũng chẳng thật.
Nếu có cảm thọ nào,
Thanh tịnh, sạch niệm dục;
Tất cả đều tịch tịnh,
Thường niệm tưởng bất tịnh.
Như vậy tinh cần hành,
Như tuệ quán chơn thật,
Đoạn trừ dâm, nộ, si,
Vô minh cũng dứt tuyệt,

*Hưng khởi thanh tịnh mình,
Tỳ-kheo vượt khổ tể.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi
nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

140. KINH CHỈ BIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Trong sự nuôi sống, thấp kém nhất, cùng biên nhất, đó là đi khát thực. Thế gian rất hủ y, gọi là “đầu trọc, tay ôm bình bát bước đi.” Như Thiện nam tử ấy vì cứu cánh mà chấp nhận. Lý do vì sao ? Vì nhàm tàm, ghê sợ sự sanh, già, bệnh, chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, hoặc để đạt đến biên tế của toàn bộ khối lớn đau khổ này. Các Thầy không phải với tâm như vậy mà xuất gia học đạo sao ?

Các thầy Tỳ-kheo bạch:

— Thật sự như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Có kẻ si ám với tâm như vậy mà xuất gia học đạo, nhưng lại sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, ô trược ràng buộc trong tâm, thù hận, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không tăng tiến hành trì.

Cũng như người dùng mực để giặt những đồ bị mực dính dơ, lấy máu rửa máu, lấy dơ chùi dơ, lấy bẩn trừ bẩn, lấy phân trừ phân, chỉ tăng thêm ô uế mà thôi, bỏ chỗ mờ mịt để vào chỗ mờ mịt, bỏ chỗ tối tăm để vào chỗ tối tăm. Ta nói người si ám kia giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là người đó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, ô trược, ràng buộc trong tâm, thù hận, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không tăng tiến hành trì.

Cũng như đồng tro tàn giữa những que củi tàn thiêu xác người trong rừng vắng, núi rừng không cần đến nó, thôn ấp cũng không dùng đến nó. Ta

nói người si ám giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là người đó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, ô trược ràng buộc trong tâm, thù hận, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không tăng tiến hành trì.

Rồi đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Người ngu muội hồng đời dục lạc,
Và hư luôn cứu cánh Sa-môn,
Đạo và tục cả hai đều mất,
Nhu tro tàn theo ngọn lửa tàn.
Nhu thể giữa khu rừng hoang vắng,
Xác người thiếu còn lại tro tàn,
Dù thôn ấp, núi rừng, vô dụng,
Người đam mê dục vọng không hơn,
Đạo và tục cả hai đều mất,
Nhu tro tàn theo ngọn lửa tàn.*

Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

141. KINH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được, thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất. Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

Cũng như các loại hạt giống, các loại rau cỏ, trăm giống lúa, cây thuốc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới được sanh trưởng. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà đạt được, thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

Cũng như các căn hương, trăm hương là thứ nhất. Cũng như trong các thọ hương, xích chiên đàn là thứ nhất. Cũng như trong các hoa dưới nước, hoa sen xanh là thứ nhất. Cũng như trong các hoa trên đất, hoa tu-ma-na là thứ nhất. Cũng như trong các dấu chân của loài thú thì tất cả đều vào trong dấu chân voi, dấu chân voi thu nhiếp hết cả, dấu chân voi là bậc nhất, vì hết sức to lớn vậy. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp, mà có thể đạt được, thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

Cũng như trong các loài thú, sư tử vương là bậc nhất. Ví như khi các trận cùng đấu chiến nhau thì yếu thế là thứ nhất. Cũng như đòn tay của lâu

gác, tất cả đều y cứ trên cái vài, thiết lập trên cái vài, được duy trì bởi cái vài, cái vài là bậc nhất vì nhiếp trì tất cả. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể thành đạt được, thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

Cũng như trong các ngọn núi, Tu-di sơn vương là bậc nhất. Cũng như trong các dòng suối, biển lớn thu nhập nước, biển lớn là bậc nhất. Cũng như trong các loại thân lớn, thân A-tu-la vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại chim, thi-ma vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại hành dục, Đảnh sanh vương là thứ nhất. Cũng như trong các tiểu vương, Chuyển luân vương là bậc nhất. Cũng như giữa các vì tinh tú trong hư không, mặt trăng là bậc nhất. Cũng như trong các loại vải lụa, lụa trắng bạch là thứ nhất. Cũng như trong các loại ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ là thứ nhất. Cũng như trong các chúng, chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Cũng như trong các pháp hữu vi và vô vi, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn là bậc nhất. Cũng như trong các loài chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, có tướng, không tướng, cho

đến phi hữu tướng, phi vô tướng, thì Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu. Cũng như do bò mà có sữa, nhân sữa có tô, nhân tô có sanh tô, nhân sanh tô có thực tô, nhân thực tô có tô tinh, tô tinh là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối, là thắng, là tôn, là diệu. Cũng như thế, trong các loài chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, cho đến phi hữu tướng, phi vô tướng, thì Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Những ai mong tài vật,
Tốt đẹp tăng tiến nhiều,
Khen ngợi không phóng dật,
Thông minh, biết mọi điều.*

*Những ai không phóng dật,
Lợi nghĩa cả hai đời.
Là đời sau thu hoạch,
Và thu hoạch đời này,
Dũng mãnh quán các nghĩa,
Kẻ trí tất giải thoát.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

XII. PHẨM PHẠM CHÍ

(phần trên)

- 142. Kinh Vũ Thế
- 143. Kinh Thương-ca-la
- 144. Kinh Toán Số Mục-kiên-liên
- 145. Kinh Cù-Mặc-Mục-kiên-liên
- 146. Kinh Tượng Tích Dụ
- 147. Kinh Văn Đức
- 148. Kinh Hà Khổ
- 149. Kinh Hà Dục
- 150. Kinh Uất-sáu-ca-la
- 151. Kinh A-nhiếp-hòa

142. KINH VŨ THẾ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở trong núi Thấu Nham.

Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau. Vua A-xà-thế thường ở giữa quyền thuộc, nhiều lần nói rằng: “Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần. Nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách.”

Khi ấy, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy, nghe đức Thế Tôn du hóa tại thành Vương Xá, ở núi Thấu Nham, nên nói với đại thần Vũ Thế:

— Ta nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa tại thành

Vương Xá, ở núi Thấu Nham. Nay Vũ-thế, Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm nhân danh ta mà thăm hỏi Thánh thể có được an vui, không bệnh, sức lực có được bình thường hay không ? Rồi hãy nói như vậy: "Kính bạch Sa-môn Cù-đàm, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy, thăm hỏi Thánh thể có được an vui, không bệnh, sức lực có được bình thường chăng ? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau. Vua A-xà-thế thường ở giữa quyến thuộc và nhiều lần nói rằng: "Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần. Nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách." Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này, Ngài dạy như thế nào ?" Nay Vũ Thế, nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy những gì, thì Ông hãy cố gắng ghi nhớ, thọ trì. Vì sao ? Bởi lẽ, người như vậy, nhất định không khi nào nói dối.

Đại thần Vũ Thế vâng lời vua dạy xong, lên một cỗ xe rất đẹp và cùng năm trăm cỗ xe khác ra khỏi thành Vương Xá, đi đến núi Thấu Nham, và leo lên núi Thấu Nham. Rồi xuống xe, đi bộ đến chỗ Phật. Đại thần Vũ Thế nói lời chào hỏi với đức Thế Tôn, rồi ngồi sang một bên và thưa:

— Bạch Cù-dàm, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy kính thăm hỏi Thánh thế có được an vui, không bệnh, sức lực có được bình thường chăng ? Bạch Cù-dàm, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau. Vua A-xà-thế thường ở giữa quyền thuộc nhiều lần nói rằng: “Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần. Nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách.” Bạch Sa-môn Cù-dàm, vấn đề này, Ngài dạy như thế nào ?

Đức Thế Tôn nghe, rồi bảo:

— Nay Vũ Thế, xưa kia Ta đã từng đi đến nước Bạt-kỳ, nước đó có ngôi chùa tên là Giá-hòa-la. Lúc ấy, nay Vũ Thế, Ta giảng nói bảy pháp không suy thối cho người nước Bạt-kỳ nghe, người nước Bạt-kỳ có thể vâng thọ và thực hành bảy pháp không suy thối đó. Nay Vũ Thế, nếu người dân nước Bạt-kỳ thực hành được bảy pháp không suy thối và không trái phạm, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu được !

Đại thân Vũ Thế bạch đức Thế Tôn:

— Bạch Sa-môn Cù-dàm, về việc này, chỉ nói một cách tóm tắt, chứ không phân biệt rộng rãi,

chúng con không thể hiểu được nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù-dam phân biệt rộng rãi để chúng con được biết ý nghĩa này.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Vũ Thế, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giảng và nói rộng rãi ý nghĩa này cho Ông nghe.

Đại thân Vũ Thế vâng lời, lắng nghe.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật. Đức Thế Tôn quay lại và hỏi A-nan:

— Thầy có từng nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo.

Đức Thế Tôn liền bảo Đại thân Vũ Thế:

— Nếu người Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu được.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

— Thầy có từng nghe người nước Bạt-kỳ cùng

hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm công việc của Bạt-kỳ trong sự đoàn kết và giải tán trong sự đoàn kết chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm công việc của Bạt-kỳ trong sự đoàn kết và giải tán trong sự đoàn kết.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

— Nếu người Bạt-kỳ cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm công việc của Bạt-kỳ trong sự đoàn kết và giải tán trong sự đoàn kết, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

— Thấy có từng nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa ban bố thì không ban bố thêm, những điều đã ban bố thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa ban bố thì không ban bố thêm, những điều đã ban bố thì không cải đổi,

những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thân Vũ Thế:

— Nếu nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa ban bố thì không ban bố thêm, những điều đã ban bố thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ được nghiêm chỉnh phụng hành, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

— Thầy có từng nghe người nước Bạt-kỳ không dùng thế lực để xâm phạm vợ và con gái của người khác chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ không dùng thế lực để xâm phạm vợ và con gái của người khác.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thân Vũ Thế:

— Nếu người nước Bạt-kỳ không dùng thế lực để xâm phạm vợ và con gái của người khác, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

— Thầy có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu

có những bậc danh đức đáng tôn trọng, thì những người Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường chăng ? Và họ có nghe theo lời dạy của những bậc ấy chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng, thì những người Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường, và họ nghe theo lời dạy của những bậc ấy.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thân Vũ Thế:

— Nay Vũ-thế, nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức đáng tôn trọng, thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường, và họ nghe lời dạy của những bậc ấy, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu được.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

— Thầy có từng nghe nước Bạt-kỳ, nếu có chùa, miếu cổ thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu những tập tục đã làm chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ nếu có chùa, miếu cổ nào, thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu những tập tục đã làm.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thân Vũ Thế:

— Nếu nước Bạt-kỳ có chùa, miếu cổ nào, thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu những tập tục đã làm, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

— Thầy có từng nghe nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán, và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu cầu sinh sống, như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang chẳng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến,

thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu cầu sinh sống, như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thân Vũ Thế:

— Nếu nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu cầu sinh sống, như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu.

Này Vũ Thế, nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp không suy thối này, nếu vâng giữ bảy pháp không suy thối này, thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu.

Khi ấy, đại thân Vũ Thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Cù-đàm, dù cho nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp không suy thối, thì vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đê-hy, cũng không thể khuất phục họ được, huống gì, họ đầy đủ cả bảy pháp

không suy thối. Bạch Cù-đàm, con bận nhiều việc nước, xin được từ giả lui về.

Đức Thế Tôn nói:

— Ông muốn lui về thì cứ tùy ý.

Lúc đó, đại thân Vũ Thế nghe lời Phật dạy, hết lòng vâng giữ, đi quanh đức Thế Tôn ba vòng, rồi ra về.

Sau khi đại thân Vũ Thế ra về chẳng bao lâu, đức Thế Tôn quay lại bảo Tôn giả A-nan:

— Nay A-nan, nếu có những Tỳ-kheo hiện đang sống rải rác ở núi Thấu Nham, thì Thầy hãy báo cho tất cả tập trung tại giảng đường. Sau khi tất cả đã tụ họp xong, hãy đến cho Ta hay.

Tôn giả A-nan liền vâng lời Phật dạy:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Ngay khi đó, Tôn giả A-nan đi truyền lệnh: “Những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác ở núi Thấu Nham, thì báo cho tất cả tập trung tại giảng đường.”

Sau khi tất cả đã tập họp xong, Tôn giả trở lại chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đứng sang một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con đã truyền lệnh: “Nếu có những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác ở núi Thứu Nham, thì tất cả hãy tập trung tại giảng đường.” Giờ đây các vị đã tập hợp xong, kính mong Thế Tôn tự biết thời.

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo, rồi nói với các thầy Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thoái. Các Thầy hãy lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu chúng Tỳ-kheo thường xuyên hội họp, tụ tập đông đảo, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm việc trong sự đoàn kết và cùng giải tán trong sự đoàn kết, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

Nếu chúng Tỳ-kheo đối với những việc chưa ban bố thì không ban bố thêm, những việc đã ban bố thì không thay đổi, những giới luật do Ta nói ra được phụng hành nghiêm chỉnh, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo không bị chi phối bởi sự hữu đưa đến vị lai, hiện hành với hỷ dục, ái lạc, đời sống như vậy, như kia, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu trong chúng Tỳ-kheo có bậc trưởng lão thượng tôn đồng học Phạm hạnh, các thầy Tỳ-kheo thầy đều tôn kính, cung phụng, cúng dường, và nghe theo lời dạy của các vị ấy, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo đối với rừng vắng, rừng sâu, sườn núi cao, chỗ thanh tịnh nhàn cư, vắng bật không có tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoan lạc an trụ không rời, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thầy đều ủng hộ các vị Phạm hạnh, hết sức tôn trọng, ái kính, thường mong muốn các vị Phạm hạnh chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu, thường không để các vị

ấy thiếu thốn những nhu cầu sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thối này, thọ trì, không trái phạm, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Lúc ấy, đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ta lại nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thối khác, các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu Tỳ-kheo đối với Tôn sư mà hết sức cung kính, cúng dường, phụng sự, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối. Nếu chúng Tỳ-kheo đối với Pháp, với Tăng, với Giới, với sự không phóng dật, với sự cung cấp và đối với định mà hết lòng cung kính, cúng dường, phụng sự, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thối nầy, thọ trì không trái phạm, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ta lại nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thối khác. Các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi thế nghiệp, không hoan lạc nơi thế nghiệp, không thân cận thế nghiệp, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối. Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi phiếm luận, không hoan lạc nơi phiếm luận, không thân cận nơi phiếm luận; không hành nơi tụ hội, không hoan lạc nơi tụ hội, không thân cận nơi tụ hội; không hành nơi sự kết hợp hỗn tạp, không hoan lạc trong sự kết hợp hỗn tạp, không thân cận sự kết hợp hỗn tạp; không hành thù miên, không hoan lạc thù miên, không thân cận thù miên; không vì lợi dưỡng, không vì tiếng khen,

không vì người khác mà tu hành Phạm hạnh; đối với quả thấp, đối với quả cao, không nỡ chùng giãn đoạn, nỗ lực hướng thượng, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thối này, thọ trì không trái phạm, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ta lại nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thối khác. Các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu chúng Tỳ-kheo thành tựu tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, bác văn tài, thí tài và thành tựu tuệ tài, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thối này, thọ trì không trái phạm, thì

chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ta lại nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thối khác. Các Thầy hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu chúng Tỳ-kheo thành tựu tín lực, tinh tấn lực, tầm lực, quý lực, niệm lực, định lực, và thành tựu tuệ lực, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thối này, thọ trì, không trái phạm, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ta lại nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thối khác, các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu chúng Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu; cũng vậy, trạch pháp; tinh tấn; hỷ; khinh an; định; tu xả giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Ta lại nói cho các Thầy nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy ?

Nếu Tỳ-kheo cần ban cho luật diện tiền thì ban cho luật diện tiền, cần ban cho luật ức niệm thì ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật bất si thì ban cho luật bất si, cần ban cho luật tự phát lồ thì ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật cư thì ban cho luật cư, cần ban cho luật triển chuyển thì ban cho luật triển chuyển, nếu trong chúng khởi lên sự tranh tụng thì đúng theo pháp diệt tránh như liệng bỏ giẻ rách để chấm dứt, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thối này, thọ trì, không trái phạm, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thối.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Nay Ta nói cho các Thầy nghe về sáu pháp ủy lạo. Các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Những gì là sáu ?

Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng Phạm hạnh, đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là

pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chúng đắc Niết-bàn. Cũng vậy, khẩu nghiệp từ hòa; ý nghiệp từ hòa.

Lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy mang chia xẻ cho các vị đồng Phạm hạnh, đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chúng đắc Niết-bàn.

Nếu có giới nào không bị sút mẻ, không bị hư thủng, không bị dơ, không bị đen, vững vàng như đất không theo ai, được Thánh khen ngợi, đầy đủ, cẩn thận thọ trì; với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng Phạm hạnh, đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chúng đắc Niết-bàn.

Nếu có kiến giải về sự xuất yếu của bậc Thánh, có sự thấy rõ, thấu triệt, đưa đến sự chân chánh diệt khổ, với kiến phân như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng Phạm hạnh, đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chúng đắc Niết-bàn.

Nhân đây nên Ta nói sáu pháp ủy lạo.

Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

143. KINH THƯƠNG CA LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Ma-nạp Thương-ca-la, sau giữa trưa, thông dong tảo bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Cù-dàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài xuống một bên và bạch.

Thế Tôn nói:

— Ma-nạp, nếu có điều gì nghi ngờ, Ông cứ tự ý hỏi.

Ma-nạp Thương-ca-la liền hỏi:

— Bạch Cù-đàm, Phạm chí đúng như pháp mà hành khát tài vật, tự mình trai tự, hoặc dạy người khác trai tự. Bạch Cù-đàm, nếu tự mình trai tự hay dạy người khác trai tự, những người ấy đều hành trên vô lượng phước tích, vì do nơi trai tự vậy. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm trong một chủng tộc nào đó, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, tự mình điều ngự, tự mình tịch tịnh, tự mình cứu cánh tịch diệt. Như vậy, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm trong một chủng tộc nào đó, chỉ hành trên một phước tích, chứ không hành trên vô lượng phước tích, do bởi sự học đạo vậy.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật. Rồi Tôn giả A-nan hỏi:

— Nay Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng ?

Ma-nạp Thương-ca-la nói:

— A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-nan, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

— Nay Ma-nạp, tôi không hỏi Ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi Ông rằng

trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng ?

Tôn giả A-nan đến ba lần hỏi Ma-nạp Thương-ca-la:

— Nay Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng ?

Ma-nạp Thương-ca-la cũng đến ba lần nói:

— A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-nan, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ.

Tôn giả A-nan lại nói:

— Nay Ma-nạp, tôi không hỏi Ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi Ông trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng ?

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ: “Ma-nạp Thương-ca-la đã bị A-nan khuất phục. Ta hãy cứu người này.”

Thế Tôn biết rồi, bèn nói:

— Nay Ma-nạp, hôm trước vua và các quần thần triệu tập đại hội, thảo luận những gì ? Vì những duyên cớ nào mà cùng tập hội ?

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

— Ngày hôm trước vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này: “Do nhân gì, duyên gì mà trước kia Sa-môn Cù-đàm ít thiết lập học giới, nhưng các Tỳ-kheo phần nhiều đặc đạo, và do nhân gì, duyên gì mà ngày nay Sa-môn Cù-đàm thiết lập nhiều học giới, thì các Tỳ-kheo lại ít đặc đạo ?” Bạch Cù-đàm, ngày hôm trước, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này. Do sự kiện này mà triệu tập đại hội.

Bấy giờ Thế Tôn dạy:

— Ma-nạp, bây giờ Ta hỏi Ông, hãy tùy theo sự hiểu mà trả lời. Ý Ông nghĩ sao ? Giả sử có một Sa-môn Phạm chí tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đặc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vị ấy sau đó thuyết giảng cho người khác rằng: “Ta tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đặc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Các Ông hãy đến đây, và

hãy tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi người này cũng tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi người này lại thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm nghìn vô lượng. Nay Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Đệ tử của Ta trong một chủng tộc nào đó, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo, chỉ hành trên một phước tích, không hành trên vô lượng phước tích, có phải là do bởi sự học đạo chăng ?

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

— Bạch Cù-đàm, theo sự hiểu biết của tôi đối với điều mà Sa-môn Cù-đàm nói, thì đệ tử của Sa-môn Cù-đàm ấy trong một chủng tộc nào đó, cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình

để học đạo, thật sự hành trên vô lượng phước tích chứ không chỉ hành trên một phước tích do bởi sự học đạo.

Thế Tôn lại nói với Thương-ca-la:

— Có ba thị hiện: như ý túc thị hiện, chiêm niệm thị hiện và giáo huấn thị hiện. Nay Ma-nạp, thế nào là như ý túc thị hiện ? Nếu có một Sa-môn Phạm chí có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hụ, đại oai thân, đối với như ý túc, tâm được tự tại, hành vô lượng công đức của như ý túc như vậy, nghĩa là phân một thành nhiều, hợp nhiều thành một; một thì trụ trên một, có biết, có thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước; đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết-già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng nảy thì có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hụ, đại oai thân, có thể đưa tay bắt nắm; thân cao đến Phạm thiên. Nay Ma-nạp, đó là như ý túc thị hiện.

Nay Ma-nạp, thế nào là chiêm niệm thị hiện ? Hoặc có một Sa-môn Phạm chí do nơi tướng trạng của người khác mà đoán được ý tưởng của họ: “Người ấy có ý tưởng như thế này. Người ấy có ý tưởng như thế kia. Người ấy thật sự có ý tưởng như

vậy.” Chiêm nghiệm vô lượng, chẳng phải chiêm nghiệm ít, nhưng tất cả đều chắc thật, không phải là những giả thiết viển vông. Hoặc không do nơi tướng trạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do nghe tiếng của chư Thiên, và loài Phi nhơn mà đoán biết được ý tưởng của người khác: “Người ấy có ý tưởng như thế này. Người ấy có ý tưởng như thế kia. Người ấy thật sự có ý tưởng như vậy.” Chiêm nghiệm vô lượng, chẳng phải chiêm nghiệm ít, nhưng tất cả đều chắc thật, không phải là những giả thiết viển vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ; cũng không nghe tiếng của chư Thiên, và các loài Phi nhơn, để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do tâm niệm của người khác, tâm tư của người khác, ngôn thuyết của người khác, sau khi nghe tiếng rồi, đoán biết được ý tưởng của người khác: “Người ấy có ý tưởng như thế này. Người ấy có ý tưởng như thế kia. Người ấy thật sự có ý tưởng như vậy”. Chiêm nghiệm vô lượng, chẳng phải chiêm nghiệm ít, nhưng tất cả đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viển vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và loài Phi nhơn để đoán biết ý tưởng của

người khác, cũng không do nơi tâm niệm của người khác, nơi tâm tư, nơi ngôn thuyết của người khác, sau khi nghe rồi đoán biết ý tưởng của người khác, nhưng do thấy người khác nhập vào định không giác không quán; sau khi thấy bèn nghĩ rằng: “Nhu Hiền giả này thì không có niệm, không có tư, sở nguyện như ý. Hiền giả kia ra khỏi định này với niệm như vậy. Vị ấy ra khỏi định này sẽ có tâm niệm như vậy, như vậy.” Người này đoán biết việc quá khứ, đoán biết việc tương lai, đoán biết việc hiện tại, những điều được làm từ lâu, những điều được nói từ lâu, đoán biết được nơi yên tĩnh, sống nơi yên tĩnh, cũng đoán biết tất cả tâm pháp và tâm sở hữu pháp. Đó gọi là chiêm niệm thị hiện.

Này Ma-nạp, thế nào là giáo huấn thị hiện ? Ở đây, một Sa-môn Phạm chí tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi vị ấy giảng thuyết lại cho người khác nghe rằng: “Ta tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng

đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Các Ông hãy lại đây, và hãy tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Rồi người đó cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi người đó cũng lại giảng thuyết cho người khác. Cứ như vậy, lần lượt truyền đi cho đến vô lượng trăm nghìn. Đây Ma-nạp, đó là giáo huấn thị hiện. Trong ba thị hiện này, thì thị hiện nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng ?

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

— Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn Phạm chí nào có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần,

đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến thân cao đến Phạm thiên. Bạch Cù-đàm, người nầy tự tác, tự hữu, tự thọ báo, Bạch Cù-đàm, trong các thị hiện thì sự thị hiện nầy được gọi là đại pháp. Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn Phạm chí nào do nơi tướng dạng mà đoán biết ý tưởng của người khác, cho đến các tâm pháp và tâm sở hữu, thì bạch Cù-đàm, người nầy cũng tự tác, tự hữu, tự thọ báo ấy. Bạch Cù-đàm, trong các loại thị hiện, sự thị hiện nầy được gọi là đại pháp. Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn Phạm chí nào tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi vị ấy thuyết giảng cho người khác nữa, cứ như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm nghìn vô lượng, bạch Cù-đàm, trong ba thị hiện, sự thị hiện nầy là tối thượng, tối diệu, tối thắng.

Thế Tôn lại hỏi Ma-nạp Thương-ca-la:

— Trong ba thị hiện này Ông tán thán sự thị hiện nào ?

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

— Trong ba thị hiện, tôi tán thán Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy ? Vì Sa-môn Cù-đàm có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, cho đến thân cao bằng Phạm thiên. Sa-môn Cù-đàm do nơi tướng dạng của người khác mà biết ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết các tâm và tâm sở hữu pháp. Sa-môn Cù-đàm thị hiện với đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi hành đạo này, đạo tích này, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng cho người khác, rồi người khác thuyết giảng cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm nghìn vô lượng. Bạch Cù-đàm, cho nên, đối với ba thị đạo, tôi tán thán Sa-môn Cù-đàm.

Rồi Thế Tôn nói:

— Ma-nạp, Ông khéo thấu suốt vấn đề này. Vì sao ? Thật sự Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến thân cao bằng Phạm thiên. Nay Ma-nạp, Ta do tướng dạng người khác mà biết được ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết tâm và

tâm sở hữu pháp. Nay Ma-nạp, Ta tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, và sau khi hành đạo này, hành đạo tích này, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi Ta giảng thuyết cho người khác. Người khác cũng giảng thuyết cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm nghìn vô lượng. Nay Ma-nạp, cho nên Ông khéo thấu suốt vấn đề này. Ông hãy biết như vậy, hãy khéo thọ trì. Vì sao ? Bởi vì ý nghĩa được nói này phải như vậy.

Lúc bấy giờ Ma-nạp Thương-ca-la bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay, và trọn đời tự quy !

Đức Phật thuyết như vậy, Ma-nạp Thương-ca-la, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIẾN-LIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong Đông viên, Lộc Tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ Toán số Mục-kiến-liên sau bữa trưa, thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch:

— Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho, mới dám trình bày.

Thế Tôn nói:

— Mục-kiến-liên, muốn hỏi gì cứ hỏi, đừng tự nghi ngại.

Toán số Mục-kiến-liên liền bạch:

— Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc Tử Mẫu này

được xây dựng dần dần cho đến cuối cùng được thành tựu. Thừa Cù-đàm, cầu thang trong Lộc Tử Mẫu giảng đường này bắt đầu lên một nấc, rồi đến hai, ba, bốn. Thừa Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc Tử Mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên.

Thừa Cù-đàm, sự điều phục voi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu; nghĩa là do bởi móc câu vậy. Thừa Cù-đàm, sự điều phục ngựa này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu; nghĩa là do bởi hàm vậy. Thừa Cù-đàm, Sát-đế-lợi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu; nghĩa là do bởi cầm cung và tên vậy. Thừa Cù-đàm, các Phạm chí này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu; nghĩa là do bởi học kinh thư vậy. Thừa Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, như có đệ tử nam hoặc nữ bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, ba, mười, trăm, nghìn, vạn, thứ tự mà đếm lên. Thừa Cù-đàm, như vậy chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, lần lượt theo thứ tự cho đến thành tựu. Thừa Sa-môn Cù-đàm, trong pháp luật này, lần lượt thứ tự như thế nào cho đến thành tựu ?

Thế Tôn nói:

— Đây Mục-kiền-liên, nếu có sự lần lượt, thứ

tự thực hiện cho đến thành tựu nào được nói đến chân chính, thì này Mục-kiến-liên, ở trong pháp luật của Ta, đây là điều chơn chánh được nói đến. Vì sao vậy ? Này Mục-kiến-liên, Ta đối với pháp luật này lần lượt, thứ tự thực hiện cho đến đạt thành cứu cánh.

Này Mục-kiến-liên, nếu Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới đến học đạo, mới vào trong pháp luật này, thì Như Lai trước hết, dạy rằng: “Ông hãy đến đây; với thân, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh.”

Này Mục-kiến-liên, khi Tỳ-kheo, với thân, thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý, thủ hộ mạng thanh tịnh rồi, Như Lai lại dạy thêm: “Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán nội thân như thân; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp.”

Này Mục-kiến-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp rồi, Như Lai lại dạy thêm: “Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán thân như thân, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đến, quán thọ, tâm và pháp như pháp, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với phi pháp.”

Này Mục-kiến-liên, khi Tỳ-kheo quán thân

như thân, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, không niệm tưởng những niệm tương ưng với phi pháp, Như Lai lại dạy thêm: “Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, thường khởi chánh tri; nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm nhiễm sắc vị, đó là đối với sự phần não mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự hướng đến kia mà thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đắm nhiễm pháp vị, đó là đối với phần não mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự thú hướng đến nơi kia mà thủ hộ ý căn.”

Này Mục-kiên-liên, khi Tỳ-kheo thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, thường khởi chánh tri; nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm nhiễm sắc vị, đó là đối với phần não mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự thú hướng đến nơi kia mà thủ hộ nhãn căn;

cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đắm nhiễm pháp vị, đó là đối với phần não mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự thú hưởng nơi kia mà thủ hộ ý căn, thì này Mục-kiến-liên, Như Lai lại dạy thêm: “Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt, co duỗi, cúi ngước, nghi dung chứng chạc, khéo đắp tăng-già-lê và các y, bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng, thấy đều biết rõ.”

Này Mục-kiến-liên, khi Tỳ-kheo biết rõ sự ra vào, khéo quán sát, phân biệt co duỗi, cúi ngước, nghi dung chứng chạc, khéo đắp tăng-già-lê và các y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng thấy đều biết rõ, thì Như Lai lại dạy thêm: “Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy sống cô độc tại nơi xa vắng, trong rừng, trong núi, hoặc ở gốc cây, những chỗ an nhàn, yên tĩnh, sườn núi, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc ở ngoài bãi tha ma. Sau khi Thầy đã sống trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, những chỗ an nhàn, yên tĩnh, hãy trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân chánh nguyện, nhiếp niệm nội tâm, đoạn trừ tham lam, tâm không nào hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham,

muốn được về mình. Đối với tham lam, Thấy hãy tịnh trừ tâm ấy, cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, trạo hối; đoạn nghi độ hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Đối với nghi hoặc, Thấy hãy tịnh trừ tâm ấy. Thấy hãy đoạn trừ năm triền cái này, chúng làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiên thứ tư thành tựu an trụ.”

Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu an trụ, thì này Mục-kiền-liên, Như Lai đã đem lại nhiều ích lợi cho Tỳ-kheo niên thiếu, nghĩa là khéo khuyên răn, dạy dỗ, khiển trách. Này Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, Phạm hạnh kỳ cựu, Như Lai lại dạy thêm để thành tựu cứu cánh diệt tận hết thủy y lậu hoặc.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

— Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả đệ tử răn dạy như vậy khiển trách như vậy, tất cả đều đạt đến cứu cánh trí, nhất định đến Niết-bàn chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định tất cả đều đạt đến. Hoặc có người đạt được, hoặc có người không.

Toán số Mục-kiến-liên lại hỏi:

— Cù-đàm, trong đó, nhân duyên gì khi có Niết-bàn, có con đường đến Niết-bàn, và Sa-môn Cù-đàm hiện tại là Đạo sư đó, mà có Tỳ-kheo được rắn dạy như vậy, được khiển trách như vậy, đạt đến cứu cánh Niết-bàn nhưng một số khác lại không đạt đến ?

Thế Tôn lại nói:

— Nay Mục-kiến-liên, Ta muốn hỏi lại Ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay Mục-kiến-liên, ý Ông nghĩ sao ? Ông biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các con đường đến đó chăng ?

Toán số Mục-kiến-liên đáp:

— Thật vậy, tôi biết rõ thành Vương Xá ở đâu và cũng am tường các con đường đến đó.

Thế Tôn hỏi:

— Nay Mục-kiến-liên, nếu có một người muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua, người ấy hỏi rằng: “Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để gặp vua. Toán số Mục-kiến-liên biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng ?” Ông nói với người ấy rằng: “Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia; rồi từ thôn ấy

đến ấp kia, lần lượt như vậy sẽ đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết.” Người ấy sau khi nghe Ông chỉ dẫn rồi, từ đây đi về hướng Đông, đi chưa bao lâu, bèn bỏ con đường đúng mà theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ngoài thành Vương Xá, rừng cây xinh đẹp, đất bằng phẳng lâu đài, ao tắm, đủ loại cây cối bông hoa có con sông dài, có dòng suối trong, người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết.

Lại có một người khác muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua. Người ấy hỏi Ông rằng: “Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để gặp vua. Toán số Mục-kiến-liên biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi được chăng ?” Ông nói với người ấy rằng: “Từ đây đi về hướng Đông, đến thôn kia; từ thôn ấy sẽ đến ấp kia, lần lượt như vậy, cho đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết.” Người này sau khi nghe Ông chỉ dẫn, bèn từ đây đi về hướng Đông,

đến thôn kia; từ thôn ấy đi đến ấp kia, lần lượt như vậy cho đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, đều được thấy hết, biết hết.

Này Mục-kiến-liên, trong đó, do nhân gì, duyên gì, trong khi có thành Vương Xá, có con đường đến thành Vương Xá đó, và có Ông hiện tại là người chỉ đường, nhưng người thứ nhất nghe lời Ông chỉ dẫn, chẳng bao lâu đã bỏ con đường đúng mà theo đường lầm lẫn trở lui lại, rồi những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả đều không được thấy, không được biết; còn người thứ hai kia theo lời Ông chỉ dẫn, từ con đường đúng, lần lượt đi đến thành Vương Xá, những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả đều được thấy hết, được biết hết ?

Toán số Mục-kiến-liên đáp:

— Thưa Cù-dàm, tôi hoàn toàn vô sự. Có thành Vương Xá đó. Có con đường dẫn đến thành Vương

Xá đó. Tôi chỉ là người chỉ đường. Người thứ nhất không theo chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường thích hợp mà theo con đường lầm lẫn để trở lui lại, và những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả, người ấy đều không thấy, không biết. Còn người thứ hai kia theo lời tôi chỉ dẫn, theo con đường thích hợp lần lượt đi đến được thành Vương Xá, và những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thấy đều được thấy hết, được biết hết.

Thế Tôn nói :

— Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô sự. Có Niết-bàn đó. Có con đường dẫn đến Niết-bàn đó. Ta chỉ là vị Đạo sư, giáo huấn các Tỳ-kheo như vậy, khiển trách các Tỳ-kheo như vậy. Có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng có người lại không. Này Mục-kiền-liên, tùy theo sở hành của mỗi Tỳ-kheo mà Thế Tôn ghi nhận sở hành ấy, tức là cứu cánh Niết-bàn vậy.

Toán số Mục-kiền-liên bạch:

— Thưa Cù-đàm, tôi đã hiểu. Thưa Cù-đàm,

tôi đã rõ. Thưa Cù-đàm, cũng như trên đất tốt, có khu rừng sa-la, trong đó có người giữ rừng sa-la, sáng suốt, không lười biếng; đối với gốc rễ của các cây sa-la, tùy theo thời mà cuốc xới, sang chỗ cao, lấp chỗ thấp, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Nếu bên cạnh có mọc cỏ tạp ô uest, thì người ấy nhổ sạch hết. Nếu có những cây đâm ngang, cong queo thì người ấy uốn lại cho thẳng hay tĩa đi. Nếu có những cây mọc rất ngay thẳng thì người ấy chăm sóc giữ gìn, hằng cuốc xới, quét dọn rác, tưới nước không để sai thời. Như vậy, trên đất tốt, rừng cây sa-la càng ngày càng tươi tốt. Thưa Cù-đàm, cũng vậy, có người đua nịnh, dối trá, không biết thi ân, vô tín, giải đãi, không niệm, không định, ác tuệ, tâm cuồng, các căn rối loạn, trì giới lơ là, không tu trì phát triển hạnh Sa-môn. Thưa Cù-đàm, với những người như vậy không thể cộng sự. Vì sao vậy ? Thưa Cù-đàm, những người như vậy là Phạm hạnh ô uest. Thưa Cù-đàm, nếu có những người không đua nịnh, cũng không dối trá, biết thi ân, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có niệm, có định, và cũng có trí tuệ, rất mực cung kính giới, tu tập phát triển hạnh Sa-môn. Thưa Cù-đàm, với những người như vậy có thể cộng sự. Vì sao vậy ? Thưa Cù-đàm, những người như vậy là Phạm hạnh thanh tịnh.

Thưa Cù-đàm, cũng như trong các loại căn hương, trầm hương là bậc nhất. Vì sao vậy ? Thưa Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại căn hương, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm, cũng như trong các loại sa-la thọ hương, xích chiên-dàn là bậc nhất. Vì sao vậy ? Thưa Cù-đàm, vì chiên-dàn đối với các thứ sa-la thọ hương, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm, cũng như trong các loại thủy hoa, thanh liên hoa là bậc nhất. Vì sao vậy ? Thưa Cù-đàm, vì thanh liên hoa đối với các loại thủy hoa, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm, cũng như trong các thứ lục hoa, hoa tu-ma-na là bậc nhất. Vì sao vậy ? Thưa Cù-đàm, vì tu-ma-na hoa đối với các loại lục hoa, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm, cũng như trong thế gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy ? Vì Sa-môn Cù-đàm là một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các ngoại đạo dị học vậy.

Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay, con xin trọn đời quy y.

Đức Phật thuyết như vậy, Toán số Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIÊN-LIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, sau khi Phật bát Niết-bàn chưa bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại thành Vương Xá.

Lúc bấy giờ đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà đang chinh trị thành Vương Xá để phòng ngừa dân Bạt-kỳ. Rồi đại thần Vũ Thế sai Cù-mặc Mục-kiên-liên, một người làm ruộng đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá để khát thực. Rồi Tôn giả A-nan nghĩ rằng: “Hãy gác việc khát thực trong thành Vương Xá lại đã. Ta hãy đến chỗ Cù-

mặc Mục-kiên-liên, người làm ruộng.” Tôn giả A-nan bèn đi đến chỗ Cù-mặc Mục-kiên-liên, người làm ruộng. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Tôn giả A-nan và bạch:

— Kính chào A-nan, lâu nay Ngài không thấy đến. Xin mời Ngài ngồi trên chỗ này.

Tôn giả A-nan liền ngồi trên chỗ đó. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên sau khi chào hỏi Tôn giả A-nan, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Mục-kiên-liên, Ông cứ hỏi đi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.

Bèn hỏi rằng:

— Bạch A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-dàm chăng ?

Trong khi Tôn giả A-nan và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên đang thảo luận vấn đề này, thì đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đi ủy lạo những người làm ruộng. Bấy giờ đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-

đà đang đi ủy lạo những người làm ruộng, đến chỗ của Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên, người làm ruộng. Đại thân Vũ Thế từ xa trông thấy Tôn giả A-nan ở trong chỗ Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên, người làm ruộng, bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan; sau khi chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và hỏi rằng:

— Bạch A-nan, vừa rồi cùng với Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên thảo luận vấn đề gì ? Vì vấn đề gì mà cùng hội họp ở đây ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Vũ Thế, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên hỏi tôi rằng: “A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chăng ?”

Đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

— A-nan, Ngài trả lời ông ấy như thế nào ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được.

Đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

— Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Nhưng có một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên

và nói rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa của các Tỳ-kheo” và nay là nơi nương tựa của các Ngài ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn nhìn nhận, được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.

Đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

— Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và vị ấy nay là nơi nương tựa cho các Ngài . Nhưng có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và nay đang là nơi nương tựa của các Ngài ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Vũ Thế, cũng không có Tỳ-kheo nào

được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi.

Đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-dà lại hỏi:

— Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-dàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-dàm trong lúc tại thế lập lên rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Ta Niết-bàn, sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và nay đang là nơi nương tựa cho các Ngài. Cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và nay đang là nơi nương tựa cho các Ngài. Bạch A-nan, nếu vậy các Ngài hiện tại không có ai để nương tựa; nhưng cùng sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng trong một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, an lạc du hành như trong lúc Sa-môn Cù-dàm tại thế chẳng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Vũ Thế, Ông đừng nói rằng chúng tôi không có ai để nương tựa. Vì sao vậy ? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch:

— Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau ? Ngài vừa nói như vậy: “Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn nhìn nhận, được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: “Tỳ-kheo nầy sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo” và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi.” Nhưng bạch A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay Ngài lại nói rằng: “Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa” ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi Pháp. Nay Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Biệt giải thoát giới, cùng tập hội ngôi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành, theo lời dạy của vị ấy. Nếu

chúng Tăng ấy không thanh tịnh, thì tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy nên làm điều này.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch:

— Bạch A-nan, không phải các Ngài khuyên dạy nên làm điều này, nhưng chính là Pháp khuyên dạy nên làm điều này. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay có nhiều pháp thấy đều có thể được tồn tại lâu dài, và như vậy, A-nan, các Ngài sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng trong một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, an lạc du hành như lúc Sa-môn Cù-dàm tại thế.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

— Bạch A-nan, có vị nào đáng kính trọng chẳng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Vũ Thế, có vị xứng đáng được kính trọng.

Vũ Thế bạch:

— Bạch A-nan, những điều được nói sao lại trước sau không phù hợp nhau ? Ngài vừa nói như vậy: “Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: “Tỳ-kheo này sau

khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có một Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: "Tỳ-kheo nầy sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo" và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi." Nhưng, bạch A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay Ngài lại nói rằng: "Có vị đáng được tôn kính" ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Này Vũ Thế, Thế Tôn bậc Tri Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở trước Đẳng Chánh Giác, đã có dạy về mười pháp đáng tôn kính, nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào có mười pháp nầy, chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Những gì là mười ? Này Vũ Thế, Tỳ-kheo tự tập cấm giới, thủ hộ biệt giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, biết tội lỗi nhỏ nhặt cùng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Vũ Thế, chúng tôi thấy nếu có Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo học rộng, nghe

nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn, đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, đối với các pháp như vậy, học rộng nghe nhiều, tụng thuộc cho đến hằng nghìn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, nay Vũ Thế, Tỳ-kheo ấy xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện bằng hữu, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, nay Vũ Thế, Tỳ-kheo vui thích đời sống viễn ly, thành tựu cả hai sự viễn ly, là thân và tâm. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự rất vui thích đời sống viễn ly, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, nay Vũ Thế, Tỳ-kheo vui thích với sự tĩnh tọa, nội-hằng chánh chỉ, không rời tư sát, thành tựu quán hạnh, tăng trưởng không hành. Nay Vũ

Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất vui thích với sự tĩnh tọa, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc, như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong hư không. Như vậy, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tri túc, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã tập hành từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, hằng ghi nhớ không quên. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất chánh niệm, thì chúng tôi thường ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu tập các thiện pháp, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, đối với các gốc rễ thiện pháp không từ lao nhọc. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tinh cần,

thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy, được như thật trí, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thông suốt để chon chánh diệt tận sự khổ. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực tu hành trí tuệ, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo đã diệt tận các lậu, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chúng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào diệt tận các lậu, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Này Vũ Thế, Thế Tôn, bậc Tri Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng thuyết mười pháp đáng được tôn kính nầy. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào hành mười pháp nầy, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lúc bấy giờ đám đông ở đây lớn tiếng nói rằng:

“Có thể tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu. Nếu ai tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu, thì vị ấy là A-la-hán ở trong đời, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, hầu hạ. Nếu các ngài đối với con đường chánh trực nên tu tập mà có thể tu tập, cho nên trong đời là A-la-hán xứng đáng ái kính, tôn trọng cúng dường, lễ bái, hầu hạ.”

Rồi đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đa cùng với đám tùy tùng hỏi rằng:

— A-nan, nay Ngài du hành tại đâu ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Tôi đang du hành tại thành Vương Xá này, ở trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

— Bạch A-nan, vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa thật là khả ái, đáng ưa, rất chinh đón, dễ thích, ban ngày không ôn ào, ban đêm vắng lặng; không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. A-nan, Ngài thích sống tại Trúc Lâm, Ca-lan-đa chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Thật vậy, Vũ Thế, vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa rất khả ái, dễ ưa, rất chinh đón, dễ thích, ban ngày không ôn ào, ban đêm thì vắng lặng, không

có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Nay Vũ Thế, tôi thích trú trong vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa ấy. Vì sao ? Vì Thế Tôn cũng tán thành.

Lúc ấy, đại tướng Bà-nan cũng ở giữa đám đông ấy, đại tướng Bà-nan thưa:

— Thật vậy, Vũ Thế, vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa rất khả ái, dễ ưa, rất chinh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Tôn giả ấy thích trú tại Trúc Lâm, Ca-lan-đa. Vì sao vậy ? Vì Tôn giả này hành tư sát ưa thích tư sát.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà nghe xong bèn nói:

— Nay đại tướng Bà-nan, trước đây khi Sa-môn Cù-đàm du hành tại Kim-tỳ-la, ở trong Lạc viên này, thì nay đại tướng Bà-nan, lúc bấy giờ tôi nhiều lần đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy ? Sa-môn Cù-đàm thực hành tư sát ưa thích tư sát, tán thành tất cả mọi tư sát.

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

— Vũ Thế, đừng nói rằng Sa-môn Cù-đàm tán thán tất cả mọi tư sát. Vì sao vậy ? Thế Tôn có khi tán thán tư sát, nhưng có khi không tán thán.

Đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

— A-nan, Sa-môn Cù-đàm không tán thân tứ sát; nhưng không tán thân loại tứ sát nào ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Vũ Thế, hoặc có người bị triển phục bởi tham dục mà móng khởi tham dục, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chương ngại bởi tham dục cho nên tứ sát, chuyên tứ sát, trọng tứ sát. Đó là loại tứ sát thứ nhất Thế Tôn không tán thân.

Lại nữa, Vũ Thế, hoặc có người bị triển phục bởi sân nhuế mà móng khởi sân nhuế, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chương ngại bởi sân nhuế, cho nên tứ sát, chuyên tứ sát, trọng tứ sát. Vũ Thế, đó là loại tứ sát thứ hai mà Thế Tôn không tán thân.

Lại nữa, này Vũ Thế, bị triển phục bởi thù miên mà móng khởi thù miên, không biết như thật sự xuất yếu, người ấy vì bị chương ngại bởi thù miên cho nên tứ sát, chuyên tứ sát, trọng tứ sát. Vũ Thế, đó là loại tứ sát thứ ba mà Thế Tôn không tán thân.

Lại nữa, này Vũ Thế, bị triển phục bởi nghi

hoặc mà móng khởi nghi hoặc, không biết như thật sự xuất yếu, người ấy vì bị chướng ngại bởi nghi hoặc cho nên tư sát, chuyên tư sát, trọng tư sát. Vũ Thế, đó là loại tư sát thứ tư mà Thế Tôn không tán thán. Nay Vũ Thế, Thế Tôn không tán thán bốn loại tư sát này.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch:

— Bạch A-nan, bốn loại tư sát này thật đáng khinh miệt là những trường hợp đáng khinh miệt, Sa-môn Cù-dàm không tán thán. Vì sao vậy ? Vì Ngài là bậc Chánh Đẳng Giác vậy.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại bạch:

— Bạch A-nan, những loại tư sát nào được Sa-môn Cù-dàm tán thán ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Vũ Thế, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc bốn Thiên, thành tựu an trụ. Nay Vũ Thế, Thế Tôn tán thán bốn loại tư sát này.

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch:

— Bạch A-nan, bốn loại tư sát này thật đáng tán thán, là những trường hợp đáng tán thán, được Sa-môn Cù-dàm tán thán. Vì sao vậy ? Vì Ngài là

bậc Chánh Đẳng Giác vậy. A-nan, tôi bận nhiều việc, xin phép cáo từ.

Tôn giả A-nan nói:

— Xin cứ tùy ý.

Rồi đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, cẩn thận ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ba vòng rồi trở lui.

Lúc bấy giờ, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên sau khi đại thân Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đi không lâu, bạch rằng:

— Bạch A-nan, phải chăng những điều tôi hỏi đã không được trả lời ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên, quả thật tôi đã không trả lời.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên bạch:

— Tôi lại có điều muốn hỏi nữa, mong nghe cho chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Mục-kiến-liên, Ông cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên bèn hỏi:

— Bạch A-nan, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, và giải thoát của A-la-hán; hai giải thoát này có sự sai biệt nào và có sự thắng liệt nào chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Mục-kiến-liên, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, và giải thoát của A-la-hán; hai giải thoát này không có sai biệt, cũng không có sự thắng liệt.

Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên bạch:

— Bạch A-nan, mong Ngài ở lại đây dùng cơm.

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiến-liên biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời, bèn rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, tự tay lấy nước rửa, dọn các thức ăn rất tịnh diệu với đủ các loại cúng và loại mêm, tự tay châm nước cho đến đầy đủ, ăn xong, dọn dẹp chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên và nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, bằng

vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Tôn giả A-nan thuyết như vậy, đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà và quyến thuộc cùng Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

146. KINH TUỘNG TÍCH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đệ học Tỳ-lô vào lúc sáng sớm ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, đức Phật ngồi im lặng.

Đệ học Tỳ-lô sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui về.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Văn ngồi trên cỗ xe trắng rất đẹp cùng với năm trăm đệ tử, vào lúc sáng sớm, ra khỏi Xá-vệ, đi đến một khu rừng để dạy đệ tử tụng đọc kinh thơ. Phạm chí Sanh Văn từ xa trông thấy đệ học Tỳ-lô đi đến, bèn hỏi:

— Nay Bà-ta, mới sáng sớm đã từ đâu về vậy ?

Đệ học Tỳ-lô đáp:

— Nay Phạm chí, tôi đi thăm đức Thế Tôn, lễ bái, hầu hạ, cúng dường, rồi về đây.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

— Có biết Sa-môn Cù-dàm ở nơi yên tĩnh, vắng lặng học trí tuệ chăng ?

Đệ học Tỳ-lô đáp:

— Phạm chí, tôi là hạng người nào mà có thể biết Thế Tôn ở nơi yên tĩnh vắng lặng học trí tuệ ? Nay Phạm chí, nếu biết Thế Tôn ở nơi yên tĩnh, vắng lặng, học trí tuệ, thì cũng phải bằng Thế Tôn. Nhưng, này Phạm chí, kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, và do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin tưởng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hưởng. Nay Phạm chí, cũng như thợ săn voi

rành nghề đi rảo trong một khu rừng, ở giữa rừng cây nhìn thấy dấu chân voi to lớn; thấy rồi thì nhất định tin tưởng con voi này phải là rất lớn mới có dấu chân như vậy. Nay Phạm chí, tôi cũng vậy, trong kinh thơ mà tôi được đọc có bốn cú nghĩa, do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được nói bởi Thế tôn là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

Bốn cú nghĩa ấy là thế nào ? Nay Phạm chí, các luận sĩ Sát-lợi có trí tuệ, học rộng, quyết định, có thể khuất phục người đời, không thứ gì là không biết, rồi đem những điều được thấy mà tạo tác văn chương, lưu hành trong thế gian. Họ nghĩ như vậy: “Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vậy, như vậy; nếu ông ấy trả lời được, ta lại hỏi nữa; nếu không trả lời được, ta khuất phục rồi bỏ đi.” Họ nghe Thế Tôn đang trú tại thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, họ còn không dám hỏi, há lại nói đến sự khuất phục ? Nay Phạm chí, trong kinh sách được đọc, tôi tìm thấy cú nghĩa thứ nhất này. Tôi do ý nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

Cũng vậy, những Phạm chí có trí tuệ, những cư sĩ có trí tuệ, những luận sĩ Sa-môn có trí tuệ, đa văn, quyết định, có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, rồi đem những điều được thấy tạo tác văn chương, lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vậy: “Ta đi đến Sa-môn Cù-dàm, hỏi sự việc như vậy, như vậy. Nếu ông ấy trả lời được, ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, ta sẽ khuất phục rồi bỏ đi.” Họ nghe Thế Tôn trú tại thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn rồi, họ còn không dám hỏi, há lại nói đến sự khuất phục ? Nay Phạm chí, trong kinh thơ được đọc, tôi tìm thấy cú nghĩa thứ tư này. Tôi do ý nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

Nay Phạm chí, kinh thơ mà tôi được đọc có bốn cú nghĩa này. Tôi do bốn cú nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

Phạm chí Sanh Văn nói:

— Này Bà-ta, Ông thật hết sức cúng dường Sa-môn Cù-dàm, do sở nhơn, sở duyên nầy mà hoan hỷ phụng hành.

Dị học Tỳ-lô đáp:

— Này Phạm chí, thật vậy, thật vậy ! Tôi hết sức cúng dường đức Thế Tôn ấy và cũng hết sức tán thán. Tất cả thế gian cũng phải cúng dường.

Lúc bấy giờ Phạm chí Sanh Văn nghe ý nghĩa đó rồi, liền từ trên xe bước xuống, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hướng về Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc, ba lần làm lễ: “Nam mô Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.” Ba lần như vậy xong, Phạm chí lên cỗ xe trắng rất đẹp, đi đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Đến chỗ xe hết có thể đi được, Phạm chí xuống xe đi bộ tiến về chỗ Phật. Chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, Phạm chí đem câu chuyện mà Phạm chí vừa thảo luận với dị học Tỳ-lô kể lại hết cho Phật nghe. Thế Tôn nghe xong, liền dạy:

— Này Phạm chí, dị học Tỳ-lô nói thí dụ về dấu chân voi chưa được hoàn hảo, chưa được trọn vẹn. Thí dụ về dấu chân voi mà được nói một cách hoàn hảo, trọn vẹn thì để Ta nói cho Ông nghe. Hãy khéo nghe kỹ.

Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề đi rảo trong một khu rừng, ở giữa đám cây rừng, nhìn thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, người ấy có thể tin rằng, con voi kia phải hết sức lớn mới có dấu chân như vậy.

Này Phạm chí, thợ săn voi rành nghề ấy hoặc giả không tin, vì rằng trong khu rừng ấy có một loại voi cái được gọi là Gia-lê-nậu, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân nầy. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân, lại thấy dấu chân voi rất lớn. Thấy rồi, người ấy có thể tin rằng con voi nầy hết sức lớn mới có dấu chân như vậy.

Này Phạm chí, thợ săn rành nghề ấy hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong rừng ấy lại còn có loại voi cái được gọi là Gia-la-lê, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân nầy. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân nầy, lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, người ấy có thể tin rằng, con voi nầy phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

Này Phạm chí, thợ săn lành nghề ấy hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong rừng nầy còn có loại voi cái được gọi là Bà-hòa-nậu, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân nầy. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân, lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, người ấy có

thể tin rằng con voi này phải hết sức lớn mới có dấu chân này. Thợ săn tìm theo dấu chân, rồi thấy dấu chân voi rất lớn. Dấu chân voi rất lớn, vuông vức, rất dài, rất rộng, toàn thể chu vi bàn chân lún sâu xuống đất, và thấy con voi ấy hoặc đi lui, hoặc đi tới, hoặc dừng lại, hoặc chạy, hoặc đứng, hoặc nằm. Thấy con voi ấy rồi, người ấy bèn nghĩ: “Có được dấu chân kia, tất phải là voi lớn này.”

Này Phạm chí, cũng vậy, nếu trong đời xuất hiện Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu, vị ấy ở trong Thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vị ấy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trọn đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Pháp được vị ấy thuyết giảng, hoặc cư sĩ, hoặc con nhà cư sĩ, nghe xong được tín tâm; sau khi ở trong chánh pháp, luật của Như Lai mà được tín tâm rồi, bèn nghĩ rằng: “Tại gia chật hẹp, đầy những nhọc nhằn bụi bặm. Đời xuất gia học đạo rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị những phiền

tỏa khóa chặt, không được trọn đời tu tịnh Phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc ít hay thân thuộc nhiều, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo.” Người ấy sau khi xuất gia, từ giã thân thuộc, thọ yếu pháp Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại khéo thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những lỗi nhỏ nhặt thường đem lòng lo sợ, thọ trì học giới. Người ấy lìa bỏ sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tâm, có quý, có tâm từ bi làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng; người ấy đối với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy của được cho, vui trong sự lấy của được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không trông chờ báo đáp; người ấy đối với sự lấy của không cho, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng tu Phạm hạnh, tinh cần diệu hạnh, thanh tịnh vô uế, ly dục, đoạn dâm; người ấy đối với sự phi Phạm hạnh tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chắc thật, thích sự thật an trú trên sự thật không di động, tất cả những lời đáng tin, không lừa gạt thế gian; người ấy đối với sự nói láo, tâm

đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, sống không hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe người này nói lại người kia để phá hoại người này, không nghe từ người kia nói lại người này để phá hoại người kia, chia rẽ thì làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không kết bè đảng, không vui theo bè đảng, không ca ngợi việc kết bè đảng; người ấy đối với hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa lời nói cộc cằn, đoạn trừ lời nói cộc cằn, nếu có lời nói nào mà lời lẽ thô lỗ, tiếng dữ, chói tai, mọi người không vui, mọi người không thích, khiến người khác khổ não, khiến không được định, thì đoạn trừ những lời như vậy; nếu có những lời nào mà ôn hòa, mềm mỏng, nghe lọt tai, thấm vào lòng, đáng ưa, đáng thích, khiến người khác an ổn, lời tiếng rõ ràng đầy đủ, không khiến người sợ, khiến người được định, thì nói những lời như vậy; người ấy đối với sự nói cộc cằn, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt, nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói tịch tịnh, nói sự ưa thích tịch tịnh, hợp sự việc, hợp thời cơ, khéo khuyến giáo, khéo khiển trách; người ấy đối với sự nói thêu dệt, tâm đã tịnh trừ. Người xa lìa việc buôn bán, đoạn trừ việc buôn bán, dẹp bỏ cân đong và

đầu học, cũng không nhận hàng hóa, không buộc trời người, không mong đông lửa, cần thiếu, không vì lợi nhỏ mà xâm hại, gặt gấm người; người ấy đối với sự buôn bán, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận đàn bà, con gái, đoạn trừ sự thâu nhận đàn bà con gái; người ấy đối với sự thâu nhận đàn bà con gái, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận nô tỳ, đoạn trừ sự thâu nhận nô tỳ; người ấy đối với sự thâu nhận nô tỳ, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê, đoạn trừ sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê; người ấy đối với sự thâu nhận, voi, ngựa, bò, dê, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận gà, heo, đoạn trừ sự thâu nhận gà, heo, người ấy đối với sự thâu nhận gà, heo, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, đoạn trừ sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá; người ấy đối với sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống, đoạn trừ sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống; người ấy đối với sự thâu nhận lúa thóc, đậu sống, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa rượu, đoạn trừ rượu; người ấy đối với sự uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa giường cao rộng lớn, đoạn trừ giường cao rộng lớn; người ấy đối với giường cao rộng lớn, tâm đã tịnh

trừ. Người ấy xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp; người ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe, đoạn trừ ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe; người ấy đối với ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận vàng bạc, đoạn trừ sự thâu nhận vàng bạc; người ấy đối với sự thâu nhận vàng bạc, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự ăn quá ngọ, đoạn trừ sự ăn quá ngọ; người ấy đối với sự ăn quá ngọ, tâm đã tịnh trừ.

Người ấy sau khi thành tựu các Thánh giới này rồi, thì sống hết sức tri túc; áo chỉ cốt để che thân, ăn chỉ cốt để nuôi thân, du hành đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc, cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong không.

Người ấy sau khi thành tựu các Thánh giới này, và hết sức tri túc rồi, lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri; khi mắt thấy sắc thì không chấp thủ sắc tướng, thì không đắm sắc vị, vì phần tránh mà thủ hộ nhãn căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì để thú hưởng đến nơi kia nên thủ hộ

nhân căn. Cũng vậy, tai mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp thì không chấp thủ các pháp tướng, không đắm pháp vị, vì phần tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì dễ thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ ý căn.

Người ấy sau khi thành tựu các Thánh giới này thì hết sức tri túc, thủ hộ các căn, rồi lại biết rõ chơn chánh sự ra vào, khéo quan sát phân biệt sự co duỗi, cúi ngược, nghi dung chứng chắc, khéo đắp tăng-già-lê và các y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chơn chánh.

Người ấy sau khi thành tựu các Thánh giới này thì hết sức tri túc, thủ hộ các căn, biết rõ chơn chánh sự ra vào, rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi thanh nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Người ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ thanh nhàn yên tĩnh, trải ni-sur-dàn, ngồi xếp kiết-già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có nào hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình; người ấy đối với tham lam tâm được tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế,

thùy miên, trạo hối; đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự, vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

Người ấy đoạn trừ năm triển cái nầy, những thứ làm tâm ô uế, huệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiên thứ nhất, thành tựu an trụ. Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục. Nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: “Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.”

Rồi người ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiên thứ hai, thành tựu an trụ. Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục; nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: “Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.”

Rồi người ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ nơi chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà

bậc Thánh gọi là Thánh sở xả, niệm lạc trụ thất, đạt đến Thiền thứ ba, thành tựu an trụ. Nay Phạm chí, đó gọi là điều đã được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục; nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: “Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.”

Rồi người ấy lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, đạt đến Thiền thứ tư, thành tựu an trụ. Nay Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục; nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: “Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.”

Người ấy sau khi đạt đến tịnh tâm như vậy, thanh tịnh, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt được bất động tâm, thú hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông; người ấy biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo; biết như thật đây là lậu, biết như thật đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Người ấy biết như vậy,

thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Nay Phạm chí, đó gọi là điều đã được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục; người ấy lấy đây làm cứu cánh để nói rằng: “Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện; Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.”

Nay Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Thí dụ về dấu chân voi như vậy là khéo trình bày, được trọn vẹn chăng ?

Phạm chí Sanh Văn đáp:

— Ví dụ về dấu chân voi như vậy là khéo trình bày, được trọn vẹn đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con tự quy cho đến mạng chung !

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn và đệ học Tỳ-lô sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

147. KINH VĂN ĐỨC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Văn, sau giữa trưa, thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch:

— Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi; mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày.

Thế Tôn dạy:

— Này Phạm chí, muốn hỏi gì cứ hỏi.

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi:

— Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn tụng tập ?

Thế Tôn đáp:

— Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tịnh, tự tìm cầu cứu cánh tịch diệt. Nay Phạm chí, đệ tử của Ta, tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích nầy mà bác văn tụng tập.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt chăng ? Bác văn tụng tập có công đức chăng ?

Thế Tôn dạy:

Này Phạm chí, bác văn tụng tập có sự sai biệt; bác văn tụng tập cũng có công đức.

Phạm chí Sanh văn hỏi:

— Thưa Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt gì ? Có công đức gì ?

Thế Tôn dạy:

— Nay Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử, ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích mà công nghiệp của họ thất bại, không thành. Dù những công nghiệp của họ đã thất bại, không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng.

Này Phạm chí nếu Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích mà những công nghiệp ấy thất bại, không thành. Dù những công nghiệp ấy đã thất bại, không thành, họ vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có những điều ái niệm, mà bị đổi thay tán thất, không còn sum hội, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si phát cuồng. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có những điều ái niệm mà bị đổi thay thất tán, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, họ vẫn không ưu sầu, phiền muộn khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu này thay đổi vô thường, nên suy niệm đến sự xuất gia học đạo. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thay đổi vô thường, nên suy niệm đến sự xuất gia học đạo; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng tài vật sở hữu thấy đều vô thường thì họ bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những sở hữu tài vật thấy đều vô thường thì họ bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dũ, gậy hèo cũng có thể nhẫn, thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng, và những điều không vui, thấy đều có thể nhẫn nại. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có thể kham nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng, bức bách, tiếng dũ, gậy hèo cũng có thể nhẫn, thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng, và những điều không vui, thấy đều có thể nhẫn nại; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không vui, khi những điều không vui đã sanh, trong lòng không hề bị vương

bạn. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không vui, những điều không vui đã sanh, trong tâm không hề bị vương bận; thì nay Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, nay Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi, khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề bị vương bận. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi, khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề vương bận; thì nay Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, nay Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử khi sanh khởi ba niệm ác bất thiện, là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; với ba niệm ác bất thiện này, trong tâm không hề bị dính trước. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử phát sanh ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này mà trong tâm không hề bị dính trước; thì nay Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, nay Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc tứ Thiền, thành tựu an trụ. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho

đến chúng đắc tứ Thiên, thành tựu an trụ; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, chúng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh, sau khi bảy lần qua lại nhơn gian thiên thượng, đạt đến khổ biên. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, chúng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh, sau khi bảy lần qua lại nhơn gian thiên thượng, đạt đến khổ biên; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, dâm, nộ, si đã mỏng, chúng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng nhơn gian, đạt đến khổ biên. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, dâm, nộ, si đã mỏng, chúng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại nhơn gian thiên thượng, đạt đến khổ biên; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phân kiết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà bát Niết-bàn, chúng đắc Bất thối, không trở lại thế

gian này. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kiết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà bát Niết-bàn, chúng đắc Bất thoái, không trở lại thế gian này; thì nay Phạm chí đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, nay Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chúng vô sắc, như kỳ tượng định, thân tác chúng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chúng Vô sắc, như kỳ tượng định, thân tác chúng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu; thì nay Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Lại nữa, nay Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc, là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chúng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Nay Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong

đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa; thì này Phạm chí, đó là bậc văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, bậc văn tụng tập có sự sai biệt này, có công đức này, còn có sự sai biệt nào, có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa chăng ?

Thế Tôn dạy:

— Này Phạm chí, bậc văn tụng tập này có sự sai biệt này với công đức này, không còn có sự sai biệt, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa.

Phạm chí Sanh Văn bạch:

— Bạch Thế Tôn, con đã hiểu; bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con tự quy y cho đến mạng chung !

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

148. KINH HÀ KHỔ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Văn sau buổi trưa thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong ngồi xuống một bên và bạch:

— Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi; mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.

Thế Tôn nói:

— Ông muốn hỏi điều gì cứ hỏi.

Phạm chí Sanh Văn liền hỏi:

— Thưa Cù-đàm, người tại gia có những sự

khổ nào ? Và người xuất gia học đạo có những sự khổ nào ?

Đức Thế Tôn trả lời:

— Người tại gia vì không được tự do mà khổ. Người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, tại sao người tại gia vì không được tự do mà khổ ? Và tại sao người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ ?

Thế Tôn đáp:

— Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng; kim ngân, châu báu, lưu ly, thủy tinh, châu báu, súc vật, lúa gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng, thì lúc bấy giờ người tại gia ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều ưu tư, khổ nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi. Nay Phạm chí, nếu người xuất gia học đạo mà sống theo dục vọng, theo sân nhuế, ngu si, thì lúc bấy giờ xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng chứa nhiều sầu bi. Nay Phạm chí, như vậy, người tại gia

vì không được tự do mà khổ và người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, tại gia có điều gì vui ? Và xuất gia học đạo có điều gì vui ?

Thế Tôn đáp:

— Tại gia vì tự do mà vui; xuất gia học đạo vì không tự do mà vui.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, tại sao tại gia vì tự do mà vui ? Và tại sao xuất gia học đạo vì không tự do mà vui ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, nếu người tại gia mà được tiền tài tăng trưởng, kim ngân, châu báu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng trưởng, súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng, thì lúc bấy giờ tại gia là vui, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc, hoan hỷ. Nay Phạm chí, người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng không tùy theo sân nhuế, thì lúc bấy giờ xuất gia học đạo là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái

lạc, hoan hỷ. Nay Phạm chí, như vậy, người tại gia vì tự do mà được hoan lạc, người xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, do sự kiện nào mà chư Thiên và loài Người nhất định không có lợi nghĩa ? Do sự kiện nào mà chư Thiên và loài Người tất có lợi nghĩa ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, nếu chư Thiên và loài Người đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và loài Người không đấu tranh lẫn nhau, tất có lợi nghĩa.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, tại sao chư Thiên và loài Người đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa ? Và tại sao chư Thiên và loài Người không đấu tranh lẫn nhau, tất có lợi nghĩa ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, lúc nào chư Thiên và loài Người đấu tranh thù nghịch, thì lúc bấy giờ chư Thiên, loài Người có ưu tư, khổ nhọc, sầu bi. Do sự kiện này mà chư Thiên và loài Người có nhiều ưu

tu, khổ nhọc, sầu bi. Nếu lúc nào chư Thiên và loài Người không đấu tranh, thù nghịch, thì lúc bấy giờ chư Thiên và loài Người được khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện nầy mà chư Thiên và loài Người có nhiều khoái lạc, hoan hỷ. Nay Phạm chí, như vậy, chư Thiên và loài Người đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa; nếu chư Thiên và loài Người không đấu tranh lẫn nhau, tất có lợi nghĩa.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, do sự kiện nào khiến cho chư Thiên và loài Người nhất định không được ích lợi, phải khổ nhọc ? Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên và loài Người tất được ích lợi, tất được hoan lạc ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, nếu chư Thiên và loài Người sống theo phi pháp, làm điều dữ, tất không được ích lợi, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và loài Người thường sống đúng như pháp, không làm dữ, tất được ích lợi, tất được hoan lạc.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, thế nào là chư Thiên và loài Người sống theo phi pháp, và làm điều dữ nhất định không được ích lợi, phải khổ nhọc ? Thế nào là chư

Thiên và loài Người sống đúng như pháp và không làm điều dữ để nhất định được ích lợi, được hoan lạc ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, chư Thiên và loài Người, thân làm điều phi pháp, và làm điều dữ; miệng và ý làm điều phi pháp và làm điều dữ, thì lúc bấy giờ, chư Thiên và loài Người tất sẽ tổn giảm, A-tu-la tất sẽ hưng thịnh. Nay Phạm chí, nếu chư Thiên và loài Người mà thân làm đúng như pháp, thủ hộ thân, khẩu và ý làm đúng như pháp, thủ hộ khẩu và ý, thì bấy giờ chư Thiên và loài Người tất sẽ hưng thịnh, A-tu-la tất sẽ tổn giảm. Nay Phạm chí, như vậy, chư Thiên và loài Người nếu sống theo phi pháp và làm điều dữ tất không được ích lợi, tất phải khổ nhọc; nếu chư Thiên và loài Người sống đúng như pháp, không làm điều dữ, tất được ích lợi, tất được hoan lạc.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, nên quán sát ác tri thức như thế nào ?

Thế Tôn đáp:

— Hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thế nào là quán ác tri thức như mặt trăng ?

Thế Tôn đáp:

— Như mặt trăng hướng đến sự lụn tàn, càng ngày càng giảm, vành trăng cũng giảm, ánh sáng cũng giảm, hình sắc cũng giảm, càng lúc càng khuyết dần. Nay Phạm chí, rồi đến một lúc, mặt trăng biến mất hẳn, không còn thấy nữa. Nay Phạm chí, người ác tri thức đối với chánh Pháp Luật của Như Lai cũng có được tín tâm; nhưng người ấy được tín tâm rồi, về sau lại không hiểu thuận, cũng không cung kính, hành vi trái ngược, không vưng chánh trí, không hướng đến pháp, tùy pháp. Người ấy bèn mất tín tâm, mất trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng mất luôn. Nay Phạm chí, cho đến lúc thiện pháp nơi ác tri thức ấy hoàn toàn tiêu diệt, cũng như mặt trăng mất hút. Nay Phạm chí, như vậy, hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thưa Cù-dàm, nên quán sát thiện tri thức như thế nào ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi:

— Thừa Cù-dàm, thế nào là quán sát thiện tri thức như mặt trăng ?

Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, cũng như mặt trăng trong lúc mới mọc, còn non, trong vắt, càng ngày càng tăng trưởng. Nay Phạm chí, cho đến một lúc, vào ngày mười lăm trong tháng, vành trăng tròn đầy. Nay Phạm chí, cũng vậy, thiện tri thức đối với chánh Pháp Luật của Như Lai mà có được tín tâm; người ấy được tín tâm rồi, sau đó lại có hiểu thuận, cung kính, hành vi tùy thuận, vững vàng trên chánh trí, hướng đến pháp, tùy pháp. Người ấy tăng trưởng tín, trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng tăng trưởng. Nay Phạm chí, cho đến một lúc thiện pháp nơi thiện tín thức ấy được trọn đủ như mặt trăng ngày rằm vậy. Nay Phạm chí, như vậy, hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Như thể trăng tròn vô cấu,
Du hành trong khoảng hư không,
Sáng lấp muôn ngàn tinh đẩu,
Rạng ngời một cõi minh mông.*

Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung,
Sáng lấp trần gian bốn xển,
Rạng ngời thí xả mệnh mong,

Như thể đại long thân lục,
Kéo mây, nổi sóng, chớp giăng,
Mưa đổ nước rào lai lếng,
Tràn đầy mặt đất mệnh mong.

Cũng vậy tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung,
Ấm thực cho người no đủ,
Hằng khuyên thí xả gia tăng.

Như thể sấm truyền vang dội,
Như trời trút trận mưa rào,
Phước thí như mưa, quảng đại,
Con mưa thí chủ dâng cao.

Đời này tiền tài, danh dự,
Đời sau cõi thiện sanh lên,
Phước báo người này lãnh thọ,
Chết rồi tất sẽ sanh thiên,

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn
sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

149. KINH HÀ DỤC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Văn sau giữa trưa thông dong tân bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch:

— Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi; mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.

Đức Thế Tôn nói:

— Ông muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi.

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi:

— Thưa Cù-đàm, người Sát-lợi ước muốn gì ?

Thực hành gì ? Thiết lập gì ? Y cứ gì ? Có cứu cánh gì ?

Thế Tôn đáp:

— Người Sát-lợi ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng gươm đao, y cứ vào nhân dân, lấy tự do làm cứu cánh.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

— Người cư sĩ ước muốn gì ? Thực hành gì ? Thiết lập gì ? Y cứ gì ? Có cứu cánh gì ?

Thế Tôn đáp:

— Người cư sĩ ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng kỹ thuật, y cứ vào công nghiệp, lấy công nghiệp làm cứu cánh.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

— Thưa Cù-đàm, đàn bà ước muốn gì ? Thực hành gì ? Thiết lập gì ? Y cứ gì ? Có cứu cánh gì ?

Thế Tôn đáp :

— Đàn bà ước muốn được con trai, thực hành sự trang điểm, thiết lập bằng con cái, y cứ vào sự không đối chất, lấy tự do làm cứu cánh.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

— Thưa Cù-đàm, trộm cướp ước muốn gì ? Thực hành gì ? Thiết lập gì ? Y cứ gì ? Có cứu cánh gì ?

Thế Tôn đáp:

— Trộm cướp ước muốn lấy của không cho, thực hành nơi chỗ lén lút, thiết lập bằng gươm đao, y cứ nơi bóng tối, lấy sự không bị khám phá làm cứu cánh.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

— Thưa Cù-đàm, người Phạm chí ước muốn gì ? Thực hành gì ? Thiết lập gì ? Y cứ gì ? Có cứu cánh gì ?

Thế Tôn đáp:

— Người Phạm chí ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng kinh thơ, y cứ vào trai giới, lấy Phạm thiên làm cứu cánh.

Phạm chí Sanh Văn hỏi:

— Sa-môn ước muốn gì ? Thực hành gì ? Thiết lập gì ? Y cứ gì ? Có cứu cánh gì ?

Thế Tôn đáp:

— Sa-môn ước muốn được chân lý, thực hành

nơi trí tuệ, thiết lập bằng giới, y cứ vào vô xứ, lấy Niết-bàn làm cứu cánh.

Phạm chí Sanh Văn bạch:

— Bạch Thế Tôn, con đã hiểu; bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo tăng, cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con tự quy cho đến lúc mạng chung !

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

150. KINH UẤT-SÁU-CA-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Phạm chí Uất-sấu-ca-la, sau giữa trưa, thông dong tân bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên và bạch:

— Thưa Cù-dàm, tôi có điều muốn hỏi; mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.

Thế Tôn đáp:

— Tùy ý, Ông cứ hỏi.

Phạm chí Uất-sấu-ca-la bèn hỏi:

— Thưa Cù-dàm, Phạm chí chủ trương bốn

loại phụng sự cho bốn chủng tánh: tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư. Thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, tức là Phạm chí phải phụng sự Phạm chí; Sát-lợi, Cư sĩ, và Công sư cũng phải phụng sự Phạm chí. Thừa Cù-đàm, bốn chủng tánh này phải phụng sự Phạm chí. Thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi, tức là Sát-lợi phải phụng sự cho Sát-lợi; Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự cho Sát-lợi. Thừa Cù-đàm, ba chủng tánh này phải phụng sự Sát-lợi. Thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho Cư sĩ, tức là Cư sĩ phải phụng sự Cư sĩ; Công sư cũng phải phụng sự Cư sĩ. Thừa Cù-đàm, hai chủng tánh này phải phụng sự cho Cư sĩ. Thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho Công sư, tức là Công sư phải phụng sự Công sư. Ai thấp hèn hơn nữa để được chủ trương phải phụng sự Công sư ?

Thế Tôn đáp:

— Duy chỉ có Công sư phụng sự Công sư.

Thế Tôn hỏi:

— Nay Phạm chí, các Phạm chí có tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn

chúng tánh này: chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Không biết rõ, thưa Cù-đàm. Các Phạm chí tự nói như vậy: “Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời.” Nhưng Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn chúng tánh, tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ và Công sư.

Thế Tôn nói:

— Nay Phạm chí, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng: “Này Ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho tôi !” Nay Phạm chí, Ông nói cho các Phạm chí ấy cũng giống như vậy. Vì sao ? Vì Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn chúng tánh, tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.

Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Phạm chí, thế nào là phụng sự ? Có

loại phụng sự, do sự phụng sự này chỉ có hạ liệt chứ không có sự ưu thắng; thì có nên phụng sự chẳng ? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, thì có nên phụng sự như vậy chẳng ? Nay Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng; thì có nên phụng sự như vậy chẳng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng; thì có nên phụng sự như vậy chẳng ? Nay Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, do sự phụng sự này, mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt; thì có nên phụng sự như vậy chẳng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt; thì có nên phụng sự như vậy chẳng ?

Uất-sấu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu

phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì tôi nên phụng sự như vậy.

Thế Tôn nói:

— Nay Phạm chí, nếu lại có một Phạm chí đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, Ta hỏi Phạm chí ấy rằng: “Ý Ông nghĩ sao ? Nếu có loại phụng sự và do loại phụng sự ấy mà có sự hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nếu có loại phụng sự và có sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nay Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu

thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì có nên phụng sự này chăng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì có nên phụng sự như vậy chăng ?” Nay Phạm chí, nếu người Phạm chí ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, thì phải trả lời Ta rằng: “ Thưa Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do phụng sự này mà có sự hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; thì tôi nên phụng sự như vậy.”

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả và trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nay Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nay Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và

do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thừa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi nên phụng sự như vậy.

Thế Tôn nói:

— Này Phạm chí, nếu có một Phạm chí đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, Ta hỏi Phạm chí ấy rằng: “Ý ông nghĩ sao ? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự nầy mà tăng thêm tín giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự nầy mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự nầy mà tăng

thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ? Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì có nên phụng sự như vậy chăng ?” Nay Phạm chí, nếu Phạm chí này không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, tất cũng sẽ trả lời Ta như vậy: “Thưa Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; thì tôi nên phụng sự như vậy.”

Phạm chí Uất-sáu-ca-la bạch:

— Thừa Cù-đàm, Phạm chí thiết lập bốn loại tài vật tự có cho bốn chủng tánh: thiết lập loại tài vật tự có cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư. Thừa Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự có cho Phạm chí là, thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương rằng, tài vật tự có của Phạm chí do khát cầu. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khát cầu tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không thể trông chừng trâu tức là thất lợi. Cũng vậy, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Phạm chí là do khát cầu. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khát cầu tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Thừa Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại tài vật tự có cho Sát-lợi là, thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự có. Nếu khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không thể trông chừng được trâu, tức là thất lợi. Cũng vậy, thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại tài vật

tự có cho Cư sĩ là, thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Cư sĩ là nông nghiệp. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không thể trông chừng được trâu tức là thất lợi. Cũng vậy, thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Cư sĩ là nông nghiệp. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại tài vật tự có cho Công sư là, thừa Cù-đàm. Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Công sư là cây gai (asitabyabhagi — lưới liềm và đòn gánh). Nếu Công sư khinh mạn cây gai tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không thể trông chừng trâu được tức là thất lợi. Cũng vậy, thừa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Công sư là cây gai. Nếu Công sư khinh mạn cây gai tức là khinh mạn tài vật tự có. Khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi.

Thế Tôn hỏi:

— Nay Phạm chí, các Phạm chí có tự biết rõ khi chủ trương bốn loại tài vật tự có cho bốn chúng tánh, nghĩa là chủ trương loại tài vật tự có cho

Phạm chí, chủ trương loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư chẳng ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Không tự biết rõ, thưa Cù-dàm. Các Phạm chí tự nói rằng: “Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời.” Nhưng Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại tài vật tự có cho bốn chủng tánh, tức chủ trương tài vật tự có cho Phạm chí, chủ trương loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.

Thế Tôn nói:

— Nay Phạm chí, cũng như một người đưa cho một người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng: “Này Ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho tôi !” Nay Phạm chí, Ông nói cho các Phạm chí cũng giống như vậy. Vì sao ? Vì các Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại tài vật tự có cho bốn chủng tánh: chủ trương loại tài vật tự có cho Phạm chí, chủ trương loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.

Nhưng này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi

người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.

Rôi Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Có trường hợp nào mà hư không nảy chỉ không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí mà thôi, chứ không như thế đối với Sát-lợi, Cư sĩ, hay Công sư ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-đàm, hư không nảy vốn không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí; đối với Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.

— Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.

Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Có trường hợp nào chỉ riêng Phạm chí mới có thể thực hành từ tâm không kết, không oán, không nhuế, không tranh; còn Sát-lợi, Cư sĩ và Công sư thì không thể như thế chăng ?

Phạm chí Uất-sầu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-dàm, Phạm chí có thể thực hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh; Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư cũng vậy.

— Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Nếu những người thuộc trăm chủng tánh khác nhau cùng đến đây, và giả sử có một người nói với những người ấy rằng: “Các Ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, thì chỉ những người ấy mới có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ.” Này Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay Phạm chí mới có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ; và những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay Công sư không thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ chăng ? Hay tất cả những người trong trăm chủng tộc khác nhau đều có thể mang

bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-đàm, tất cả những người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ.

— Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Nếu những người trăm chủng tộc khác nhau cùng đến đây, và giả sử có một người nói với họ rằng: “Các Ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, thì chỉ những người ấy mới có thể dùng cây chiên-đàn và sa-la thật khô làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy.” Này Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Phải chăng chỉ có chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, chỉ những người này mới có thể dùng cây chiên-đàn và sa-la thật khô làm môi lửa lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy ? Còn những người thuộc chủng tộc

Cư sĩ hay Công sư phải lấy ván máng heo, máng chó, cây y-lan-dàn và các thứ gỗ xấu khác để làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy ? Hay tất cả những người trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây nào làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-đàm, tất cả những người trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy.

— Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Phạm chí, những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa. Có trường hợp nào chỉ độc nhất loại này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc lửa ? Hay chỉ độc

nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa ? Hay tất cả các thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào việc lửa ?

Phạm chí Uất-sáu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-dàm, những người trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào việc lửa. Nếu nói độc nhất chỉ có loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng và có ánh sáng, và có thể dùng vào việc lửa; trường hợp này không thể có. Và nếu nói rằng độc nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa; trường hợp này cũng không thể có. Tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào việc lửa.

— Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Phạm chí, ý Ông nghĩ sao ? Nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói. Có trường hợp nào mà ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này khác với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia khác nhau chăng ?

Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp:

— Thưa Cù-đàm, nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; và giả sử có một người mang cỏ khô hay cây khô đem bỏ vào lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói, thì tôi đối với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này và ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia không cho rằng có sự khác nhau.

Thế Tôn nói:

— Cũng vậy, lửa mà Ta đạt được, sự không phóng dật mà Ta đạt được, có khả năng đốt cháy

sự phóng dật và ngã mạn, cống cao. Ta đối với lửa này hay lửa kia không hề chủ trương có sự sai biệt.

Phạm chí Uất-sáu-ca-la bạch:

— Bạch Thế Tôn, con đã hiểu; bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo; cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay tự quy y cho đến mạng chung !

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Uất-sáu-ca-la sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ Phụng hành.

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ một số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói bốn chủng tánh thầy đều thanh tịnh và ông ấy giảng giải hiển thị.” Những vị ấy nghĩ như thế này: “Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm đem sự kiện này đúng như

pháp mà cật vấn ?” Họ lại nghĩ như thế này: “Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hý truyện, ngũ cú thuyết. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn. Nay chư Hiền, hãy đến ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na để nói sự kiện này. Tùy theo những gì ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói, chúng ta sẽ ghi nhận.”

Rồi số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la đi đến chỗ ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên và nói:

— Nay Ma-nạp, chúng tôi, một số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này: “Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm Thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói bốn chủng tánh thấy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thị.” Những vị ấy nghĩ

như thế này: “Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vắn ?” Họ lại nghĩ như thế này: “Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều, hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hý truyện, ngũ cú thuyết. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vắn.” Mong Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đi đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vắn.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói với các Phạm chí:

— Này chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Nếu đúng như pháp mà thuyết pháp thì không thể cất vắn.

Số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nói:

— Này Ma-nạp, Ông chưa bị khuất phục thì chưa thể dự đoán mình bị khuất phục. Vì sao ? Vì Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na là do cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các

việc ác, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn bộ kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hý truyện, ngũ cú thuyết. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vấn. Mong Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đi đến Sa-môn Cù-dàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vấn.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bèn im lặng nhận lời của số đông Phạm chí ở Câu-tát-la.

Rồi ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cùng với số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la đến chỗ Phật, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên mà bạch:

— Bạch Cù-dàm, chúng tôi có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng ?

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, hãy tùy ý mà hỏi.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na hỏi:

— Thưa Cù-dàm, các Phạm chí nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được

hóa sanh bởi Phạm thiên.” Nhưng chúng tôi chưa biết Sa-môn Cù-đàm sẽ nói như thế nào ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Ta hỏi Ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay Ma-nạp, Ông có nghe nói ở nước Đu-ni và Kiến-phù chỉ có hai chủng tánh: chủ nhân và đầy tớ; sau khi làm chủ nhân lại trở thành đầy tớ, đầy tớ lại trở thành chủ nhân chăng ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-đàm, con có nghe tại hai nước Đu-ni và Kiến-phù có hai chủng tánh: chủ nhân và đầy tớ; chủ nhân làm đầy tớ, đầy tớ làm chủ nhân.

— Như vậy, nay Ma-nạp, nếu Phạm chí hướng đến sự chơn chánh thì Phạm chí ấy được hiểu biết khéo léo, và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này ! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí thanh tịnh,

không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, Ông nghĩ sao ? Phải chăng, chỉ riêng Phạm chí đối với hư không này là không bị dính, không bị trói buộc, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-đàm, Phạm chí đối với hư không này, không bị dính, không bị trói buộc, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.

— Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến chơn chánh, thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo léo, tự tri đúng như pháp. Sát lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chơn chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này ! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí

là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí được thanh tịnh. Không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Phải chăng, chỉ riêng Phạm chí mới có thể thực hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh; còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-đàm, Phạm chí có thể thực hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh; Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.

— Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến chơn chánh thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo léo, tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chơn chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đan-na bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này ! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí

là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Nay Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu có những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau cùng đến và có người nói với họ rằng: “Các Ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn thật sạch.” Nay Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Chỉ những người trong thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch chăng ? Còn những người thuộc chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này không thể mang bột tắm đến nước và tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch ? Hay tất cả mọi người thuộc trăm chủng tộc khác nhau đều có thể mang bột tắm đến nước và tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-dàm, tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đến nước và tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch.

— Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến chơn chánh, thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo léo, tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư-sĩ hay Công sư nếu hướng đến chơn chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na bạch:

— Bạch Cù-dàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này ! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu có người thuộc trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng: “Các Ông hãy đến đây, nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi, hay chủng tộc Phạm chí, thì chỉ những người ấy mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-dàn làm môi lửa, rồi lấy dùi

mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên” thì này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi và chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô, hay gỗ chiên-đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên chẳng ? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này cũng sẽ dùng nhánh sa-la rất khô, hay gỗ chiên-đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên ? Còn những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay Công sư phải lấy ván máng heo, máng chó khô, cây y-lan-đàn và các thứ gỗ xấu khác để làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và bùng cháy ? Hay những người trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gì mà làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và bùng cháy lên ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-đàm, tất cả những người trong trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên.

— Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến chơn chánh thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo

léo, tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ, hay Công sư nếu hướng đến chơn chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này ! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu những người trong trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên; phải chăng tất cả lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc lửa ? Hay chỉ độc nhất thứ lửa nầy mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào các công việc lửa ? Hay độc nhất thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng, không thể dùng vào các công việc lửa ? Hay tất

cả thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:

— Bạch Cù-đàm, nếu những người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều dùng bất cứ loại cây nào làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên, thì tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc lửa. Nếu độc nhất chỉ thứ lửa kia có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc lửa; thì trường hợp này không thể có. Nếu độc nhất chỉ thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào công việc lửa; thì cũng không có trường hợp đó. Bạch Cù-đàm, tất cả những thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng đều có thể dùng vào công việc lửa.

— Nay Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến chơn chánh, thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo léo, tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chơn chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo, tự tri đúng như pháp.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy

hữu, thật là thích thú với ví dụ này ! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Ma-nạp, nếu thân này tùy thọ sanh vào đâu, thì nó được kể thuộc loại đó; nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay Cư sĩ hay Công sư, thì được kể là chủng tộc Sát-lợi hay Cư sĩ hay Công sư. Nay Ma-nạp, cũng như tùy theo lửa được phát sanh như thế nào, thì được kể thuộc loại đó; nếu nhân nơi cây mà phát sanh, thì được kể là loại lửa cây; nếu nhân nơi cỏ, phân, hay củi mà phát sanh thì được kể là loại lửa cỏ, lửa phân, lửa củi. Như vậy, nay Ma-nạp, thân này tùy thọ sanh vào đâu thì được kể thuộc chủng tộc đó; nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí, thì được gọi là chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư, thì được gọi là chủng tộc Sát-lợi hay Cư sĩ hay Công sư.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu con gái của Sát-lợi cùng con trai Phạm chí hiệp hội với nhau; họ do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cả hai. Ý Ông nghĩ sao ? Đứa trẻ kia là Sát-lợi chăng ? Là Phạm chí chăng ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-đàm, con gái của Sát-lợi cùng con trai Phạm chí hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cả hai. Con không nói đứa con đó là Sát-lợi, cũng không nói là Phạm chí. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói đứa con đó là thân khác.

— Này Ma-nạp, như vậy, thân này tùy thọ sanh vào đâu, thì được kể là chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư, thì được kể là chủng tộc Sát-lợi hay Cư sĩ hay Công sư.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, nếu con gái Phạm chí cùng con trai Sát-lợi hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội

nây mà sau đó sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cả hai. Ý Ông nghĩ sao ? Đứa trẻ kia là Phạm chí chăng, Sát-lợi chăng ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-dàm, con gái Phạm chí cùng con trai Sát-lợi hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội nây mà sau đó sinh con hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cả hai. Con không nói nó là Phạm chí cũng không nói nó là Sát-lợi. Bạch Cù-dàm, con chỉ nói nó là thân khác.

— Như vậy, này Ma-nạp, thân nây tùy thọ sanh vào đâu thì được kể vào chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí, thì nó được kể là chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì được kể là chủng tộc Sát-lợi hay Cư sĩ hay Công sư.

Đức Thế Tôn hỏi:-

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu một người có nhiều ngựa cái; người ấy thả một con lừa đực vào trong đám ngựa cái ấy. Chúng cùng con lừa đực hiệp hội, do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con ngựa cái. Ý Ông nghĩ sao ? Nó là lừa chăng ? Là ngựa chăng ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:

— Bạch Cù-đàm, nếu ngựa và lừa hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sinh ngựa câu. Con không nói nó là lừa, cũng không nói nó là ngựa. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói nó là con la.

— Như vậy, này Ma-nạp, thân này tùy thọ sanh vào đâu, thì được kể vào chủng tộc đó. Nếu sinh trong chủng tộc Phạm chí, thì được kể là chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư, thì được kể là chủng tộc Sát-lợi hay Cư sĩ hay Công sư.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, thuở xưa có nhiều vị Tiên nhơn sống trên một chỗ cao của rừng vắng, họ sinh ra ác kiến như thế này: “Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.” Khi ấy, A-tu-la Tiên nhơn Đề-bệ-la nghe nhiều Tiên nhơn sống trên một chỗ cao của rừng vắng đã sinh ra ác kiến như thế này rồi, khoác áo cà-sa, quấn khăn cà-sa lên đầu, chống gậy, mang dù, mặc áo

trắng, biến mất không theo vào cửa, đến trú xứ của Tiên nhơn, đi kinh hành nơi tịnh thất. Rồi trên chỗ cao của khu rừng vắng sống chung này có một Tiên nhơn thấy A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la khoác áo cà-sa, quần khăn cà-sa lên đầu, chống gậy, mang dù, mặc áo trắng, biến mất không theo cửa vào, đến trú xứ của Tiên nhơn, đi kinh hành nơi tịnh thất; thấy rồi bèn đến chỗ những Tiên nhơn sống chung trên chỗ cao của khu rừng này và nói như thế này:

“— Này chư Hiền, nay có một người khoác áo cà-sa, quần khăn cà-sa lên đầu, chống gậy, mang dù, mặc áo trắng, biến mất không theo cửa vào, đến trú xứ của Tiên nhơn, đi kinh hành nơi tịnh thất. Chúng ta nên đến mà chú thuật nói rằng: "Người thành tro ! Người thành tro !"”

Rồi số đông các Tiên nhơn sống chung trên chỗ cao của khu rừng vắng bèn đến chỗ A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la, đến rồi dùng thân chú: “Người thành tro ! Người thành tro !” Các Tiên nhơn ấy đúng như chú pháp mà chú “Người thành tro ! Người thành tro !” như vậy, như vậy rồi, nhưng vị ấy sắc mặt càng thêm rạng rỡ, thân thể càng xinh tươi, chúng Tiên nhơn kia liền nghĩ như thế này: “Trước kia dùng thân chú: "Người thành tro ! Người thành tro !" mà chú đến người nào thì người ấy trở thành tro. Nay

chúng ta chú người này: "Người thành tro! Người thành tro !" Chúng ta đúng như chú pháp ấy mà chú người này, nhưng người này sắc mặt càng thêm rạng rỡ thân thể càng xinh tươi, ta nên hỏi xem."

Họ bèn hỏi:

"— Ông là ai ?"

A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la đáp:

"— Đây chư Hiền, các Ông có nghe đến A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la chăng ?"

"— Chúng tôi có nghe đến A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la."

"— Chính là ta đây."

Các vị Tiên nhơn kia liền cùng nhau xin lỗi A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la:

"— Mong tha thứ cho ! Chúng tôi không biết Tôn giả là A-tu-la Tiên nhơn Đê-bê-la."

Khi ấy A-tu-la Tiên Nhơn Đê-bê-la nói với các vị Tiên nhơn kia:

"— Ta đã tha thứ rồi. Có thật các Ông sinh ác kiến này: "Dòng họ Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không

phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”

Các Tiên nhơn kia đáp:

“— Quả như vậy.”

A-tu-la lại hỏi các Tiên nhơn:

“— Các Ông có biết rõ cha mình chẳng ?

Các Tiên nhơn kia đáp:

“— Biết rõ. Vị Phạm chí ấy lấy vợ người Phạm chí ấy, chứ không lấy người không phải Phạm chí. Cha của vị ấy, cho đến bảy đời cha, những vị Phạm chí ấy đều lấy vợ người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí.”

A-tu-la Tiên nhơn lại hỏi các Tiên nhơn ấy:

“— Các Ông có biết rõ mẹ mình chẳng ?”

Các Tiên nhơn kia đáp:

“— Biết rõ. Vị Phạm chí ấy lấy chồng người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. Mẹ của vị ấy, rồi mẹ của vị mẹ này, cho đến bảy đời mẹ, những vị Phạm chí ấy đều lấy chồng Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí.”

A-tu-la lại hỏi các Tiên nhơn:

“— Các Ông có biết rõ sự thọ thai chăng ?”

Các Tiên nhơn kia đáp:

“— Biết rõ. Do ba sự hiệp hội mà thọ thai là sự hiệp hội của cha mẹ, thời gian người mẹ có thể thọ thai và hương ẩm đã đến. Nay A-tu-la, phải hội đủ ba sự này mà có sự nhập thai mẹ.”

A-tu-la lại hỏi các Tiên nhơn:

“— Nhưng có thể biết sự thọ sanh này là trai hay gái ? Biết nó từ đâu đến ? Từ chủng tộc Sát-lợi, từ Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư đến chăng ? Từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà đến chăng ?”

Các Tiên nhơn kia đáp:

“— Không biết.

A-tu-la lại nói với các Tiên nhơn:

“— Nay chư Hiền, các Ông không thấy nó, không biết nó. Các Ông không biết thọ thai ai, nó từ đâu đến, nó là trai hay gái; nó từ Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, nó từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc; nhưng các Ông lại nói như thế này: "Dòng họ Phạm chí là hơn hết,

ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên."

Này Ma-nạp, các Tiên nhơn cùng sống chung trên chỗ cao của rừng vắng kia, bị A-tu-la Tiên nhơn khéo dạy, khéo quở trách, nên không thể chủ trương Phạm chí là thanh tịnh, huống nữa là các thầy trò Ông, những người mặc áo da, áo cỏ.

Khi ấy ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bị Thế Tôn chỉ trích ngay mặt, trong lòng sâu não, cúi đầu im lặng không biện bạch được một lời.

Đức Thế Tôn sau khi chỉ trích ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-na-diên-đa-na, Ngài lại muốn khuyến cho ma-nạp được vui vẻ bèn hỏi:

— Này Ma-nạp, có một Phạm chí trai tự, bố thí; người này có bốn người con, hai đứa ham học hỏi, hai đứa không học hỏi. Ý Ma-nạp nghĩ sao ? Người Phạm chí này sẽ dành cho ai trước tiên chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa:

— Bạch Cù-dàm, người Phạm chí ấy tất dành

cho hai người con ham học hỏi của mình trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất, và thức ăn cũng bậc nhất.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Này Ma-nạp, lại có một Phạm chí, trai tự bố thí; Phạm chí này có bốn người con, hai đứa ham học hỏi nhưng không tinh tấn, thích làm việc ác; còn hai đứa kia tuy không học hỏi, nhưng rất tinh tấn thích làm việc thiện. Ý Ma-nạp nghĩ sao ? Phạm chí này trước tiên dành cho ai về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất, và thức ăn bậc nhất ?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa:

— Bạch Cù-đàm, Phạm chí ấy tất dành cho hai người con tuy không học vấn nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn cũng bậc nhất.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, trước kia Ông khen ngợi sự học hỏi, sau đó Ông khen ngợi sự trì giới. Này Ma-nạp, như vậy Ta nói bốn chủng tánh thầy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thị; Ông cũng nói bốn chủng tánh thầy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thị.

Khi ấy, ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật.

Bấy giờ, đại chúng ấy cùng cao giọng mà nói lên rằng: “Sa-môn Cù-dàm thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay ! Ngài có đại như ý túc, có đại uy đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao ? Bởi vì Sa-môn Cù-dàm nói: “Bốn chúng tánh đều thanh tịnh với sự giảng giải, hiển thị” khiến cho ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cũng nói theo rằng: Bốn chúng tánh thầy đều thanh tịnh.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm đại chúng ấy liền bảo:

— Như vậy đủ rồi, này Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, chỉ cần trong lòng hoan hỷ là được. Hãy trở về ngồi lại chỗ cũ, ta sẽ thuyết pháp cho Ông.

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bèn thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài ngồi im lặng.

Sau khi ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na được đức Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, liền từ chỗ ngồi

đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la vừa mới thấy ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na trở về liền dùng đủ thứ ngôn ngữ khiển trách rằng: “Ông muốn làm gì ? Muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người đi vào rừng để tìm con mắt, nhưng Ông lại bị mất con mắt mà trở về, ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, Ông cũng vậy. Muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người vì muốn uống nước nên xuống ao, nhưng ngược lại bị khát nước mà trở về, ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, Ông cũng như vậy. Muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, Ông muốn làm gì ?

Bấy giờ, ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói với số đông Phạm chí ở Câu-tát-la:

— Nay chư Hiền, tôi đã nói trước rồi, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Ai thuyết pháp đúng như pháp, người ấy không thể bị gạt vắn.

Đức Phật thuyết như vậy, ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

TỤNG PHÂN BIỆT

(một ngày)

- | | |
|-----------------------------------|---------|
| XII. PHẨM PHẠM CHÍ
(phần cuối) | 10 kinh |
| XIII. PHẨM CĂN BỒN PHÂN BIỆT | 10 kinh |
| XIV. PHẨM TÂM | 10 kinh |
| XV. PHẨM SONG (phần trên) | 5 kinh |

XII. PHẨM PHẠM CHÍ

(phần cuối)

- 152. Kinh Anh Võ
- 153. Kinh Man-nhàn-đề
- 154. Kinh Bà-la-bà-đường
- 155. Kinh Tu-đạt-đa
- 156. Kinh Phạm-ba-la-diên
- 157. Kinh Hoàng Lô Viên
- 158. Kinh Đâu-na
- 159. Kinh A-già-la-ha-na
- 160. Kinh A-lan-na
- 161. Kinh Phạm-ma

152. KINH ANH VÕ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, ma-nạp Anh Võ, con trai ông Đô-đê có một ít việc phải làm nên đến trọ tại nhà một người cư sĩ trong thành Vương Xá. Tại đây, ma-nạp Anh Võ con trai ông Đô-đê nói với người cư sĩ mà mình ngủ trọ:

— Có Sa-môn, Phạm chí nào, bậc tông chủ, bậc thầy của mọi người, thống lãnh một số đông đồ chúng, rất được mọi người tôn kính, để tôi tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Có. Nay Thiên ái, có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lìa bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, chứng quả Vô thượng Chánh giác. Nay Thiên ái, Ông có thể tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ.

Ma-nạp Anh Vô lại hỏi lần nữa:

— Sa-môn Cù-đàm hiện nay ở chỗ nào ? Tôi muốn đến gặp.

Cư sĩ đáp:

— Sa-môn Cù-đàm hiện ở tại Trúc Lâm, vườn Ca-la-đa, trong thành Vương Xá, Ông có thể đến đó để gặp.

Khi ấy, ma-nạp Anh Vô liền rời khỏi chỗ trọ, nhà cư sĩ, thẳng đến Trúc Lâm, vườn Ca-la-đa. Ma-nạp Anh Vô từ xa trông thấy đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, tướng mạo đoan chánh, đẹp dễ khác thường, như ánh trăng giữa rừng sao sáng chói, lóng lánh như khối núi vàng, đầy đủ tướng tốt, vọi vọi oai nghi, các căn vắng lặng, an định, không một

mấy may ngăn ngại, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc.

Sau khi thấy như thế, ma-nạp liền đến trước Phật và bạch:

— Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con mới dám trình bày.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, muốn hỏi, cứ tùy ý.

Ma-nạp Anh Võ hỏi:

— Bạch Cù-đàm, như con được nghe: “Nếu sống tại gia thì được hiểu biết toàn thiện, biết đúng như pháp. Người xuất gia học đạo thì không như vậy.” Con xin hỏi Cù-đàm, việc đó như thế nào ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ma-nạp, sự kiện đó không nhất định.

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-đàm, mong Ngài phân biệt sự kiện này cho con được rõ.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho Ông rõ.

Ma-nạp Anh Vô vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Nay Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy ? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì kẻ ấy không được hiểu biết toàn thiện, biết đúng như pháp. Do đó, nay Ma-nạp, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi kẻ ấy.

Nay Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chánh hạnh, thì Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy ? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, thì kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết toàn thiện, biết đúng như pháp. Do đó, nay Ma-nạp, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, thì Ta khen ngợi kẻ ấy.

Nay Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có khả năng thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng: “Đây là chơn thật, ngoài ra là hư vọng.”

Ma-nạp Anh Vô thưa:

— Bạch Cù-dàm, như con được nghe: “Nếu ai sống tại gia thì có lợi ích lớn, có công đức lớn; người xuất gia học đạo thì không như vậy.” Con xin hỏi Cù-dàm, sự kiện ấy như thế nào ?

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, sự kiện ấy không nhất định.

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-dàm, mong Ngài phân biệt sự kiện đó cho con được rõ.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho Ông rõ.

Ma-nạp Anh Võ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Này Ma-nạp, nếu sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người làm ruộng, có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo cũng lại như thế.

Này Ma-nạp, người sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người buôn bán ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo lại cũng như thế.

Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có khả năng thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, thì vị ấy sẽ nói rằng: “Đây là chơn thật, ngoài ra là hư vọng.”

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-đàm, các Phạm chí ấy chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện.

Đức Thế Tôn nói:

— Nếu các Phạm chí chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước được thiện; vậy nay Ông có thể ở giữa đại chúng mà trình bày lại chăng ?

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-đàm, đối với con không có sự kiện không thể. Vì sao vậy ? Vì Cù-đàm hiện đang ngồi ở giữa đại chúng này.

Đức Thế Tôn nói:

— Vậy Ông hãy trình bày.

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-đàm, mong Ngài khéo nghe cho.

Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương thứ nhất là pháp chơn để có quả báo lớn, có công đức lớn làm phước, được thiện; pháp thứ hai là tụng tập; pháp thứ ba là nhiệt hành; pháp thứ tư là khổ hạnh. Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương pháp thứ năm là Phạm hạnh có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện.

Đức Thế Tôn nói:

— Nếu các Phạm chí chủ trương năm pháp này có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; vậy trong số những Phạm chí ấy, có Phạm chí nào nói như thế này: “Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chúng, tôi nói lên kết quả của chúng” ?

Ma-nạp Anh Võ bạch đức Thế Tôn:

— Bạch Cù-đàm, không có.

Đức Thế Tôn nói:

— Có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này: “Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chúng, tôi nói lên kết quả của chúng” ?

Ma-nạp Anh Võ bạch đức Thế Tôn:

— Bạch Cù-đàm, không có.

Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Ma-nạp, xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thơ, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập điển kinh: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đê-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-già-kiên-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đối với các kinh điển ấy tụng tập, thọ trì, học hỏi. Nhưng họ có nói như thế này: “Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng” chẳng ?

Ma-nạp Anh Vô bạch đức Thế Tôn:

— Không có. Nhưng các Phạm chí ấy do tin mà thọ trì.

Đức Thế Tôn nói:

— Trong các Phạm chí, không có một Phạm chí nào nói như vậy: “Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.” Và cũng không có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này: “Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.”

Xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thọ, đã truyền bá kinh thọ, đã tụng tập điển kinh: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đê-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đa-kiên-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đối với các kinh điển ấy, tụng tập, thọ trì, học hỏi, nhưng họ không nói như vậy: “Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.” Thế thì này Ma-nạp, các Phạm chí ấy há không vì sự kiện này mà trong sự tin tưởng có thiếu căn bản chăng ?

Ma-nạp Anh Võ bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật sự không căn bản. Nhưng các Phạm chí nghe rồi thọ trì.

Đức Thế Tôn nói:

— Ví như một đám người mù dẫm nhau, người trước không thấy người ở sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người ở sau; người ở sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Này Ma-nạp, Ta nói các Phạm chí cũng như vậy.

Này Ma-nạp, trước Ông nói là do tin, sau đó Ông nói là do nghe.

Ma-nạp Anh Võ liền tức giận đức Thế Tôn, hằn học, không vui, phỉ báng Thế Tôn, chỉ trích Thế Tôn, mạ ly Thế Tôn, và nghĩ rằng: "Cần phải phỉ báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm," liền nói với đức Thế Tôn:

— Này Cù-đàm, có một Phạm chí tên là Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trục, thanh tịnh hóa, nói như thế này: "Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với pháp Thượng nhơn mà cho rằng: "Có biết, có thấy, tôi hiện chứng đắc"; sau khi nghe như vậy, ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chơn thật, không đúng như pháp, làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp của Thượng nhơn ? Nếu ai đối với pháp Thượng nhơn mà nói rằng: "Tôi biết, tôi thấy", thì sự kiện ấy là không hợp lý."

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nghĩ như thế này: "Ma-nạp Anh Võ, con ông Đô-đề phẫn nộ đối với Ta, hằn học, không vui, phỉ báng Ta, chỉ trích Ta, mạ ly Ta, nghĩ rằng: "Phải phỉ báng Cù-đàm, phải chỉ trích Cù-đàm, phải hạ nhục Cù-đàm," liền nói với Ta rằng: "Này Cù-đàm, có Phạm chí tên là Phát-

ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trục thanh tịnh hóa, nói như thế này: nếu có Sa-môn Phạm chí nào đối với pháp Thượng nhơn mà cho rằng: "Có biết, có thấy, tôi hiện chứng đắc"; sau khi nghe như vậy ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chơn thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là chứng được pháp của Thượng nhơn ? Nếu ai đối với pháp Thượng nhơn mà nói rằng: "Tôi biết, tôi thấy", thì sự kiện ấy là không hợp lý."

Đức Thế Tôn biết thế nên nói:

— Nay Ma-nạp, có phải Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trục thanh tịnh hóa, ông ấy biết điều mong nghĩ trong tâm của hết thầy Sa-môn Phạm chí rồi mới nói như thế này: "Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với pháp Thượng nhơn mà cho rằng: "Có biết, có thấy, tôi hiện chứng đắc"; sau khi nghe như vậy, ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chơn thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp của Thượng nhơn ? Nếu ai đối với pháp của Thượng nhơn mà nói rằng: "Tôi biết, tôi thấy" thì sự kiện ấy không hợp lý" chẳng ?

Ma-nạp Anh Võ đáp:

— Bạch Cù-dàm, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trục thanh tịnh hóa có một nữ tỳ tên là Bất-ni nhưng đối với tâm niệm của nữ tỳ này, ông còn không thể biết, huống nữa là biết tâm tư của tất cả Sa-môn, Phạm chí ! Nếu cho rằng ông ấy biết, thì sự kiện này không thể có.

Đức Thế Tôn nói :

— Ví như người sanh ra đã mù, người ấy nói như thế này: “Không có màu đen, màu trắng, cũng không thấy màu đen, màu trắng; không có sắc tốt, sắc xấu, cũng không thấy sắc tốt, sắc xấu; không có sắc ngắn, sắc dài, cũng không có người thấy sắc ngắn sắc dài; không có sắc gần, sắc xa, cũng không có người thấy sắc gần, sắc xa; không có sắc thô, sắc tế, cũng không có người thấy sắc thô, sắc tế; vì ta không bao giờ thấy, không bao giờ biết, cho nên nói không có màu sắc.” Người mù bẩm sinh kia nói như vậy là đúng sự thật chăng ?

Ma-nạp Anh Võ bạch đức Thế Tôn:

— Bạch Cù-dàm, không phải vậy. Vì sao ? Vì có màu đen, màu trắng, cũng có người thấy màu đen màu trắng; có sắc tốt, sắc xấu, cũng có người thấy sắc tốt, sắc xấu; có sắc ngắn, sắc dài, cũng có

người thấy sắc ngắn, sắc dài; có sắc gần, sắc xa, cũng có người thấy sắc gần, sắc xa; có sắc thô, sắc tế, cũng có người thấy sắc thô, sắc tế. Nếu nói: “Tôi không hề thấy, không hề biết, cho nên nói không có màu sắc”, thì người mù bẩm sinh nói như vậy là không đúng sự thật.

— Này Ma-nạp, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trục, thanh tịnh hóa, lời nói của ông ấy có khác gì hạng người mù bẩm sinh, không có mắt kia chăng ?

Ma-nạp Anh Võ bạch đức Thế Tôn:

— Bạch Cù-đàm, quả thật như hạng người mù vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu xưa kia có những Phạm chí, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thơ, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập điển kinh, mà Phạm chí Thương-già, Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ Ông; thì đối với những điều được nói trong các kinh điển ấy, được chấp nhận hay không được chấp nhận ? Chân thật hay không chân thật ? Có cao, có thấp chăng ?

Ma-nạp Anh Võ bạch đức Thế Tôn:

— Nếu xưa kia có những Phạm chí, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thơ, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập điển kinh, mà Phạm chí Thương-già, Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ con, đối với những điều được nói ấy; thì theo ý con, họ mong được chấp nhận, không mong không được chấp nhận; mong là chơn thật, không mong không phải là chơn thật; mong là tự cao thượng, không mong là sự thấp hèn.

Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trục thanh tịnh hóa, điều mà ông ấy nói, há không phải là không được chấp nhận, không có sự được chấp nhận ? Là không chơn thật, không có sự chơn thật ? Há không phải là rất thấp hèn, không có cái gì cao ?

Ma-nạp Anh Võ thưa đức Thế Tôn:

— Thật vậy, bạch Cù-đàm.

— Lại nữa, này Ma-nạp, có năm pháp gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chúng đắc Niết-bàn. Những gì là

năm ? Đây Ma-nạp, pháp thứ nhất là dục, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Đây Ma-nạp, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi, gây chướng ngại, gây che lấp làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn.

Đây Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Ai bị năm pháp này làm chướng ngại, che lấp, quăn chặt, người ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Phạm chí nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

Này Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, chúng tánh Trục thanh tịnh hóa, bị nhiễm bởi dục, bị ô uế bởi dục, nhiễm dục, xúc dục, say đắm nơi dục, vào trong dục mà không thấy tai họa, không biết sự xuất yếu và sống theo dục; vị ấy bị năm pháp này chướng ngại, che lấp, quăn chặt; vị ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Phạm chí nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

Lại nữa, này Ma-nạp, có đặc tánh của năm dục, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc; sắc đó khả ái, tương ưng với dục, rất đáng được ái lạc. Những gì là năm ? Là sắc được thấy bởi mắt, tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Chúng sanh do đặc tánh của năm dục nầy cho nên phát sanh lạc, phát sanh hỷ, chẳng còn có điều gì ở ngoài đây chăng ?

Ma-nạp Anh Võ bạch Thế Tôn:

— Quả như vậy, bạch Cù-đàm.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Lửa do cỏ, cây được đốt cháy, và lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; thứ lửa nào có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng ?

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-đàm, lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự kiện này không thể có. Chỉ có thể có do sức mạnh của như ý túc, bạch Cù-đàm, lửa không không do cỏ, cây mà được đốt cháy; lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng.

Đức Thế Tôn nói:

— Quả như vậy, quả như vậy ! Nếu lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy, sự kiện này không thể có. Chỉ có do sức mạnh của như ý túc, lửa không do cỏ cây mà được đốt cháy; thứ lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng.

Này Ma-nạp, ở đây Ta giả thiết rằng, cũng như thứ lửa do cỏ cây mà được đốt cháy, sự phát sanh hỷ lạc của chúng sanh cũng vậy, là do dục, do pháp ác, bất thiện, nên không chúng đắc xả lạc và tịch tĩnh. Này Ma-nạp, cũng như thứ lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự phát sanh xả lạc của chúng sanh cũng vậy, là do ly dục, từ các pháp thiện mà chúng đắc xả lạc và tịch tĩnh.

Đức Thế Tôn lại nói:

— Này Ma-nạp, ở đây, một Phạm chí lễ trai tự, hành bố thí, nhưng có một đồng tử Sát-lợi từ phương Đông đến nói như vậy: “Tôi ở tại đó được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, ăn uống bậc nhất”; vị ấy vì ở đó không được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Nam có đồng tử Phạm chí đến, nói như vậy: “Tôi ở chỗ đó được thức ăn tịnh diệu”; vị ấy vì ở đó không được thức ăn tịnh diệu bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ

phương Tây có đồng tử cư sĩ đến nói như vậy: “Tôi ở chỗ đó được thức ăn dồi dào”; vị ấy vì ở đó không được thức ăn dồi dào, bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Bắc có đồng tử công sư đến nói như vậy: “Tôi ở đó được thức ăn no đủ”; vị ấy vì ở đó không được thức ăn no đủ, bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Nay Ma-nạp, các vị Phạm chí ấy thực hành sự bố thí như vậy, sẽ giả thiết những báo ứng nào ?

Ma-nạp Anh Võ thưa:

— Bạch Cù-đàm, Phạm chí không thực hành bố thí với tâm như vậy, khiến người khác oán hận, ôm lòng ganh ghét. Cù-đàm nên biết, Phạm chí hành sự bố thí vì do tâm thương xót; do tâm thương xót mà hành sự bố thí thì được đại phước.

Đức Thế Tôn nói:

— Nay Ma-nạp, các Phạm chí há không phải chủ trương pháp thứ sáu có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện chăng ?

Ma-nạp Anh Võ đáp:

— Quả như vậy, bạch Cù-đàm.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Ma-nạp, nếu có Phạm chí chủ trương

năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; thì Ông thấy pháp ấy phần nhiều ở tại đâu ? Tại gia chăng ? Xuất gia học đạo chăng ?

Ma-nạp Anh Võ đáp:

— Bạch Cù-đàm, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; thì con thấy pháp ấy phần nhiều ở sự xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao ? Vì tại gia có nhiều công việc, có nhiều bốn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét đấu tranh, không có thể thành tựu sự thù hờ, sự thành thật. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít công việc, ít bốn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, nên có thể thành tựu sự thù hờ, sự thành thật.

Bạch Cù-đàm, sự thành thật ấy con thấy phần nhiều ở xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao ? Vì tại gia có nhiều công việc, nhiều bốn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét, đấu tranh, không được hành sự bố thí, không được tụng tập, không được hành khổ hạnh, không được sống Phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít có công việc, ít có bốn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, vì vậy có thể hành sự

bố thí, có thể tụng tập, có thể hành khổ hạnh, có thể sống Phạm hạnh.

Bạch Cù-đàm, người sống Phạm hạnh, con thấy pháp này phân nhiều ở xuất gia học đạo chứ không phải ở tại gia.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi ? Nếu tâm không kết, không oán, không nhuế, không tránh là do tu tập những pháp ấy.

Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu có Tỳ-kheo thủ hộ thành thật, thì vị ấy do thủ hộ thành thật cho nên được hỷ, được hoan duyệt. Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện đó từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi ? Nếu tâm không kết, không oán, không nhuế, không tránh, là do tu tập những pháp ấy. Như vậy, vị ấy, được hành sự bố thí, được sự tụng tập, được sự hành khổ hạnh, được sống Phạm hạnh. Vị ấy do sống Phạm hạnh cho nên được hỷ, được duyệt.

Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế

nào gọi là từ tâm mà khởi ? Nếu tâm không kết, không oán, không nhuế, không tránh, tâm ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

Này Ma-nạp, cũng như có người khéo thổi tù và; nếu có phương nào chưa nghe được, người ấy vào lúc nửa đêm, leo lên lúi cao, đem hết sức thổi tù và, phát ra âm thanh vi diệu, biến mãn cả bốn phương; cũng vậy, Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy với bi và hỷ. Tâm đi đối với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Ở đây, có người cầu làm Trời. Vì để sanh lên trời, nên người ấy thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng: “Mong ta làm vị Trời nầy, hay vị Trời khác.” Lại có người cầu làm Trời; vì để sanh lên trời, nên không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trụ, và nghĩ rằng: “Mong ta làm vị Trời nầy, hay vị Trời khác.” Ông xem các người đó, ai được làm vị Trời nầy hay vị Trời khác ?

Ma-nạp Anh Vô đáp:

— Bạch Cù-đàm, nếu có người cầu làm Trời; vì để sanh lên trời, nên không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến thành tựu an trụ, con xem người ấy chắc chắn được làm vị Trời nầy hay vị Trời khác.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Nếu có người cầu Phạm thiên, vì để sanh lên Phạm thiên, nên thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng: “Mong ta làm vị Phạm thiên nầy, hay vị Phạm thiên khác.” Ở đây, lại có người cầu Phạm thiên, vì để sanh lên Phạm thiên, nên không kết, không oán,

không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trụ, và nghĩ rằng: “Mong ta làm vị Phạm thiên nầy hay vị Phạm thiên khác.” Ông xem các người đó, ai được làm Phạm thiên nầy, hay Phạm thiên khác ?

Ma-nạp Anh Vô đáp:

— Bạch Cù-dàm, nếu người nầy cầu Phạm thiên, vì để sanh lên Phạm thiên, nên không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, con thấy rằng, người nầy chắc chắn được làm vị Phạm thiên nầy, hay vị Phạm thiên khác.

Ma-nạp Anh Vô lại hỏi:

— Cù-dàm biết con đường dẫn đến Phạm thiên chẳng ?

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, nay Ta hỏi Ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Thôn Na-la-ca-la cách chúng hội này không xa chăng ?

Ma-nạp Anh Vô đáp:

— Không xa.

Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, ý Ông nghĩ sao ? Ông nói với một người trong chúng hội này rằng: “Ông hãy đến thôn Na-la-ca-la kia, đến đó rồi trở về.” Người ấy vâng lời Ông nhanh chóng đi đến thôn Na-la-ca-la, đến đó rồi trở về. Sau khi người ấy đi và về rồi, Ông hỏi đường đi, hỏi sự việc đi và về, ra và vào nơi thôn Na-la-ca-la, người ấy há lại đứng im, không thể trả lời chăng ?

Ma-nạp Anh Võ trả lời đức Thế Tôn:

— Không vậy, bạch Cù-đàm.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Ma-nạp, người ấy đi và về nơi thôn Na-la-ca-la, khi được hỏi về đường đi, có thể đứng im, không biết trả lời. Nhưng nếu hỏi Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác về con đường dẫn đến Phạm thiên thì hoàn toàn không có sự kiện tạm thời im lặng, không biết trả lời.

Ma-nạp Anh Võ bạch Thế Tôn:

— Sa-môn Cù-đàm không dính trước nơi sự tế tự chư Thiên; sự kiện ấy đã trọn đủ. Bởi vì khi được hỏi về con đường dẫn đến Phạm thiên thì Ngài có thể trả lời nhanh chóng.

Bạch Thế Tôn, con đã hiểu, bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, tự quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, Ma-nạp Anh Vĩ sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trú ở tịnh thất đệ nhất của Bà-la-bà trên một thảm cỏ.

Bấy giờ vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào Kiềm-ma-sắc-đàm, thứ tự khát thực. Sau buổi cơm trưa, thu dọn y bát, Ngài rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai đi đến chỗ nghỉ ban ngày tại một khu rừng. Khi đã vào rừng, đức Thế Tôn đến dưới một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết-già.

Lúc ấy vào buổi xế trưa, dị đạo Man-nhàn-đề thông dong, tận bộ đến đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà. Từ xa dị đạo Man-nhàn-đề thấy trên sàn rải cỏ ở tịnh thất ấy có dấu nằm một bên hông, như

chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh. Trông thấy vậy, dị đạo Man-nhàn-đề hỏi Bà-la-bà:

— Trong đệ nhất tịnh thất ấy, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông nầy của ai mà giống như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh như thế ?

Phạm chí Bà-la-bà đáp:

— Này Man-nhàn-đề, có Sa-môn Cù-dàm con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Ở trong tịnh thất đó, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông đó, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh chính là của Sa-môn Cù-dàm.

Dị đạo Man-nhàn-đề nói:

— Này Bà-la-bà, ta nay phải thấy cảnh không đáng thấy, phải nghe theo điều không đáng nghe, nghĩa là phải thấy chỗ nằm của Sa-môn Cù-dàm. Vì sao ? Vì Sa-môn Cù-dàm ấy là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng.

Bà-la-bà nói:

— Này Man-nhàn-đề, Ông không nên đem điều đó mà phỉ báng Sa-môn Cù-dàm. Vì sao ? Vì Sa-môn Cù-dàm có nhiều trí tuệ, như Sát-lợi trí tuệ, Phạm

chí trí tuệ, cư sĩ trí tuệ, Sa-môn trí tuệ. Ai giảng thuyết về trí tuệ thầy đều đặc Thánh trí. Nay Man-nhàn-đề, tôi muốn đem ý nghĩa đó mà nói với Sa-môn Cù-đàm có được chăng ?

Man-nhàn-đề đáp:

— Nay Bà-la-bà, tùy ý Ông. Tôi thấy không gì trở ngại. Nay Bà-la-bà, nếu gặp Sa-môn Cù-đàm, tôi cũng nói như thế. Vì sao ? Vì Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng.

Bấy giờ đức Thế Tôn ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt hẳn người thường, nghe Phạm chí Bà-la-bà cùng dị đạo Man-nhàn-đề đang bàn luận chuyện ấy. Nghe xong, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà, trải tọa cụ lên thảm cỏ, rồi ngồi kiết-già. Phạm chí Bà-la-bà từ xa trông thấy Thế Tôn ở giữa rừng cây, trang nghiêm, đẹp đẽ, như vầng trăng giữa vòm trời sao, chói lợi rạng ngời, tòa chiếu như núi vàng, đầy đủ như tướng tốt, oai thân nguy nguy, các căn vắng lặng, không bị chướng ngại, thành tựu điều nguyện, nội tâm tĩnh chỉ, tịnh mặc. Sau khi trông thấy, Phạm chí ấy đi đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Bà-la-bà, Ông đã cùng với Man-nhàn-đề bàn luận về chỗ thâm cở này phải chăng ?

Phạm chí Bà-la-bà đáp:

— Đúng như vậy, bạch Cù-đàm. Con cũng định đem chuyện đó thưa với Cù-đàm, nhưng chưa nói kịp mà Cù-đàm đã biết. Vì sao ? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Đức Thế Tôn và Phạm chí Bà-la-bà cùng nhau thảo luận về vấn đề này. Sau đó, dị đạo Man-nhàn-đề tản bộ đến đệ nhất tịnh thất ấy. Từ xa, đức Thế Tôn trông thấy dị đạo Man-nhàn-đề đến, liền bảo:

— Này Man-nhàn-đề, không chế ngự nhãn căn, không thủ hộ kín đáo, không tu, thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với nhãn căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu, nên chắc chắn được lạc báo. Này Man-nhàn-đề, có phải vì nhơn ấy mà Ông bảo rằng: “Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. kẻ phá hoại là kẻ vô dụng” ?

Man-nhàn-đề trả lời:

— Đúng như vậy, Cù-đàm.

— Này Man-nhàn-đề, cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn; nếu không chế ngự ý căn, không thủ hộ kín đáo, không khéo tu, thì chắc chắn thọ khổ

báo. Đối với ý căn ấy, Cù-dàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu, nên chắc chắn được lạc báo. Nay Man-nhân-đề, có phải vì nhơn đó mà Ông bảo rằng: “Sa-môn Cù-dàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng” ?

Man-nhân-đề đáp:

— Đúng như vậy, Cù-dàm.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Man-nhân-đề, Ông nghĩ thế nào ? Người khi chưa xuất gia học đạo, với con mắt, vị ấy biết sắc khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ sắc được biết bởi mắt, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy thấy, biết đúng như thật về sự tập khởi của sắc được biết bởi mắt, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của sắc ấy, an trú với nội tâm tịch tịnh. Vị ấy thấy những người chưa ly sắc dục, bị sắc ái nhai nuốt, bị sắc nhiệt thiêu đốt, đối với sắc, được biết bởi mắt mà có ái, niệm, ý lạc, tương ưng với dục; sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích. Nay Man-nhân-đề, Ông nghĩ thế nào ? Nếu có lạc thú do sắc, do ái này, thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp

hèn, cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đê, đối với người này, Ông có nói gì chăng ?

— Dạ không, thưa Cù-dàm.

— Nay Man-nhàn-đê, Ông nghĩ thế nào ? Người khi chưa xuất gia cũng vậy đối với tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ xúc được biết bởi thân, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình; xuất gia học đạo; vị ấy biết và thấy như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của xúc, an trú nơi nội tâm tịch tĩnh; vị ấy thấy những người chưa ly xúc, dục, bị xúc ái nhai nuốt, bị xúc nhiệt thiêu đốt, đối với xúc được biết bởi thân mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục; sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đê, Ông nghĩ thế nào, nếu có lạc thú do ái, do xúc này, thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đê, đối với người này, Ông có nói gì chăng ?

— Dạ không, thưa Cù-dàm.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Man-nhàn-đề, Ông nghĩ thế nào ? Người khi chưa xuất gia học đạo, thấy đặc tính năm dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, người ấy xả bỏ đặc tính năm dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của đặc tính năm dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của đặc tính năm dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, đối với đặc tính năm dục mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục; sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, Ông nghĩ thế nào ? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng; này Man-nhàn-đề, đối với người này, Ông có nói gì chăng ?

— Dạ không, thưa Cù-dàm.

— Này Man-nhàn-đề, Ta khi chưa xuất gia học đạo, hưởng thụ đặc tính năm dục dễ dàng, không

khó, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Sau đó Ta xả bỏ đặc tính năm dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ta thấy như thật về sự tập khởi của đặc tính năm dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa và sự xuất yếu của đặc tính năm dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, đối với đặc tính năm dục mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục; sau khi an trú mà thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, Ông nghĩ thế nào ? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái nảy, khi hoan lạc trong lạc thú nảy, vì chúng thấp hèn nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng; nay Man-nhàn-đề, đối với Ta, Ông có nói gì chăng ?

— Dạ không, thưa Cù-đàm.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Man-nhàn-đề, cũng như cư sĩ, hay con của cư sĩ, rất giàu, của cải vô lượng, nuôi nhiều súc vật, phong hộ, thực ấp, đầy đủ các thứ cần cho sự sống; người ấy hưởng đặc tính năm dục dễ dàng không khó, lại thành tựu thân diệu hành, khẩu và

ý diệu hành; lúc chết, không thích xả bỏ đặc tính năm dục; sau khi thân hoại mạng chung, đi đến chỗ thiện, sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ đặc tính năm dục. Nay Man-nhàn-đề, Thiên vương hoặc Thiên tử ấy có thể xả bỏ đặc tính năm dục, ở cõi trời mà hoan hỷ hướng đến dục lạc ở nhân gian chăng ?

Man-nhàn-đề đáp:

— Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao ? Vì dục lạc ở nhân gian vốn xú uế, bất tịnh, rất đáng ghê tởm, không thể tương tói, vốn náo hại, cực khổ. Thưa Cù-đàm, so với dục lạc ở thế gian, dục lạc cõi trời là tối diệu, tối thắng. Thiên vương hay Thiên tử xả bỏ đặc tính năm dục ở cõi trời mà hoan hỷ tương đến dục lạc ở thế gian; điều đó không thể xảy ra được.

— Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta đoạn tuyệt dục lạc nhân gian, vượt khỏi dục lạc cõi trời, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của đặc tính năm dục ấy, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, cùng sự xuất yếu của chúng, an trú với nội tâm tịch tịnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, đối với đặc tính năm dục, mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục. Sau khi an trú, thấy như vậy, Ta không

thỏa mãn chúng, Ta không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, ý Ông nghĩ sao, nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, trong khi sự hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, đối với Ta, Ông có nói gì chăng ?

— Dạ không, thưa Cù-đàm.

— Nay Man-nhàn-đề, cũng như người bị bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụn ghẻ, hơ lên bếp lửa. Nay Man-nhàn-đề, Ông nghĩ thế nào ? Nếu người bị bệnh cùi thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi các mụn, cào rách, rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu trừ bệnh có kết quả, không làm hại các căn, không thoát khỏi cùi hủi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ được chăng ?

Man-nhàn-đề đáp:

— Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao ? Vì người mắc bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụn lở loét hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú.

— Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụn rồi hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụn lở loét hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghê cùi làm sự thích thú. Này Man-nhàn-đề, cũng như thế, chúng sanh chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt đốt cháy, mà cứ chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy, vì chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt đốt cháy, mà cứ chạy theo dục, thì nhiệt chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy ái dục làm sự khoái lạc. Nếu chúng sanh đó không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao ? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái, mà là chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, cũng như vua và đại thần hưởng năm dục dễ dàng, chứ không khó. Nếu các vị ấy không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể có được. Vì sao ? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sanh chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu

đốt, mà chạy theo dục, thì này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho dục ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy dục ái làm sự hoan lạc. Nếu chúng sanh không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, đang an trụ và sẽ an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể xảy ra được. Vì sao ? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục.

Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa; có người xót thương, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc nên cho một thứ thuốc hay nào đó. Khi được cho thứ thuốc hay nào đó, trị bệnh có hiệu quả, không làm hư hoại các căn, người bệnh khỏi được bệnh cùi, thân thể tráng kiện, bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nếu thấy ai mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa, này Man-nhàn-đề, thấy vậy, người ấy có hoan hỷ ngợi khen chăng ?

Man-nhàn-đề đáp:

— Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao ? Vì có bệnh mới cần thuốc, chứ không bệnh thì không cần.

— Nay Man-nhàn-đề, Ông nghĩ thế nào ? Người mắc bệnh cùi ấy chữa bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ. Có hai người lục sĩ bắt người ấy hơ trên bếp lửa, người ấy hoảng hốt né tránh vì cảm thấy quá nóng. Nay Man-nhàn-đề, Ông nghĩ thế nào, bếp lửa bây giờ lại nóng, khiến cho rất khổ, nguy hiểm hơn trước nhiều lắm chăng ?

— Dạ không, thưa Cù-đàm. Trước kia, còn mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa. Đối với sự khổ bức nóng của lửa, bệnh nhân lại cảm thấy hoan lạc; ấy là do tâm mê loạn mà có ý tưởng điên đảo. Thưa Cù-đàm, trái lại bây giờ trị bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn bình phục như cũ, người ấy đối với sự khổ bức của lửa lại cảm thấy khổ sở, như vậy là do tâm sáng suốt, không có ý tưởng điên đảo.

— Nay Man-nhàn-đề, người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ trên bếp lửa; đối với sự khổ bức của lửa, bệnh nhân lại thấy khoan khoái; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo. Cũng

vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sanh không ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt đốt cháy mà chạy theo dục; những kẻ ấy đối với khổ dục lại có ý tưởng dục lạc; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo.

Này Man-nhàn-đề, người trị bệnh đã có kết quả, không hư hoại các căn, đã khỏi bệnh ghê cùi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ; người ấy đối với sự khổ bức của lửa thì cảm thấy đau khổ; ấy là do tâm yên ổn, không có ý tưởng điên đảo, cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta đối với khổ dục, thì có ý tưởng về khổ dục đúng như thật, không có ý tưởng điên đảo. Vì sao ? Này Man-nhàn-đề, vì dục quá khứ là bất tịnh, xấu xa, rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, gây đau khổ; dục vị lai và hiện tại cũng bất tịnh, xấu xa rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, cảm thọ khổ. Cho nên, này Man-nhàn-đề, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng: “Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng.”

Dị đạo Man-nhàn-đề thưa:

— Thưa Cù-đàm, tôi cũng đã từng nghe các bậc kỳ cụ tôn đức trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: “Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là an lạc tối thượng.”

Đức Thế tôn hỏi:

— Nếu Ông đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn đức trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: “Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng”; thì Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn ?

Bấy giờ, Man-nhàn-đề dị đạo, đối với thân vốn là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là răn độc, là vô thường, là khổ, là không, là chẳng phải tự ngã, nhưng lại dùng hai tay xoa bóp mà nói rằng:

— Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Man-nhàn-đề, cũng như người mù bẩm sinh, nghe người có mắt nói rằng: “Trắng tinh, không bẩn ! Trắng tinh, không bẩn !” Nghe như vậy, người mù đi tìm cái trắng tinh. Có người lừa dối, không mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn khoái lạc cho người mù, nên đem chiếc áo cẩu ghét nhơ bẩn, đến nói với người mù rằng: “Ông nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không bẩn. Ông hãy cung kính đưa hai tay nhận lấy mà khoác lên thân.” Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính

thọ nhận, khoác lên thân mà nói rằng: “Trắng tinh, không bẩn ! Trắng tinh, không bẩn !” Này Man-nhàn-đề, người mù ấy tự mình biết mà nói lên như thế, hay không tự mình biết mà nói lên như thế ? Tự mình thấy mà nói lên như thế, hay không tự mình thấy mà nói lên như thế ?

Man-nhàn-đề dị đạo đáp:

— Thưa Cù-đàm, người ấy nói như vậy nhưng quả thật không biết, không thấy gì cả.

Đức Thế Tôn nói:

— Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã. Thế mà Ông dùng hai tay xoa bóp và nói rằng: “Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.” Này Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, Ông còn không biết há lại thấy biết Niết-bàn, được Niết-bàn chăng ? Nói rằng thấy Niết-bàn thì quả không thể được. Này Man-nhàn-đề, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng:

*Không bệnh, lợi bậc nhất,
Niết-bàn, lạc tối thượng,
Chỉ con đường Bát chánh,
Đến an ổn cam lồ.*

Trong chúng đó, nhiều người được nghe bài kệ này. Sau khi số đông những người dị đạo nghe bài kệ này, liền truyền lại cho nhau, nhưng không hiểu rõ nghĩa lý. Họ đã nghe và muốn tìm cầu giáo nghĩa, họ đều là kẻ ngu si, trở lại tự lừa dối lẫn nhau. Thân bốn đại hiện tại của họ là do cha mẹ sanh ra, được nuôi lớn nhờ ăn uống, che dầy của y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, đó là pháp hủy hoại, là pháp tan rã, nhưng họ thấy là ngã, chấp thủ là ngã, duyên nơi chấp thủ nên có hữu, duyên nơi hữu nên có sanh, duyên nơi sanh nên có già, chết, duyên nơi già, chết nên có buồn rầu, khóc than, lo lắng, khổ sở, áo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sinh.

Khi ấy, Man-nhàn-đề dị đạo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về đức Thế Tôn và bạch:

— Bạch Cù-đàm, nay con hoàn toàn tin tưởng Sa-môn Cù-đàm. Mong Cù-đàm thuyết pháp cho con nghe, để con được biết: “Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.”

Đức Thế Tôn nói:

— Nay Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của Ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì Ông

cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công cho Ta thôi. Nay Man-nhàn-đề, ví như người sinh ra đã bị mù, nghe người khác đến nói rằng: “Ông nên biết, đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng.” Nay Man-nhàn-đề, người mù ấy chỉ nghe người khác nói, có biết đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng chăng ?

Man-nhàn-đề đáp:

— Dạ không, thưa Cù-đàm.

— Cũng vậy, nay Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của Ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho Ông nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì Ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công Ta thôi. Nay Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho Ông nghe về diệu được như kỳ tượng khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tịnh liền được thanh tịnh. Nay Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của Ông được thanh tịnh, Ông sẽ tự biết: “Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.” Nay Man-nhàn-đề, ví như người mù bẩm sinh, có thân nhân mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, mong muốn cho được an ổn, khoái lạc nên tìm cầu thầy chữa mắt. Thầy chữa mắt trị liệu bằng mọi cách, hoặc khiến nôn ra ở trên, hoặc khiến bài

tiết ở dưới, hoặc nhỏ thuốc vào lỗ mũi, hoặc rửa ở dưới, hoặc chích ở mạch, hoặc khiến chảy nước mắt ra. Nay Man-nhân-đề, giả sử trúng thuốc thì hai mắt được trong sáng. Nay Man-nhân-đề, nếu người ấy hai mắt được trong sáng thì tự mình thấy đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng. Người ấy thấy cái áo cẩu ghét dơ bẩn, nên nghĩ rằng: “Người kia là oan gia, từ lâu nó đã đem cái áo cẩu ghét mà dối gạt ta”, rồi liền sanh tâm oán ghét. Nay Man-nhân-đề, người ấy hoặc có thể sát hại người kia. Cũng vậy, nay Man-nhân-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho Ông nghe về diệu dược như kỳ tợng, khiến cho Thánh tuệ nhân chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Nay Man-nhân-đề, nếu Thánh tuệ nhân của Ông được thanh tịnh, Ông sẽ tự biết: “Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.”

Nay Man-nhân-đề, có bốn pháp khiến người Thánh tuệ nhân chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Những gì là bốn ? Là thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành theo pháp và thứ pháp. Nay Man-nhân-đề, Ông nên học như vậy. Thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành theo pháp và thứ pháp, nay Man-nhân-đề nên học như vậy.

Này Man-nhân-đề, Ông đã thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự rồi, và đã được nghe thiện pháp, đã nghe được thiện pháp sẽ khéo tư duy sẽ thực hành theo pháp và thứ pháp, thực hành theo pháp và thứ pháp rồi, liền biết như thật rằng: Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo.

Thế nào là biết Khổ như thật ? Là biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tăng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ . Đó gọi là biết khổ như thật.

Thế nào là biết Khổ tập như thật ? Biết rằng đây là tham ái sẽ thọ sự hữu trong tương lai, tương ưng với hỷ dục, ước mong đời sống như thế này hay như thế kia. Đó gọi là biết Khổ tập như thật.

Thế nào là biết Khổ diệt như thật ? Biết rằng đây là tham ái sẽ thọ sự hữu trong tương lai, đi đôi với hỷ dục ước mong đời sống như thế này hay như thế kia; tham ái ấy đã diệt tận không còn dư tàn, đã đoạn trừ, đã xả ly, đã nôn ra hết, không còn tham dục, đã thanh tịnh, đoạn trừ, tịnh chỉ. Đó gọi là biết Khổ diệt như thật.

Thế nào là biết Khổ diệt đạo như thật ? Là

biết Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là biết Khổ diệt đạo như thật.

Sau khi nghe nói pháp này, Man-nhàn-đề đi dạo xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ, Man-nhàn-đề đi dạo thấy pháp, đắc pháp, giác chứng bạch tịnh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cho con xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo.

Đức Thế Tôn nói:

— Lành thay, hãy đến đây, Tỳ-kheo ! Hãy tu hành Phạm hạnh.

Man-nhàn-đề đi dạo liền xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi Man-nhàn-đề đi dạo xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Man-nhàn-đề sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

154. KINH BÀ-LA-BÀ-ĐUÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, tại Đông viên, Lộc Tử Mẩu giảng đường.

Bấy giờ, có hai người thuộc dòng Phạm chí là Bà-tu-tra và Bà-la-bà, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các Phạm chí khác thấy vậy, chỉ trích họ dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay đắng: “Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các Ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo

chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các Ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai lầm.”

Bấy giờ, vào buổi chiều, đức Thế Tôn từ Thiên tọa đứng dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo.

Tôn giả Bà-tu-tra từ xa trông thấy đức Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiên tọa đứng dậy, Ngài bước xuống giảng đường đi kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng của giảng đường, rồi Ngài nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Sau khi thấy như vậy, Tôn giả Bà-tu-tra nói:

— Nay Hiền giả Bà-la-bà, nên biết, đức Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiên tọa đứng dậy, Ngài bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng của giảng đường, rồi Ngài nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Nay Hiền giả Bà-la-bà, chúng ta nên đến chỗ đức Phật, hoặc có thể nhơn đây mà được nghe Ngài nói pháp.

Khi ấy, Bà-tu-tra và Bà-la-bà liền đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đi kinh hành theo sau.

Đức Thế Tôn quay lại nói với hai người kia:

— Bà-tu-tra, hai vị Phạm chí các Ông từ bỏ chúng tộc Phạm chí, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; các Phạm chí khác thấy như vậy, không chỉ trích các Ông sao ?

Hai người kia liền bạch:

— Quả thật vậy, bạch đức Thế Tôn. Các Phạm chí thấy như vậy, chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Bà-tu-tra, các Phạm chí thấy như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng như thế nào ?

Bà-tu-tra thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy, nói như thế này: “Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không thể thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên; các Ông bỏ chỗ thù thắng để theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn trọc đầu kia bị trói vào da đen, tuyệt chủng, không con cái. Cho

nên, các Ông đã làm chuyện đại ác, phạm điều đại sai lầm !" Bạch Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng như vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bà-tu-tra, những lời của các Phạm chí quá độc ác, hết sức vô lại. Vì sao ? Vì họ ngu si, không khéo hiểu rõ, không biết ruộng phước, không thể tự biết mình, do đó mới nói như thế này: "Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên." Vì sao ? Này Bà-tu-tra, chính Ta, với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng này không chủ trương thọ sanh ưu thắng, không chủ trương chủng tộc, không nói kiêu mạn, không nói nó đẹp lòng Ta hay không đẹp lòng Ta, không vì chỗ ngồi, không vì nước, không vì sở học kinh sách. Này Bà-tu-tra, chỗ nào có hôn non, nơi đó mới có thể nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói: "Nó đẹp lòng ta, không đẹp lòng ta" là vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách.

Này Bà-tu-tra, nếu ai chủ trương thọ sanh, chủ trương chủng tộc, chủ trương kiêu mạn, người ấy cách biệt quá xa đối với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của Ta.

Này Bà-tu-tra, nói về thọ sanh, về chủng tộc, về khiêu mạn, nói: “Nó đẹp lòng ta, không đẹp lòng ta” là vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách thì cách biệt với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của Ta.

Lại nữa, này Bà-tu-tra, ở đây có ba giai cấp khiến cho không phải tất cả mọi người cùng tranh luận với nhau thiện và bất thiện lẫn lộn, được các bậc Thánh khen ngợi hoặc không khen ngợi, thế nào là ba ? đó là: Dòng Sát-lợi, Dòng Phạm chí, dòng Cư sĩ.

Này Bà-tu-tra, ý Ông thế nào ? Người Sát-lợi có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến; người Cư sĩ cũng vậy, chứ không phải Phạm chí (mới làm những chuyện đó chẳng) ?

Bà-tu-tra thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, dòng Sát-lợi cũng có người sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến và dòng Phạm chí, Cư sĩ cũng vậy.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Bà-tu-tra, ý Ông thế nào ? Chỉ có người Phạm chí mới xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến,

được chánh kiến, còn Sát-lợi, Cư sĩ thì không như vậy chăng ?

Bà-tu-tra thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, Phạm chí cũng có người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến, và Sát-lợi, Cư sĩ cũng vậy.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Bà-tu-tra, ý Ông thế nào ? nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, thì đó chỉ là việc làm của Sát-lợi, Cư sĩ, chứ không phải Phạm chí chăng ? và nếu có vô lượng pháp thiện, thì đó chỉ là việc làm của Phạm chí chứ chẳng phải Sát-lợi, Cư sĩ ?

Bà-tu-tra thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện thì hàng Sát-lợi, Cư sĩ kia cũng có thể làm, mà Phạm chí cũng vậy. Nếu có vô lượng pháp thiện, thì Phạm chí cũng có thể làm, và Sát-lợi, Cư sĩ cũng vậy.

— Nay Bà-tu-tra, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, mà tuyệt đối chỉ có Sát-lợi, Cư sĩ làm, chứ không phải Phạm chí làm, và nếu có vô lượng pháp thiện, mà tuyệt đối chỉ có Phạm chí làm chứ không

phải Sát-lợi Cư sĩ làm, thì các bạn Phạm chí kia có thể nói như thế này: “Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.”, Vì sao ? Nay Bà-tu-tra, người ta thấy một nữ Phạm chí vừa mới lấy chồng, sau khi lấy chồng thì nàng mang thai và sau đó lại thấy nàng sinh ra một bé trai, hoặc là một bé gái. Nay Bà-tu-tra, như vậy, các Phạm chí cũng y theo pháp thế gian mà được sinh ra từ sản đạo, thế nhưng họ lại nói láo, vu báng Phạm thiên mà nói như thế này: “Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, hóa sinh từ Phạm thiên.”

Nay Bà-tu-tra, nếu một Thiện nam tử, bất luận chủng tộc hay tánh danh nào từ bỏ chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, theo Ta học đạo, thì có thể nói như thế này: “Phạm chí chúng tôi là con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.” Vì sao ? Nay Bà-tu-tra, vì Thiện nam tử ấy vào trong Chánh pháp luật của Ta, thọ lãnh Chánh pháp và giới luật, đến được bờ bên kia, đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự, đối với pháp của đấng Thế Tôn đã được vô sở úy. Cho nên, người ấy đáng nói như thế này: “Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.”

Này Bà-tu-tra, Phạm thiên đó là nói Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bởi vì Phạm là Như Lai, Lãnh là Như Lai, vô phiên vô nhiệt không lìa như là Như Lai.

Này Bà-tu-tra, ý Ông thế nào ? Những người họ Thích có hạ ý yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la chăng ?

Bà-tu-tra thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, có.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Bà-tu-tra, ý Ông thế nào ? Nếu những người họ Thích hạ ý yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì như vậy, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta có hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự Ta chăng ?

Đáp rằng:

— Những người họ Thích mà hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, thì việc này không gì lạ. Nếu vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự đức Thế Tôn, thì việc này rất kỳ lạ.

Đức Thế Tôn nói:

— Nay Bà-tu-tra, vua Ba-tu-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta, không phải với ý nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc rất cao, còn ta chủng tộc quá thấp. Sa-môn Cù-đàm tài bảo rất nhiều, còn ta tài bảo quá ít. Sa-môn Cù-đàm hình sắc rất đẹp, còn ta hình sắc thô kệch. Sa-môn Cù-đàm có oai thần lớn, còn ta oai thần quá ít. Sa-môn Cù-đàm có trí huệ thiện còn ta có trí huệ ác.” Nhưng nay Bà-tu-tra, vua Ba-tu-nặc nước Câu-tát-la chỉ vì yêu kính, tôn trọng Pháp và cúng dường Pháp, vì phụng sự Pháp cho nên đối với bản thân Ta, mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo rằng:

— Nay Bà-tu-tra, có một lúc tất cả thế gian này đều hoại diệt khi thế gian này hoại, các chúng sanh sanh lên trời, cõi trời Hoảng Dục; ở trong cõi ấy, họ có sắc tướng vi diệu, do ý hóa sanh. Tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm món ăn, tự thân chói sáng, bay lên hư không, sống mãi trong tịnh sắc.

Nay Bà-tu-tra, trong một thời gian của quả đất

nầy tràn ngập nước, do gió thổi qua và khuấy động trên mặt nước đông lại một lớp tinh, hòa hiệp giống như sữa chín đông váng và đông lại thành một lớp tinh. Cũng vậy, Bà-tu-tra, có một thời gian quả đất nầy tràn ngập nước, do gió thổi và khuấy động, trên mặt nước đông lại và hợp tụ hòa hợp thành một lớp tinh, từ đó sanh ra vị của đất, có sắc, có hương vị. Sắc nó như thế nào ? Giống như sắc của sanh tô, và sắc của thực tô. Và vị của nó như thế nào ? Như vị mật phàn.

Này Bà-tu-tra, có một thời gian thế giới nầy trở lại thời kỳ thành lập có những chúng sanh, sinh trên cõi trời Hoảng Dục, tuổi thọ hết, nghiệp hết, phước hết, mạng chung sanh trở lại làm người, sanh vào thế gian này, cũng với sắc tướng thù diệu và do hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ lạc làm thức ăn, tự thân chói sáng, bay trong hư không, sống mãi trong tịnh sắc.

Này Bà-tu-tra, bấy giờ ở trong thế giới đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng hay nửa tháng, không có ngày giờ, không có năm. Này Bà-tu-tra, ngay vào lúc đó, không có cha, không có mẹ, không có trai hay gái, lại cũng không có chủ nhân và đầy tớ, chỉ có một loại chúng sanh như

nhau mà thôi. Rồi có một chúng sanh tham ăn, không liêm khiết, đã nghĩ như thế này: “Vị của đất như thế nào ? Ta thử dùng ngón tay móc một ít đất nầy ném thử”. Khi ấy chúng sanh nầy bèn dùng ngón tay móc đất đó mà nếm thử. Như vậy, chúng sanh đã biết vị của đất. Người ấy lại muốn được ăn. Bấy giờ chúng sanh đó lại nghĩ như thế này: “Sao lại phải nếm vị của đất bằng ngón tay cho nhọc sức, ta hãy dùng ngón tay vóc lấy vị đất nầy mà ăn.” Khi đó chúng sanh nầy bèn dùng tay vóc lấy vị đất nầy mà ăn. Trong số các chúng sanh kia lại có những chúng sanh khác thấy các chúng sanh nầy mỗi người dùng tay vóc lấy vị đất mà ăn, bèn nghĩ như thế này: “Cái nầy thật là hay, cái này thật là khoái, chúng ta cũng có thể dùng tay vóc lấy vị đất nầy để ăn.” Rồi các chúng sanh liền dùng tay vóc lấy vị đất nầy để ăn. Khi họ đã dùng tay vóc lấy vị đất nầy để ăn như vậy và như vậy, thân họ trở thành dày, trở thành nặng, thành cứng. Nếu trước kia họ có sắc thanh tịnh, thì lúc ấy bị mất, tự nhiên sanh ra tối tăm.

Này Bà-tu-tra, pháp của thế gian tự nhiên có điều nầy: nếu sự tối tăm đã sinh ra, thì mặt trời, mặt trăng tất xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện thì các tinh tú cũng xuất hiện; tinh tú đã xuất

hiện, tức thì thành ngày đêm, thành ngày đêm rồi, thì liền có một tháng hay nửa tháng, có ngày giờ và có năm.

Họ ăn vị của đất và có sống đời rất lâu. Nay Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào ăn vị của đất, thì sắc da thành xấu, nếu ăn ít vị của đất thì sắc da đẹp; từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhon màu sắc hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh cùng có những lời khinh mạn lẫn nhau: “Sắc da của ta hơn, sắc của Ông không bằng.” Nhon màu sắc hơn kém mà sinh ra sự khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền mất. Khi vị của đất đã mất, các chúng sinh kia liền tụ tập nhau lại, khóc lóc náo nê và nói như thế nầy: “Hỡi ôi vị đất ! Hỡi ôi vị đất !” Cũng như người đời nay ngậm mỹ vật, không nói chữ của thời xưa, tuy thọ tri mà không biết nghĩa, nói quán nghĩa ấy cũng lại như vậy.

Này Bà-tu-tra, sau khi vị của đất mất, nắm đất có sắc, hương, vị sanh ra cho các chúng sinh kia. Sắc nó như thế nào ? Như sắc của sanh tô và thực tô. Vị như thế nào ? Như vị của mật ong. Chúng sanh kia ăn nắm đất nầy mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu xa.

Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào ăn nắm

đất nhiều thì sắc da thành xấu, người ăn nắm đất ít thì có sắc da đẹp, từ đó có sự phân biệt hơn kém về sắc da. Nhơn màu sắc có hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh cùng nói nhau lời khinh mạn: “Sắc của ta hơn, sắc của Ông không bằng.” Do sắc hơn kém mà sinh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên nắm đất liền tiêu mất. Khi nắm đất tiêu mất, các chúng sinh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc náo nê và nói như thế này: “Hỡi ơi nắm đất ! Hỡi ơi nắm đất !” Cũng như người đời nay tranh cãi nhau, không nói chữ gốc, tuy thọ trì mà không biết nghĩa, nói quán nghĩa này cũng lại như vậy.

Này Bà-tu-tra, sau khi nắm đất tiêu mất, loại bà-la có sắc, có hương, vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào ? Như sắc hoa đàm. Vị nó như thế nào ? Như vị mật ong tinh chất. Họ ăn bà-la này mà tồn tại ở thế gian trong thời gian lâu xa.

Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào ăn bà-la nhiều thì sắc da thành xấu, người ăn bà-la ít thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu da. Nhơn sắc có hơn kém, cho nên mỗi mỗi chúng sanh nói lời khinh mạn với nhau rằng: “Sắc ta hơn, sắc Ông không bằng.” Nhơn sắc có hơn kém mà sanh khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền diệt mất. Khi bà-la đã diệt mất, các chúng sanh kia liền

nhóm họp nhau lại, khóc lóc náo nê và nói như thế này: “Hỡi ôi bà-la ! Hỡi ôi bà-la !” Cũng như người đời nay khi va chạm nhiều sự khổ, không nói chữ gốc, tuy thọ trì mà không biết nghĩa, nói quán nghĩa này cũng lại như vậy.

Này Bà-tu-tra, sau khi bà-la diệt mất, loại nếp trắng tự nhiên sanh ra cho các chúng sanh kia. Không vô cũng không có cảm, trấu dài bốn tấc, sớm mai cất chiều sinh, chiều cất sáng sinh, lúa chín có chất muối, không có muối sống, chúng sanh ăn loại nếp tự nhiên này. Sau khi họ ăn loại nếp tự nhiên này, tức thì sinh ra sự khác nhau về thân hình. Hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con trai, hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con gái. Sau khi các chúng sanh này trở thành hình trai và hình gái, họ thấy nhau bèn nói như thế này: “Ôi, ác chúng sanh ra đời ! Ác chúng sanh ra đời !”

Này Bà-tu-tra, ác chúng sanh đó là nói người đàn bà. Khi chúng sanh kia đã trở thành hình trai và hình gái, thì họ dò xét nhau; dò xét nhau rồi, nhìn kỹ nhau bằng mắt, mắt nhìn kỹ rồi, thì họ nhiễm nhau; nhiễm nhau rồi, liền có phiền nhiệt; có phiền nhiệt rồi, thì họ ái trước nhau; ái trước nhau rồi, họ làm chuyện dâm dục. Nếu họ bị bắt gặp trong lúc hành dục, người ta bèn dùng cây, đá,

hoặc dùng gậy, đất cục mà đánh, ném, và nói như thế này: “Ôi, bọn xấu xa, làm việc phi pháp ! Tại sao chúng sanh làm chung nhau chuyện như vậy ?” Cũng như người thời nay khi rước vợ mới người ta rải hoa, hay buông rũ những tràng hoa và nói như thế này: “Chúc cô dâu bình an ! Chúc cô dâu bình an !” Đó là việc mà xưa kia thì người ta ghét, còn nay thì người ta yêu.

Này Bà-tu-tra, cũng có chúng sanh ghét pháp bất tịnh, ghê tởm, sỉ nhục, hổ thẹn, người đó liền xa đám đông từ một ngày, hai ngày, đến sáu bảy ngày, nửa tháng, một tháng cho đến một năm.

Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào muốn làm việc bất tịnh này, thì người ấy bèn làm nhà và nói như thế này: “Ta làm chuyện xấu trong này ! Ta làm chuyện xấu trong này !” Này Bà-tu-tra, đó là nhơn duyên đầu tiên trong thế gian có pháp dụng nhà, đó là kẻ trí kỳ cựu bậc nhất, đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài Người.

Ở đây, có một chúng sanh lười biếng, người ấy nghĩ như thế này: “Tại sao ta phải mỗi bữa đi lấy nếp tự nhiên ? Sao ta không lấy luôn cho đủ ăn một ngày ?” Người ấy bèn gom lấy gạo ăn cho một

ngày. Khi ấy, có một chúng sanh khác nói với người ấy rằng:

“— Này Chúng sanh, Ông đi lấy gạo với tôi chẳng ?”

Vị ấy trả lời:

“— Tôi đã gom đủ. Ông đi lấy một mình vậy.”

Chúng sanh kia nghe rồi, liền nghĩ như thế này: “Người kia thật là khôn, thật là khéo ! Ta cũng có thể lấy luôn gạo ăn cho ngày mai chẳng ?” Người này bèn lấy luôn gạo cho ngày mai. Lại có một chúng sanh khác nói với người này rằng:

“— Này Chúng sanh ! Ông hãy đi lấy gạo với tôi chẳng ?”

Chúng sanh kia đáp:

“— Tôi đã lấy luôn gạo cho ngày mai, Ông đi một mình vậy.”

Chúng sanh này nghe rồi, bèn nghĩ như thế này: “Người kia thật là khôn, thật là khéo ! Ta nay nên lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày chẳng ?” Rồi người này liền lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày. Khi chúng sanh này lấy loại lúa tự nhiên tích tụ rất nhiều; lúa nếp được cất bèn sanh ra vỏ và cám, cất

lấy cho đến bây ngày cũng sanh vỏ và cám. Cất đến đâu, chỗ ấy không còn mọc trở lại nữa.

Bấy giờ, các chúng sanh mới cùng nhóm họp, khóc lóc náo nê mà nói thế này: "Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác, bất thiện; bọn chúng ta cất chứa gạo để lâu. Vì sao ? Bởi lẽ, chúng ta trước kia có sắc tướng thù diệu, và do ý hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm thức ăn, tự nhiên chói sáng, bay trong hư không, sống mãi với tịnh sắc. Chúng ta sinh ra vị của đất có sắc, hương, vị. Sắc như thế nào ? Như sắc của sanh tô và thực tô. Vị thế nào ? Vị như mật ong. Chúng ta ăn vị của đất và tồn tại trong một thời gian lâu xa. Chúng ta nếu ăn nhiều vị của đất, thì sắc da thành xấu. Người ăn vị của đất ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Như màu sắc hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: "Sắc ta hơn, sắc Người không bằng." Như sắc có hơn kém mà sinh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liên tiêu mất.

Sau khi vị của đất tiêu mất, loại nắm đất, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào ? Như sắc của sanh tô, thực tô. Vị như thế nào ? Vị như mật ong. Chúng ta ăn nắm đất mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu xa. Người

nào ăn nắm đất nhiều thì sắc da thành xấu; người ăn nắm đất ít thì sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Vì sắc có hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau: "Sắc ta hơn, sắc Người không bằng." Vì sắc hơn kém mà sinh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên đất liền tiêu mất.

Sau khi nắm đất tiêu mất, loại bà-la, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào ? Sắc như hoa đàm. Vị như thế nào ? Như vị mật của ong tinh chất. Chúng ta ăn bà-la mà tồn tại ở thế gian lâu xa. Người nào nếu ăn bà-la nhiều, thì sắc da thành xấu, người ăn bà-la ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhơn sắc có hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: "Sắc ta hơn, sắc Người không bằng." Nhơn sắc hơn kém mà sinh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền tiêu mất.

Sau khi bà-la mất, loại nếp trắng tự nhiên sanh ra cho chúng ta, không vỏ, cũng không cám, trấu dài bốn tấc, sáng cắt chiếu sinh, chiếu cắt sáng sinh, lúa chín có chất muối, không có mùi sống. Chúng ta ăn nếp tự nhiên kia. Khi chúng ta tích tụ loại nếp tự nhiên rất nhiều; nếp lúa được cất liền sanh vỏ, cám, cất cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ, cám;

cắt đến đâu, chỗ đó không còn mọc trở lại nữa. Vậy, chúng ta phải làm thành ruộng, và cắm mốc chẳng ?”

Rồi các chúng sanh ấy làm ruộng, gieo giống và cắm mốc. trong khi đó có một chúng sanh đã có lúa của mình, còn vào ruộng người khác mà lấy trộm lúa. Người chủ ruộng thấy vậy bèn nói như thế này: “—Chao ôi ! Chúng sanh xấu ác đã ra đời ! Tại sao Người làm như vậy ? Người có lúa của người mà còn vào ruộng của người khác lấy trộm lúa; hãy đi đi. Về sau đừng làm như vậy nữa.”

Song chúng sanh kia vẫn đi lấy trộm lúa của người khác hai ba lần nữa. Người chủ ruộng cũng hỏi hai ba lần, thấy rồi, liền nắm tay thoi chúng sanh kia, lôi đến chỗ đông người và nói với mọi người rằng:

“— Chúng sanh này có lúa của nó mà còn vào ruộng tôi lấy trộm lúa tôi.”

Chúng sanh kia cũng nói với mọi người rằng:

“— Chúng sanh này nắm tay tôi thoi tôi, lôi tôi đến chỗ đông người.”

Khi ấy, các chúng sanh kia cùng nhau nhóm họp, khóc lóc náo nê và nói như thế này:

“— Chúng ta sanh pháp ác bất thiện, đó là phải giữ ruộng vậy. Vì sao ? Vì gìn giữ ruộng, cho nên mới cùng nhau tranh tụng, có mất mát, kiệt tận, có nói chuyện nhau bằng lời, có thoi nhau bằng nắm tay. Trong số đông nầy chúng ta hãy cử ra một người doan chánh, có hình sắc rất đẹp dẽ, lập làm điền chủ. Nếu người nào đáng quở trách thì phải để cho ông ấy quở trách. Nếu người nào đáng đuổi thì để cho ông ấy đuổi. Còn lúa bộn chúng ta thu được thì nên theo đúng như pháp chờ đến cho ông ấy.”

Khi ấy trong số chúng sanh kia có một người doan chánh, hình sắc đẹp dẽ đệ nhất, họ bèn cử ra, lập làm điền chủ. Nếu có ai đáng quở trách thì ông ấy quở trách; nếu có ai đáng đuổi, thì ông ấy đuổi. Nếu có lúa thì họ đúng như pháp chờ đến cho điền chủ. Điền chủ đó tức là Sát-lợi, làm cho chúng sanh hoan lạc đúng như pháp, thủ hộ và hành giới là vua. Vua tức là vua vậy.

Này Bà-tu-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Sát-lợi trong thế gian, kẻ trí bậc nhất và kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài Người.

Khi ấy, có chúng sanh cho rằng sự thủ hộ là

bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, liền từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự, làm nhà lá để ở và học Thiền. Người ấy từ chỗ vô sự, mỗi buổi sáng vào thôn ấp hay vương thành mà khát thực. Số đông chúng sanh kia thấy vậy liền bố thí cho, cung kính, tôn trọng và nói như thế này: “Chúng sanh này cho rằng thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, nên đã từ bỏ thủ hộ, nương nơi vô sự làm nhà lá để ở và học Thiền. Nay chư Tôn, người này đã xả bỏ hại, bất thiện pháp.” Đó là Phạm chí, Phạm chí tức là Phạm chí vậy.

Chúng sanh kia học Thiền mà không đắc Thiền, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không đắc viễn ly, học nhất tâm mà không đắc nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ chỗ vô sự, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Các chúng sanh kia thấy vậy, bèn không bố thí, không cung kính, tôn trọng nữa và nói như thế này: “Chúng sanh này trước kia coi thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, bèn từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự, làm nhà lá để ở và học Thiền, nhưng không thể đắc Thiền, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không được viễn ly, học nhất tâm mà không được nhất tâm, học

tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ nơi vô sự, trở về thôn ấp vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Nay chư Tôn, người này lại học sự bác văn chứ không học Thiên nữa. Bác văn tức là bác văn vậy.

Này Bà-tu-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Phạm chí trong thế gian, kẻ trí đệ nhất và kỳ cụ, đúng như pháp chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài Người.

Bấy giờ, các chúng sanh khác, mỗi người đến mỗi phương mà làm ruộng; người thì đi về phương này mà làm nghề làm ruộng; người thì đi về phương kia mà làm nghề làm ruộng. Đó là dòng Phệ-xá.

Này Bà-tu-tra, đây là nhân duyên đầu tiên có dòng Phệ-xá trong đời, kẻ trí bậc nhất và kỳ cụ, như pháp, chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài Người.

Này Bà-tu-tra, khi thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư. Tại sao trong thế gian có ba chủng tánh này rồi liền biết có dòng Sa-môn thứ tư ? Trong dòng tộc Sát-lợi có những Thiện nam tử hay tự quả trách mình, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín,

lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, và suy nghĩ thế này: “Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh.” Người ấy bèn làm Sa-môn, tu Phạm hạnh. Thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá cũng vậy, cũng tự quở trách, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cũng nghĩ như thế này: “Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh,” bèn làm Sa-môn và tu Phạm hạnh.

Này Bà-tu-tra, như vậy, trong thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư.

Này Bà-tu-tra, nay Ta nói rộng về ba chủng tánh này. Nói rộng về ba chủng tánh này thế nào ? Một Thiện nam tử thuộc chủng tộc Sát-lợi mà thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý, làm pháp bất thiện, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ.

Cũng vậy, Thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá, thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý, làm pháp bất thiện, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ.

Này Bà-tu-tra, một Thiện nam tử thuộc dòng

tộc Sát-lợi mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ thọ lạc.

Cũng vậy, Thiện nam tử dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá, mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ thọ lạc.

Này Bà-tu-tra, Thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lợi, thân làm hai hạnh, và giữ hộ hạnh, khẩu, ý làm hai hạnh và giữ hộ hạnh, thì người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc.

Cũng vậy, này Ba-tu-tra, Thiện nam tử thuộc dòng tộc Phạm chí hay Phệ-xá, thân làm hai hạnh, và giữ hộ hạnh, khẩu, ý làm hai hạnh và giữ hộ hạnh, thì người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc.

Này Bà-tu-tra, Thiện nam tử dòng tộc Sát-lợi tu bảy giác pháp, khéo tư duy và khéo quán sát, biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, biết như thật rằng sẽ không còn tái sanh nữa.

Cũng vậy, Thiện nam tử dòng tộc Phạm chí,

dòng tộc Phệ-xá tu bảy giác pháp, khéo tư duy, khéo quán sát; người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.

Này Bà-tu-tra, như vậy, Ta đã phân biệt rộng rãi về ba chủng tánh này vậy.

Phạm thiên đế chúa nói bài kệ:

*Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn,
Đấy là chủ trương có chủng tộc.
Những ai cầu học minh và hạnh,
Vị ấy, Thiên, Nhơn đều tán thán.*

Này Bà-tu-tra, Phạm thiên đế chúa khéo nói bài kệ này chứ không phải dở, khéo ca ngợi, phúng tụng chứ không phải dở, khéo ngâm vịnh và nói, chứ không phải dở, nói như thế này:

*Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn,
Đấy là chủ trương có chủng tộc.
Những ai cầu học minh và hạnh,
Vị ấy, Thiên, Nhơn đều tán thán.*

Vì sao ? Vì Ta cũng nói như vậy:

*Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn,
Đấy là chủ trương có chủng tộc.
Những ai cầu học mình và hạnh,
Vị ấy, Thiên, Nhơn đều tán thán.*

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Bà-tu-tra, Bà-la-bà và chư Tỳ-kheo nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

155. KINH TU-ĐẠT-ĐA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt-đa đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

— Gia đình của Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng ?

Cư sĩ trả lời:

— Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí nhưng chỉ bố thí những thức thô xấu, không được mỹ diệu, như cơm lẫn với cám, canh lá gai chỉ có một miếng gừng, một lá rau.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Cư sĩ, dù bố thí những thức thô xấu, hay bố thí những thức mỹ diệu, thì đều có quả báo. Nhưng nay Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao ? Vì không chí tâm bố thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

Nay Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu nhưng có tín mà bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn được áo chăn đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao ? Vì chí tâm mà bố thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

Nay Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu,

nhưng không tín mà bố thí, không có tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn đồ ăn thức uống ngon, không muốn ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao ? Vì không chí mà tâm bố thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

Nay Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, lại có tín mà bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn áo chăn đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao ? Vì chí tâm mà bố thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

Nay Cư sĩ, thuở xưa có Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam rất giàu có, của cải vô lượng, phong hộ, thực ấp có nhiều châu báu, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính kể. Vị ấy bố thí như thế này: tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn

ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc, đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn thốt voi được trang sức bằng dây trắng đan lại, phủ lên, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bằng dây kim hợp phi-na, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn con bò lấy áo làm dây thùng và phủ lên bằng áo, có thể cung cấp một học sữa, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn người nữ, tu dung đẹp đẽ, ai nhìn cũng thích, trang sức đầy đủ châu báu, thực hành đại bố thí như vậy; ngoài ra lại có những thức ăn, thức nuốt khác nữa.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù nữa, thì so với đại bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, và bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hoàn, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cho một trăm vị Tu-đà-hàm như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-na-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-la-hán, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán như vậy; nếu lại có người bố thí

thức ăn cho một vị Bích-chi Phật, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi Phật như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi Phật như thế; nếu lại có người tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi

Phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương như thế; nếu lại có người với tâm hoan hỷ, quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, lại thọ giới, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi Phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, và thọ giới; nếu lại có người trong khoảng khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến chỉ một con bò thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi Phật, tạo phòng, nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảng khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh,

cho đến một con bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí trước kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

Này Cư sĩ, ý Ông nghĩ sao ? Phạm chí đại trưởng giả Tùy-lam thuở xưa ấy là ai khác chăng ? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao ? Nên biết rằng, đó chính là Ta vậy. Ta thuở xưa là Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam.

Này Cư sĩ, Ta bấy giờ vì lợi ích cho mình, cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nhưng lúc bấy giờ Ta thuyết pháp chưa được rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh; nên lúc bấy giờ, Ta chưa lìa được sự sanh, già, bệnh, chết, khóc lóc, ảo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này Cư sĩ, Ta nay là bậc xuất thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta vì lợi cho mình cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và

Người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh; nên nay Ta đã lìa khỏi sự sanh, sự già, sự chết, khóc lóc, ảo não. Ta nay đã giải thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết như vậy, Cữ sĩ Tu-đạt-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có nhiều Phạm chí nước Câu-sa-la, vào lúc xế trưa, quanh quần đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau rồi, ngồi qua một bên và thưa:

— Này Cù-đàm, chúng tôi có điều muốn hỏi, Ông có nghe chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Các Ông hỏi gì thì hỏi.

Nghe thế, các Phạm chí hỏi:

— Này Cù-đàm, bây giờ còn có Phạm chí học

pháp cổ Phạm chí hay đã vượt khỏi pháp cổ Phạm chí rồi chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay không còn Phạm chí học pháp cổ Phạm chí, Phạm chí đã vượt khỏi pháp cổ Phạm chí từ lâu rồi.

Nghe thế, các Phạm chí hỏi:

— Này Cù-đàm, tại sao nay không còn Phạm chí học pháp cổ Phạm chí và các Phạm chí vượt khỏi pháp cổ Phạm chí từ bao giờ ?

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

*Vì xưa có Phạm chí,
Tự chế ngự, nhiệt thành,
Bỏ ngũ dục công đức,
Hành Phạm hạnh thanh tịnh.
Phạm hạnh và giới hạnh
Khiến tâm tính nhu thuận,
Rộng lượng không tâm hại,
Nhẫn nhục thủ hộ ý.
Thuở xưa có pháp ấy,
Phạm chí chẳng giữ gìn,
Phạm chí không thủ hộ,
Để có tiền lúa gạo,*

Thì ham thích tích trữ,
Thủ lấy kho đụn nấy,
Đua đòi bao sắc áo,
Nhà cửa và giường chõng,
Thành trì các nước giàu,
Phạm chí học như vậy.
Phạm chí này không hại,
Thủ hộ tất cả pháp,
Đi đến cửa nhà người,
Không ai ngăn cản họ,
Lần lượt xin từng nhà,
Xin ăn theo từng bữa.
Những Phạm chí tại gia,
Trông thấy thích bố thí.
Bốn tám năm đã tròn,
Tu Phạm hạnh thanh tịnh
Mong mình, hạnh chóng thành
Cổ Phạm chí như vậy.
Không lấy trộm của cải,
Cũng không hề sợ hãi,
Thương mến đùm bọc nhau,
Và cùng sống hòa hợp.
Bởi không có phiền não,
Pháp liên hệ oán, dâm,
Tất cả các Phạm chí,

*Không thực hành như vậy.
Nếu có hạnh bậc nhất,
Phạm chí quyết mong cầu,
Các pháp dâm dục ấy,
Không thực hành dù mộng.
Nhơn các Phạm hạnh ấy,
Tự xưng "Ta là Phạm",
Biết họ có hạnh ấy,
Bậc có huệ sẽ biết.
Giường thưa, chiếu áo mỏng,
Com, sữa cốt sinh tồn,
Khất cầu đều như pháp,
Ăn chay, hành bố thí,
Trai tịnh, chẳng cầu khác
Chỉ tìm nơi chính mình,
Lúc tổ chức trai thí,
Người ấy không giết bò;
Như cha mẹ, anh em,
Và các người thân khác,
Xem người, bò cũng vậy.
Nhơn đó sanh khoái lạc,
Ăn uống, thân khỏe mạnh,
Nhờ vậy mà yên vui.
Biết được nghĩa lý này,
Không ưa giết hại bò.*

Mềm mại thân lực đại,
Tinh sắc được khen ngợi,
Ấn cần tự cầu lợi,
Như vậy, Phạm chí xưa.
Phạm chí vì lợi mình,
Biết nên làm, phải tránh.
Cõi này, trong tương lai,
Người ấy thoát nhất định.
Tuần trăng đã quá tuần,
Xúng ý xin cầu thân.
Đêm dài mãi du hí,
Những người vợ phấn son.
Đàn bò, quây trước mặt,
Vợ đẹp nổi sau lưng,
Nhân gian vi diệu dục.
Phạm chí thường ước mong
Ngựa xe trang bị đủ,
Tài nghệ giỏi vá may,
Hôn nhân và nhà cửa,
Phạm chí thường ước mong.
Họ tạo triển phước ấy,
Chúng tôi từ kia lại,
Đại vương mở cuộc chạy,
Đừng để mất tài lợi.
Nhiều tài vật lúa gạo,
Hoặc có dư tiền tài,

Đại vương tương ưng đó,
Phạm chí và ngựa xe;
Tế voi và tế ngựa,
Tế ngựa được suốt thông,
Tự tập làm trai thí,
Thí cho Bà-la-môn.
Họ do đó được lợi,
Say mê đắm tài vật,
Họ khơi dậy lòng dục,
Càng dục càng say mê,
Cũng như ao nước rộng,
Và vô lượng tài vật,
Cũng vậy, người có bò,
Các vật dụng sanh sống.
Họ tạo triển phước ấy,
Chúng tôi từ kia lại.
Đại vương mở cuộc chạy,
Đừng để mất tài lợi;
Nhiều tài vật lúa gạo,
Nếu Ngài có nhiều bò,
Đại vương tương ưng đó,
Phạm chí và ngựa xe.
Bò vô lượng trăm ngàn,
Vì trai tự mà giết,
Đâu, sừng không nào hại,
Bò heo thời xưa kia.

Đi đến nắm sừng bò,
Cắm dao bén mà giết.
Gọi bò và gọi cha,
La-sát tên là Hương,
Họ hô hoán phi pháp,
Khi cầm dao đâm bò,
Pháp ấy hành trai thí,
Vượt qua tại trước nhất.
Không hữu sự mà giết,
Viễn ly pháp suy thối,
Thời xưa có ba bệnh,
Dục, không dụng và ăn.
Do thù nghịch với bò,
Khởi bệnh chín mươi tám,
Thù nghịch ấy như vậy,
Nên kể trí rất ghét.
Nếu ai thấy như vậy,
Những ai không hận thù,
Như vậy, trong đời này,
Vô trí thấp hèn nhất.
Mỗi mỗi vì dục, tranh,
Như vợ rửa xả chồng.
Sát-lợi, Phạm chí nữ,
Và thủ hộ chủng tánh,
Khinh thường pháp thọ sanh,
Buông trôi theo dục vọng,

Như vậy, này Phạm chí, hiện tại không còn Phạm chí học cổ Phạm chí. Phạm chí đã vượt khỏi pháp cổ Phạm chí từ lâu rồi.

Nghe vậy, các Phạm chí nước Câu-sa-la thưa:

— Bạch Thế Tôn, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ, chúng con đã rõ. Nay chúng con tự đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận chúng con làm những Ưu-bà-tắc từ nay và đến trọn đời; chúng con tự đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, các Phạm chí nước Câu-sa-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Tỳ-lan-nhã, trú trong vườn Hoàng Lô.

Bấy giờ Phạm chí Tỳ-lan-nhã tuổi cao tác lớn, tuổi thọ gần dứt, mạng sống gần tàn, tuổi đã một trăm hai mươi, chống gậy mà đi. Vào buổi xế trưa, Phạm chí ấy thông dong đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau rồi, chống gậy đứng trước đức Phật và nói:

— Này Cù-dàm, ta nghe Sa-môn Cù-dàm lúc thiếu thời, tuổi còn quá trẻ, vừa mới xuất gia học đạo, thế mà nếu có danh đức Sa-môn Phạm chí nào đích thân đi đến vẫn không kính lễ, cũng không

tôn trọng, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Nay Cù-đàm, việc ấy quả không thể được.

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Phạm chí, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí nào từ loài Người cho đến Trời đi đến, khiến Như lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời các vị ấy ngồi. Nay Phạm chí, nếu có ai đến nhà muốn Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời ngồi, thì đầu của vị ấy chắc chấn vỡ thành bảy mảnh.

Phạm chí lại nói:

— Cù-đàm vô vị.

Đức Thế Tôn bảo ?

— Nay Phạm chí, có điều sẽ khiến Ta vô vị, nhưng không phải như lời Ông nói. Nếu có sắc vị, thanh vị, hương vị, xúc vị, thì những thứ ấy đã bị Như Lai đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là điều khiến Ta vô vị, nhưng không như lời Ông nói.

Phạm chí lại nói:

— Cù-đàm không sợ hãi.

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Phạm chí, có việc khiến Ta không sợ hãi, nhưng không như lời Ông nói. Nếu có sợ hãi sắc, sợ hãi thanh, hương, vị, xúc, thì Như Lai đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là việc khiến Như Lai không sợ hãi, nhưng không như lời Ông nói.

Phạm chí lại nói:

— Cù-đàm không đầu thai.

Đức Thế Tôn đáp:

— Có trường hợp khiến Ta không đầu thai, nhưng không như lời Ông nói. Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với sự mang thai trong tương lai mà đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, Ta nói rằng vị ấy không đầu thai. Như Lai đối với sự mang thai trong tương lai đã vĩnh viễn đoạn trừ, tuyệt diệt, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, cho nên Ta không đầu thai. Đó là trường hợp Ta không đầu thai, nhưng không như lời Ông nói.

Này Phạm chí, Ta ở trong chúng sanh đến từ vô minh này, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị phủ kín trong vô trúng vô minh, thì Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

Cũng như gà mái sanh trứng, mười hoặc mười hai trứng, luôn luôn nghĩ, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn bảo bọc. Một thời gian sau, già sử gà mái buông trôi; gà con ở bên trong, hoặc dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng chân mà chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn; đối với các gà con khác, nó là bậc nhất. Ta cũng như thế, Ta ở trong chúng sanh này, đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị bọc kín trong vỏ trứng vô minh. Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy Ta là bậc nhất.

Này Phạm chí, Ta ôm cò khô đi đến cây Giác thọ, rãi cò xuống gốc cây, trải ni-sư-dàn lên mà ngồi kiết-già, quyết ngồi ngay ngắn, thể cho đến khi dứt sạch các lậu mới thôi. Rồi Ta ngồi ngay ngắn cho đến khi dứt sạch các lậu. Sau khi ngồi ngay ngắn, Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đạt được Thiên thứ nhất, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ nhất, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên đến Niết-bàn.

Lại nữa, này Phạm chí, sau khi Ta giác quán đã dứt, bên trong tịch tĩnh, nhất tâm, không giác

không quán, có hỷ lạc do định sanh, đạt được Thiền thứ hai, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ hai, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

Lại nữa, này Phạm chí, Ta ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí mà thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là: “Thánh xả niệm lạc trụ”, đạt được Thiền thứ ba, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ, Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ ba, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

Lại nữa, này Phạm chí, Ta diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt được Thiền thứ tư, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ tư, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trú, đạt đến tâm bất động,

học túc mạng trí thông và chúng đắc, nhớ vô lượng đời trước mà Ta đã trải qua, có hành động và có dung mạo thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành và hoại, chúng sanh kia tên như thế, thưở xưa trải qua đó. Ta từng sanh ở đó, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, thọ khổ và lạc như thế, trường thọ như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt tuổi thọ như thế, chết nơi này sanh nơi kia, chết chỗ kia sanh chỗ này; Ta sanh nơi này, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, thọ khổ và an lạc như thế, trường thọ như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt mạng sống như thế. Bây giờ là lúc vào khoảng đầu hôm, Ta chúng đắc minh đạt thứ nhất này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, mà trí pháp sanh, mê ám tiêu tan mà minh thành tựu, vô minh hoại diệt mà minh phát sanh. Đó là Ta chúng đắc minh đạt túc mạng trí.

Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chúng đắc định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học sanh tử trí thông và chúng đắc; bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, Ta

thấy đúng như thật rằng: “Chúng sanh nầy lúc sanh, lúc tử, khi đẹp, khi xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ thiện hoặc chỗ không thiện tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhơn, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đến chỗ thiện, sanh lên cõi trời.” Bấy giờ vào lúc nửa đêm Ta chứng trí minh đạt thứ hai nầy, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, trí phát sanh, mê ám tiêu tan, minh thành tựu, vô minh hoại diệt, minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt sanh tử trí.

Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học lậu tận thông và chứng đắc. Ta biết như thật rằng: “Đây là Khổ, biết như thật rằng đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo”; biết như thật rằng:

“Đây là lậu, biết như thật rằng đây là lậu tập, lậu diệt, lậu diệt đạo.” Ta biết như thế, Ta thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi giải thoát liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Bấy giờ là vào lúc cuối đêm, Ta chứng đắc minh đạt trí thứ ba này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, trí phát sanh, mê ám tiêu tan, minh thành tựu, vô minh hoại diệt, minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt lậu tận trí.

Lại nữa, này Phạm chí, nếu có ai với sự thuyết giảng chơn chánh mà thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh ra trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh, vị ấy là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín, nên biết rằng vị thuyết giảng chơn chánh ấy chính là Ta. Vì sao ? Vì Ta thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh ấy, Ta là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín.

Nghe vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật và bạch Thế Tôn:

— Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn thật lớn lao, Thế Tôn tối thượng, Thế Tôn cao tột, Thế Tôn chánh đẳng, Thế Tôn không có ai bằng, Thế Tôn không có một ai so sánh, Thế Tôn không chướng ngại, Thế Tôn là bậc không gây chướng ngại ! Bạch Thế Tôn, con nay nguyện đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí xú Tỳ-lan-nhã và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

158. KINH ĐẬU-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. .

Bấy giờ Phạm chí Đâu-na, vào lúc xế trưa, ung dung đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Đâu-na, nếu ai hỏi: “Ông là Phạm chí phải không ?” thì Ông có tự xưng mình là Phạm chí chăng ?

Phạm chí Đâu-na đáp:

— Này Cù-đàm nếu ai đáng xưng là Phạm chí,

thì người ấy phải được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tụng đọc tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhơn duyên, chánh văn, truyện giải trí, thứ năm là văn phạm. Nay Cù-đàm, người đáng gọi là Phạm chí thì chính là tôi vậy. Vì sao ? Vì tôi được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhơn duyên, chánh văn, truyện giải trí và văn phạm.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Đâu-na, Ta nay hỏi Ông, Ông hiểu thế nào thì trả lời thế ấy. Nay Đâu-na, nếu thuở xưa có Phạm chí, lúc thân hoại mạng chung, đã đọc tụng kinh điển, truyền bá kinh điển, tụng tập kinh điển, đó là Dạ-tha, Bà-ma, Bà-ma-đế-bà, Tỳ-xà-mật-đa-la, Dạ-dà-kiên-ni, Ung-si-la-sa, Bà-tu-tha, Ca-diệp, Bà-la-bà, Bà-hòa; lại chủ xướng có năm hạng Phạm chí: có Phạm chí ngang hàng Phạm thiên, có Phạm chí ngang hàng chư Thiên, có Phạm chí không vượt giới hạn, có Phạm chí vượt giới hạn, và thứ năm là Phạm chí Chiên-trà-la, thì nay Đâu-na, trong năm loại Phạm chí ấy, Ông thuộc loại nào ?

Đầu-na đáp:

— Này Cù-đàm nói nghĩa ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi không hiểu được. Mong Sa-môn Cù-đàm khéo giải thích cho tôi biết.

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Đầu-na, hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho Ông.

Đầu-na thưa:

— Xin vâng, thưa Cù-đàm.

Thế là Đầu-na vâng lời, lắng nghe. Đức Phật giải thích:

— Này Đầu-na, thế nào là loại Phạm chí ngang hàng Phạm thiên ? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thư, tụng tập kinh điển, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp ? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút,

không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng dao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cái, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu, an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, biến khắp mọi phương, tâm đi đôi với từ, không kiết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Cũng như vậy, bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kiết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Đây Đâu-na, như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng Phạm thiên.

Này Đâu-na, thế nào Phạm chí ngang hàng chư Thiên ? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đông tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp ? Không làm ruộng, không buôn bán,

không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, chỉ đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư. Sau đó bố thí của cái, vị ấy thực hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Khi đã thành tựu thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, vị đó nhờ nhơn duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Đây Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng chư Thiên.

Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí không vượt giới hạn ? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh. Sau khi thấu triệt kinh thơ, tập tụng điển kinh, vị ấy cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp ? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, nhưng chỉ đúng như

pháp mà cầu xin, cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cái, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp ? Phạm chí không có ý như vậy đối với người nữ Phạm chí: “Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.” Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sinh sản. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Phạm chí không lấy vợ người nữ đang mang thai ? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sinh ra do bất tịnh dâm. Cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản ? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh. Cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Nay Đâu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì có của, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phần son mà chỉ vì cầu con. Sau khi sanh con trong mức độ nào là giới hạn ước định của những Phạm chí thời xưa, vị ấy dừng lại ở đó, giữ giới hạn đó, không vượt qua giới hạn đó. Nay Đâu-na, như vậy gọi là Phạm chí không vượt giới hạn.

Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí vượt giới hạn ? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác ? Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh. Sau khi thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu của cải để cung phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào gọi là đúng như pháp ? Không làm ruộng, không buôn bán, không học thơ, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, cầu xin đúng pháp, cầu xin của cải để cúng dường Đạo sư. Sau khi bố thí của cải, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp ? Phạm chí không có ý như vậy đối với người nữ dòng Phạm chí: “Mong rằng nàng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.” Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí, chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai ? Vì

không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là sinh ra do bất tịnh dâm, cho nên Phạm chí không muốn đến người nữ đang mang thai. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản ? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là do cưỡng bức bất chánh, cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Nay Đâu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì son phấn mà chỉ vì cầu con. Sau khi sanh con, trong mức độ nào là giới hạn ước định của những Phạm chí thời xưa, vị ấy không dừng lại ở đó, không giữ nguyên giới hạn đó, mà vượt qua khỏi giới hạn đó. Nay Đâu-na, như vậy gọi là Phạm chí vượt khỏi giới hạn.

Nay Đâu-na, Phạm chí như thế nào là Phạm chí Chiên-đa-la ? Phạm chí nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy đã trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thơ, tụng tập kinh điển. Sau khi thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cung phụng Tổ sư đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp ? Không làm ruộng, không buôn bán, không

học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, chỉ đúng như pháp mà cầu xin của cải để cung phụng Tôn sư. Sau khi đã bố thí của cải, vị ấy tìm vợ cho mình đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp ? Phạm chí không có ý như vậy đối với người nữ dòng Phạm chí: “Mong nàng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.” Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí, chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Nay Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai ? Vì không muốn con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm, nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Nay Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy người nữ đã sanh sản ? Vì không muốn con trai con gái của mình được gọi là do cưỡng bức bất chánh, nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản.

Nay Đầu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì

phục sức, không phải vì phẩn son mà chỉ vì cầu con. Khi đã sanh con, vị ấy những việc liên hệ đến vua, làm những việc liên hệ giặc cướp, làm những việc liên hệ đến tà đạo, và lại nói như vậy: “Phạm chí cố quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Phạm chí không phải vì vậy mà nhiễm trước, cũng không ô uế. Như lửa đốt cháy những gì sạch hay không sạch. Cũng vậy, Phạm chí cố quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Phạm chí không vì vậy mà bị nhiễm trước, cũng không bị ô uế.” Nay Đâu-na, Phạm chí như vậy gọi là Phạm chí Chiên-đà-la.

Nay Đâu-na, trong năm hạng Phạm chí ấy, Ông thuộc hạng nào ?

Đâu-na trả lời:

— Thừa Cù-dàm, ngay hạng sau cùng là Phạm chí Chiên-đà-la, con cũng không sánh kịp huống nữa là các hạng Phạm chí trên. Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay cho đến trọn đời, con tự đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Đâu-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có Phạm chí A-già-la-ha-na, sau bữa cơm trưa, ung dung đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói:

— Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép, tôi mới dám trình bày.

Đức Thế Tôn đáp:

— Ông muốn hỏi gì tùy ý.

Phạm chí liền hỏi:

— Thưa Cù-đàm, kinh điển của Phạm chí nương vào đâu mà tồn tại ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Kinh điển của Phạm chí nương vào con người mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, con người nương vào đâu mà tồn tại ?

— Con người nương vào lúa gạo mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, lúa gạo nương vào đâu mà tồn tại ?

— Lúa gạo nương vào đất mà tồn tại.

Phạm chí lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, đất nương vào đâu mà tồn tại ?

Thế Tôn đáp:

— Đất nương vào nước mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, nước nương vào đâu mà tồn tại ?

— Nước nương vào gió mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, gió nương vào đâu mà tồn tại ?

— Gió nương vào hư không mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, hư không nương vào đâu mà tồn tại ?

— Hư không không có nương tựa, nhưng nhơn mặt trời, mặt trăng mà có hư không.

— Thưa Cù-đàm, mặt trời và mặt trăng nương vào đâu mà tồn tại ?

— Mặt trời, mặt trăng nương vào Tứ thiên vương mà tồn tại.

Phạm chí lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, Tứ thiên vương nương vào đâu mà tồn tại ?

Thế Tôn đáp:

— Tứ thiên vương nương vào Tam thập tam thiên mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, Tam thập tam thiên nương vào đâu mà tồn tại ?

— Tam thập tam thiên nương vào Diệm-ma thiên mà tồn tại.

— Thưa Cù-đàm, Diệm-ma thiên nương vào đâu mà tồn tại ?

— Diệm-ma thiên nương vào Đâu-suất-dà thiên mà tồn tại.

— Thừa Cù-đàm, Đâu-suất-dà thiên nương vào đâu mà tồn tại ?

— Đâu-suất-dà thiên nương vào Hóa lạc thiên mà tồn tại.

— Thừa Cù-đàm, Hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại ?

— Hóa lạc thiên nương vào Tha hóa lạc thiên mà tồn tại.

— Thừa Cù-đàm, Tha hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại ?

— Tha hóa lạc thiên nương vào Phạm thiên mà tồn tại.

— Thừa Cù-đàm, Phạm thiên nương vào đâu mà tồn tại ?

— Phạm thiên nương vào Đại phạm mà tồn tại.

— Thừa Cù-đàm, Đại phạm nương vào đâu mà tồn tại ?

— Đại phạm nương vào nhân nhục, ôn hòa mà tồn tại.

Phạm chí lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, nhẩn nhục, ôn hòa nương vào đâu mà tồn tại ?

Thế Tôn đáp:

— Nhẩn nhục, ôn hòa nương vào Niết-bàn mà tồn tại.

Phạm chí lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, Niết-bàn nương vào đâu mà tồn tại ?

Thế Tôn đáp:

— Ý muốn của Phạm chí nương vào những sự kiện không cùng nên Ông nay đã hỏi Ta không có giới hạn, nhưng Niết-bàn không nương vào đâu cả. Niết-bàn là tịch diệt, Niết-bàn là tối thượng. Nay Phạm chí, vì thiện lợi này, hãy theo Ta mà thực hành Phạm hạnh.

Phạm chí thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch đức Thế Tôn, con nay xin đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ nay và suốt

đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí A-già-la-ha-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

160. KINH A-LAN-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo tụ tập ngồi tại giảng đường bàn luận thế nầy: “Này chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cầu.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang ở tại chỗ nghỉ trưa,

bằng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau bữa cơm trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, đã bàn luận như thế này: “Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong.” Nghe vậy, đức Thế Tôn, vào lúc xế trưa từ chỗ tĩnh tọa, đứng dậy, đi đến giảng đường. Ngài trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo và hỏi:

— Nay các Tỳ-kheo, các Thầy bàn luận chuyện gì ? Vì duyên có nào mà tụ tập ngồi tại giảng đường ?

Nghe đức Thế Tôn hỏi như vậy, các Tỳ-kheo thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: “Này chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối

với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong.” Bạch đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy, nên chúng con đã tụ tập ngồi ở giảng đường.

Đức Thế Tôn tán thán:

— Lành thay, lành thay ! Khi các Thầy đã nói với nhau rằng: “Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.” Vì sao ? Vì ta cũng nghĩ thế này: “Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong ?” Vì sao ?

Này các Tỳ-kheo, vào đời quá khứ, có lúc chúng sanh thọ tám vạn tuổi, thì châu Diêm-phù

này rất giàu, có nhiều cửa cải châu báu, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay. Lúc ấy, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Con người chỉ có bệnh như thế này: lạnh, nóng, đại và tiểu tiện, ham muốn, không ăn và già lão, ngoài ra không còn tai họa nào khác.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, có vua tên là Câu-lao-bà làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục được kẻ khác, chắc chắn thống trị toàn cõi đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân an ổn.

Này các Tỳ-kheo, vua Câu-lao-bà có vị Phạm chí tên A-lan-na đại trưởng giả, được cha mẹ nuôi lớn, thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhơn duyên, chánh văn, truyện giải trí thú nham, và cú thuyết. Phạm chí A-lan-na có vô lượng trăm ngàn ma-nạp-ma. Phạm chí đã ở nơi yên tĩnh,

truyền dạy kinh thơ cho vô lượng trăm ngàn ma-nạp-ma.

Bấy giờ Phạm chí A-la-na sống một mình ở nơi yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: “Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc thiện, cần tu phạm hạnh, vì đã sinh ra không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.” Thế rồi, Phạm chí A-lan-na đi đến chỗ các ma-nạp-ma thuộc nhiều nước khác nhau và nói:

“— Nay các Ma-nạp-ma, khi ta sống một mình nơi chỗ yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: “Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc thiện cần tu Phạm hạnh, vì sinh ra không thể không chết. Thế nhưng con người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không mong cầu. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình xuất gia học đạo. Nay các Ma-nạp-ma, nay

ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, là bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì cá Ông sẽ làm những gì ?”

Nghe vậy, các chúng ma-nạp-ma của những nước khác nhau ấy thưa rằng:

“— Thưa Tôn sư, những gì chúng con đã biết đều nhờ ân Tôn sư chỉ dạy, nếu Tôn sư cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, là bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chúng con cũng sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, là bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo theo gót Tôn sư.”

Thế rồi Phạm chí A-lan-na, sau đó, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, là bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các chúng ma-nạp-ma thuộc những nước khác ấy cũng đều cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, là bỏ gia đình, sống không gia đình, theo Tôn sư là Phạm chí A-lan-na ấy mà xuất gia học đạo. Đó là Tôn sư A-lan-na. Đó là sự phát sanh danh hiệu của Tôn sư A-lan-na đệ tử.

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ? Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi,

phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.”

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.”

Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử:

“Này các Ma-nạp-ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu; cũng vậy, này Ma-nạp-ma sinh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoát hiện thoát biến; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trôi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trôi lên rất nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều !”

Tôn sư A-la-na đã thuyết cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-la-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó

giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà khổ đau tai họa lớn, tại họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Đây các Ma-nạp-ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hùng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tại họa lại lớn, tai họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Đây các Ma-nạp-ma, giống như trời tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trời dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-la-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Đây các Ma-nạp-ma, giống như gã đô tể

dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-nan lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt, không phút nào ngừng; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp-ma, mạng sống con người cũng như dòng nước chảy nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, sanh vào súc sanh hay loài ngạ quỷ, hoặc sanh cõi Trời, hoặc sanh cõi Người. Cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều !”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho các đệ tử:

“— Này các Ma-nạp-ma, ngay đời này, nay đã đoạn trừ tham lam, tâm không nào hại; thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, ta không móng khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho ta. Đối với tham tâm, ta đã tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, điều hối và nghi. Ngay trong đời này, ta đã đoạn trừ nghi hoặc, đối với các

pháp thiện không còn do dự, đối với tâm nghi hoặc, ta đã tịnh trừ. Nay Ma-nạp-ma, ngay trong đời này các Ông cũng nên đoạn trừ tham, tâm không nào hại, thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, không nên sanh khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho mình. Đối với tham tâm, các Ông nên tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, điệu hối và nghi. Ngay trong đời này, các Ông nên đoạn nghi hoặc, đối với các pháp thiện không nên do dự.”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“— Nay các Ma-nạp-ma, tâm ta cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú. Nay Ma-nạp-ma, các Ông cũng nên thực hành tâm cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú.

Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú.”

Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na đã thuyết Phạm thế pháp cho đệ tử.

Lúc Tôn sư A-lan-na thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, nếu có vị nào không thực hành pháp ấy đầy đủ, thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào Tứ thiên vương hoặc sanh vào Tam thập tam thiên, hoặc sanh vào Diêm-ma thiên, hoặc sanh vào Đâu-suất-dà thiên, hoặc sanh vào Hóa lạc thiên, hoặc sanh vào Tha hóa lạc thiên. Còn lúc Tôn sư A-lan-na thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, nếu vị nào phụng hành pháp ấy đầy đủ, từ bốn Phạm thất, xả ly ái dục, thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào cõi Phạm thiên.

Bấy giờ Tôn sư A-lan-na nghĩ rằng: “Đến đời

sau, ta không nên cùng với đệ tử sanh chung một nơi. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào trong Hoảng dục thiên.” Nghĩ vậy, sau đó Tôn sư A-lan-na liền tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi Hoảng dục thiên. Tôn sư A-lan-na và các đệ tử đã tu học đạo không hư dối, được đại phước báo.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy nghĩ sao, Tôn sư A-lan-na thuở xưa ấy là ai khác chăng ? Chớ nghĩ như vậy, Vì sao ? Các Tỳ-kheo nên biết, vị ấy chính là Ta vậy, bấy giờ Ta tên là Tôn sư A-lan-na. Lúc đó Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta đã thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử ấy. Lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử; có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy, nên khi lâm chung, đã sanh vào Tứ thiên vương, hoặc Tam thập tam thiên, hoặc Diêm-ma thiên hoặc Đâu-suất-dà thiên, hoặc Hóa lạc thiên, hoặc Tha hóa lạc thiên. Còn lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử; có vị phụng hành đầy đủ pháp ấy, tu bốn Phạm thất, xả ly ái dục, thì sau khi mạng chung, được sanh vào cõi Phạm thiên. Bấy giờ Ta nghĩ rằng: “Đời sau Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi. Vậy nay Ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng

“chung sẽ được sanh vào cõi Hoảng dục thiên.” Ta và các đệ tử bấy giờ tu học đạo không hư dối, được đại quả báo. Bấy giờ Ta làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Lúc ấy, Ta thuyết pháp chưa đến chỗ rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh. Bấy giờ Ta chưa xa lìa được sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, ảo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau. Nay các Tỳ-kheo, nay Ta là bậc xuất thế, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn, khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh. Nay Ta đã xa lìa sự sanh, sự già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, ảo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Nay các Tỳ-kheo, nếu có người nói đúng, thì sẽ nói rằng: “Mạng sống con người ngắn ngủi, phút

chóc đã qua đời khác; do đó cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể không chết.” Nay các Tỳ-kheo, nay nói như thế là nói đúng. Vì sao ? Vì nay có ai trường thọ thì lâu lắm là một trăm tuổi, hoặc quá hơn một ít nữa mà thôi. Nếu ai trường thọ, thì sống được ba trăm mùa, một trăm mùa xuân, một trăm mùa hạ, một trăm mùa đông như vậy sống được một ngàn hai trăm tháng, bốn trăm tháng mùa xuân, bốn trăm tháng mùa hạ, bốn trăm tháng mùa đông. Sống một ngàn hai trăm tháng là sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng, tám trăm mùa xuân, tám trăm mùa hạ, tám trăm mùa đông. Sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm, một vạn hai ngàn mùa xuân, một vạn hai ngàn mùa hạ, một vạn hai ngàn mùa đông. Sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm là bảy vạn hai ngàn lần ăn với nghỉ ăn và bú sữa mẹ. Về sự nghỉ ăn, đó là khổ không ăn, sân không ăn, bệnh không ăn, bận việc không ăn, đi đường không ăn, đến chỗ nhà vua không ăn, ngày trai không ăn, thất bại không nên ăn.

Nay các Tỳ-kheo, đó là sự sống trong một trăm năm; trong một trăm năm ấy với bao nhiêu mùa; với bấy nhiêu mùa có bao nhiêu tháng, bao nhiêu nửa tháng, với bấy nhiêu tháng nửa tháng, bao

nhiều ngày, bao nhiêu đêm, bao nhiêu ngày đêm, bao nhiêu lần ăn, bao nhiêu lần nghỉ ăn, bao nhiêu lần ăn và nghỉ ăn.

Này các Tỳ-kheo, như một Tôn sư khởi tâm tâm đại bi đoái tưởng, xót thương, mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn khoái lạc cho đệ tử; sự kiện ấy Ta đã làm xong. Các Thầy hãy nên làm như vậy; hãy đến nơi rừng vắng, nơi rừng sâu núi thẳm, hay dưới gốc cây, nơi yên tĩnh an ổn mà tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, luôn luôn tinh tấn, đừng để hối hận về sau. Đó là lời khuyến giáo của Ta. Đó là huấn thị của Ta.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

161. KINH PHẠM-MÃ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Bệ-đà-đề, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ ở Di-tát-la có Phạm chí tên là Phạm-ma rất giàu có, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la nầy cho đến nước, cỏ, cây, đều là đặc tặng, là ân tứ của À-xà-thế, con bà Vi-đê-hi, vua nước Ma-kiệt-đà. Phạm chí Phạm-ma có một ma-nạp tên là Ưu-đa-la được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhơn duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm, và cú

thuyết. Phạm chí Phạm-ma nghe có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, đã từ giả dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang du hóa tại nước Bệ-đà-đê cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe: “Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người cho đến Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc thành tựu an trú. Vị ấy thuyết pháp phân đầu thiện, phân giữa thiện và phân cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh.” Lại nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung

mạo khôi ngô, đồng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.” Phạm chí Phạm-ma nghe vậy, liền bảo:

— Nay Ưu-đa-la, ta nghe như thế này: “Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, đã từ bỏ tông tộc họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang du hóa tại nước Bệ-đà-đề cùng với chúng đại Tỳ-kheo.” Nay Ưu-đa-la, Sa-môn Cù-đàm ấy tiếng tăm lớn lao, mười phương đều nghe: “Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người cho đến Trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu, an trú. Vị ấy thuyết pháp, phân đầu thiện, phân giữa thiện, và phân cuối cùng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm

hạnh."" Lại nữa, này Ưu-đa-la, Sa-môn Cù-dàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất nầy, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe. Này Ưu-đa-la, Ông thọ trì các kinh, chắc có biết về ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, và biết rằng, nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp,

thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, đồng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất nầy, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe. Ông có biết như vậy chăng ?

Ưu-đa-la đáp:

— Thưa Tôn sư, con thọ trì các kinh, có biết về ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, và biết rằng, nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, đồng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh

toàn cõi đất nầy, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.

Nghe vậy, Phạm chí Phạm-ma bảo:

— Này Ưu-đa-la, Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-dàm, xem Sa-môn Cù-dàm có đúng như thế, hay không đúng như thế, quả thực có ba mươi hai tướng của Đại nhân chăng ?

Ma-nạp Ưu-đa-la nghe bảo như vậy, liền cúi đầu đánh lễ sát chân Phạm chí Phạm-ma, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong, ngồi qua một bên quán sát ba mươi hai tướng trên thân đức Thế Tôn. Ma-nạp ấy thấy trên thân Ngài có ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng, đó là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

Bấy giờ đức Thế Tôn thâm nghĩ: “Ưu-đa-la nầy đối với ba mươi hai tướng của Ta, chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài; nay Ta nên trừ mối nghi ngờ ấy.” Nghĩ vậy, đức Thế Tôn liền nhập như

kỳ tượng và hiện như ý túc. Sau khi Thế Tôn nhập như kỳ tượng và hiện như ý túc, thì Ma-nạp Ưu-da-la thấy được tướng mã âm tàng và tướng lưới rộng dài trên thân đức Thế Tôn. Tướng lưới rộng dài là khi le ra, lưới phủ khắp cả mặt.

Khi đã trông thấy, Ưu-da-la Ma-nạp nghĩ: “Sa môn Cù-dàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, đông mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất nầy, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.”

Ma-nạp Ưu-da-la lại nghĩ: “Ta nên quán sát kỹ về oai nghi, lễ tiết và nơi Cù-dàm du hành.”

Nghĩ vậy, ma-nạp Ưu-đa-la lẻo đẻo đi theo đức Phật, trong bốn tháng hạ, quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi đức Phật kinh hành. Qua bốn tháng hạ, ma-nạp Ưu-đa-la cảm thấy hoan duyệt khi đã quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi đức Phật du hành, liền thưa:

— Thưa Cù-đàm, con nay có việc muốn trở về, xin từ giả Cù-đàm.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Ưu-đa-la, Ông cứ đi, tùy ý.

Ma-nạp Ưu-đa-la nghe đức Thế Tôn nói như vậy, khéo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Phạm chí Phạm-ma, cúi đầu đánh lễ sát chận, rồi ngồi qua một bên. Phạm chí Phạm-ma hỏi:

— Nay Ưu-đa-la, có quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe, đúng như vậy hay không đúng như vậy ? Quả Cù-đàm có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân chăng ?

Ma-nạp Ưu-đa-la đáp:

— Đúng như vậy, thưa Tôn sư. Quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe. Sa-môn Cù-đàm quả thực như vậy, chứ

không phải không thực như vậy, thực có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

Sa-môn Cù-đàm có lòng bàn chân bằng phẳng, đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, thừa Tôn sư, lòng bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có hình bánh xe. Bánh xe có một ngàn tám và đầy đủ các bộ phận. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, ngón chân của Sa-môn Cù-đàm thon dài. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, mu bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì ngay ngắn. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Sa-môn Cù-đàm thì đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì nhỏ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, lông ở thân thể Sa-môn Cù-đàm mọc hướng lên. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, bàn tay và bàn chân của Sa-môn Cù-

đàm có màng lưới như nhận chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, tay chân của Sa-môn Cù-đàm rất đẹp, mềm mại xòe ra như hoa đầu-la. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, da thịt của Sa-môn Cù-đàm mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, mỗi một lỗ chân lông ở trên thân của Sa-môn Cù-đàm mọc một sợi lông màu xanh lóng lánh, xoáy ốc về phía bên phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, đùi của Sa-môn Cù-đàm như đùi của nai chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, mã âm tàng của Sa-môn Cù-đàm giống như ngựa chúa tốt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, thân hình của Sa-môn Cù-đàm cân xứng, đẹp đẽ cũng giống như cây ni-câu-loại, trên dưới hoàn toàn tương xứng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, thân hình Sa-môn Cù-đàm không gù, không còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng

mà duỗi tay, thì rờ tận đầu gối. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm màu vàng, giống như màu vàng tía. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, quai hàm của Sa-môn Cù-đàm như của sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, xương sống và lưng của Sa-môn Cù-đàm thẳng bằng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, trên hai vai của Sa-môn Cù-đàm liên tiếp qua cổ đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có bốn mươi cái răng, răng đều đặn, răng không khuyết hở, răng trắng

trong, có mùi vị bạc nhất. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, tiếng nói của Sa-môn Cù-đàm đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim ca-lăng-tân-già. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có lưới rộng dài. Lưới rộng dài là lưới khi le ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, khoe mắt của Sa-môn Cù-đàm đây như của trâu chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, mắt của Sa-môn Cù-đàm màu xanh lông lánh. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, đỉnh đầu của Sa-môn Cù-đàm có nhục kế, tròn, cân đối, xoay tròn về hướng phải như vỏ ốc. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, giữa hai hàng lông mày của Sa-môn Cù-đàm có sợi lông trắng trong, mọc xoay về hướng phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân như vậy. Nếu ai thành tựu

tướng của bậc Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục được quân địch, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang khắp mười phương đều nghe.

Lại nữa, thưa Tôn sư, tôi thấy Sa-môn Cù-đàm lúc đáng mặc áo thì mặc áo, lúc đáng đắp y thì đắp y, lúc đáng ra khỏi phòng thì ra khỏi phòng, lúc đáng ra khỏi vườn thì ra khỏi; trên đường đi đến thôn xóm, lúc đáng vào thôn xóm mới vào; đứng ở đường hẻm, lúc đáng vào nhà mới vào; giường chính, chỗ đáng ngồi mới ngồi; lúc đáng rửa tay mới rửa; lúc đáng nhận đồ ăn, thức uống mới nhận; lúc đáng ăn mới ăn; sau khi rửa tay, chú nguyện xong, từ

chỗ ngồi đứng dậy, đáng ra khỏi nhà mới đi ra; đến đường hẻm đáng ra khỏi thôn xóm, mới ra khỏi; lúc đáng vào vườn mới vào; lúc đáng vào phòng, mới vào.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm mặc áo ngay ngắn, không cao không thấp, áo không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến áo tuột khỏi thân.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm đắp y ngay ngắn, không cao không thấp, y không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thường đắp y mới, tùy thuận Thánh nhân, dùng dao cắt ra từng miếng rồi may lại, nhuộm thành hoại sắc, cũng như y hoại sắc của bậc Thánh đã nhuộm. Vị ấy đắp y không phải vì của cải, không phải vì cống cao, không phải để trang sức, không phải để cho oai vệ, mà chỉ để ngăn chặn muỗi mòng và tránh sự ma sát của gió và nắng, và vì sự hổ thẹn, nên phải che kín thân thể.

Thưa Tôn sư, khi ra khỏi phòng, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, cũng không ngược lên, ra khỏi phòng thân không bao giờ cúi xuống.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc muốn đi, trước hết bước chân bên phải, dõ chân lên, để chân

xuống một cách chững chạc, đi không gây thành tiếng động, không đi quàng xiên; lúc đi, hai gót chân không bao giờ chạm nhau.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi không bị bụi dính vào. Vì sao ? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

Thưa Tôn sư, lúc ra khỏi vườn, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngược lên, lúc ra khỏi vườn, thân không bao giờ cúi xuống. Đi đến xóm làng, thân luôn luôn quay về lối phải, quán sát như cái nhìn của một con voi chúa nhìn khắp nơi, không hãi, không sợ, cũng không khiếp đảm, xem khắp các phương. Vì sao ? Vì là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Thưa Tôn sư, lúc vào thôn xóm, thân không cúi xuống, không ngược lên, lúc vào thôn xóm, Sa-môn Cù-đàm không bao giờ cúi xuống. Lúc ở đường hẻm Sa-môn Cù-đàm không cúi xuống mà nhìn cũng không ngược lên mà trông, chỉ nhìn ngay thẳng, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự thấy và biết.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao ? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

Thưa Tôn sư, lúc vào nhà, Sa-môn Cù-đàm

thân không cúi xuống, không ngược lên, lúc vào nhà thân không bao giờ cúi xuống.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm xoay mình lại thì xoay theo hướng phải, ngồi trên giường kê ngay ngắn, không ngồi lên giường một cách nặng nề, cũng không chống tay dưới trôn mà ngồi, khi đã ngồi, không thấy áy náy, không bức rức, cũng không thích thú, lúc thọ nhận nước rửa, không cao, không thấp, không nhiều, không ít, thọ nhận đồ ăn thức uống, cũng không cao, không thấp, không nhiều, không ít.

Thưa tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thọ thực ngang bình bát, canh và cơm bằng nhau.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm bốc thức ăn chứng chạc, từ từ bỏ vào miệng, khi thức ăn chưa đến thì không há miệng ra mà đợi sẵn, khi thức ăn đã vào miệng thì nhai ba lần mới nuốt, không có miếng cơm hay canh nào mà không nghiền nát, thức ăn còn lại trong miệng thì nuốt xuống hết rồi mới bốc nắm khác.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm do ba việc thanh tịnh mà ăn, muốn vừa vị, chứ không nhiễm trước vào vị. Vị ấy không phải ăn vì của cải, không vì cống cao, không vì trang sức, không vì oai vệ, mà chỉ muốn bảo tồn thân thể sống lâu, không tai họa,

để ngăn chặn bệnh cũ, không sanh bệnh mới, duy trì sự sống không tai hoạn, sức khỏe, an lạc.

Ăn xong, vị ấy dùng nước rửa tay, không cao, không thấp, không nhiều, không ít; dùng nước rửa bát, không cao, không thấp, không nhiều, không ít, sau khi rửa tay sạch, thì bát cũng sạch, rửa bát sạch thì tay cũng sạch, lau tay rồi lau bát, lau bát rồi lau tay, khi đã rửa và lau bát xong, để đặt xuống một bên, không gần, không xa, không nhìn hoài vào bát, cũng không lơ là bát. Sa-môn Cù-đàm không chê thức ăn nầy, cũng không khen thức ăn kia, chỉ im lặng ăn xong, thuyết pháp cho các cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, vị ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi nhà, thân không cúi xuống, ngược lên, lúc ra khỏi nhà, thân không bao giờ cúi xuống, lúc ở tại đường cái, ngõ hẻm, không cúi nhìn xuống, cũng không ngược lên, chỉ nhìn thẳng đằng trước, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự biết và sự thấy.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao ? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi thôn, thân không cúi xuống, ngược lên; lúc ra khỏi thôn, thân không bao giờ cúi xuống.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi vào vườn, thân không cúi xuống, ngược lên, lúc đi vào vườn thân không bao giờ cúi xuống.

Thưa Tôn sư, sau bữa ăn trưa, Sa-môn Cù-đàm thu dọn y, bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai vào phòng tĩnh tọa. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm vào phòng tĩnh tọa để làm lợi ích cho thế gian.

Thưa Tôn sư, vào lúc xế trưa, Sa-môn Cù-đàm từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, sắc diện trong sáng. Vì sao ? Vì là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm từ miệng phát ra với tám thứ âm thanh, một là sâu sắc, hai là tỳ-ma-lâu-bệ, ba là nhập tâm, bốn là khả ái, năm là rất đầy, sáu là sống động, bảy là rõ ràng, tám là có trí, khiến cho mọi người mến chuộng, mọi người ưa thích, mọi người ghi nhớ, sẽ được định tâm.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp tùy theo chúng, âm thanh không ra ngoài chúng, chỉ vừa ở trong chúng. Thuyết pháp cho chúng, khuyến

phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về chỗ cũ.

Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm là như thế đó, có những cái thù thắng hơn nữa. Con muốn đến theo học Phạm hạnh với Sa-môn Cù-đàm.

Phạm chí Phạm-ma đáp:

— Tùy ý Ông.

Thế là Ma-nạp Ưu-đa-la cúi đầu đánh lễ sát chân Phạm chí Phạm-ma, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nay xin theo Thế Tôn học đạo, thọ cụ túc giới, trở thành Tỳ-kheo, để được theo Thế Tôn tu hành Phạm hạnh.

Bấy giờ đức Thế Tôn độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ cụ túc. Sau khi độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ cụ túc, Thế Tôn du hành tại nước Bê-đà-đề cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi lên Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên trong xứ ấy.

Các cư sĩ ở Di-tát-la nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích, từ bỏ thân tộc, xuất gia học đạo, đang du hành tại nước Bê-đà-đề cùng

chúng đại Tỳ-kheo, lần hồi đi đến Di-tát-la nây và đang trú ở trong vườn xoài Đại thiên; Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe; Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; Sa-môn ấy ở đời nây, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí từ Người đến Trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; vị ấy thuyết pháp phân đầu thiện, phân giữa thiện và phân cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh nếu ai chiêm ngưỡng đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, mà kính trọng lễ bái, cúng dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi vui thay ! Chúng ta nên cùng nhau đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái, cúng dường.” Thế rồi, Phạm chí cư sĩ ở Di-tát-la, mỗi hạng có quyến thuộc tháp tùng, từ Di-tát-la đi đến hướng Bắc, đến rừng xoài Đại Thiên, muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn, lễ bái, cúng dường. Khi đã đến chỗ đức Phật, trong số Phạm chí cư sĩ ấy, có người cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên; có người chào hỏi đức Phật rồi ngồi qua một bên; có người chấp tay hướng về đức Phật rồi ngồi qua một bên; có người từ xa nhìn đức

Phật, rồi im lặng ngồi xuống. Khi các cư sĩ Phạm chí Di-tát-la đã ngồi xong, đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đức Phật dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài im lặng an trú.

Phạm chí Phạm-ma nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, từ bỏ tông tộc họ Thích, xuất gia học đạo, du hành tại nước Bệ-đa-đề cùng chúng đại Tỳ-kheo, lần hồi đi đến nước Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn lao, mười phương đều nghe. Sa-môn ấy là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú. Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp phân đầu thiện, phân giữa thiện, phân cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Nếu ai chiêm ngưỡng Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, kính trọng, lễ bái, cúng dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi, an vui. Vậy, ta nên đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái cúng dường.”

Phạm chí Phạm-ma bảo người đánh xe:

— Ông hãy sửa soạn xe, ta mong đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm.

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xe xong, trở lại thưa:

— Xe đã sửa soạn xong, mong Tôn sư tự biết thời.

Thế là Phạm-ma dùng cỗ xe rất xinh đẹp, từ Di-tát-la đi đến hướng Bắc, đến rừng xoài Đại thiên để chiêm ngưỡng Thế Tôn và lễ bái, cúng dường. Bấy giờ đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi bao quanh trước sau. Phạm chí Phạm-ma từ xa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Thấy vậy, Phạm-ma khiếp sợ, liền rẽ qua một bên lề đường dùng lại dưới gốc cây, bảo một ma-nạp rằng:

— Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta thăm hỏi thế này: “Thưa Cù-đàm, Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng.” ? Ông hãy nói như thế này: “Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con xin kính lời thăm hỏi Ngài, Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như

thường chẳng ? Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ Ma-nạp vâng lời, đến chỗ Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên thưa:

— Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con có lời thăm hỏi rằng: “Thánh thể Cù-đàm có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chẳng ?” Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Ma-nạp, mong cho Phạm chí Phạm-ma an ổn khoái lạc, mong cho Trời và Người, A-tu-la, Kiến-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, được an ổn khoái lạc, này Ma-nạp, Phạm chí Phạm-ma muốn đến thì tùy ý.

Nghe đức Phật nói như vậy, Ma-nạp khéo thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra, trở về chỗ Phạm chí Phạm-ma và thưa:

— Thưa Tôn sư, con đã thưa như vậy với Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm hiện đang đợi Tôn sư. Mong Tôn sư biết thời.

Nghe vậy, Phạm chí Phạm-ma liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Phật. Đại đồ chúng ấy từ xa trông

thấy Phạm chí Phạm-ma đi đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tránh sang một bên để chùa lối đi. Vì sao ? Vì trọng người có danh đức, được nhiều người biết đến Phạm chí Phạm-ma liền nói:

— Chư Hiền, các Vị hãy ngồi lại như cũ. Tôi muốn đi thẳng đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm.

Thế rồi Phạm-ma đi đến chỗ đức Phật chào hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Bảy giờ hai căn của Phạm-ma không bị hư hoại. Đó là nhãn căn và nhĩ căn. Sau khi ngồi xuống, Phạm chí Phạm-ma quan sát kỹ ba mươi hai tướng của Thế Tôn. Phạm-ma chỉ thấy ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Phạm chí Phạm-ma nói bài kệ để hỏi đức Thế Tôn:

*Như trước tôi đã từng nghe,
Đại nhân ba mươi hai tướng.
Nay xem trên thân Cù-đàm,
Trong đó, không thấy hai tướng,
Vậy mã âm tàng có chăng,
Kín nhiệm nơi người tôn quý ?
Tại sao nay bậc Tối Tôn,
Không hiện tướng lưỡi vi diệu ?
Nếu có tướng lưỡi rộng dài,
Mong cho tôi nay được thấy.*

*Nay tôi thật có nghi hoặc,
Mong Điều Ngự giải trừ cho.*

Nghe vậy, đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Phạm chí Phạm-ma này muốn tìm ba mươi hai tướng nơi thân Ta, nay chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Nay Ta nên trừ mối nghi hoặc ấy.” Đức Thế Tôn biết thế, nên thực hiện như kỳ tượng như ý túc. Sau khi Thế Tôn thực hiện như kỳ tượng như ý túc Phạm chí Phạm-ma thấy được tướng mã âm tàng và lưỡi rộng dài trên thân đức Thế Tôn. Trong đó, tướng lưỡi rộng là lưỡi khi từ trong miệng le ra trùm khắp cả mặt. Đức Thế Tôn thấu lại như ý túc, nói cho Phạm-ma nghe bài tụng:

*Trước đây Ông đã từng nghe,
Đại nhân ba mươi hai tướng,
Tất cả đều ở thân Ta,
Tròn đầy chon chánh tối thượng,
Điều Ngự đoạn trừ nghi ấy,
Phạm chí phát lòng tin mẫu,
Thực khó được thấy nghe,
Bậc Chánh Giác tối thượng.
Quả rất hiếm ra đời,
Bậc Chánh Giác tối thượng,*

*Phạm chí, Ta Chánh Giác,
Chánh pháp vô thượng vương.*

Phạm chí Phạm-ma nghe vậy liền nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm nầy thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật không sai lầm: ấy là nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, đông mạnh, không sợ, hàng phục được địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất nầy, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an lạc. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp mười phương đều nghe.”

Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ như thế nầy: “Phạm chí Phạm-ma nầy không bao giờ đua nịnh, lừa dối, nếu muốn hỏi điều gì là vì muốn biết, chớ không phải để quấy rầy. Phạm chí ấy cũng vậy, Ta nên

thuyết A-tỳ-dàm thậm thâm cho vị ấy. Đức Thế Tôn biết như vậy, liền nói cho Phạm chí Phạm-ma nghe bài tụng:

*Vì pháp lạc đời nay,
Và ích lợi đời sau,
Phạm chí hãy thưa hỏi,
Tùy những điều đã nghĩ.
Phạm chí hỏi các điều,
Ta đoan nghĩ cho Ông,
Thế Tôn đã cho phép,
Phạm chí Phạm-ma hỏi
Thế Tôn về những điều,
Tùy theo ý đã nghĩ.
Thế nào là Phạm chí ?
Tam đạt có nghĩa gì,
Vì sao nói vô trước,
Đẳng Chánh Giác là gì ?*

Bấy giờ đức Thế Tôn nói tiếp bài kệ để giải thích:

*Diệt pháp ác, bất thiện,
Vững trú nơi Phạm hạnh,
Tu tập hạnh Phạm chí,
Như vậy là Phạm chí.
Thấu suốt về quá khứ,*

*Thấy lạc và ác đạo,
Dứt trừ sạch vô minh,
Biết vậy là Mâu-ni.
Khéo biết tâm thanh tịnh,
Dứt sạch dâm, nộ, si,
Thành tựu được tam minh,
Như vậy là tam đạt.
Viễn ly pháp bất thiện,
Chánh trú đệ nhất nghĩa,
Thế gian tôn kính nhất,
Như vậy là vô trước.
Làm lợi ích Trời, Người,
Thánh nhân, dứt đấu tranh
Biết khắp chúng diệt tận,
Như vậy là Chánh giác.*

Nghe vậy, Phạm-ma liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật. Bấy giờ đại chúng cùng một lúc nói lớn rằng: “Sa-môn Cù-dàm kỳ lạ thay, hy hữu thay ! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao ? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này, thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về sự thọ sanh. Phạm chí Phạm-ma được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bây giờ cha mẹ, chúng tộc không tuyệt, đời đời không ác, thế mà Phạm chí ấy đã hết

lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay ! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu. Vì sao ? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này, Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất, về sự học kinh điển, Phạm chí Phạm-ma học rộng, thông suốt, đọc tụng hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhơn duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm và cú thuyết; thế mà Sa-môn Phạm chí ấy đã hết lòng cung kính, lễ bái cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay ! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, đại oai thần. Vì sao ? Vì trong tất cả Phạm chí cư sĩ ở Di-tát-la này Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tài sản, Phạm chí Phạm-ma rất giàu, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này cho đến nước, cỏ cây đều là đặc tặng, ân tứ của A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-đà; thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn trọng, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay ! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai

thân. Vì sao ? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở nước Di-tát-la này, Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tuổi thọ. Phạm chí Phạm-ma là vị trưởng lão, sống đến một trăm hai mươi sáu tuổi. Thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn với tha tâm trí, biết tâm đại chúng đang nghĩ gì. Biết vậy, Thế Tôn bảo Phạm chí Phạm-ma:

— Hãy thôi, này Phạm chí, chỉ cần với tâm thỏa mãn là được. Hãy ngồi trở lại, Ta sẽ thuyết pháp cho.

Phạm chí Phạm-ma cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Phạm chí, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đúng như pháp của chư Phật, trước hết, đức Thế Tôn thuyết pháp đoạn chánh, khiến người nghe hoan duyệt. Đó là thuyết về pháp thí, về giới và về sanh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sanh tử là ô uế; tán thán vô dục là diệu đạo phẩm, là bạch tịnh. Sau khi thuyết như vậy, Thế Tôn biết Phạm chí ấy có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu

nhuyễn, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm nhất hướng, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có đủ khả năng thọ nhận Chánh pháp của Phật, đức Thế Tôn theo như những pháp quan yếu mà chư Phật đã thuyết, Ngài thuyết cho Phạm chí Phạm-ma ngay nơi chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Phạm chí Phạm-ma ngay nơi chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng nhuộm dễ ăn màu; cũng vậy, Phạm-ma ngay trong chỗ ngồi thấy rõ bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bấy giờ, Phạm-ma đã thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn kính một ai khác nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả vị chứng đắc. Đối với pháp của Thế Tôn, Phạm chí chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con nay đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ nay và suốt đời; con đem mình quy y cho đến lúc lâm chung.

Và rồi Phạm chí Phạm-ma lại chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch tiếp:

— Bạch Thế Tôn, mong ngày mai đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đoái tưởng nhận lời mời của con !

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời của Phạm-ma.

Phạm chí Phạm-ma biết đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời, nên cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng và lui ra, trở về nhà.

Ngay đêm ấy, Phạm chí Phạm-ma cho sửa soạn các món ăn mỹ diệu ngon lành, đủ các thức nhai và nuốt. Sửa soạn xong, sáng lại cho trải giường, và đúng lúc thì xướng lên rằng: “Bạch Thế Tôn, bữa cơm được soạn xong, kính mong đức Thánh biết thời.”

Sáng hôm ấy, đức Thế Tôn mang y cầm bát đi trước, chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của Phạm chí Phạm-ma, đến nơi, đức Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Phạm chí Phạm-ma thấy đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đã ngồi xong, liền thân hành múc nước rửa, đem thức ăn ngon lành, cùng các thức nhai và nuốt, tự tay sót vào, khiến các vị ăn no. Sau khi ăn rồi, thu dọn và lấy nước rửa xong, Phạm chí ngồi vào một ghế nhỏ để thọ nhận sự chú nguyện. Phạm chí Phạm-ma ngồi xong, đức Thế Tôn chú nguyện rằng:

*Chú hỏa, tế bậc nhất,
Thông âm, gốc các âm,*

*Vua, tôn quý trong người,
Biển, lớn hơn sông ngòi,
Trăng, sáng hơn các sao,
Nhưng sáng nhất: mặt trời.
Cùng tận khắp mười phương,
Trong tất cả thế gian,
Chư Thiên và Nhân loại,
Duy Phật đệ nhất tôn.*

Sau khi chú nguyện cho Phạm chí Phạm-ma, đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nước Di-tát-la, ở lại vài ngày, rồi mang y, cầm bát du hành nước Xá-vệ. Lần hồi đi đến nước Xá-vệ, Ngài trú tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo vào Xá-vệ khát thực nghe Phạm chí Phạm-ma nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ hỏi đức Phật mọi việc thì liền lâm chung. Nghe vậy, sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo thu dọn y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-dàn vắt lên vai, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng một bên, thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con vào lúc sáng sớm mang y, cầm bát vào Xá-vệ khát thực, nghe rằng Phạm chí Phạm-ma ở nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ vấn sự đức Phật, thì liền lâm chung.

Bạch Thế Tôn, như vậy Phạm chí ấy sẽ đến nơi nào ? Sanh nơi nào ? Đời sau ra sao ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay các Tỳ-kheo, Phạm chí Phạm-ma có đại lợi ích, vào lúc tối hậu, đã biết pháp, vì pháp cho nên không làm phiền nhọc Ta. Nay Tỳ-kheo, Phạm chí Phạm-ma đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh đến nơi ấy sẽ đắc Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không trở lại cõi này nữa. Bấy giờ Ta đã ghi nhận rằng Phạm chí Phạm-ma đắc A-na-hàm.

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Phạm-ma và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

XIII. PHẨM CĂN BỒN PHÂN BIỆT

- 162. Kinh Phân Biệt Lục Giới
- 163. Kinh Phân Biệt Lục Xứ
- 164. Kinh Phân Biệt Quán Pháp
- 165. Kinh Ôn Tuyên Lâm Thiên
- 166. Kinh Thích Trung Thiên Thất Tôn
- 167. Kinh A-nan Thuyết
- 168. Kinh Ý Hành
- 169. Kinh Câu-lâu-sấu Vô Trách
- 170. Kinh Anh Võ
- 171. Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, trú ở thành Vương Xá.

Bấy giờ đức Thế Tôn đến nhà thợ gốm và nói rằng:

— Này Thợ gốm, Ta nay muốn tạm trú ở phòng làm đồ gốm một đêm, Ông có thuận chăng ?

Thợ gốm trả lời:

— Con chẳng trở ngại gì, nhưng đã có một Tỳ-kheo trú trong đó trước rồi. Nếu vị ấy thuận thì xin tùy ý.

Lúc ấy Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đã trú ở trong

phòng làm đồ gốm ấy trước rồi. Bấy giờ đức Thế Tôn ra khỏi nhà thợ gốm, đi vào phòng làm gốm và nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi:

— Nay Tỳ-kheo, Ta nay muốn tạm trú một đêm ở phòng làm gốm, Thầy có thuận chăng ?

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

— Thưa Hiền giả, tôi không trở ngại. Và lại ở phòng làm gốm này có chỗ ngồi bằng cỏ đã trải xong. Hiền giả muốn ở lại, xin tùy ý.

Bấy giờ, đức Thế Tôn từ phòng làm gốm đi ra ngoài, rửa chân rồi mới trở vào, lấy ni-sư-dàn trải lên chỗ ngồi bằng cỏ mà ngồi kiết-già, suốt đêm yên lặng, tĩnh tọa, định ý. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm im lặng tĩnh tọa, định ý. Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Tỳ-kheo này an trú tịch tĩnh, kỳ lạ thay, hy hữu thay ! Có lẽ nay Ta nên hỏi Tỳ-kheo này, thầy của ông ấy là ai, y cứ vào ai mà xuất gia học đạo, thọ pháp ?” Nghĩ vậy, Thế Tôn liền hỏi:

— Nay Tỳ-kheo, Tôn sư của Thầy là ai ? Thầy y cứ vào ai mà xuất gia học đạo, thọ pháp ?

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

— Thưa Hiền giả, có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo

cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác; vị ấy là thầy tôi. Tôi y cứ vào vị ấy mà xuất gia học đạo, thọ pháp.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Này Tỳ-kheo, Thầy có lần nào thấy vị ấy chưa ?

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

— Chưa thấy.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nếu thấy vị ấy, Thầy có nhận ra chăng ?

— Không nhận ra. Nhưng thưa Hiền giả, tôi nghe Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy là thầy tôi. Tôi nương theo vị ấy mà xuất gia học đạo thọ pháp.

Nghe như vậy, đức Thế Tôn lại nghĩ: «Người Thiện nam này y cứ vào Ta mà xuất gia học đạo, thọ pháp, có lẽ nay Ta nên thuyết pháp cho người này.» Nghĩ thế, đức Thế Tôn nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi:

— Nay Tỳ-kheo, nay Ta sẽ thuyết pháp cho Thấy, phân đầu thiện, phân giữa thiện và phân cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; đó gọi là phân biệt sáu giới. Thấy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ.

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

— Xin vâng.

Đức Phật bảo:

— Nay Tỳ-kheo, con người có sáu giới tụ, có sáu xúc xứ, có mười tám ý hành, có bốn trụ xứ. Nếu ai an trú vào đó sẽ không nghe đến chuyện sâu não, sau khi không nghe chuyện sâu não, thì ý không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Như vậy, có sự khuyến giáo là đừng buông lung trí tuệ, hãy thủ hộ chân đế và trường dưỡng tuệ thí. Nay Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về chí tịch, như vậy là phân biệt về sáu giới.

Nay Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu giới tụ là do nhơn duyên gì mà nói như thế ? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Nay Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu giới tụ là do nhơn đó mà nói.

Nay Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc

xú là do nhơn gì mà nói như thế ? Tỳ-kheo, nhãn xúc thấy sắc, nhĩ xúc nghe tiếng, tỷ xúc ngửi mùi, thiệt xúc nếm vị, thân xúc cảm xúc, ý xúc biết pháp. Nay Tỳ-kheo, nói rằng, con người có sáu xúc xú là do nhơn đó mà nói.

Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhơn gì mà nói như thế ? Tỳ-kheo, là mắt thấy sắc, quán sắc rồi an trú nơi hỷ, quán sắc rồi an trú nơi ưu, quán sắc rồi an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ý nhận thức pháp, quán pháp rồi an trú nơi hỷ, quán pháp rồi an trú nơi ưu, quán pháp rồi an trú nơi xả. Nay Tỳ-kheo, như vậy sáu hỷ quán, sáu ưu quán, sáu xả quán hợp lại là mười tám ý hành. Nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhơn đó mà nói.

Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xú là do nhơn gì mà nói như thế ? Là chân đế trụ xú, tuệ trụ xú, thí xả trụ xú và tịch tĩnh trụ xú. Nay Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xú là do nhơn đó mà nói.

Này Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ ? Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội địa giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội địa giới là thế nào ? Là

tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phổi, lá lách, ruột già, bao tử, phần. Tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thấm nhiếp trong thân thuộc về chất cứng, tính cứng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình là nội địa giới”

Này Tỳ-kheo, dù là nội địa giới hay là ngoại địa giới, đều gọi chung là địa giới, Tỳ-kheo đó dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: “Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy cũng không phải là tự ngã của ta.” Tâm vị ấy không nhiễm trước địa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội thủy giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội thủy giới là gì ? Là não mạc, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, mủ, máu, mỡ, tủy, nước giải, đờm, nước tiểu. Tương tự như thế, trong thân này còn có nhiều thể khác nữa, những gì được thấm nhiếp trong thân, thuộc về chất nước, tính nước nhuần thấm ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội thủy giới.” Này Tỳ-kheo, nội thủy giới hay ngoại thủy giới đều gọi chung là thủy giới.

Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: “Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm vị ấy không bị nhiễm trước thủy giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội hỏa giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội hỏa giới là gì ? Là cái làm cho thân phát nhiệt, thân nóng, thân phiền muộn, thân ấm lạnh, làm tiêu đồ ăn thức uống. Tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâm nhiếp trong thân, thuộc về lửa, tức lửa làm nóng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội hỏa giới.” Nay Tỳ-kheo, dù nội hỏa giới hay ngoại hỏa giới đều gọi chung là hỏa giới. Vị ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: “Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm Tỳ-kheo đó không nhiễm trước hỏa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội phong giới, được chấp thọ

nơi hữu tình. Nội phong giới là thế nào ? Là gió thổi lên, gió thổi xuống, gió ngang hông, gió co thắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió cử động tay chân, gió ở hơi thở ra, thở vào. Tương tự như thế, trong thân này còn các thứ khác nữa, những gì được thấu nhiếp trong thân, thuộc về gió, tánh gió, lưu động bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội phong giới.” Nay Tỳ-kheo, dù ngoại phong giới hay nội phong giới đều gọi chung là phong giới. Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: “Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm vị ấy không nhiễm trước phong giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội không giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội không giới là gì ? Là lỗ trống ở mắt, lỗ trống ở tai, lỗ trống ở mũi, lỗ trống ở miệng, cổ họng cử động, tức là để cho thức nhai và nuốt từ từ đi qua cổ họng, đi xuống rồi ra ngoài. Tương tự như thế, trong thân này có những thứ khác nữa, thuộc về hư không. Ở chỗ hư không ấy không bị da thịt xương gân lấp kín. Đó là nội không giới.” Nay

Tỳ-kheo, dù nội không giới hay ngoại không giới đều gọi chung là không giới. Tỳ-kheo dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: “Những cái ấy không phải sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải tự ngã của ta.” Tâm vị ấy không nhiễm trước không giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về năm giới này, sau khi biết như thật, tâm không nhiễm trước chúng, thì được giải thoát, chỉ còn có các thức mà thôi. Đó là những thức nào ? Là lạc thức, khổ thức, hỷ thức, ưu thức, và xả thức. Này Tỳ-kheo, nhơn lạc xúc mà sanh lục thọ, vị ấy cảm giác lạc thọ. Khi đã cảm giác lạc thọ, vị ấy biết mình cảm giác lạc thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt lạc xúc, sau khi diệt lạc xúc này, nếu có lạc thọ do lạc xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tĩnh chỉ, và biết đã hoàn toàn nguôi lạnh.

Này Tỳ-kheo, nhơn khổ xúc sanh ra khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ. Sau khi đã cảm giác khổ thọ, vị ấy đã biết mình cảm giác khổ thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt khổ xúc, sau khi diệt khổ xúc, nếu có khổ thọ do khổ xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tĩnh chỉ, và biết đã hoàn toàn nguôi lạnh.

Này Tỳ-kheo, nhơn hỷ xúc sanh ra hỷ thọ, vị ấy cảm giác hỷ thọ, khi đã cảm giác hỷ thọ, vị ấy biết mình cảm giác hỷ thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt hỷ xúc, sau khi diệt hỷ xúc này, nếu có hỷ thọ do hỷ xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tỉnh chỉ, và biết đã hoàn toàn nguội lạnh.

Này Tỳ-kheo, nhơn ưu xúc sanh ra ưu thọ, vị ấy cảm giác ưu thọ. Khi đã cảm giác ưu thọ, vị ấy biết mình cảm giác ưu thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt ưu xúc, sau khi diệt ưu xúc này, nếu có ưu thọ do ưu xúc sanh, vị ấy cũng diệt, tỉnh chỉ, và biết đã hoàn toàn nguội lạnh.

Này Tỳ-kheo, nhơn xả xúc sanh ra xả thọ, vị ấy cảm giác xả thọ. Khi đã cảm giác xả thọ, vị ấy biết mình cảm giác xả thọ. Nếu có Tỳ-kheo diệt xả xúc ấy, khi diệt xả xúc rồi, nếu có từ xả xúc sanh xả thọ, vị ấy cũng diệt, tỉnh chỉ, và biết đã hoàn toàn nguội lạnh.

Này Tỳ-kheo, nhơn các xúc ấy sanh ra các thọ ấy, khi đã diệt các xúc ấy, thì các thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết rằng, thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc. lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành. Này Tỳ-kheo, cũng như môi lửa, nhơn cái dùi, sự nỗ lực của

người, và sức nóng mà lửa phát sanh. Nay Tỳ-kheo, khi các dùi cây ấy tách rời nhau, nếu lửa từ đó phát sanh, sức nóng của lửa, và sự chấp thọ của hữu tình, tất cả đều tắt biến, vắng bật, im lìm và dùi cây nguội lạnh. Cũng vậy, nay Tỳ-kheo, các xúc ấy thế này hay thế kia sanh ra các thọ như thế này hay thế khác, diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Như vậy là đã biết thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành. Nếu Tỳ-kheo nào không nhiếp trước ba thọ này, mà lại giải thoát, thì Tỳ-kheo ấy chỉ còn có xả rất thanh tịnh. Nay Tỳ-kheo, vị ấy nghĩ rằng: “Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng không xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó, vững vàng vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này, nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tương phi vô tương xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó vững vàng vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó.” Nay Tỳ-kheo, cũng như thợ nấu vàng lành nghề dùng lửa đốt thỏi vàng, dát cho thật mỏng, rồi lại bỏ vào lò nung, đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ cho đến lúc tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Nay Tỳ-kheo, thứ vàng này là do thọ vàng đã đốt với

lừa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ thật tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Như vậy rồi, thợ vàng ấy làm theo ý mình, như làm dây dính vào tơ lụa để trang sức áo mới, làm nhẫn tay, vòng tay, xuyên, chuỗi, lưới tóc. Cũng vậy, Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: “Ta với xả thanh tịnh này, nhập Vô lượng không xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó, vững vàng nơi đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này, nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó, vững vàng nơi đó, duyên vào đó gắn chặt vào đó.” Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: “Ta với xả thanh tịnh này, nương vào Vô lượng không xứ, như vậy thuộc pháp hữu vi. Pháp hữu vi là vô thường, cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu là khổ, thì biết là khổ. Khi đã biết khổ thì xả, không du nhập Vô lượng không xứ nữa. Ta với xả thanh tịnh này, nương vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vẫn là thuộc pháp hữu vi. Nếu là pháp hữu vi thì vô thường, cái gì vô thường cái ấy là khổ. Nếu là khổ thì liền biết là khổ. Khi đã biết khổ thì xả, không du nhập Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ nữa.” Nay Tỳ-kheo nếu Tỳ-kheo nào dùng huệ quán bốn xứ này, biết

như thật tâm không thành tựu, không du nhập, thì bấy giờ xả ấy không còn là hữu vi nữa, vị ấy không suy tư gì đến hữu và vô nữa. Vị ấy cảm giác về thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về thọ thân tối hậu, cảm giác về thọ sanh mạng tối hậu, thì biết cảm giác về thọ sanh mạng tối hậu, và biết khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt, những gì được cảm thọ, tất cả đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ, và biết là sẽ rất nguội lạnh.

Này Tỳ-kheo, thí như đèn sáng là nhờ dầu và tim. Nếu không có ai đổ thêm dầu, nối thêm tim, như vậy thì dầu và tim có trước đã cháy hết, mà những cái sau không được tiếp nối, sẽ không còn gì để chấp thọ nữa. Tỳ-kheo ấy cũng thế, cảm giác về chấp thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ thân tối hậu, cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu, thì biết cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu, và biết rằng, khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt, thì tất cả những gì được cảm thọ thấy đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ, và biết sẽ rất là nguội lạnh. Này Tỳ-kheo như thế vị ấy được gọi là Tỳ-kheo chánh huệ bậc nhất, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận, lậu tận. Tỳ-kheo ấy thành tựu như vậy là thành tựu chỗ chánh huệ bậc nhất. Sự giải thoát này, vị ấy an trú vào chân đế, không bị

dao động. Chân đế là pháp như thật, vọng ngôn là pháp hư vọng. Tỳ-kheo ấy thành tựu chân đế bậc nhất. Nay Tỳ-kheo, với thí xả, nếu trước kia có oan gia cố cựu, thì bấy giờ vị ấy phóng xả, lừa bô, giải thoát, dứt trừ. Nay Tỳ-kheo, đó là Tỳ-kheo chánh huệ thí bậc nhất, xả ly tất cả mọi sự ở đời, hoàn toàn vô dục, tịch tịnh, tĩnh chỉ. Nay Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu chỗ huệ thí bậc nhất. Nay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào tâm bị dục, nhuế và si làm cho ô uế, không được giải thoát, Tỳ-kheo ấy tận diệt tất cả dâm, nộ, si, vô dục, tịch tịnh, tĩnh chỉ, chứng đắc tịch tịnh bậc nhất. Nay Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu chỗ tịch tịnh bậc nhất.

Nay Tỳ-kheo, ai nghĩ rằng “tôi là”, ấy là ngã mạn; “tôi sẽ có”, ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ chẳng phải có, chẳng phải không” ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ có sắc”, ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ không có sắc”, ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ chẳng phải có sắc, chẳng phải không sắc”, ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ có tướng”, ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ không có tướng”, ấy cũng là ngã mạn; “tôi sẽ chẳng có tướng, chẳng phải không có tướng”, ấy cũng là ngã mạn, là cống cao, là kiêu ngạo, là phóng dật. Nay Tỳ-kheo, nếu không có những điều này: ngã mạn, cống cao, kiêu ngạo, phóng dật thì ý tịch tịnh. Nay

Tỳ-kheo, nếu ý tịch tĩnh thì không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Vì sao ? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp, nên không còn chán ghét, không chán ghét thì không ưu tư, không ưu tư thì không sầu não, không sầu não thì không lao nhọc, không lao nhọc thì không sợ hãi, như không sợ hãi thì sẽ đắc Niết-bàn, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Đức Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viển ly trần cấu, phát sanh pháp nhãn về các pháp. Bấy giờ Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn ai hơn, không tùy thuộc ai nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả chứng đắc, đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con ăn năn. Bạch Thiện Thệ, con ngay từ đầu như ngu như si, như khờ dại, như không hiểu biết, không nhận ra bậc Lương Điền, và không tự biết. Vì sao ? Vì con đã gọi Như lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là “Hiền giả”. Mong đức Thế Tôn cho con sám hối, sau khi sám hối, con sẽ không còn tái phạm nữa.

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Tỳ-kheo, Thấy quả thực ngu si, quả thực là khờ dại không hiểu biết nên đã gọi Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là “Hiên giả”. Nay Tỳ-kheo, nếu Thấy tự sám hối, đã thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa, như thế, nầy Tỳ-kheo, đối với pháp luật của bậc Thánh, như vậy là tăng ích chứ không tổn hại, vì đã tự sám hối, đã tự thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XÚ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các Thầy, phân đầu thiện, phân giữa thiện, và phân cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là kinh phân biệt về sáu xứ. Các Thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa:

— Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời.

Đức Phật bảo:

— Đây các Tỳ-kheo, sáu xứ bên trong cần phải biết, sáu xúc xúc bên trong cần phải biết; mười tám ý hành bên trong cần phải biết; ba mươi sáu đạo kiếm bên trong cần phải biết. Trong đó, đoạn trừ những cái ấy, thành tựu như vậy, thuyết pháp vô lượng, ở bên trong cần phải biết; ba ý chỉ những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng, đó là bậc Vô thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự thú hướng đến mọi phương. Như vậy là phân biệt sáu xứ.

Nói rằng “Sáu xứ bên trong cần phải biết” là do nhơn gì mà nói như thế ? Là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Nói rằng “Sáu xứ bên trong cần phải biết” là nhơn đó mà nói.

Nói rằng “Sáu xúc xúc bên trong cần phải biết”, do nhơn gì mà nói như vậy ? Là nhãn xúc thì thấy sắc, nhĩ xúc thì nghe tiếng, tỷ xúc thì ngửi mùi, thiệt xúc thì nếm vị, thân xúc thì cảm giác, ý xúc thì biết pháp. Nói rằng “Sáu xúc xúc bên trong cần phải biết” là nhơn đó mà nói.

Nói rằng “Mười tám ý hành bên trong cần phải biết” là do nhơn gì mà nói như vậy ? Là Tỳ-kheo mắt đã thấy sắc rồi phân biệt sắc mà an trụ nơi hỷ, phân biệt sắc mà an trụ nơi ưu, phân biệt sắc mà

an trụ nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý đã biết pháp rồi phân biệt pháp mà an trụ nơi hỷ, phân biệt pháp mà an trụ nơi ưu, phân biệt pháp mà an trụ nơi xả. Như vậy, khi phân biệt có sáu trường hợp hỷ; khi phân biệt có sáu trường hợp ưu; khi phân biệt có sáu trường hợp xả; tổng cộng là mười tám ý hành. Nói rằng “Mười tám ý hành bên trong căn phải biết” là nhơn đó mà nói.

Nói rằng “Ba mươi sáu loại đao kiếm bên trong căn phải biết” là do nhơn gì mà nói như vậy ? Có sáu hỷ y trên đàm mê, có sáu hỷ y trên vô dục, có sáu ưu y trên đàm mê, có sáu ưu y trên vô dục, có sáu xả y trên đàm mê, có sáu xả y trên vô dục.

Thế nào là sáu hỷ y trên đàm mê ? Thế nào là sáu hỷ y trên vô dục ? Mắt thấy sắc, rồi phát sanh hỷ, nên có hai loại, hoặc y trên đàm mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là hỷ y trên đàm mê ? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, khả ái, sắc ái lạc tương ưng với lạc, dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đàm mê. Thế nào là hỷ y trên vô dục ? Biết sắc vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ.

Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh hỷ, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là hỷ y trên đam mê ? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, pháp ái lạc tương ưng với dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đam mê. Thế nào gọi là hỷ y trên vô dục ? Biết pháp là vô thường, biến dịch, nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ ấy gọi là hỷ y trên vô dục.

Thế nào là sáu ưu y trên đam mê ? Thế nào là sáu ưu y trên vô dục ? Mắt thấy sắc, rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là ưu y trên đam mê ? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; cái chưa được mà không được, đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đam mê. Thế nào là ưu y trên vô dục ? Biết sắc là pháp vô thường, khổ, hoại diệt nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại

diệt, truy ức như vậy rồi nghĩ rằng: “Ta lúc nào thì thành tựu, an trú nơi xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú.” Do ước nguyện chúng nhập tối thượng ấy mà lo sợ, sầu khổ, nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp phát sanh ưu, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là ưu y trên đam mê ? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, pháp ái lạc tương ưng với dục; cái chưa được mà không được, cái đã được nhưng trong quá khứ đã bị phân tán, hoại diệt, biến dịch, nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đam mê. Thế nào là ưu y trên vô dục ? Biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi nghĩ rằng: “Ta lúc nào thì thành tựu, an trú vào xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú.” Do ước nguyện chúng nhập tối thượng ấy mà lo sợ, sầu khổ, nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

Thế nào là sáu xả y trên đam mê ? Thế nào là sáu xả y trên vô dục ? Mắt thấy sắc phát sanh xả, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là xả y trên đam mê ? Mắt thấy sắc rồi phát sanh xả; phạm phu ngu si, hoàn

toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với sắc có xả, nhưng không xuất ly sắc. Đó là xả y trên đam mê. Thế nào là xả y trên vô dục ? Biết sắc vô thường, biến dịch, nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi an trụ nơi xả. Nếu vị nào dốc lòng tu tập xả như thế, thì đó là xả y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp, phát sanh xả, nên biết rằng có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là xả y trên đam mê ? Ý nhận thức, pháp sanh xả; phạm phu ngu si hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với pháp có xả nhưng không xuất ly pháp. Đó là xả y trên đam mê. Thế nào là xả y trên vô dục ? Ý biết pháp là vô thường, biến dịch, nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết pháp trước kia hay bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi an trụ nơi xả. Ai dốc lòng tu tập xả ấy, thì đó là xả y trên vô dục.

Như vậy là sáu hỷ y trên đam mê, sáu hỷ y trên vô dục, sáu ưu y trên đam mê, sáu ưu y trên vô dục, sáu xả y trên đam mê, sáu xả y trên vô dục, tổng cộng là ba mươi sáu thứ đạo kiểm bên trong cần phải biết. Do như đó mà nói như thế.

Nói rằng “Trong đó, đoạn trừ chúng, thành

tự như thế” là do nhọn gì mà nói như vậy ? Đối với sáu hỷ y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu hỷ y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu ưu y trên đam mê ấy, thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu xả y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu xả y trên đam mê ấy, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu hỷ y trên đam mê này, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu xả y trên vô dục, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu ưu y trên đam mê này, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng.

Có loại xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, có loại xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc. Thế nào là xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc ? Nếu xả đối với sắc, đối với thanh, đối với hương, đối với vị, với xúc,

thì xả ấy có vô lượng xúc, sai biệt xúc. Thế nào là xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc ? Là xả hoặc y vào Vô lượng không xúc, hoặc y vào Vô lượng thức xúc, hoặc y vào Vô sở hữu xúc, hoặc y vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xúc, thì xả ấy chỉ có một xúc, không sai biệt xúc. Đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy, y vào đó, trú vào đó. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Thủ vô lượng, trú vô lượng, tức là đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy, y vào, trú vào. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Nói rằng “Trong đó, đoạn trừ chúng, thành tựu” là nhơn đó mà nói.

Nói rằng “Thuyết pháp vô lượng ở bên trong, cần phải biết” là do nhơn gì mà nói như thế ? Như Lai có bốn hạng đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng huệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho các đệ tử suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn, lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ, và lúc tụ hội. Như Lai thuyết pháp có văn cú, pháp cú; muốn quán nghĩa,

các đệ tử dùng huệ quán một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao ? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận, có văn cú, pháp cú, để quán nghĩa, cho đến lúc bốn hạng đệ tử lâm chung. Cũng như bốn hạng người bắn giỏi, cùng kéo mạnh giây cung mà bắn một lượt là do khéo học, khéo tập, có phương tiện thấu rõ quá khứ; cũng vậy, Thế Tôn có bốn hạng đệ tử, có tăng thượng hạnh, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng huệ, có biện tài, thành tựu biện tài nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho các đệ tử suốt một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ, và lúc tụ hội. Như Lai thuyết pháp có văn cú, pháp cú, muốn quán nghĩa thì dùng huệ quán một cách nhanh chóng, đệ tử không hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao ? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không giới hạn, không cùng tận. Nói rằng “Thuyết pháp vô lượng ở bên trong, cần phải biết” là nhơn đó mà nói.

Nói rằng “Ba ý chỉ là pháp mà bậc Thánh tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng” là do nhơn gì mà nói như thế ? Như Lai thuyết pháp cho đệ tử là vì mến yêu, thương xót, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ

bi mà bảo rằng “Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc.” Nếu các đệ tử không cung kính, không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ Chánh pháp, làm trái lời Thế Tôn, không thể đắc định, thì Thế Tôn không vì thế mà buồn rầu; Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà nói rằng: “Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc.” Nếu các đệ tử cung kính, thực hành theo chánh trí, tâm hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ trì Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ; Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm chánh trí. Đó là ý chỉ thứ hai mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử, vì thương tưởng, mến yêu và mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà bảo rằng: “Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc”. Nếu có đệ tử không cung kính, cũng

không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ trì Chánh pháp, trái lời Thế Tôn, không thể đắc pháp, trái lại có đệ tử cung kính, thực hành, vững chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định; Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ, Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm chánh trí. Đó là ý chỉ thứ ba mà bậc Thánh tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

Nói rằng “Ba ý chỉ mà bậc Thánh phải tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng” là nhưn đó mà nói.

Nói rằng “Bậc Vô thượng Điều Ngự, là bậc Điều Ngự thú hướng mọi phương” do nhưn gì mà nói như vậy ? Bậc Điều Ngự, đó là nói đến bậc Điều Ngự chỉ thú hướng một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như điều ngự voi, là vị điều ngự chỉ dẫn con voi đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc; điều ngự ngựa là vị điều ngự chỉ dẫn con ngựa đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, Tây, Bắc; điều ngự bò là vị điều ngự chỉ dẫn con bò đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam,

Tây, Bắc. Trái lại Vô thượng Điều Ngự thú hướng đến mọi phương. Trong đó, phương có sắc thì quán sắc, đó là phương thứ nhất. Bên trong không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là phương thứ hai. Thanh tịnh, giải thoát, thân chứng thành tựu, an trú, đó là phương thứ ba. Vượt qua mọi sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không nghĩ đến các loại tướng sai biệt, nhập vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ, đó là phương thứ tư. Vượt qua mọi Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, đó là phương thứ năm. Vượt qua mọi Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là phương thứ sáu. Vượt qua mọi Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ thành tựu an trú, đó là phương thứ bảy. Vượt qua mọi Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tướng và thọ đã diệt tận, thân chứng thành tựu an trú, do huệ quán mà được trí lậu tận, vĩnh viễn đoạn trừ, đó là phương thứ tám. Nói rằng “Vị Vô thượng Điều Ngự là vị Điều ngự đến thú hướng mọi phương” là hơn đó mà nói.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các Thầy, phân đầu thiện, phân giữa thiện và phân cuối cũng thiện, có văn, có nghĩa, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, đó là kinh Phân Biệt Quán Pháp. Hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa:

— Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời.

Đức Phật bảo:

— Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các Thầy quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài bị chi phối, tán loạn, và tâm không trú vào bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhưng này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào, mà sau khi các Thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn; tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các Thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ.

Đức Phật dạy như thế xong liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thấy vậy, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Chư Hiền nên biết, đức Thế Tôn nói lên điều đó một cách tóm tắt, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói: “Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các Thầy quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài bị chi phối, tán loạn, và tâm không trú bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhưng này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào, mà sau khi các Thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị chi phối, không tán loạn, tâm trú vào bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các Thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử. Đó là dứt tận sự khổ.”” Các vị ấy lại nghĩ rằng:

“Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược ?” Các vị ấy lại nghĩ: “Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược.” Nay chư Hiền, hãy cùng nhau đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì.”

Thế rồi các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên và thưa:

— Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết cho rằng, đức Thế Tôn nói điều này một cách tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói rằng: “Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các Thầy quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài, bị chi phối, tán loạn, và tâm không trú bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhưng này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các Thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị chi phối tán loạn; tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các Thầy không còn

sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ". Chúng tôi đã nghĩ rằng: "Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược ?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí phạm hạnh tán thán. Như vậy Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược". Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà phân biệt rộng rãi cho.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói:

— Nay chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ, người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa. Nay chư Hiền, cũng như người muốn tìm lõi cây; vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng, người ấy thấy cây đại thọ có đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành, và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao ? Chư Hiền, nên biết, Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, là vị Pháp chủ, vị Pháp tướng của pháp nói nghĩa chân đế, hiển hiện, tất cả các nghĩa đều do Thế Tôn. Nay chư Hiền, hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này: "Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào ? Điều đó có nghĩa gì ?" Đức Thế

Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo khéo thọ trì thế ấy.

Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa:

— Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Đức Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, là vị pháp chủ, vị Pháp tướng của pháp, nói nghĩa chân đế, hiển hiện, tất cả các nghĩa đều do Thế Tôn. Chúng tôi đáng lẽ phải đến chỗ Thế Tôn mà hỏi về điều đó như thế này: “Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào ? Điều đó có nghĩa gì ?” Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh tán thán. Như vậy Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thương xót mà giải thích rộng rãi cho.

Nghe vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói:

— Nay chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói. Nay chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị chi phối tán loạn ? Chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức chạy theo sắc tướng, thức đắm trước sắc lạc tướng, thức bị trói buộc bởi sắc lạc tướng; vị ấy bị vị của sắc tướng cột chặt tâm, nên hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn. Cũng

vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý, vị ấy nhận thức pháp; thức chạy theo pháp tướng, thức đâm trước pháp lạc tướng, thức bị trói buộc bởi pháp lạc tướng; vị ấy bị vị của pháp lạc tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn. Nay chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn.

Nay chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn ? Nay chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đâm trước sắc lạc tướng, thức không bị trói buộc bởi sắc lạc tướng; vị ấy không bị vị của sắc lạc tướng cột chặt tâm, nên không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý, Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đâm trước pháp lạc tướng, thức không bị trói buộc bởi pháp lạc tướng, vị ấy không bị vị của pháp lạc tướng cột chặt tâm, nên không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Nay chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn.

Nay chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong ? Nay chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do

ly dục phát sanh, chúng đặc Thiên thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước ở vị của ly dục, y nơi đó, trú nơi đó, duyên nơi đó, gắn chặt nơi đó, nên thức không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định phát sanh, đặc Thiên thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước nơi vị của định, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức vị ấy không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm, lạc trú, đặc Thiên thứ ba, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của ly hỷ, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ trước kia, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, đặc Thiên thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của xả và của niệm thanh tịnh, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không tư duy đến các loại tướng sai khác, nhập vô lượng không, Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của thức trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của vô sở hữu trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức không trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của vô tướng trí y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức không trú vào bên trong.

Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong.

Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong ? Chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đặc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của ly dục, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh đặc Thiền thứ hai thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của định, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc trú, đặc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của ly hỷ, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt khổ, diệt dục, diệt hỷ,

và ưu có trước kia, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc Thiên thứ tư. Thức của vị ấy không trú trước vào vị xả và vị của niệm thanh tịnh, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không tư duy đến các loại tướng sai biệt, nhập Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của không trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của thức trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của vô sở hữu trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú. Thúc vị ấy không trú trước vào vị của vô tướng trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thúc trú vào bên trong.

Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong.

Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ, nhưng sợ hãi ? Chư Hiền, Tỳ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát, thì vị ấy muốn được sắc, truy cầu, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng: “Sắc chính là ta, sắc là sở hữu của ta.” Khi đã muốn được sắc, truy cầu sắc, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng: “Sắc chính là ta, sắc là sở hữu của ta” thì thúc nắm bắt sắc. Sau khi thúc nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thì thúc cũng bị chuyển theo sắc. Khi thúc đã bị chuyển theo sắc, thì Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó; hơn vì tâm không biết, nên sanh khiếp sợ, lao nhọc, không chấp thủ mà sợ hãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo không ly thức nhiễm, không ly thức dục,

không ly thức ái, không ly thức khát. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát, thì vị ấy muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng: “Thức chính là ta, thức là sở hữu của ta.” Vị ấy khi đã muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng: “Thức chính là ta, thức là sở hữu của ta”, thì thức nắm bắt thức. Sau khi thức nắm bắt thức, lúc thức ấy biến dịch, thì thức cũng bị chuyển theo thức. Sau khi thức đã bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó; nhen vì tâm không biết, nên sanh sợ hãi, lao nhọc, không chấp thọ mà sợ hãi. Nay chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ mà sợ hãi.

Nay chư Hiền, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ, không sợ hãi ? Chư Hiền, là Tỳ-kheo ly nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát, thì vị ấy không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc, nghĩ rằng: “Sắc không phải là ta, sắc không phải là sở hữu của ta.” Vị ấy đã không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc, nghĩ rằng: “Sắc không phải là ta, sắc

không phải là sở hữu của ta”, thì thức không nắm bắt sắc. Khi thức đã không nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thức không bị chuyển theo sắc. Thức đã không bị chuyển theo sắc, thì vị ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó, hơn vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát, thì vị ấy không muốn đắc thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức không trú vào thức, nghĩ rằng: “Thức không phải là ta, thức không phải là sở hữu của ta.” Tỳ-kheo ấy, khi đã không muốn được thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng: “Thức không phải là ta, thức không phải là của ta”, thì thức không nắm bắt thức. Khi thức đã không nắm bắt thức, lúc thức kia biến dịch, thức không bị chuyển theo thức. Khi thức không bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó; hơn vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi. Nay chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ, không sợ hãi.

Nay chư Hiền, đức Thế Tôn nói điều đó tóm

lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Ngài chỉ nói rằng: “Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các Thầy quán như vậy, tâm hướng ra ngoài bị chi phối, tán loạn; tâm không trú vào bên trong, không chấp thọ nhưng sợ hãi. Nhưng này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các Thầy quán như vậy, tâm không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn; tâm trú vào bên trong, không chấp thọ, không sợ hãi. Như vậy các Thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ đau.” Đức Thế Tôn đã nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi như vậy đó. Tôi đã dùng cú này, văn này giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền, hãy đến trình bày với Thế Tôn đầy đủ. Nếu đức Thế Tôn nói điều đó như thế nào, thì chư Hiền thọ trì như thế ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như thế, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, ngồi qua một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa, thì Tôn

giả Đại Ca-chiên-diên với cú như thế, vẫn như thế để giải thích rộng rãi về điều đó.

Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng:

— Lành thay, lành thay ! Trong số đệ tử của Ta, có vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao ? Vì Đạo Sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử, mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, vẫn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên, những gì mà Đại Ca-chiên-diên đã nói, các Thầy hãy thọ trì như vậy. Vì sao ? Vì nói và quán nghĩa đúng như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Tam-di-đề cũng đi du hóa ở thành Vương Xá tại Ôn Tuyền lâm. Bấy giờ đêm gần tàn, trời sắp sáng, Tôn giả Tam-di-đề từ phòng bước ra, đi đến Ôn Tuyền, cỡi y để trên bờ, rồi xuống hồ Ôn Tuyền mà tắm. Sau khi tắm xong, Tôn giả lên bờ, lấy khăn lau mình và mặc y vào. Bấy giờ có một vị Thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhằm lúc trời sắp rạng đông, đi đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề, cúi đầu đánh lễ Tôn giả, rồi đứng qua một bên. Vị Thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu, làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn Tuyền.

Sau khi đứng qua một bên, Thiên thần bạch với Tôn giả Tam-di-đề rằng:

— Này Tỳ-kheo, Thầy có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế chẳng ?

Tôn giả Tam-di-đề, trả lời vị Thiên thần kia rằng:

— Tôi không có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế.

Rồi Tôn giả hỏi lại Thiên thần:

— Nhưng Ngài có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế chẳng ?

Thiên thần trả lời:

— Tôi cũng không ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế.

Tôn giả Tam-di-đề lại hỏi vị Thiên thần kia:

— Ai ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế ?

Thiên thần kia đáp:

— Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương Xá này, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, Thầy nên đến gặp Thế Tôn, và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy ? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp, có nghĩa, là căn

bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một Thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì tập tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.

Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân của Tôn giả Tam-di-đê, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng, rồi biến mất khỏi chỗ đó. Sau khi Thiên thần biến không lâu, Tôn giả Tam-di-đê đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, hôm nay khi trời sắp sáng, con ra khỏi phòng, đi đến hồ Ôn Tuyển kia, cỡi y để trên bờ rồi xuống hồ tắm rửa. Sau khi tắm xong, con lên bờ và lau mình. Bấy giờ có một vị Thiên thần, thân hình rất đẹp, sắc tướng nguy nga vào lúc trời sắp sáng, đến chỗ con, cúi đầu đánh lễ rồi đứng qua một bên. Vị Thiên thần ấy, với sắc tướng uy thần cực diệu, làm chói sáng khắp cả bờ hồ Ôn Tuyển, sau khi đứng qua một bên xong, nói với con rằng:

— “Này Tỳ-kheo, Thầy có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng ?”

Con trả lời Thiên thần ấy rằng:

— “Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế.”

Rồi con hỏi lại:

“— Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế chẳng ?”

Thiên thân trả lời:

“— Tôi cũng không thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế.”

Con lại hỏi:

“— Vậy ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế ?”

Thiên thân trả lời :

“— Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương Xá này, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa; chính Ngài thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế này. Nay Tỳ-kheo, Thầy nên đến gặp đức Thế Tôn và từ nơi Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy ? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy có nghĩa, có pháp, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một Thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải khéo thọ trì, tập tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.” Vị Thiên thân kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân con, nhiễu quanh ba vòng, rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Đức Thế Tôn hỏi :

— Đây Tam-di-đê, Thầy có biết vị Thiên thân kia từ đâu đến chẳng ? Vị Thiên thân kia tên là gì chẳng ?

Tôn giả Tam-di-đê đáp:

— Bạch Thế Tôn, con không biết vị thiên thân kia từ đâu đến, cũng không biết tên gì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Đây Tam-di-đê, vị Thiên thân kia tên là Chánh Điện, làm tướng quân ở cõi trời Tam thập tam.

Khi ấy Tôn giả Tam-di-đê bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc, bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho Tỳ-kheo bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ ghi nhớ kỹ.

Đức Thế Tôn bảo:

— Đây Tam-di-đê, hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho Thầy nghe.

Tôn giả Tam-di-đê bạch:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn !

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời chỉ giáo và lắng nghe. Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

*Cần thận, dùng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có lòng làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Sau khi nói bài kệ như vậy, đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất và tĩnh tọa.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: “Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt

giáo nghĩa, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất và nhập định:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu;
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết, ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết.
Hiểm nguy, khổ lớn ,dứt trừ,*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này."*

Họ lại nghĩ rằng: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi giáo nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói một cách vắn tắt đó ?" Rồi họ lại nghĩ như thế này: "Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thường được

đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh trí giả khen ngợi; Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói cho chúng ta một cách vắn tắt đó. Nay chư Hiền, chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thỉnh cầu Ngài nói nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho chúng ta, chúng ta sẽ khéo thọ trì.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau thăm hỏi rồi ngồi xuống một bên và thưa:

— Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết giáo nghĩa này, mà đức Thế Tôn chỉ nói một cách vắn tắt, chớ không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu;
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết, ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Chúng tôi mới nghĩ như vậy: “Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói một cách vắn tắt ấy ?” Chúng tôi lại nghĩ: “Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, là người thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả Đại Ca-chiên-diên mới có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói chúng tôi một cách vắn tắt.” Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo:

— Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói ví dụ này, nếu người có trí tuệ nghe qua sẽ hiểu ý nghĩa ấy ngay.

Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lỗi

cây. Vì muốn tìm lõi cây nên người kia cầm búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc đại thọ, mà rễ cây, thân cây, cành, nhánh, lá, hoa đã thành sum sê, nhưng không đụng đến cây, thân cây, hay cành cây mà chỉ đụng nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Thế Tôn đang ở đây, nhưng chư Hiền lại bỏ Ngài lại đến tôi mà hỏi ý nghĩa ấy. Vì sao vậy ? Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí, Ngài là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, Pháp tướng, thuyết chân thật nghĩa, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, này chư Hiền, hãy đi đến đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này rằng: “Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào ? Điều này có nghĩa là gì ?” Sau khi nghe Thế Tôn đã nói, chư Hiền sẽ y theo đó, khéo léo thọ trì.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo lại bạch:

— Thật vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí, Ngài là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng, thuyết chân thật nghĩa, hiển hiện tất cả nghĩa. Đáng lẽ chúng tôi phải đến đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này rằng: “Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào ? Điều này có nghĩa gì ?” Sau khi nghe đức Thế Tôn nói, chúng tôi sẽ y theo đó, khéo léo thọ trì. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có

trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vẫn tất. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỷ-kheo:

— Nay chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói. Nay chư Hiền, thế nào là Tỷ-kheo truy niệm quá khứ ? Nay chư Hiền, Tỷ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái sắc, tâm truy tìm nguồn gốc; nguồn gốc tức quá khứ vậy. Vị ấy bị thúc quá khứ nhiễm trước dục; do thúc nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc; do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái pháp, tâm truy tìm nguồn gốc; nguồn gốc tức quá khứ vậy. Vị ấy bị thúc quá khứ nhiễm trước dục; do thúc nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc; do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Như vậy, đó là Tỷ-kheo truy niệm quá khứ. Nay chư Hiền, sao gọi là Tỷ-kheo không truy niệm quá khứ ? Nay chư Hiền, Tỷ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt khả ý, khả hỷ, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái sắc, truy tìm nguồn gốc; nguồn gốc tức quá khứ vậy; nơi vị ấy, thúc quá khứ không bị nhiễm trước

dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Quả thật có pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái pháp, tâm truy tìm nguồn gốc; nguồn gốc tức quá khứ vậy. Thức vị ấy không bị nhiễm trước dục; do không nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Nay chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai ? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn, sắc và nhãn thức; đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước; do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó; do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được, đã được thì tâm mong ước; do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó; do hoan lạc nên mong ước vị lai. Nay chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai ? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn, sắc và nhãn thức đối với vị lai, những gì chưa được thì không muốn được, được rồi thì tâm không mong

ước; do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó; không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Nay chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai.

Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại ? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn, sắc và nhãn thức, đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại bị nhiễm trước dục; do thức bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy; do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Nếu có ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại bị nhiễm trước dục; do bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy; do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại ? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn, sắc và nhãn thức, đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Nếu ý pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; không hoan

lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại.

Nay chư Hiền, phần này được Thế Tôn nói vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu;
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy được hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bát-địa-la-đế kệ này.*

Phân này được Thế Tôn nói vắn tắt mà không phân biệt một cách rộng rãi. Tôi bằng những câu này, những văn này mà nói một cách rộng rãi như vậy đó. Nay chư Hiền, có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đức Thế Tôn có nói ý nghĩa như thế nào, chư Hiền hãy thọ trì.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những lời Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo léo thọ trì, đọc tụng, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng, rồi ra đi. Họ đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, trước đây đức Thế Tôn đã nói điều này vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bằng những câu này, văn này mà nói ý nghĩa một cách rộng rãi.

Đức Thế Tôn nghe xong liền khen:

— Hay thay, hay thay ! Trong đệ tử Ta, có bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy ? Tôn sư nói vắn tắt giáo pháp này, không phân biệt một cách rộng rãi; và đệ tử bằng những văn này, những câu này nói nghĩa ấy một cách một cách rộng rãi. Như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã

nói, các Thầy nên như thế mà thọ trì. Vì sao vậy ?
Vì nói và quán nghĩa nên như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau
khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

166. KINH THÍCH TRUNG THIÊN THẤT TÔN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cũng ở giữa những người họ Thích tại Thiên thất vô sự. Khi ấy, vào lúc trời gần sáng, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ từ Thiên thất kia đi ra chỗ đất trống nằm trong bóng Thiên thất, trải ni-sư-dàn lên trên giường, rồi ngồi kiết-già.

Bấy giờ, có một vị Thiên thần, hình dáng rất đẹp, sắc đẹp rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, cúi đầu đảnh lễ, rồi

đứng qua một bên. Sắc tướng và uy thần của vị Trời này rất là thù diệu, ánh sáng chói khắp cả Thiên thất. Sau khi đứng qua một bên, vị Trời này thưa với Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng:

— Này Tỳ-kheo, Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng ?

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời vị Thiên thần ấy rằng:

— Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó.

Rồi Tôn giả hỏi lại:

— Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng ?

Thiên thần trả lời:

— Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế, nhưng ý nghĩa thì không hiểu.

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi Thiên thần:

— Tại sao thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà lại không hiểu ý nghĩa của nó ?

Thiên thần đáp:

— Một thời gian đức Thế Tôn du hóa trong

thành Vương Xá, trú tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.
Bấy giờ đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài
kệ Bạt-địa-la-đế như vậy:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người trí biết vậy, nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế
như vậy, nhưng mà không lãnh hội được ý nghĩa
của nó.

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ hỏi thiên thần:

— Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó ?

Thiên thần đáp:

— Đức Phật du hóa trong nước Xá-vệ, tại rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Chính Ngài thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Tôn giả có thể đến gặp đức Thế Tôn để thọ trì và đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Vì sao vậy ? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó có nghĩa, có pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một Thiện nam tử, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải thọ trì, đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó.

Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và nhiễu quanh ba vòng rồi liền biến khỏi chỗ đó. Chẳng bao lâu, sau khi vị Thiên thần biến mất, bấy giờ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, ở giữa dòng họ Thích-ca ba tháng an cư mùa mưa đã qua, khô vấ y cũng đã xong, đắp y, ôm bát đi vào nước Xá-vệ. Tôn giả lần hồi tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, trú tại rừng Thắng Lâm trong vườn Cấp Cô Độc.

Bảy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ đi đến đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, một thời gian con trú ở giữa dòng họ Thích tại Thiên thất vô sự. Bạch đức Thế Tôn, bảy giờ vào lúc trời gần sáng, con từ Thiên thất đi ra, đến khoảng đất trống nằm trong bóng đêm của Thiên thất; con trải tọa cụ lên trên giường, rồi ngồi kiết-già. Lúc đó, có một vị Thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đến chỗ con cúi đầu đánh lễ, rồi đứng qua một bên. Sắc tướng và uy thần của vị Thiên thần này rất là kỳ diệu, ánh sáng làm chói khắp cả Thiên thất. Sau khi đứng qua một bên vị Trời này thưa với con rằng:

“— Này Tỳ-kheo, Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng ?”

Con trả lời:

“— Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế cũng không hiểu ý nghĩa của nó.”

Rồi con hỏi lại:

“— Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng ?”

Thiên thần trả lời:

“— Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng không hiểu ý nghĩa của nó.”

Con lại hỏi:

“— Tại sao Ông thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà không hiểu ý nghĩa của nó ?”

Thiên thần kia trả lời:

“— Một thời gian đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú tại Trúc Lâm trong vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ đức Thế Tôn nói cho các Tỷ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại, những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn.
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy, hay thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy, nhưng không thọ trì ý nghĩa của nó.

Con lại hỏi:

“ — Vậy ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó ? ”

Thiên thân trả lời:

“ — Đức Phật du hóa trong nước Xá-vệ, rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Chính Ngài là người thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Tôn giả có thể đến gặp Thế Tôn để khéo thọ trì và đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Vì sao vậy ? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó có nghĩa, có pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Một Thiện nam tử, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải thọ trì, đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. ”

Thiên thân kia nói như vậy rồi, cúi đầu đánh

lễ dưới chân con, nhiễu quanh ba vòng rồi liền biến mất.

Khi ấy, đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng:

— Thầy biết vị Thiên thân kia từ đâu đến chăng ? Vị Thiên thân kia tên là gì chăng ?

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời:

— Bạch đức Thế Tôn, con không biết vị Thiên thân kia từ đâu đến, cũng không biết tên vị ấy là gì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Cường-kỳ, vị Thiên thân kia tên là Ban-na, làm tướng quân cõi trời Tam thập tam.

Lúc ấy Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó, thì các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, sẽ khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Cường-kỳ, hãy nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói ý nghĩa bài kệ một cách rộng rãi cho Ông nghe.

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch:

— Xin vâng. Con xin nghe theo lời dạy.

Phật nói kệ:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai, cũng chớ mong cầu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại, những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ ? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ lại

trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Như vậy, là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

Này Cù-đà-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ ? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

Này Cù-đà-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai ? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai.

Này Cù-đà-kỳ, sao gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai ? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai thì sẽ không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ

không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, níu giữ trong đó.

Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại ? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.

Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại ? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại.

Phật nói như vậy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

167. KINH A-NAN THUYẾT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo đang tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm.

Bấy giờ, đêm đã qua, trời hừng sáng, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch Phật:

— Bạch đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường vào lúc ban đêm.

Nhân đó đức Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

— Thấy hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan và nói như vậy: “Thưa Tôn giả A-nan, đức Thế Tôn gọi Tôn giả.”

Vị Tỳ-kheo kia vâng lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật nhiều ba vòng rồi đi đến chỗ của Tôn giả A-nan và nói:

— Thế Tôn gọi Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi A-nan:

— Nay A-nan, có quả thật Thấy nói bài kệ Bạt-địa-la-đế cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm, chẳng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay A-nan, Thấy nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo nghe như thế nào ?

Tôn giả A-nan liền thưa:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu,*

*Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.*

*Hiện tại, những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.*

*Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu ?
Nhất định tránh xa sự chết,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Đức Thế Tôn lại hỏi A-nan:

— Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc ở sắc quá khứ thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị

đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Như vậy là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tướng, hành, thức quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc ở sắc tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Nếu hoan lạc giác, tướng, hành, thức tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai thì sẽ không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó, nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức, hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại.

Bạch Thế Tôn, con đã nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm như vậy.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Lành thay, lành thay ! Đệ tử Ta là người có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp. Vì sao vậy ? Vì là đệ tử, ngay trước mặt Tôn sư, mà diễn rộng ý nghĩa của văn cú như vậy. Đúng như những gì Tỳ-kheo A-nan đã nói, các Thầy hãy nên như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy ? Lời nói và quán nghĩa đó phải như vậy.

Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

168. KINH Ý HÀNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

— Nay ta sẽ nói pháp cho các Thầy nghe, vi diệu ở đoạn đầu, vi diệu ở đoạn giữa, và đoạn cuối cũng vi diệu, có văn, có nghĩa, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là kinh Phân Biệt Ý Hành về sự thọ sanh theo ý hành. Hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Bấy giờ, các Tỷ-kheo vâng lời lắng nghe. Phật dạy:

— Sao gọi là sự tái sanh do ý hành đưa tới ?

Nếu các Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, được hỷ lạc do ly dục sanh, chứng được Thiên thứ nhất thành tựu an trú.

Vị ấy đối với định này, an lạc trú ở đó. Vị ấy đối với định kia đã ham muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: trú vào đó, khoái lạc trong đó, mạng chung sanh trong cõi trời Phạm thiên. Chư Thiên trên cõi Phạm thiên, sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh và Tỳ-kheo trú ở đây mà nhập Thiên thứ nhất, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh. Hai hỷ lạc do ly dục sanh không có sai khác, cả hai đều bằng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên tu hành định ấy, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ấy tu tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong cõi Phạm thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo giác, quán đã tịch tĩnh, nội tĩnh nhứt tâm, không giác, không quán, chứng Thiên thứ hai, thành tựu an trú. Đối với định lục này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, khi đã trú ở đó, tất có trường hợp này: trú nơi đó, khoái lạc nơi đó, mạng chung sanh vào cõi trời Hoảng dục. Chư Thiên cõi Hoảng dục sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh, và Tỳ-kheo trú ở đây, nhập Thiên thứ hai, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh. Hai hỷ lạc do định sanh này, không có

sai khác, cả hai đồng đều nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới phát sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi trời Hoảng dục. Như vậy gọi là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc trú, chứng được Thiên thứ ba, thành tựu an trú. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định lạc này, vị kia vui sướng muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: trú nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến tịnh thiên. Chư Thiên trên cõi Biến tịnh thiên sanh ở đó, trú ở đó, nhập Thiên thứ ba này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có từ trước cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiên thứ tư thành tựu an trú. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, vị ấy đã vui sướng muốn trú

ở đó, tất cả trường hợp này: trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung, sanh lên cõi trời Quả thật thiên. Chư thiên trên cõi Quả thật thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh, và Tỳ-kheo trú ở đây, nhập Thiên thứ tư thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh. Hai diệu lạc do xả niệm thanh tịnh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Quả thật thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ tướng nào, nhập không vô biên, thành tựu an trú Không vô biên xứ. Đối với định lạc này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định lạc này khi đã an lạc muốn trú ở đó, tất cả trường hợp này: trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô lượng không xứ thiên. Chư Thiên trên cõi Vô lượng không xứ thiên sanh ở trong đó, trú ở đó, thọ hưởng vô lượng không xứ tướng. Và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng vô lượng không xứ tướng. Hai vô lượng không xứ tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định,

sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định nầy, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy sẽ sanh vào cõi Vô lượng không xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ. Đối với định nầy, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định nầy đã vui sướng muốn trú ở đó xong, tất có trường hợp nầy: trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô lượng thức xứ thiên. Chư Thiên trên cõi Vô lượng thức xứ thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng vô lượng thức xứ tướng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng vô lượng thức xứ tướng. Hai vô lượng thức nầy không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ đó. Đối với định nầy, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào Vô lượng thức xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Đối với định nầy, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định nầy khi vui sướng muốn trú ở đó, tất có trường hợp nầy: trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô sở hữu xứ thiên. Chư Thiên trên

cõi Vô sở hữu xứ thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng vô sở hữu xứ tướng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng vô sở hữu xứ tướng. Hai vô sở hữu xứ tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ đó. Đối với định này vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong Vô sở hữu xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ tướng, nhập phi hữu tướng phi vô tướng, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, khi đã muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong Phi hữu tướng phi vô tướng xứ thiên. Chư Thiên trên cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng xứ sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng phi hữu tướng phi vô tướng xứ tướng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng phi hữu tướng phi vô tướng xứ tướng. Hai tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy ? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong Phi hữu tướng phi vô tướng xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả phi hữu tướng phi vô tướng xứ tướng, nhập tướng Thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, do huệ kiến, đoạn trừ các lậu, chứng đắc tận trí. Trong các định, định này được gọi là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Ví như do bò mà có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thực tô, do thực tô có tô tinh; tô tinh này được gọi là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Do chứng đắc định này, y nơi định này, trú ở định này, không còn thọ lãnh sự khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đó là dứt tận sự khổ.

Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

169. KINH CÂU-LÂU-SÁU VÔ TRÁNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Bà-kỳ-sáu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắc-dàm, Câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói pháp cho các Thầy nghe, pháp ấy vi diệu ở phần đầu, vi diệu ở quãng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, gọi là kinh Phân Biệt Vô Trách. Các Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Đừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không

phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh. Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhân, tác thành trí tuệ tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn, có tán thán, có chỉ trích, có sự không tán thán, không chỉ trích mà nói pháp, quyết định trong giới hạn và sau khi đã biết quyết định, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong, đừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn, tùy theo phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy. Đó là những vấn đề của kinh Phân Biệt Vô Trách.

“Đừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh” vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào ? Ở đây, “Đừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu”, sự kiện này được nói là một cực đoan. “Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh”, đây là một cực đoan thứ hai. Do bởi sự kiện này mà nói: “Đừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng

dùng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh.”

“Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhĩn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, và đưa đến Niết-bàn”, vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào ? Ở đây, có Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói: “Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhĩn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn.”

“Có tán thán, có chỉ trích, và có sự không tán thán, không chỉ trích, mà thuyết pháp”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào ? Sao gọi là tán thán ? Sao gọi là chỉ trích mà không nói pháp ? Nếu có tương ưng với dục, cùng đi với lạc là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu, pháp này rất khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh, vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao ? Vì dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Do biết dục là vô thường, cho nên pháp ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có não nhiệt, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. “Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không

phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh". Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia sợ hãi sự khổ, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nhưng Sa-môn, Phạm chí này lại ôm ấp khổ này nữa, cho nên vị ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. Hữu kiết sử không đoạn tận, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao ? Vì nếu người nào hữu kiết sử không đoạn tận, thì sự hữu kia cũng không bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết có phiền lao, có nhiệt não, có sầu ưu, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. Hữu kiết sử đã đoạn tận, pháp này không có khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy đã biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao ? Vì nếu người nào hữu kiết sử đoạn tận, thì sự hữu kia cũng bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy đã biết điều đó, cho nên tự tán

thán. Không mong cầu sự lạc bên trong; pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao ? Vì nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong, cũng không cầu bên trong, cho nên người đó nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, Vị ấy biết điều này rồi, tự chỉ trích mình. Mong cầu sự lạc bên trong, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó, cho nên tự tán thán. Vì sao ? Vì nếu người nào mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng mong cầu bên trong. Cho nên người đó nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó, cho nên tự tán thán. Như vậy là “Có tán thán, có chỉ trích mà không thuyết pháp.”

“Không tán thán, không chỉ trích, mà thuyết pháp”, sao gọi là “Không tán thán, không chỉ trích, mà thuyết pháp” ? Nếu có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ lạc, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu, thì pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao ? Vị ấy không nói như vậy: “Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt.”

Vị ấy đã biết dục là vô thường, cho nên nhất thiết pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó, cho nên thuyết pháp. “Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh.”

Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy ? Vị ấy không nói như vậy: “Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh”, vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. Thế nào là hữu kiết sử không đoạn tận ? Hữu kiết sử không đoạn tận, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao vậy ? Vị ấy không nói như vậy: “Nếu người nào hữu kiết sử không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không đoạn tận, cho nên người kia nhất định phải khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh.” Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ,

có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều đó cho nên thuyết pháp. Hữu kiết đã đoạn tận, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này, thì liền nói pháp, Vì sao ? Vị ấy không nói như vậy: “Nếu người nào hữu kiết đã đoạn trừ, thì sự hữu kia cũng đoạn tận, cho nên người ấy nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.” Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

“Không mong cầu sự lạc bên trong”, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy ? Vị ấy không nói như vậy: “Nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng không mong cầu bên trong, cho nên người ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh.” Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó, cho nên thuyết pháp. “Mong cầu sự lạc bên trong”, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không

có ưu sâu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao vậy ? Vị ấy không nói như vậy: “Nếu người nào có mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng mong cầu bên trong, cho nên người đó nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sâu, thuộc chánh hạnh.” Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. Như vậy là “Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp”, vấn đề đó được nói với nguyên nhân như vậy.

“Quyết định trong giới hạn và sau khi đã biết quyết định, hãy mong cầu sự lạc nào đó đã có bên trong”, vấn đề có tán thán, có chỉ trích, không tán thán không chỉ trích mà thuyết pháp được nói lên với nguyên nhân nào ?

Có sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh, là lạc của phàm phu, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có ăn, có sống chết, không đáng tu, không đáng đập, không đáng phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Có sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của vô dục, sự lạc của ly dục, sự lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không ăn, không có sống chết, nên tu, nên tập, nên

phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Sao gọi là “Có sự lạc không phải là sự lạc của bậc Thánh mà là phạm phu lạc, là gốc của bệnh, gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy” ? Nếu do đặc tánh của ngũ dục mà sanh hỷ sanh lạc, thì sự lạc ấy là lạc của phạm phu, không phải là lạc của bậc Thánh, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, là gốc của mũi tên châm chích, có ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Sao gọi là “có sự lạc của bậc Thánh, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có ăn, không có sống chết, nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy” ? Nếu có Tỳ-kheo nào ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng Thiên thứ tư, thành tựu an trú, sự lạc này là lạc của bậc Thánh, sự lạc của vô dục, là lạc của ly dục, là lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không ăn, không sống chết, nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy. “Quyết định trong giới hạn, sau khi đã biết quyết định hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“Không nên nói lời chê bai sau lưng, cũng không nên đối mặt tán thán”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào ? Có lời nói chê bai sau lưng không chân thật, hư dối, không tương ứng với lợi ích cứu cánh; cũng có lời nói chê bai sau lưng mà chân thật, không hư dối nhưng không tương ứng với lợi ích cứu cánh; có lời nói chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối và tương ứng với lợi ích cứu cánh. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, không chân thật, hư dối, không tương ứng với lợi ích cứu cánh; nhất định không nói những lời như vậy. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, mà chân thật, không hư dối, không tương ứng với lợi ích cứu cánh, cũng hãy học đừng nói như vậy. Trong này nếu có lời nói chê bai sau lưng, chân thật không hư dối, tương ứng với lợi ích cứu cánh, thì hãy biết thời, chánh trí, chánh niệm để cho thành tựu lời nói ấy. Về “Đừng đối mặt tán thán” cũng như vậy. “Đừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng đối mặt khen ngợi”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“Nói vừa phải, chứ đừng nói quá giới hạn”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào ? Nói quá giới hạn thì thân phiền nhọc, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, tiếng bị hư mà hướng đến trí thì

không được tự tại, nói vừa phải thì thân không phiền nhọc, niệm không ua quên, tâm không mệt mỏi, tiếng nói không bị hư, hướng đến trí thì được tự tại. “Hãy nói vừa phải, đừng nói quá giới hạn”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“Tùy theo phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào ? Thế nào là thị và phi tùy theo phong tục địa phương ? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là “cái chậu” hoặc nói là “cái khay”, hoặc nói là “cái ô”, hoặc nói là “cái chén”, hoặc nói là “đồ đạc”; tùy theo địa phương đó, theo nhân gian đó mà nói là “cái chậu”, hay nói là “cái khay”, hay nói là “cái ô”, hay nói là “cái chén”, hay nói là “đồ đạc”. Mỗi nơi tùy theo khả năng mà nói một mực rằng: “Đây là sự thực, ngoài ra là hư dối.” Như vậy, đó là thị và phi tùy theo phong tục địa phương vậy.

Sao gọi là “Tùy phong tục địa phương không phải, không quấy ?” Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc là nói “cái chậu”, hoặc nói là “cái khay”, hoặc nói là “cái ô”, hoặc nói là “cái chén”, hoặc nói là “đồ đạc”. Và ở địa phương kia, nhân gian kia, sự việc kia, hoặc nói là “cái chậu”, hoặc nói là “cái khay”, hoặc nói là “cái ô”, hoặc nói

là “cái chén”, hoặc nói là “đồ đạc”. Với sự việc này hay sự việc kia, không tùy khả năng, không nói với một mực rằng: “Đây là sự thật, ngoài ra hư dối.” Như vậy là tùy phong tục địa phương không phải, không quấy. “Tùy phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“Pháp hữu tránh và pháp vô tránh”, sao gọi là pháp hữu tránh, sao gọi là pháp vô tránh ? Nếu có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ lạc, nghiệp rất hèn hạ là hạnh phàm phu: pháp này gọi là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này gọi là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng lợi ích cứu cánh, thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này gọi là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh, thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Xa lìa hai cực đoan ấy, thời

có trung đạo, tác thành nhãn, tác thành trí tuệ tại, thành định đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn: pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là vô tránh. Hữu kiết sử mà không đoạn tận; pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Hữu kiết sử diệt tận: pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Không mong cầu nội lạc: pháp ấy là hữu tránh; vì những sự kiện nào mà gọi pháp ấy là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, nên nói pháp này là hữu tránh. Mong cầu ở nội lạc, do pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện gì nói pháp này là vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Trong đó nếu có sự lạc nào không phải là sự lạc của bậc

Thánh mà là phạm phu lạc, là gốc của bệnh, gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên đâm chích, có ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển, Ta nói pháp ấy không nên tu thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không ăn, không có sống chết, nên tu, nên tập, nên phát triển, Ta nói pháp ấy nên tu thì pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Trong đó nếu có lời nói chê bai sau lưng mà không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó nếu có lời chê bai sau lưng mà chân thật, không hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh thì pháp ấy là hữu tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp ấy là hữu

tránh ? Vì pháp này là khổ, phiền lao, nhiệt não, ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó nếu có lời chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối, tương ưng với lợi ích cứu cánh. Pháp ấy là pháp vô tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp này là pháp vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Không nói vừa phải: pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nói vừa phải: pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Thị và phi theo phong tục địa phương: pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh ? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Tùy phong tục địa phương, không phải không quấy: pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh ? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não,

không ưu sâu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

Đó gọi là tránh pháp, các Thầy nên biết, pháp tránh và pháp vô tránh. Đã biết pháp tránh và pháp vô tránh, thì nên xả bỏ pháp tránh, tu tập pháp vô tránh. Các Thầy cần phải học như vậy.

Như vậy, Thiện nam tử Tu-bồ-đề do đạo vô tránh mà về sau biết được pháp như pháp:

*Biết pháp như chân thật,
Tu-bồ-đề thuyết kệ,
Thực hành chân không này,
Bỏ đây, trú tịch tịnh.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

170. KINH OANH VŨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, ở trong rừng
Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc trời vừa sáng, đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào nước Xá-vệ để khát thực. Trong khi đi khát thực, Thế Tôn đi qua nhà của Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử. Lúc bấy giờ Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử có chút việc phải làm nên đi khỏi, không có ở nhà. Tại nhà Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử có một con chó trắng đang ăn trong cái chậu bằng vàng trên một cái giường lớn. Rồi con chó trắng trông thấy đức Phật từ xa đi lại, thấy Ngài, nó liền sủa. Đức Thế Tôn nói với con chó trắng rằng: “Ngươi không nên làm như vậy. Ngươi

hết gắm gù, lại sửa.” Chó trắng nghe nói, giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm xuống thiếu não. Sau đó Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đê Tử trở về nhà, thấy chó trắng có vẻ giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm buồn thiếu não. Ông mới hỏi người nhà rằng:

— Ai làm gì động con chó của tôi, khiến nó rất dỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm buồn thiếu não vậy ?

Người nhà trả lời:

— Chúng tôi, không ai làm gì động đến con chó trắng, khiến nó rất dỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm buồn thiếu não. Ma-nạp nên biết, hôm nay có Sa-môn Cù-dàm đến đây khát thực, con chó trắng đã thấy, liền chạy tới sửa. Sa-môn Cù-dàm nói với con chó trắng rằng: “Người không nên làm như vậy. Người hết gắm gù, lại sửa”. Nay Ma-nạp, do vậy khiến con chó trắng rất dỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm buồn thiếu não.

Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đê Tử vừa nghe xong, tức thì nổi giận, muốn vu khống đức Thế Tôn, muốn hủy báng đức Thế Tôn. Với ý định vu không, hủy báng hạ nhục Sa-môn Cù-dàm như vậy, ông liền từ

Xá-vệ ra đi, đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Khi ấy đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đứng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy ma-nạp Đô-đề Tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy thấy Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử đến không ?

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Bạch đức Thế Tôn, có thấy.

Đức Thế Tôn bảo:

— Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử mà mạng chung bây giờ, thì như co đứt cánh tay trong khoảnh khắc, tất sanh vào địa ngục. Vì sao vậy ? Vì người ấy đối với Ta đang nổi cơn thịnh nộ. Nếu có chúng sanh nào do bởi tâm sân nhuế, thân hoại mạng chung, tất đến chỗ ác, sanh vào địa ngục.

Rồi Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử đến chỗ đức Phật, nói với Thế Tôn rằng:

— Hôm nay Sa-môn Cù-dàm có đến nhà tôi khát thực phải không ?

Đức Thế Tôn trả lời:

— Hôm nay Ta có đến nhà Ông khát thực.

— Cù-đàm, Ông nói gì với con chó trắng của tôi, khiến nó rất dỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm buồn thiếu ngủ ?

Đức Thế Tôn trả lời:

— Hôm nay, vào lúc trời vừa sáng, Ta đắp y, mang bát, vào Xá-vệ để khát thực; lần lượt khát thực đến nhà Ông, lúc ấy con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến, thấy Ta, nó liên sủa. Ta nói với con chó trắng rằng: “Người không nên làm như vậy. Người hết gấm gù, lại sủa.” Vì vậy, con chó trắng rất dỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây, nằm buồn thiếu ngủ.

Ma-nạp Oanh Vũ hỏi Thế Tôn:

— Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi ! Đây Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý.

Ma-nạp Oanh Vũ hỏi đi hỏi lại đức Thế Tôn ba lần:

— Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi ?

Đức Thế Tôn cũng ba lần nói:

— Thôi, thôi ! Này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta, ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý.

Đức Thế Tôn lại bảo Ma-nạp:

— Ông hỏi Ta đến ba lần mà không chịu thôi. Ma-nạp nên biết, con chó trắng kia, đời trước là cha của Ông, tên là Đô-đề vậy.

Ma-nạp Oanh Vũ nghe nói xong, nổi giận gấp bội. Ông muốn vu không đức Thế Tôn, muốn hủy báng đức Thế Tôn, muốn hạ nhục đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, ông nói với đức Thế Tôn:

— Cha tôi là Đô-đề thực hành sự bố thí lớn lao, thiết những cuộc trai tự vĩ đại, sau khi thân hoại mạng chung nhất định sanh lên Phạm thiên. Chớ do nhơn gì, do duyên gì mà sanh vào loại chó hạ tiện này ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Đô-đề, cha của Ông do bởi tăng thượng mạn ấy, nên sanh vào loại chó hạ tiện.

*Phạm chí tăng thượng mạn,
Chết rồi sanh sáu nơi,
Chó, gà, heo và sói,
Lừa năm, địa ngục sáu.*

Ma-nạp Oanh Vũ, nếu Ông không tin lời Ta nói, Ông có thể trở về nói với con chó trắng rằng: “Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn.” Nay Ma-nạp, chó trắng tất trở lên giường lớn. “Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ.” Nay Ma-nạp, chó trắng tất sẽ trở lại ăn trong mâm vàng như cũ. “Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi kho tàng cất giấu vàng, bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết.” Nay Ma-nạp, chó trắng chắc chắn chỉ cho Ông thấy kho tàng cất giấu vàng bạc, thủy tinh và châu báu mà Ông không biết.

Ma-nạp Oanh Vũ nghe những lời đức Phật nói, ghi nhớ kỹ, nhiều quanh đức Thế Tôn xong, rồi trở về nhà, nói với con chó trắng rằng:

— Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn.

Chó trắng liền trở lên giường lớn.

— Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ.

Chó trắng liền ăn trong mâm vàng như cũ.

— Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ chỗ

kho tàng trước kia cha cất dấu vàng bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết.

Chó trắng tức thì từ trên giường nhảy xuống, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân bươi bốn chân giường. Ma-nạp Oanh Vũ liền từ chỗ đó mà được rất nhiều báu vật. Rồi ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử đã được báu vật, rất đổi vui mừng, quỳ gối bên phải xuống đất, chấp tay hướng đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc, ba lần xướng lên những lời tán thán đức Thế Tôn rằng:

— Những lời Sa-môn Cù-đàm nói, đều không hư dối ! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều chắc thật ! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật !

Ba lần tán thán đức Thế Tôn xong, ông từ Xá-vệ đi ra, đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy ma-nạp Oanh Vũ từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thấy ma-nạp Oanh Vũ đi đến không ?

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Bạch đức Thế Tôn có thấy.

Đức Thế Tôn bảo:

— Ma-nạp Oanh Vũ bây giờ mà mạng chung, thì như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, chắc chắn đi đến chỗ lành. Vì sao vậy ? Vì người ấy đối với Ta rất có thiện tâm. Nếu có chúng sanh nào do bởi thiện tâm, thân hoại mạng chung, tất đến chỗ lành, sanh vào trong thiên giới.

Bấy giờ ma-nạp Oanh Vũ đi đến chỗ đức Phật cùng thăm hỏi, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn bảo:

— Thế nào ? Nay Ma-nạp, như Ta đã nói, con chó trắng như vậy có đúng hay không đúng như vậy ?

Ma-nạp Oanh Vũ bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật đúng như lời Ngài nói. Kính bạch Cù-đàm, tôi lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.

Đức Thế Tôn bảo:

— Tùy ý, Ông cứ hỏi:

— Kính bạch Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người, mà có người cao, kẻ thấp, có người đẹp, kẻ xấu. Vì sao vậy ?

Kính bạch Cù-dàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yếu, có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh, lại thấy có kẻ thân hình đầy đủ, có người không đầy đủ, lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức, lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện, lại thấy có kẻ giàu có, người nghèo hèn, lại thấy có kẻ thiện trí, có người trí tuệ kém cỏi.

Đức Thế Tôn trả lời:

— Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo; duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy nơi nghiệp xứ có cao thấp, mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.

Ma-nạp Oanh Vũ bạch Thế Tôn:

— Sa-môn Cù-dàm nói vẫn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể biết được. Mong Sa-môn Cù-dàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe, để tôi được hiểu rõ ý nghĩa.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Ma-nạp, hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho Ông.

Ma-nạp Oanh Vũ bạch:

— Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi ? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, có ý sát hại, mang tâm niệm xấu ác, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng, thì người ấy thọ lấy nghiệp ấy, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian tuổi thọ rất ngắn ngủi. Vì sao vậy ? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là, kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhơn gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài ? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn đao gậy, có tâm từ, có tâm quý; có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng; thì người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy ? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự

trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh ? Nếu có kẻ nam người nữ nào nhiều hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy, nhiều hại chúng sanh; người ấy tạo nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều bệnh tật. Vì sao vậy ? Con đường đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là, kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam, người nữ không có tật bệnh ? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiều hại chúng sanh; người ấy không dùng nắm tay, không dùng cây đá, không dùng dao gậy, nhiều hại chúng sanh; thì người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh. Vì sao vậy ? Con đường này đưa đến hưởng thọ không

tật bệnh, nghĩa là, kẻ nam hay người nữ nào không nhiều hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, do nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh ? Nếu có kẻ nam người nữ nào tánh nóng nảy hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ, tranh chấp; thì người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là, kẻ nam hay người nữ tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh ? nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc; người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cộc cằn, không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh

vào nhân gian hình thể đoan chánh. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là, kẻ nam hay người nữ tánh không nhiều bực dọc, nóng nảy. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức ? Nếu kẻ nam người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường, liền sanh lòng tật đố, nếu thấy kẻ khác có của, thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ bên trong ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam người nữ có oai đức lớn ? Nếu có kẻ nam, người nữ không ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường, không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của mà không có lòng ham muốn của ấy được về mình; thì người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung,

chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, nghĩa là, kẻ nam, người nữ không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam, người nữ sanh vào dòng dõi hạ tiện ? Nếu có kẻ nam, người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng mà không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường mà không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối, đáng nhường chỗ ngồi thì không nhường chỗ ngồi, đáng chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi; thì người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi hạ tiện. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi hạ tiện, nghĩa là, kẻ nam, người nữ kiêu ngạo, ngã mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam,

người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý ? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì chấp tay hướng về lễ bái thăm hỏi; thì người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi tôn quý. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là, kẻ nam, người nữ không kiêu ngạo, ngã mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam, người nữ không có của cải ? Nếu kẻ nam, người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin, những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chông, đèn dầu và tôi tớ; thì người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong

địa ngục, mãi kiếp ở địa ngục rồi, lại sanh vào nhơn gian, không có của cải. Vì sao vậy ? Vì con đường nầy đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là, kẻ nam, người nữ không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp nầy có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam, người nữ có nhiều của cải ? Nếu có kẻ nam, người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí; người ấy bố thí cho Sa-môn, Phạm chí và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin, những thứ như đồ ăn, thức uống, áo quần, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chông, đèn dầu và tôi tớ; thì người ấy thọ nhận nghiệp nầy, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến đến chỗ lành, sanh vào cõi trời, mãi kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhơn gian, có nhiều của cải. Vì sao vậy ? Vì con đường nầy đưa đến thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là, kẻ nam, người nữ làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp nầy có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam, người nữ có trí tuệ kém cỏi ? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc; nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy không thường

đến nơi đó hỏi đạo nghĩ rằng: “Thưa chư Tôn, thế nào là thiện ? Thế nào là không thiện ? Thế nào là tội ? Thế nào là không tội ? Thế nào là đẹp ? Thế nào là không đẹp ? Thế nào là trắng ? Thế nào là đen ? Trắng và đen từ đâu sanh ra ? Nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào ? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào ?” Giả sử có hỏi nhưng không thực hành; thì người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, mãn kiếp ở trong địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi. Vì sao vậy ? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam, người nữ không có thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam, người nữ có trí tuệ tốt đẹp ? Nếu có kẻ nam, người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩ rằng: “Thưa chư Tôn, thế nào là thiện ? Thế nào là không thiện ? Thế nào là tội ? Thế nào là không tội ? Thế nào là đẹp ? Thế nào là không đẹp ? Thế nào là trắng ? Thế nào là đen ? Trắng và đen từ đâu sanh ra ? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào ? Ý nghĩa của quả

báo vị lai là thế nào ?”, hỏi xong, lại thường thực hành; thì người ấy thọ nghiệp nầy, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp. Vì sao vậy ? Vì con đường nầy đưa đến thọ báo trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là, kẻ nam, người nữ thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp nầy có quả báo như vậy.

Ma-nạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoan thọ, tất chịu đoan thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi hạ tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi hạ tiện. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải.

Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị trí tuệ kém cỏi. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.

Này Ma-nạp, đó là những điều mà Ta đã nói từ trước rằng: “Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, nương nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.”

Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, con đã hiểu; bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, quy y Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ nay trọn đời. Con tự quy y cho đến mạng chung.

Bạch đức Thế Tôn, bắt đầu ngày nay mong Ngài vào nhà Đô-đề như vào nhà Ưu-bà-tắc khác tại Xá-vệ để cho nhà Đô-đề được lợi nghĩa, được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.

Đức Phật thuyết như vậy, Ma-nạp Oanh Vũ Đô-đề Tử và vô lượng đại chúng Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Tam-di-đề cũng trú ở thành Vương Xá trong Thiên thất vô sự. Lúc ấy đệ học Bộ-la-đa Tử sau giờ trưa, ung dung đi đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề, cùng chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên và hỏi:

— Nay Tôn giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, Ngài cho phép chăng ?

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

— Nay Hiền giả Bộ-la-đa Tử, muốn hỏi xin tùy ý, tôi nghe xong, sẽ suy nghĩ.

Đệ học Bộ-la-đa Tử bèn hỏi:

— Này Tôn giả Tam-di-đê, tôi đối diện đức Sa-môn Cù-đàm mà nghe, tôi đối diện đức Sa-môn Cù-đàm mà ghi nhận rằng: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng; chỉ có ý nghiệp là chơn thật. Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn cảm giác.”

Tôn giả Tam-di-đê đáp:

— Này Hiền giả Bộ-la-đà Tử, Ngài chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng đức Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như vậy. Hiền giả Bộ-la-đà Tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: “Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta nói không phải là không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác nghiệp đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.”

Dị học Bộ-la-đà Tử ba lần nhắc lại câu ấy với Tôn giả Tam-di-đê: “Này Tôn giả Tam-di-đê, tôi đối diện Sa-môn Cù-đàm mà nghe, tôi đối diện Sa-môn Cù-đàm mà ghi nhận rằng: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng, chỉ có ý nghiệp là chơn thật. Hoặc có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó, không còn có cảm giác”” Tôn giả Tam-di-đê cũng ba lần đáp: “Này Hiền giả Bộ-la-đà Tử, Ngài chớ có nói

như vậy, chớ có phỉ báng đức Thế Tôn, phỉ báng đức Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả Bộ-la-đà Tử đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: "Nếu có ai cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta nói, không phải là không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo."

Dị học Bộ-la-đà Tử hỏi:

— Nay Tôn giả Tam-di-đề, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, phải thọ báo gì ?

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

— Nay Hiền giả Bộ-la-đà Tử, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, tất thọ quả báo khổ.

Dị học Bộ-la-đà Tử lại hỏi:

— Nay Tôn giả Tam-di-đề, Ngài học đạo trong Pháp, Luật này đã bao lâu rồi ?

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

— Nay Hiền giả Bộ-la-đà Tử, tôi học đạo trong Pháp, Luật này mới có ba năm.

Lúc ấy dị học Bộ-la-đà Tử bèn suy nghĩ rằng: "Tỳ-kheo niên thiếu mà vẫn có thể bảo hộ Tôn sư

như vậy, hướng nữa là vị Thượng tôn cự học.” Rồi đệ học Bộ-la-đà Tử nghe Tôn giả Tam-di-đề nói, không cho là phải, cũng không cho là quấy, rời chỗ ngồi, lắc đầu mà đi.

Lúc bảy giờ, Tôn giả Đại Châu-na, cách chỗ nghỉ của Tôn giả Tam-di-đề không xa. Tôn giả Đại Châu-na nghe cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề với đệ học Bộ-la-đà Tử, ghi nhớ tất cả, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong, rồi ngồi xuống một bên, và đem những lời thảo luận của Tôn giả Tam-di-đề và đệ học Bộ-la-đà Tử thuật lại hết cho Tôn giả A-nan nghe. Tôn giả A-nan nghe xong, bảo rằng:

— Này Hiền giả Châu-na, như câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp đức Phật và trình bày lên Thế Tôn. Tôn giả Châu-na, chúng ta hãy cùng đến nơi Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn tất cả nghĩa này. Hoặc như đây, chúng ta được nghe những pháp nào khác của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Châu-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Châu-na cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên. Lúc đó, Tôn giả A-nan nói:

— Này Hiền giả Châu-na, Hiền giả nên nói đi ! Hiền giả nên nói đi !

Bấy giờ Thế Tôn hỏi:

— Này A-nan, Tỳ-kheo Châu-na muốn nói điều gì ?

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sẽ nghe hết câu chuyện.

Rồi Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầu đuôi câu chuyện giữa Tôn giả Tam-di-đề và đệ học Bộ-la-dà Tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, hãy coi Tỳ-kheo Tam-di-đề là người mê mờ không biết đạo lý. Vì sao ? Vấn đề đệ học đạo Bộ-la-dà Tử hỏi là không xác định, mà Tỳ-kheo Tam-di-đề, người mê mờ kia lại trả lời một chiều.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề nhơn việc nầy mà trả lời rằng: “Có cảm thọ, đó là cảm thọ khổ”, thì có lỗi gì ?

Đức Thế Tôn trách Tôn giả A-nan:

— Coi kìa, Tỳ-kheo A-nan cũng không biết đạo lý. Này A-nan, Tam-di-đề mê mờ ấy, kẻ đệ học Bộ-

la-đà Tử kia muốn hỏi tất cả cảm thọ: khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. A-nan, nếu Tam-di-đê mê mờ ấy được dị học Bộ-la-đà Tử hỏi, nên đáp như vậy: “Này Hiền giả Bộ-la-đà Tử, nếu cố ý tạo lạc nghiệp, khi tạo tác đã thành sẽ thọ lạc báo. Nếu cố ý tạo khổ nghiệp, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ khổ báo. Nếu cố ý tạo nghiệp không khổ không lạc, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ báo không khổ không lạc.” Này A-nan, nếu Tam-di-đê mê mờ ấy được dị học Bộ-la-đà Tử hỏi, và đáp như vậy, thì dị học Bộ-la-đà Tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đê mê mờ ấy, huống nữa, lại có thể hỏi đến chuyện như vậy ? Này A-nan, nếu Thấy muốn nghe Thế Tôn nói Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp, đối với Như Lai lại càng tăng thượng tâm tính, được sự hy.

Bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp, các Tỳ-kheo nghe xong, sẽ ghi nhớ kỹ.

Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho Thấy.

Tôn giả A-nan bạch:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Nay A-nan, ở đây, có trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ lành, sanh vào cõi trời.

Này A-nan, lại có trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ, sự thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục.

Này A-nan có trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung họ đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục.

Này A-nan, có trường hợp có người từ bỏ sát

sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời.

Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: “Không có thân ác hành cũng không có quả báo của thân ác hành; không có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành. Vì sao ? Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về cõi lành, sanh vào cõi trời. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, tất cả những người ấy, khi thân hoại

mạng chung, nhất định đều đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến, ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà.” Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến, rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối”.

Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ, thủ hộ này khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn ác, sanh vào địa ngục ! Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: “Không có thân diệu hạnh, cũng không có quả báo của thân diệu hạnh, không có khẩu và ý diệu hạnh, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh. Vì sao ? Ta thấy kẻ kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung họ lại đi về chốn ác, sanh vào địa ngục. Nếu có trường hợp khác giống như vậy: từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung; đều đi về cõi ác, sanh vào địa ngục. Ai thấy như

vậy gọi là chánh kiến, thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà.” Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến, rồi nói một cách cố chấp và một một chiều: “Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.”

Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ, không từ bỏ này, khi thân hoại mạng chung họ đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chúng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: “Có thân ác hành, cũng có quả báo của thân ác hành; có khẩu, ý ác hành cũng có quả báo của khẩu, ý ác hành. Vì sao ? Ta thấy kẻ kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, tất cả những người ấy, khi thân hoại mạng chung, đều đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục.

Ai thấy như vậy là chánh kiến, ai thấy khác, trí họ đi về nào tà.” Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.”

Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: “Có thân diệu hạnh, cũng có quả báo của thân diệu hạnh; có khẩu, ý diệu hạnh, cũng có quả báo của khẩu, ý diệu hạnh. Vì sao ? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này khi thân hoại mạng chung họ đi về chốn lành sanh vào cõi trời. Nếu có trường hợp khác tương tự như vậy: từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tất cả những người ấy, khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về nẻo lành, sanh vào cõi trời. Ai thấy như vậy là chánh kiến, ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà.” Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến,

rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây mới là chơn thật, ngoài ra đều hư dối.”

Này A-nan, ở trong đó, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí chúng được thiên nhãn, nói như thế này: “Không có thân ác hạnh, cũng không có quả báo của thân ác hạnh; không có khẩu, ý ác hạnh, cũng không có quả báo khẩu, ý ác hạnh”; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói như thế này: “Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời”; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói như vậy: “Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: những người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, thì tất cả những người ấy, khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chốn lành, sanh vào cõi trời”; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Ai thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác, trí đi về nẻo tà”; Ta không đồng ý với vị ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây mới là

chân thật, ngoài ra đều hư dối”; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao ? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó.

Này A-nan, trong đó, nếu có Sa-môn Phạm chí chúng được thiên nhân, thành tựu thiên nhã, nói thế này: “Không có thân diệu hạnh, cũng không có quả báo của thân diệu hạnh; không có khẩu, ý diệu hạnh, cũng không có quả báo của khẩu, ý diệu hạnh”; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về nẻo ác, sanh trong địa ngục”; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Những trường hợp khác tương tự như vậy: có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ thủ hộ này, tất cả những người ấy, khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục”; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Thấy như vậy là chánh kiến, thấy khác, trí của họ đi về nẻo tà”; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến, rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối”; Ta cũng không

đồng ý với vị ấy. Vì sao ? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó.

Này A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như vậy: “Có thân ác hạnh, cũng có quả báo của thân ác hạnh; có khẩu, ý ác hạnh, cũng có quả báo của khẩu, ý ác hạnh”; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục”; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Những trường hợp khác tương tự như vậy: những người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ, không thủ hộ này, tất cả những người ấy, khi thân hoại mạng chung, đều đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục”; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói rằng: “Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác, trí kẻ ấy đi về nẻo tà”; Ta không đồng ý với vị ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến, rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối”; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao ? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó.

Này A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chúng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như thế này: “Có thân diệu hạnh, cũng có quả báo thân diệu hạnh; có khẩu, ý diệu hạnh, cũng có quả báo khẩu, ý diệu hạnh”; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời”; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: “Nếu có những trường hợp khác tương tự: những người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, tất cả những người ấy, khi thân hoại mạng chung, đều đi về chốn lành, sanh vào cõi trời”; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói; “Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ kia đi về nẻo tà”; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến, rồi nói một cách cố chấp và một chiều: “Đây là chân thật, ngoài ra đều hư dối”; Ta cũng không đồng ý với họ. Vì sao ? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó.

A-nan, nếu trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ

bồ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Người đó trước kia hoặc đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ cho nên người đó ở trong đời hiện tại thọ báo đã xong, họ sanh về nơi kia. Hoặc do hậu báo, cho nên họ không vì nhon này, duyên này, khi thân hoại mạng chung vẫn đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự từ bỏ và thủ hộ chưa tiêu hết nên được thọ báo ở chốn lành; họ do nhon này, duyên này, cho nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành sanh vào cõi trời. Hoặc khi chết khỏi thiện tâm, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với chánh kiến, họ nhờ nhân này, duyên này, nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

Này A-nan, nếu có trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc già, trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi do từ

bồ, do thù hận, cho nên người kia trong đời hiện tại thọ báo đã xong, sanh về nơi đó. Hoặc do hậu báo, nên họ không vì nhơn này, duyên này mà khi thân hoại mạng chung đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do không từ bỏ, không thù hận chưa tiêu hết nên phải thọ báo ở địa ngục. Họ do nhơn này, duyên này mà khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc khi chết họ sanh tâm bất thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng tà kiến, do nhơn này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ không thù hận này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Họ do chính nhơn này, duyên này, nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ, không thù hận chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục. Họ do nhơn này, nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục.

Hoặc khi chết họ sanh tâm bất thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với tà kiến, do nhân này, duyên này, nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. A-nan Như Lai biết người kia là như vậy.

Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và sự thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Họ nhờ chính nhân này, duyên này, nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi nhờ từ bỏ thủ hộ chưa tiêu hết nên được thọ báo quả này. Họ nhờ nhân này, duyên này, nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc lúc chết họ sanh tâm thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với chánh kiến, do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

Lại nữa, có bốn hạng người: hoặc có người không có mà giống như có, hoặc có mà như không có, hoặc không có mà giống như có, hoặc có giống như có. Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài: hoặc

xoài không chín mà giống như chín, hoặc chín mà giống như không chín, hoặc không chín giống như không chín, hoặc chín giống như chín. Như vậy, A-nan, bốn thứ xoài được thí dụ với người: hoặc có người không có mà giống như có, hoặc có mà giống như không có, hoặc không có mà giống như không có, hoặc có giống như có.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

HẾT TẬP III

MỤC LỤC

KINH TRUNG A HÀM – Tập III

XI. PHẨM ĐẠI

117.	KINH NHU NHUYỄN	11
118.	KINH LONG TƯỢNG	17
119.	KINH THUYẾT XỬ	23
120.	KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG	29
121.	KINH THỈNH THỈNH	33
122.	KINH CHIÊM-BA	41
123.	KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC	49
124.	KINH BÁT NẠN	61
125.	KINH BẦN CÙNG	67
126.	KINH HÀNH DỤC	75
127.	KINH PHƯỚC ĐIỀN	83
128.	KINH ƯU-BÀ-TẮC	85
129.	KINH OÁN GIA	95
130.	KINH GIÁO ĐÀM-DI	103
131.	KINH HÀNG MA	117
132.	KINH LẠI-TRA-HÒA-LA	135
133.	KINH ƯU-BA-LY	171
134.	KINH THÍCH VẤN	207

135.	KINH THIÊN SANH	249
136.	KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI	273
137.	KINH THẾ GIAN	293
138.	KINH PHƯỚC	297
139.	KINH TỨC CHỈ ĐẠO	305
140.	KINH CHỈ BIÊN	309
149.	KINH DỰ	313

XII. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần trên)

142.	KINH VŨ THẾ	319
343.	KINH THƯƠNG-CA-LA	339
144.	KINH TOÁN-SỐ-MỤC-KIÊN LIÊN	351
145.	KINH CÙ-MẶC MỤC-KIÊN-LIÊN	363
146.	KINH TƯỢNG TÍCH DỰ	381
147.	KINH VĂN ĐỨC	397
148.	KINH HÀ KHỔ	405
149.	KINH HÀ DỤC	415
150.	KINH UẤT-SÁU-CA-LA	419
151.	KINH A-NHIẾP-HÒA	439

XIII. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần dưới)

152.	KINH ANH VŨ	465
153.	KINH TU-NHÀN-ĐỀ	491

154.	KINH BÀ-LA-BÀ-ĐƯỜNG	513
155.	KINH TU-ĐẠT-ĐA	539
156.	KINH PHẠM BA-LA-DIÊN	549
157.	KINH HUỠNH LÔ VIÊN	557
158.	KINH ĐẦU-NA	567
159.	KINH A-GIÀ-LA-HA-NA	576
160.	KINH A-LAN-NA	583
161.	KINH PHẠM MA	601

XIV. PHẨM CĂN BẢN PHÂN BIỆT

162.	KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI	637
163.	KINH PHÂN BIỆT LỤC XỨ	653
164.	KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP	665
165.	KINH ÔN TUYẾN LÂM THIÊN	681
166.	KINH THẤT TRUNG THUYỀN THẤT TÔN	697
167.	KINH A-NAN THUYẾT	709
168.	KINH Ý HÀNH	715
169.	KINH CÂU-LÂU-SÁU VÔ TRÁNH	723
170.	KINH ANH VÔ	739
171.	KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP	759

Hết Tập III TRUNG A-HÀM

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

KINH TRUNG A-HÀM
TẬP III

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Thượng tọa THÍCH CHƠN THIỆN
Cư sĩ VÕ ĐÌNH CƯỜNG

Biên tập và sửa bản in:
Cư sĩ TRẦN TUẤN MÂN
Đại đức THÍCH THANH HÒA

Kỹ thuật và thực hiện:
Cư sĩ TÂM DUNG

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:
716 Nguyễn Kiệm - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 443416

Sắp chữ điện tử và in 4000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 tại XÍ NGHIỆP IN GIA
ĐÌNH, số 9D Nơ Trang Long - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh. Giấy phép
số 81/CXB do Cục Xuất bản cấp ngày 11-5-1992. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 1 năm 1993.

